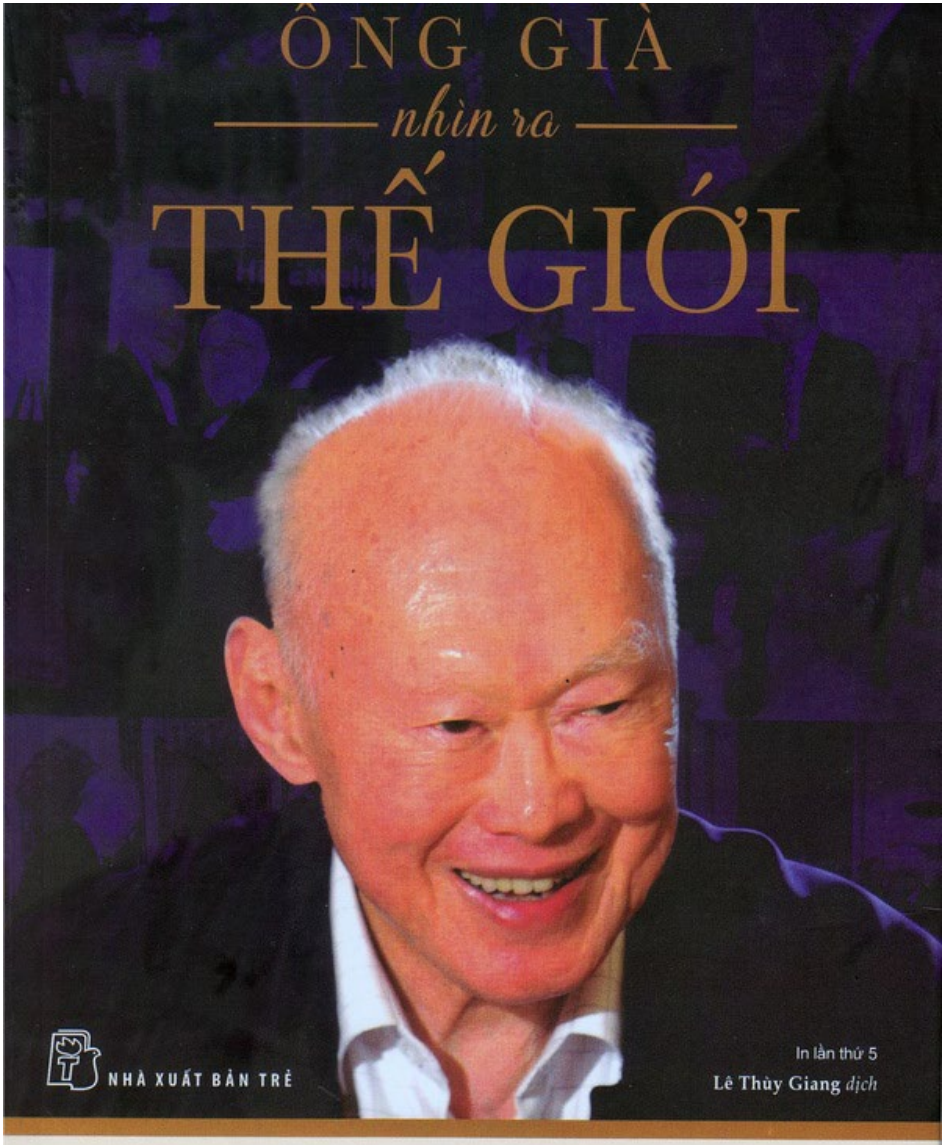
ÔNG GIÀ *nhìn ra* THẾ GIỚI



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

In lần thứ 5

Lê Thủy Giang *dịch*

LÝ QUANG DIÊU

LÝ QUANG DIỆU

Lê Thùy Giang ***dịch***

ÔNG GIÀ nhìn ra THẾ GIỚI

ONE MAN'S VIEW OF THE WORLD

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

ÔNG GIÀ NHÌN RA THẾ GIỚI

Với những phân tích mới mẻ và thẳng thắn về nhiều vấn đề mang tính toàn cầu, Ông già nhìn ra thế giới thể hiện những hiểu biết sắc bén mà các nhà lãnh đạo trên thế giới tìm kiếm ở Lý Quang Diệu suốt nửa thế kỷ qua.

— Tiến sĩ Henry A. Kissinger, Ngoại trưởng Hoa Kỳ (1973-1977)

Hiểu biết sâu rộng và phân tích sắc bén của Lý Quang Diệu về khu vực Đông Bắc Á và về toàn thế giới lại một lần nữa chứng minh lý do ông được coi là bậc trưởng lão số một của thời đại chúng ta. Trong một thế giới biến đổi nhanh và đầy rẫy những thách thức khó lường, Lý Quang Diệu là tiếng nói kiên định của lý trí, của sáng suốt và của hy vọng.

— Lee Myung-bak, Tổng thống Hàn Quốc (2008-2013)

Lý Quang Diệu đưa ra một phân tích sắc sảo và thuyết phục, chỉ rõ những hậu quả của việc thay đổi cán cân quyền lực không tránh khỏi giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc. Ngoài ra, ông còn nêu lên viễn cảnh "tự ly tâm" của châu Âu nếu các nhà chính trị khu vực này không có những bước đi hợp lý. Với tầm nhìn xa trông rộng và sự từng trải chính trị, *Ông già nhìn ra thế*

giới là cuốn cẩm nang giá trị giúp ta hiểu được những phức tạp của thế giới thế kỷ 21.

— Helmut Schmidt, Thủ tướng Đức (1974-1982)

Những phân tích sâu sắc trong *Ông già nhìn ra thế giới* được rút ra từ những năm tháng kinh nghiệm của Lý Quang Diệu, một chính trị gia khả kính, và từ cuộc đời đầy những thành tựu trong hoạt động quốc tế của ông.

— Yasuhiro Nakasone, Thủ tướng Nhật Bản (1982-1987)

Giống như nhiều nhà lãnh đạo khác, tôi vẫn thường tìm đến những lời khuyên thông thái - và luôn luôn thẳng thắn - của Lý Quang Diệu, không chỉ về những sự kiện ở châu Á, mà còn trên toàn thế giới. Ham muốn học hỏi, phân tích sâu sắc cộng tầm nhìn chiến lược đã giúp ông biến Singapore trở thành một quốc gia độc nhất vô nhị trên thế giới. Ông già nhìn ra thế giới là một tác phẩm mà các nhà lãnh đạo tương lai sẽ đánh giá cao vì sự uyên thâm và tầm hiểu biết của nó về bản chất con người.

— George H.w. Bush, Tổng thống Hoa Kỳ (1989-1993)

Những nhận định và lời khuyên thông thái mà Lý Quang Diệu đưa ra phản ánh sự uyên thâm tích lũy từ những tháng năm

dài đầy ắp sự kiện mà ông đã trải nghiệm. Quan trọng nhất là cách ông lý giải tầm ảnh hưởng và vai trò trong tương lai của Trung Quốc khi mà nó sánh ngang với Hoa Kỳ. Những trang sách này sẽ giúp độc giả thấy rõ hơn hình thù của thế giới trong tương lai và chuẩn bị thích nghi với nó.

— James B. Bolger, Thủ tướng New Zealand (1990-1997)

Lý Quang Diệu lại một lần nữa cho thấy sự thông suốt trong suy nghĩ, sự hùng hồn trong lập luận, chiều sâu trong tư tưởng và sự thấu tình đạt lý khi diễn đạt. Thật là một tác phẩm đáng đọc!

— George p. Shultz, Ngoại trưởng Hoa Kỳ (1982-1989)

Sâu sắc, cặn kẽ, thấu suốt và nhìn xa trông rộng. Những đánh giá và phân tích của Lý Quang Diệu về thế giới đương đại và nhất là về tương lai của Singapore thực sự xuất sắc. Nó sẽ trở thành một quyển sách tham khảo cần thiết cho những ai muốn hiểu được cục diện thế giới hôm nay và mai sau.

— Tun Daim Zainuddin, Bộ trưởng tài chính Malaysia (1984-1991 và 1999-2001)

Tác phẩm này ra đời vào thời điểm mà thế giới đang trở nên bất ổn nhất. Các vấn đề lớn mà ông đề cập như Trung Đông, Trung Quốc, Hoa Kỳ và châu Âu vẫn luôn là những vấn đề khó

khăn và đầy thách thức, kể từ thời của ông cho đến thời của tôi.

— Lord Carrington, Tổng thư ký NATO (1984-1988)

Lý Quang Diệu không bao giờ né tránh các vấn đề mà luôn đối đầu trực diện với chúng, không ngại gọi đích danh chúng và chỉ trích không thương tiếc những lý do cho việc trì trệ của quốc gia mình. Ở những chỗ mà người khác dè dặt đưa ra quan điểm thì Lý Quang Diệu lại bộc trực và đi thẳng vào vấn đề. Không một chính khách hay bình luận viên nào có thể sánh với ông về chính sách thực dụng này

— Lord Charles Powell, thư ký riêng
cho thủ tướng Anh Margaret Thatcher
(1983-1990)

Tôi có cơ may được trò chuyện cùng ông trong nhiều năm và cứ mỗi lần như vậy, vốn hiểu biết của tôi lại giàu thêm. Kể cả khi có bất đồng với ông thì tôi cũng vẫn được lợi rất nhiều khi chịu lắng nghe những quan điểm của ông. Người Mỹ, người Trung Quốc và mọi dân tộc khác đều sẽ được lợi khi lưu tâm đến quan điểm của Lý Quang Diệu về thế giới.

— Tiến sĩ Joseph s. Nye, giáo sư xuất sắc trường
Harvard Kennedy, tác giả của cuốn sách nổi tiếng
Tương lai Quyền lực

ONE MAN'S VIEW OF THE WORLD by Lee Kuan Yew.

Originally published and distributed in the English language in 2013 by Straits Times Press Pte Ltd, Singapore Press Holdings, 1000 Toa Payoh North, News Centre, Singapore 318994.

Bản tiếng Việt © Nhà xuất bản Trẻ, 2017.

Thông tin và quan điểm trình bày trong xuất bản phẩm này là của tác giả, không phản ánh quan điểm chính thức của nhà xuất bản.

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN DO THƯ VIỆN KHTH TP.HCM THỰC HIỆN
General Sciences Library Cataloging-in-Publication Data

Lý Quang Diệu, 1923-2015

Ông già nhìn ra thế giới / Lý Quang Diệu; Lê Thùy Giang dịch. - In lần thứ 5.

- T.P. Hồ Chí Minh: Trẻ, 2018.

328 tr.: 48 ứ. tranh ánh 23 cm.

Nguyên bản: One man's view of the world.

1. Lý Quang Diệu, 1923-2015 — Quan điểm chính trị và xã hội. 2. Lý Quang Diệu, 1923-2015 — Phỏng vấn. 3. Chính trị thế giới. 4. Singapore - Chính trị và chính quyền - Thế kỳ 21.1. Lê Thùy Giang, n. Ts. III. Ts: One man's view of the world.

959.57051092 — ddc 23

L981-D57

LÝ QUANG DIỆU
LÊ THÙY GIANG dịch

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng biên tập NGUYỄN MINH NHỰT

Phụ trách bản thảo: NGUYỄN PHAN NAM AN

Biên tập và sửa bản in: NGUYỄN QUANG KHẢI

Thiết kế bìa: NGUYỄN NGÔ THỦY TIÊN

Trình bày: NGUYỄN THỊ TUYẾT VÂN

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điên thoại: (028)39316289-39316211 -39317849-38465596

Fax: (028) 38437450

E-mail: hopthubandoc@nxbtre.com.vn

Website: www.nxbtre.com.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI
Địa chi: số 21, dãy All, khu Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: (024) 37734544

Fax: (024) 35123395

E-mail: chinhanhhanoi@nxbtre.com.vn

Công ty TNHH Sách điện tử Trẻ (YBOOK)
161B Lý Chính Thắng, p.7, Q.3, Tp. HCM

ĐT: (028) 35261001 - Fax: (028) 38437450

Email: info@ybook.vn

Website: www.ybook.vn

Khổ 15,5 X 23 cm. số: 876-2018/CXBIPH/101-41Tre

Quyết định xuất bản số: 214/QĐẠ-NXBT, ngày 04 tháng 04 năm 2018
In 1.500 cuốn, tại Công ty cổ phần In Khuyến học phía Nam
Địa chi: Lô B5-8 đường D4, KCN Tân Phú Trung, Củ Chi, Tp.HCM
In xong và nộp lưu chiểu Quý n năm 2018.

Tưởng nhớ Chi,
người vợ và người bạn đồng hành
của tôi.

MỤC LỤC

Lời nói đầu

Lời cảm ơn

1. TRUNG QUỐC — Chính thể uy quyền

2. HOA KỲ — Bất an nhưng vẫn dẫn đầu

3. CHÂU ÂU — Suy vi và Xích mích

4. NHẬT BẢN, TRIỀU TIÊN & ẤN ĐỘ

Nhật Bản — Sự hoàn hảo nhạt phai

Triều Tiên — Trò lừa thế kỷ

Ấn Độ — Kìm kẹp của chế độ đẳng cấp

5. ĐÔNG NAM Á

Malaysia — Một lối đi riêng

Indonesia — Rời xa khỏi trung ương

Thái Lan — Thường dân khuấy đảo

Việt Nam — Tư duy cố hữu

Myanmar — Khi tướng Lĩnh bẻ ghi

6. SINGAPORE — Giữa ngã ba đường

7. TRUNG ĐÔNG — Xuân qua mà hè chưa đến

8. KINH TẾ TOÀN CẦU - Tiếp theo là gì?

9. NĂNG LƯỢNG & BIẾN Đổi KHÍ HẬU -

Chuẩn bị cho viễn cảnh xấu nhất

10. ĐỜI SỐNG RIÊNG - Trước lúc ra đi

11. TRÒ CHUYỆN với cố nhân

LỜI NÓI ĐẦU

Thế giới đã thay đổi theo những cách không thể hình dung nổi trong vòng 100 năm qua. Khí còn là một đứa trẻ những năm 1920, tôi phải đi xe bò mất một giờ mới hết đoạn đường ba cây số từ Bedok tới đồn điền cao su của ông nội tôi ở Chai Chee.

Cách chúng ta giao tiếp với nhau hôm nay thậm chí càng đáng ngạc nhiên hơn. Khi còn là một sinh viên ở Singapore thập niên 30, những hôm thứ Năm và thứ Sáu hằng tuần, tôi thường phải ngồi đợi tàu mới mua được những tờ báo yêu thích mà con tàu khởi hành từ nước Anh năm, sáu tuần trước mang đến. Ngày nay, thư tín chở bằng máy bay chỉ còn vài giờ là đã đến nơi. Nhưng có mấy ai để tâm đến điều đó nữa khi tin nhắn điện thoại và email bằng Internet giúp người ta giao tiếp dễ dàng và nhanh chóng với tốc độ ánh sáng.

Lúc đó, tôi đâu có ngờ tới những thay đổi này, nói chi đến dự đoán được đất nước Singapore đổi thay ra sao.

Thế giới này sẽ còn ra sao trong 50 năm nữa? Không ai

nói trước được điều gì ngoại trừ việc chắc chắn rằng tốc độ thay đổi sẽ còn diễn ra nhanh hơn so với nửa thế kỷ vừa qua.

Nếu một số xu hướng đang xảy ra sẽ tiếp tục dòng chảy của nó thì chúng ta sẽ dễ dự đoán tình hình trong 15 hay 20 năm nữa hơn. Tuy nhiên điều đó thật khó khăn vì tương lai luôn đầy rẫy những bất định.

Quyển sách này phản ánh quan điểm của tôi về thế giới và những lực lượng chiếm ưu thế trong tương lai gần. Hiểu đúng được những gì đang xảy ra hôm nay và tại sao nó lại xảy ra là điều kiện tiên quyết để dự cảm được tương lai sẽ hé lộ điều gì. Hiểu biết của tôi dựa trên những quan sát và gặp gỡ với nhiều người trong vòng 50 năm làm việc, là khoảng thời gian tôi điều hành chính sách đối ngoại của Singapore và gặp nhiều nhân vật chủ chốt liên quan trực tiếp tới các vấn đề toàn cầu lúc đó.

Hai quốc gia nổi trội có những hành động và quyết định ảnh hưởng lớn nhất tới thế giới là Hoa Kỳ và Trung Quốc. Nhưng Singapore cũng cần mở rộng mối liên kết với càng nhiều quốc gia càng tốt — như châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc, các quốc gia Đông Nam Á, Ấn Độ và Trung Đông. Tôi đã viết về các vấn đề chính mà mỗi quốc gia phải đối mặt và tương lai của họ có thể diễn ra như thế nào.

Singapore phải chấp nhận thế giới như nó vốn có bởi vì đất nước tôi quá nhỏ để có thể thay đổi cục diện. Nhưng chúng tôi có thể cố gắng tối đa hóa khoảng không gian giúp đất nước có thể lèo lái giữa những "cây đa cây đề" trong khu vực. Điều

đó đã và đang là cách tiếp cận của chúng tôi và chúng tôi phải nhanh nhẹn và linh hoạt để có thể tiếp tục làm thế.

Về mặt đối nội, có ba nhân tố tạo nên câu chuyện thành công của Singapore — biến đất nước này trở thành nơi an toàn nhất để sinh sống và làm việc, đối xử bình đẳng với mỗi công dân và đảm bảo thành công lâu dài cho mỗi thế hệ người dân Singapore.

Không có ba nhân tố cơ bản mà chúng tôi đã xây dựng suốt nhiều năm tháng này, chúng tôi sẽ đánh mất lợi thế hiện tại. Các nhà đầu tư, cả trong lẫn ngoài nước, cần phải cảm thấy tự tin khi đầu tư vào Singapore. Ba yếu tố này đảm bảo cho lợi nhuận của họ luôn bền vững trong tương lai. Nếu không hội nhập và liên kết toàn cầu theo cách này, chúng tôi sẽ bị vòng quay thế giới gạt ra rìa không thương tiếc.

LỜI CẢM ƠN

Quyển sách này sẽ không thể ra đời nếu thiếu sự giúp đỡ của đội ngũ biên tập của báo Straits Times, bao gồm Han Fook Kwang, Elgin Toh, Zuraidah Ibrahim, Chua Mui Hoong và Shashi Jayakumar (một nhân viên hành chính được cử đi học ở Trường chính sách công Lý Quang Diệu). Họ là những người cung cấp tài liệu nghiên cứu và biên tập, đồng thời tiến hành một loạt những cuộc phỏng vấn tôi, các trích đoạn phỏng vấn đó được trình bày trong mỗi chương sách.

Tôi cũng gửi lời cảm ơn tới trợ lý đặc biệt của tôi Anthony Tan, thư ký báo chí Yeong Yoon Ying và nhân viên của các văn phòng hỗ trợ đã giúp quyển sách này được hoàn thành thuận lợi và đúng tiến độ

1

TRUNG QUỐC

Chính thể uy quyền

TRUNG QUỐC

CHÍNH THỂ UY QUYỀN

Để hiểu và dự đoán Trung Quốc sẽ ra sao trong hai mươi năm tới, ta cần phải am tường con người và xã hội của đất nước này. Suốt chiều dài ngàn năm lịch sử, người Trung Hoa vẫn tin rằng đất nước chỉ được an bình khi có một chính quyền lãnh đạo trung ương tuyệt đối quyền uy. Một chính quyền trung ương bạc nhược đóng nghĩa với rối ren và loạn lạc, còn nếu nó uy quyền thì sẽ đưa đến một Trung Quốc hòa bình và thịnh vượng. Mọi người Trung Hoa đều thầm nhuần tư tưởng này và đó cũng là niềm tin có tính nguyên tắc được rút ra từ những bài học thực tiễn và lịch sử mà chính họ đã trải nghiệm. Có lẽ trong tương lai gần, người Trung Hoa vẫn trung thành với lối suy nghĩ này và não trạng đó đã tồn tại hàng

ngàn năm trước khi chủ nghĩa cộng sản được gieo mầm nơi đây.

Không ít người phương Tây muốn thấy Trung Quốc trở thành một quốc gia dân chủ theo kiểu phương Tây, nhưng kỳ vọng này không có cơ sở thực tiễn chút nào. Với cái nhìn định kiến về thế giới, người Mỹ cứ nhất nhất cho rằng một đất nước sẽ không thể thành công nếu thiếu một nền dân chủ đại nghị đại loại là tổng thống và quốc hội được bầu cử phổ thông đầu phiếu và cứ vài năm lại phải bầu lại một lần. Người Trung Quốc thì chưa bao giờ có một truyền thống đó. Là chủ nhân một lãnh thổ rộng lớn có 1,3 tỷ dân với một nền văn hóa đặc trưng và một lịch sử khác biệt, người Trung Hoa sẽ đưa đất nước phát triển theo con đường riêng của mình.

Vào mùa thu năm 2011, bạo động nổ ra tại một làng chài ở Ô Khảm, tỉnh Quảng Đông mà nguyên do là nông dân mất đất vào tay các công ty bất động sản có sự "bảo kê" của các quan chức địa phương. Lợi nhuận từ những thương vụ mua bán đất đai này rơi vào tay các công ty và các quan chức

này và khiến nông dân bức xúc. Cuộc biểu tình ban đầu chỉ diễn ra trên quy mô nhỏ do vài trăm nông dân bất mãn tổ chức vào tháng 9 nhưng nó đã bùng phát thành một cuộc bạo động quy mô lớn vào tháng 12 sau khi một người biểu tình bị chết trong lúc bị công an bắt giữ. Chỉ trong vài ngày đã có gần 20.000 dân làng tham gia cuộc bạo động, đuổi các quan chức ra khỏi làng, dựng rào chắn đường, vũ trang thô sơ, và yêu cầu trả lại đất canh tác. Cho dù trên các phương tiện truyền thông Trung Quốc tuyệt nhiên không xuất hiện bất kỳ tin tức nào về vụ việc ở Ô Khảm nhưng vẫn có nhiều người Trung Quốc biết chuyện xảy ra qua những nguồn tin nước ngoài và trên Internet. Cuối cùng, phó bí thư tỉnh ủy Quảng Đông được phái đến để thương lượng với những người biểu tình nhằm dàn xếp vụ việc. Chính quyền đã phải công nhận dân làng khiếu kiện đúng, một phần đất đai được trả lại, những người bị bắt giữ trong những cuộc biểu tình trước đó được thả. Sau đó, người ta cho tiến hành bầu cử tự do thông qua hình thức bỏ phiếu kín. Một thủ lĩnh của phong trào biểu tình đã giành được chiến

thắng áp đảo và trở thành trưởng làng mới. Ô Khảm trở thành niềm khích lệ cho những ai đang hy vọng được chứng kiến cải cách dân chủ ở Trung Quốc.

Chúng ta biết nhiều vụ biểu tình tương tự cũng đang xảy ra hằng ngày tại những địa phương khác của Trung Quốc và một số người vội cho rằng chúng là bằng chứng cho thấy một chính quyền Trung Quốc đang suy yếu. Tuy nhiên, có một thực tế là không có bất cứ một vụ việc nào trên đây được phép lan rộng thành một phong trào toàn quốc và sự kiện Ô Khảm là một minh chứng cho điều này. Đảng Cộng sản đã cử hẳn một phó bí thư Quảng Đông đứng ra hòa giải là đã lập lại được trật tự.

Ô Khảm cho chúng ta hai bài học. Thứ nhất, đó là Đảng Cộng sản vẫn nắm quyền lực tuyệt đối trong tay và vẫn kiểm soát được tình hình nếu có biến động. Thứ hai, đó là đảng biết kết hợp cả những biện pháp cứng rắn lẫn ôn hòa để trị an. Trước khi bất kỳ vụ việc nào tiềm ẩn nguy cơ leo thang, bộ máy an ninh đầy quyền lực của nhà nước có thể đàn áp mạnh tay để bóp chết vấn đề bất ổn

ngay từ trong trứng nước. Nhưng bộ máy đó cũng có thể đứng về phía dân làng để chống lại những quan chức địa phương tham nhũng. Thật quá thiển cận nếu coi Đảng Cộng sản chỉ là một bộ máy thư lại tham nhũng. Sự thật là trong suốt quá trình nổi dậy của mình, dân làng Ô Khảm vẫn rất cẩn thận trưng trên biểu ngữ của họ rằng họ vẫn ủng hộ Đảng Cộng sản và họ chỉ chống lại những quan chức địa phương tham nhũng mà thôi.

Đây là chiến lược quen thuộc mà những người biểu tình chống đối ở Trung Quốc vẫn áp dụng hàng ngàn năm nay. Cho rằng chống lại chính quyền trung ương đồng nghĩa với cái chết nhãn tiền, nên họ chỉ chống đối những việc làm sai trái của các quan chức địa phương trong khi vẫn tuyên bố trung thành với chính quyền trung ương. Không ai dám thách thức thiên triều trừ phi họ quyết đi đến tận cùng con đường tranh đấu và giành quyền kiểm soát cả đất nước, mà điều này có khác chi nằm mơ giữa ban ngày.

THAY ĐỔI CHÍNH TRỊ

Sự tái xuất của Trung Quốc với tư cách là một cường quốc trên vũ đài quốc tế là một trong những sự kiện kịch tính nhất thời đại chúng ta. Với sự tăng trưởng kinh tế phi thường, phát triển trên một phạm vi chưa từng có trong lịch sử nhân loại mà 40 năm trước khó ai có thể hình dung, sự lớn mạnh của đất nước này chắc chắn sẽ tiếp diễn trong vài thập kỷ tới với dự báo đến 2020 sẽ có GDP cao nhất thế giới. Sự vươn dậy của dân tộc này cũng đáng nể không kém, từ một dân tộc đơn điệu và nhạt nhòa chuyển mình thành một dân tộc hội nhập mạnh mẽ với những mối quan tâm mang tính toàn cầu.

Về mặt quân sự, Trung Quốc sẽ có những bước tiến dài về phát triển công nghệ và năng lực giúp cho quốc gia này phô diễn sức mạnh của mình. Hiện tại thì người Mỹ vẫn còn có thể đến cách bờ biển Trung Quốc chỉ 12 hải lý mà ngó nghiêng nhưng rồi sớm muộn sẽ bị người Trung Hoa tống cổ ra khỏi giới hạn đó. Rồi sau đó, Trung Quốc sẽ đẩy người Mỹ ra xa khỏi vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lý và cấm bén mảng để do thám trong bán kính 200 hải lý vùng duyên hải phía đông nước

này.

Tôi cảm nhận cán cân quyền lực thế giới đang thay đổi. Trong vòng 20 đến 30 năm tới, tham vọng của Trung Quốc là hiện diện ngang hàng cùng các cường quốc khác tại các hội nghị thượng đỉnh thế giới. Suy cho cùng thì đất nước này không phải là một cường quốc mới mà nó là một cường quốc xa xưa đang hồi sinh. Và tôi tin rằng ý định của Trung Quốc là trở thành cường quốc mạnh nhất trên thế giới.

Không một hệ thống chính trị nào có thể bất biến và một khi sự thay đổi đang diễn ra khắp đất nước thì nền chính trị của Trung Quốc cũng phải thay đổi theo. Trong đời mình, một trong những điều khiến tôi kinh ngạc đó là làm thế nào mà hệ thống Xô Viết lại có thể sinh ra một Mikhail Gorbachev, một người tốt nghiệp trường luật, quyết định rằng hệ thống ông ta đang điều hành rất không ổn và cần phải cải tổ lại. Tôi không cho rằng điều này sẽ không lặp lại ở Trung Quốc.

Nhưng kể cả khi điều đó xảy ra thì nó cũng sẽ

không mang lại phổ thông đầu phiếu cho một đất nước Trung Quốc mới. Sẽ chỉ có sự thay thế một lớp lãnh đạo này bằng một lớp lãnh đạo khác mà thôi, bởi vì về mặt văn hóa lẫn lịch sử, người Trung Quốc vẫn tin rằng chỉ có một chính quyền trung ương uy quyền mới có thể đem lại hòa bình và thịnh vượng. Phổ thông đầu phiếu chưa từng hiện diện ở đất nước này cũng như chưa từng tạo ra được một Trung Quốc phồn thịnh và người Trung Hoa sẽ không liều mà thử.

Bất kể có bao nhiêu vụ Ô Khảm nổ ra thì trong trung hạn tôi vẫn không tin có cuộc nổi dậy nào lại đạt được thành công. Đúng là Trung Quốc đã từng có những cuộc nổi dậy do nông dân đứng đầu, hay còn gọi là *qiyi* (khởi nghĩa). Nhưng chúng thường chỉ xảy ra khi đời sống người dân trở nên cùng cực. Còn hiện tại đời sống của dân thường đang ngày càng tốt lên và đã như vậy thì họ cần cách mạng làm gì? Họ ý thức sâu sắc rằng làm cách mạng nghĩa là phải trả giá bằng tất cả thành quả đã đạt được từ thời Đặng Tiểu Bình mở cửa đất nước. Cồn đối với lớp thanh niên, triển vọng kinh tế chưa

từng tốt hơn thế, mức sống được cải thiện hằng ngày và đất nước đang ngày một mạnh lên. Tôi không nghĩ họ muốn đảo ngược tình hình. Những lớp người lao động nông thôn thấp cổ bé họng không chiếm đa số và không có tổ chức thì lại mong muốn gia nhập tầng lớp trung lưu ở thành phố với hy vọng sẽ khấm khá hơn. Còn tầng lớp trung lưu thì lại nóng lòng củng cố địa vị. Sau đó thì có lẽ họ cũng muốn có tiếng nói mạnh mẽ hơn trong việc điều hành đất nước nhưng điều đó còn xa vời lắm. Khi mà hệ thống hiện tại vẫn còn cần biển đổi để thích ứng thì nó sẽ chưa thể đứng bên bờ vực của sự tan rã được, ít nhất là trong tương lai gần.

Những người ngoài cuộc không nên đánh giá thấp ý chí của chính phủ trung ương trong việc củng cố sức mạnh và quyền kiểm soát bởi nó vẫn nắm được thông tin và công nghệ hiện đại để kiểm soát xã hội sát sao và sẵn sàng bóp chết những nguy cơ bất ổn từ trong trứng nước. Sự xuất hiện của công nghệ hiện đại - Internet, iPhone, mạng xã hội - chắc chắn cũng gây khó khăn cho việc kiểm soát vì nó cho phép cộng đồng có thể giao tiếp với

nhau cùng lúc và những nhóm nhỏ có thể tập hợp thành những nhóm lớn hơn, nhưng sự kiểm soát của chính quyền không vì thế mà lơi lỏng. Chính quyền Trung Quốc sử dụng cả một đội quân các chuyên gia để theo dõi và kiểm duyệt những gì đang xảy ra trong không gian mạng. Thật ấn tượng khi thấy họ sẵn sàng đổ một nguồn nhân lực lớn để kiểm soát luồng thông tin. Và mặc dù một số công dân mạng đã tìm được nhiều cách sáng tạo để vượt qua được hệ thống kiểm soát mạng của chính phủ có tên Vạn lý Hỏa thành thì những phương pháp kiểm duyệt này nói chung vẫn có hiệu quả và chính quyền vẫn giám sát chặt chẽ hoạt động mạng. Lực lượng an ninh sẽ tháo bỏ bất kỳ thứ gì luồn lách qua những khe hở trên mạng, kiểm duyệt không gian này nhằm ngăn chặn khả năng lôi kéo và tổ chức quần chúng.

Khi đã tỏ tưởng về bức tranh toàn cảnh này rồi thì liệu chúng ta sẽ trông đợi loại hình cải cách chính trị nào ở Trung Quốc trong 10 đến 20 năm tới?

Hiện có không ít người thận trọng hướng đến

một mô hình chính phủ kiểu dân chủ tham chính*[1] mà điển hình là có thể cho phép đưa hình thức bầu cử trực tiếp đã có ở một số làng xã và ở một số cơ quan lập pháp cấp thấp chuyển dần lên các cấp cao hơn. Tuy nhiên cách tiếp cận này sẽ chỉ mang tính thử nghiệm đơn lẻ và diễn ra rất chậm chạp bởi như vậy chính quyển sẽ tránh được những kiểu tranh cử mà ai cũng có thể ứng cử với những kết quả không thể lường trước được. Chừng nào xã hội vẫn còn nằm trong vòng cương tỏa của họ thì hình thức thử nghiệm này vẫn có thể được phép. Suy cho cùng, họ không gặp phải bất cứ áp lực hay một động cơ mạnh mẽ nào để buộc phải có những thay đổi táo bạo hệ thống mà theo họ vẫn ổn.

Dân chủ trong nội bộ đảng là một khái niệm mà Đảng Cộng sản Trung Quốc rất nhiệt thành tìm hiểu. Đại hội Đảng lần thứ 17 đã cởi mở hơn rất nhiều so với đại hội thứ 16. Số ứng cử viên cho các chức vụ chủ chốt trong đảng đã nhiều hơn. Trong

[1] ** Quần chúng được tham gia rộng rãi vào các quyết định của nhà nước liên quan các vấn đề chính sách.*

quá khứ, các lãnh đạo tối cao như Mao Trạch Đông và Đặng Tiểu Bình sẽ chỉ định người kế nhiệm mình, tuy nhiên đến thời Hồ cẩm Đào thì điều đó không còn nữa.

Tinh thần dân chủ trong nội bộ đảng có thể được mở rộng ra nhiều phần khác trong hệ thống. Một cách để tiến hành điều này là cho phép những cuộc tranh cử có kiểm soát, có thể là tại cấp tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương giữa các ứng cử viên được đảng tán đồng. Họ có thể bắt đầu bằng cách cho ba đến bốn ứng viên đáng tin cậy tranh đua giành lấy một chức vụ quan trọng nào đó và phải có được sự ủng hộ của người dân thì mới được đề bạt chức vụ đó.

Dĩ nhiên, có những thứ nếu có thay đổi cũng sẽ diễn ra rất chậm và tôi không cho rằng họ sẽ từ bỏ quyền kiểm soát toàn diện và xuyên suốt trên mọi mặt quản trị quốc gia. Nạn tham nhũng cũng như việc thiếu nền pháp trị và các thiết chế điều hành quản lý cũng có khả năng tiếp tục là những điểm yếu cố hữu gắn liền với hệ thống quản trị quốc gia của Trung Quốc.

Nạn tham nhũng, vốn là vấn nạn thâm căn cố đế, đặc biệt sau khi Trung Quốc áp dụng cải cách thị trường thì lại càng tăng mạnh do lương của bộ trưởng và quan chức trở nên ít ỏi so với phần còn lại của xã hội đang phất lên nhanh chóng. Ngày nay, không có việc gì có thể tiến hành trơn tru ở Trung Quốc nếu thiếu *guanxi* - quan hệ. Anh tạo quan hệ bằng cách biếu xén quà cáp, giá trị lớn bé tùy vào tầm quan trọng của đối tượng anh muốn quen biết. Trên mọi lĩnh vực, mọi người đều muốn tạo quan hệ với một ai đó cấp cao hơn, và quan chức cấp cao đó lại muốn có quan hệ với ai đó vai vế còn lớn hơn nữa. Giả dụ anh là sếp tôi mà lại làm khó tôi thì tôi sẽ tạo quan hệ với sếp lớn của anh nữa để trị anh, đó là cách tôi giải quyết vấn đề. Đảng Cộng sản đã gọi việc chống tham nhũng là "cuộc đấu tranh tồn vong" của đảng.

Vấn để là liệu đảng có thể kiểm soát được tham nhũng? Liệu những nhân vật chóp bu có thể cố gắng giữ mình trong sạch? Tuy nhiên, tờ *New York Times* vào ngày 11/11/2012 đã truy ra được gia đình cựu thủ tướng Ôn Gia Bảo sở hữu khối tài sản

tới 2,7 tỷ đô la Mỹ. Tại cấp địa phương tôi không cho rằng họ có khả năng kiểm soát được tham nhũng. Tham nhũng không đánh sập được hệ thống nhưng nó sẽ khiến hệ thống trì trệ và không hiệu quả. Khi anh có những mối quan hệ có thể quyết định đến việc thăng tiến hay để bạt vào những chức vụ chủ chốt hay ảnh hưởng đến chính sách thi anh sẽ không thể tạo ra được sự tăng trưởng tối ưu cho bộ máy đang điều hành.

Một thứ khác cũng bám rễ sâu trong văn hóa Trung Quốc là cách làm việc không mấy lưu tâm đến pháp quyền và các thiết chế quản lý. Ở Singapore, chúng tôi đã chấp nhận rằng mình phải giống như phương Tây về vấn đề này - đó là để cho các cơ quan lập pháp quyết định cách diễn đạt của văn bản luật và rồi sau đó để cho các tòa án và quan tòa độc lập giải thích các văn bản luật đó. Nên Quốc hội có thể thông qua bất kỳ vàn bản luật nào nhưng một khi văn bản đó đã thông qua rồi thì nếu có tranh cãi phát sinh, anh không quay lại Quốc hội mà hỏi: “Ý ông viết vậy là sao?” Thay vào đó anh đi đến chỗ quan tòa để người này nói: “Tôi hiểu câu từ

này theo nghĩa sau, căn cứ theo các quy định chặt chẽ của việc giải thích văn bản dựa trên những tiền lệ đã có từ lâu."

Người Trung Quốc vẫn chưa chấp nhận chuyện này cũng như họ vẫn chưa chấp nhận khi ta ký một bản thỏa ước thì đó là quyết định cuối cùng. Đối với họ, bản thỏa ước chỉ là thứ bắt đầu một tình hữu nghị lâu dài, và cũng có khi, bạn hữu cũng phải làm rõ liệu một trong hai người có đang kiếm được quá nhiều tiền hơn người kia và cần phải nhả thêm ra cho người kia hay không.

Sự nhập nhằng này cũng được phản ánh trong cách họ nhìn nhận các thể chế. Ở Trung Quốc, con người quan trọng hơn chức vụ. Anh có thể là chủ tịch nước nhưng nếu không có ảnh hưởng tới quân đội thì trước sau anh chỉ là một chủ tịch nước trên danh nghĩa mà thôi. Trong khi đó ở Singapore, Anh, châu Âu hay Hoa Kỳ, nếu anh là tổng thống hay thủ tướng thì tướng lĩnh quân đội tự động nghe lệnh anh bởi vì chức vụ của anh quan trọng hơn con người anh. Liệu Trung Quốc có thể học theo Singapore - chứ chưa nói tới Hoa Kỳ - trong việc tạo

ra nền pháp quyền hay thiết chế quản lý?

Thực ra yêu cầu trên không dễ chút nào. Nó sẽ đòi hỏi một sự thay đổi căn bản trong ý thức của cả chính phủ lẫn nhân dân. Và do những khái niệm này đều vắng mặt trong văn hóa và lịch sử của Trung Quốc nên ta phải đặt câu hỏi: Những thứ này sẽ nảy sinh từ đâu?

Thay vào đó, tôi tin họ sẽ định đoạt lấy hệ thống của chính mình và thử nghiệm mọi mô hình có thể mà không cần pháp quyền và các thiết chế quản lý. Nhưng do những hạn chế này nên Trung Quốc sẽ không bao giờ vận hành ở mức mà tôi gọi là công suất tối đa - một trạng thái lý tưởng mà trong đó đất nước phát triển bền vững và ngày càng tiến lên.

Trung Quốc sẽ phát triển những thiết chế và hệ thống của mình, nhưng sẽ theo những cách rất đặc thù Trung Quốc. Tuy nhiên bất kể những cải cách đó là gì thì nó vẫn dựa trên một nền tảng bất biến: duy trì một chính quyền trung ương tuyệt đối uy quyền.

Hỏi: Nền kinh tế Trung Quốc đã và đang phát triển rất nhanh, nhưng về mặt chính trị thì những thay đổi diễn ra chậm hơn.

Đáp: Tôi nghĩ anh phải tìm lời giải thích trong văn hóa và lịch sử Trung Quốc. Trong lịch sử của minh, một trung ương vững mạnh đồng nghĩa với một quốc gia an bình. Một trung ương yếu kém đồng nghĩa với rối ren và loạn lạc. Và điều này xảy ra từ thời các lãnh chúa khi mỗi người tự làm luật cho mình. Nên sẽ khó có khả năng có bất kỳ thay đổi nào chệch ra khỏi nguyên tắc đó.

Hỏi: Liệu một đất nước Trung Quốc tập quyền mạnh có đồng nghĩa với một Đảng Cộng sản Trung Quốc mạnh?

Đáp: Với Đảng Cộng sản hiện tại, đúng, dĩ nhiên.

Hỏi: Nhưng các cấu trúc chính trị sẽ giữ nguyên.

Đáp: Các cấu trúc chính trị này đã có trước cả chủ nghĩa cộng sản. Có thành ngữ Trung Quốc thế này: *sơn cao hoàng đế viễn - núi thì cao, vua thì xa.* Người đứng đầu khu vực nào chính là hoàng đế khu vực đó. Và điều đó đã tồn tại hàng thiên niên kỷ.

Hỏi: Và ông tin rằng điều đó sẽ giữ nguyên trong thời gian tới bất chấp mọi thay đổi đã diễn ra?

Đáp: À, bây giờ thì chính quyền trung ương đã có trong tay trực thăng, Internet, điện thoại di động và có thể điều động nhanh lực lượng an ninh. Nhưng cái tư duy căn bản thì vẫn không thay đổi.

Hỏi: Thế với thế hệ trẻ thì sao, với khả năng tiếp cận thông tin của họ, ngài có nghĩ họ sẽ làm thay đổi cán cân ở một mức độ nào đó không? Rồi có những tầng lớp thấp và công nhân gốc nông dân trong thành phố có khả năng nổi dậy xảy ra khi những người này thấy được sự bất bình đẳng trong thu nhập không?

Đáp: Không, tôi không thấy bất kỳ khả năng một cuộc nổi dậy nào có thể thành công. Đúng là có xung đột ở Ô Khảm, Quảng Đông nhưng chỉ cần một Phó Bí thư Tỉnh ủy xuống là giải quyết êm chuyện. Bộ Công an của họ rất mạnh.

Hỏi: Đó có phải là bí mật sự trường tồn của họ không? Nhiều chính phủ đã cố gắng dùng bạo lực để nắm chắc quyền lực, nhất là ở Đông Âu và Xô Viết, nhưng rồi đã thất bại.

Đáp: Trung Quốc khác với Đông Âu. Đông Âu từng trải qua thời Phục Hưng, từng dự phần vào nỗi khát khao muốn trở thành một quốc gia tự do, nơi tư tưởng được giải phóng, nơi mọi người đều có thể sáng tạo.

Còn Trung Quốc là Trung Quốc. Và như tôi đã nói, nguyên tắc cốt yếu mà mỗi người Trung Quốc đều biết đó là nếu chính quyền trung ương ủy quyền, đất nước vững mạnh. Nếu nó yếu kém, bất nước bất an.

Hỏi: Điều đó cho thấy phong trào Mùa xuân Ả Rập mà chúng ta chứng kiến ở Trung Đông sẽ không diễn ra ở Trung Quốc trong tương lai gần .

Đáp: Tôi không thấy có gì liên quan giữa Mùa xuân Ả rập và Trung Quốc ở đây cả. Đây chỉ là thứ mà giới truyền thông vẽ vời ra thôi. Khi đọc điều đó, tôi đã tại nhủ: "Những người này không hiểu gì về Trung Quốc/ Người Trung Quốc có một lịch sử lâu đời quyết định tư tưởng của họ vê cả chính phủ lẫn con người.

Hỏi: Liệu những người lao động nông thôn không được lợi từ nạn tham nhũng tràn lan sẽ muốn thay đổi hệ thống?

Đáp: Những người đó không có tổ chức, và họ lại muốn gia nhập tầng lớp trung lưu thành thị. Họ thấy tương lai của mình không nằm ở việc nổi dậy, thứ chỉ mang lại hỗn loạn, mà nằm ở việc gia nhập tầng lớp cư dân thị thành.

Hỏi: Liệu sự chuyển dịch xã hội đó có đem lại cho họ hy vọng rằng một ngày nào đó họ có thể gia nhập tầng

lớp trung lưu hay không?

Đáp: Tôi nghĩ ở Trung Quốc, sự dịch chuyển xã hội vẫn còn đó. Nó không phải là một xã hội đã phân tầng rõ nét. Nếu lấy trường hợp Anh quốc, một nơi tôi biết rõ, thì mỗi thế hệ lại sản sinh ra những thành phần ưu tú nhất, rồi những con người này tiến lên cao, lấy nhau và tạo thành giới thượng lưu. Và con cái họ, do thừa hưởng cả gene di truyền lẫn cơ hội giáo dục tốt, lại tiếp tục ở trong tầng lớp thượng lưu. Nhưng Trung Quốc phải một thời gian lâu nữa mới tiến đến giai đoạn đó. Còn Singapore đang dần tiến tới tình hình này sớm hơn dự kiến vì sự phát triển giáo dục nhanh của chúng ta. Người dân vươn lên rất nhanh, con cái của tài xế taxi giờ đi học đại học, rồi nam nữ kết hôn mà cả hai đều xuất thân là con của người bán cơm bụi hay tài xế taxi và khi họ kết hôn như thế, họ lại nhắm đến giới thượng lưu, và sau đó gene di truyền cộng với các cơ hội giáo dục mà họ mang lại cho con cái sẽ tạo ra sự phân tầng giai cấp đó. Điều này xảy ra với mọi xã hội. Rồi cuối cùng sự bất mãn sẽ dồn nén nhiều tới mức mà tầng lớp phía dưới sẽ phải thốt lên: "Được rồi, phải xáo bài lại thôi." Cách mạng cộng sản diễn ra chính vì lý do như thế. Quốc dân Đảng bị lật đổ. Bây giờ một tầng lớp tinh hoa của cộng sản lại xuất hiện. Nhưng dù

gì, chúng ta vẫn chưa gặp phải tình hình đó đâu.

Hỏi: Các nhà lý luận của Đảng Cộng sản bây giờ đang phát biểu rằng họ nên bắt đầu bằng dân chủ trong nội bộ đảng rồi từ đó mở rộng ra. Ngài cho rằng quá trình này sẽ diễn tiến ra sao?

Đáp: Họ sẽ cho phép tranh cử nhưng là giữa những ứng cử viên đã được họ chấp thuận. Đó chính là dân chủ trong nội bộ đảng.

Hỏi: Bước tiếp theo là gì?

Đáp: Tôi không biết. Tôi không thấy triển vọng bầu cử tự do. Trung Quốc chưa từng có tranh cử kiểu đó. Anh có thể tưởng tượng nổi một người Trung Quốc mà lại nói "Tên tôi là Jimmy Carter và tôi sẽ tranh cử tổng thống" không?

Hỏi: Nhưng điều đó đã xảy ra ở Đài Loan.

Đáp: Đài Loan là một lãnh thổ nhỏ chỉ có 23 triệu dân.

Hỏi: Vậy ngài không nghĩ phổ thông đầu phiếu xảy ra ở Trung Quốc hay thậm chí là cự cần thiết phải có điều đó?

Đáp: Không, tôi không tin điều đó. Tôi có thể thấy phổ thông đầu phiếu xảy ra ở cấp độ làng xã và đối với những cơ quan: lập pháp cấp tỉnh lỵ, nhưng tại cấp

cao, cấp lãnh đạo, bí thư đảng và tỉnh trưởng - thi điều đó không diễn ra đâu.

Hỏi: Giả sử có sự chia rẽ giữa tầng lớp lãnh đạo thỉ cao? Ví dụ như Ôn Gia Bảo, khi ông ấy còn làm thủ tướng đã thể hiện mình là một: nhà cải cách chính trị và đã nói đến một nền dân chủ với đặc trưng: Trung Quốc.

Đáp: Ông ta không phải nhân vật cấp cao số một, ông ta chỉ là số ba. Và thật thú vị khi được nghe một nhân vật số ba phát ngôn điều đó. Trên ông ta còn có nguyên chủ tịch Giang Trạch Dân, một nhân vật vẫn còn nhiều quyền lực. Tôi cho là Ôn Gia Bảo sẽ thấy mình chỉ là thiểu số gồm một hai người trong trong Ban thường vụ Bộ Chính trị vốn ủng hộ lãnh đạo tập thể. Nhưng những người này đều đạt được chức vụ của mình thông qua chọn lựa cẩn thận, vậy liệu họ có bạo gan mà tuyên bố rằng hãy lật đồ hệ thống và đi theo phổ thông đầu phiếu không, để rồi bất kỳ ai cũng có thể ứng cử và được bầu? Điều đó là đi ngược lại bản chất chế độ.

Hỏi: Họ có quan tâm đến hệ thống chính trị Singapore không?

Đáp: *À,* họ quan tâm đến mọi hệ thống chính trị để nhặt nhạnh các tư tưởng, nhưng điều này thì có liên quan

gì đến hệ thống của họ?

Hỏi: Thì do chúng ta đang có hệ thống phổ thông đầu phiếu.

Đáp: Tôi không tin họ sẽ áp dụng điều đó bởi Trung Quốc là một đất nước vô cùng rộng lớn.

Hỏi: Vậy họ sẽ quan tâm đến mặt nào của nền chính trị Singapore?

Đáp: Họ để ý tới cách chúng ta thường xuyên quan tâm tới dân chúng những buổi tiếp dân, những ủy ban nhân dân, Hiệp hội Nhân dân (PA). Nói cách khác, chúng ta biết những gì đang xảy ra ở cấp cơ sở và chúng ta lưu tâm tới những vấn để đó. Và tôi tin rằng họ cùng bắt chước và điều hành tương tự như vậy Liệu những điều đó có được triển khai hay không lại là một vấn để khác dù rằng họ đã yêu cầu quan chức phải tiếp xúc và quan tâm tới nhân dân. Nhưng khi quan chức thông đồng với những công ty bất động sản và ép dân thường nhường ruộng đất cho dự án mà không được đền bù thỏa đáng, vậy thì làm sao so sánh với hệ thống của chúng ta được?

Hỏi: Nếu Quốc dân Đảng vẫn còn nắm quyền ở Đại lục, liệu có khi nào giờ họ đã thực hiện phổ thông đấu phiếu rồi không? Bởi vì Tôn Dật Tiên tin tưởng vào chế độ dân

chủ kiểu phương Tây

Đáp: Không, không, tôi không tin điều đó. Người ta tiến hành dân chủ ở Đài Loan được bởi vì đó chỉ là một khu vực nhỏ, lại phụ thuộc vào Mỹ để tồn tại. Họ chấp nhận phổ thông đầu phiếu bởi vì người Mỹ sẽ không bảo vệ cho họ nếu họ đi theo chế độ độc tài.

Hỏi: Nhưng bây giờ Đài Loan đã đưa vào hệ thống dân chủ, còn Hồng Kông vài năm nữa sẽ tổ chức bầu cử phổ thông, vậy điều đó có tạo áp lực để cải cách ở Đại lục không? Liệu người Trung Quốc có bắt đầu gậy áp lực lên chính phủ của họ để hưởng những điều mà đống bào của mình ở Đài Loan và Hồng Kông đang được hưởng?

Đáp: À, có thể họ cũng muốn đấy nhưng họ sẽ gây áp lực cho chính phủ bằng cách nào? Họ có lá phiếu trong tay chưa? Có sẵn sàng lật đổ chính phủ bằng cách mạng chưa? Tôi không thấy những người cắm quyển chịu từ bỏ quyền lực của mình. Tôi không tin chính những người Trung Quốc lại có ý nghĩ là 1,3 tỷ con người có thể tổ chức phổ thông đầu phiếu để bầu tổng thống và điều đó là bất khả thi.

Hỏi: Điều gì đã làm ngài nghĩ như thế?

Đáp: Thế làm thế nào để vận động bầu cử 1,3 tỷ con người?

Hỏi: Nếu so sánh thì người Ấn Độ đã làm được đấy thôi.

Đáp: Vả kết quả họ đạt được cũng đâu đẹp đẽ gì... dù là lý do gì đi nữa.

NÁU MÌNH CHỜ THỜI

Tôi gặp Tập Cận Bình lần đầu tiên ở Đại lễ đường Nhân dân trong một chuyến thăm Bắc Kinh vào tháng 11 năm 2007. Lúc đầu tôi không yêu cầu gặp ông ấy mà là gặp một người khác nhưng họ lại để ông gặp tôi. Điều đó cho thấy họ đặt ông ở vị trí cao trong danh sách ưu tiên. Đó là lần đầu tiên ông ấy gặp một lãnh đạo nước ngoài sau khi được đề bạt vào Thường vụ Bộ Chính trị Đảng Cộng sản. Động thái này rõ ràng là để ám chỉ với thế giới rằng ông đã được cơ cấu để tiếp quản vị trí của Hồ Cẩm Đào.

Ấn tượng của tôi về ông là một người có khí lực - cái mà người Trung Quốc hay gọi là *da qi-đại khí,* chứ không phải *xiao qi-tiểu khí.* Ông không phải

người thiển cận. Ông suy nghĩ một vấn đề rất kỹ càng và không muốn khoe khoang hiểu biết của mình. Không được thân thiện như Giang Trạch Dân và cũng không kiểu cách như Hổ Cẩm Đào nhưng ông có vẻ trang trọng. Đó là ấn tượng đầu tiên của tôi khi gặp ông Tập. Khi còn trẻ ông bị đưa về nông thôn rồi tới Thiểm Tây năm 1969 nhưng vẫn dần dần tìm cách để từng bước quay về. Với thuở hàn vi trải qua đầy những thách thức và khổ sở như vậy mà ông không một lời cằn nhằn hay than vãn, tôi phải xếp ông vào cùng kiểu người với Nelson Mandela.

Ông Tập là cốt lõi của thế hệ lãnh đạo thứ 5 của Trung Quốc kể từ 1949. Ông đứng đầu một chính phủ đòi hỏi cao về năng lực ở mọi cấp bậc - một phẩm chất mọi quan chức cần có từ thời phong kiến. Hiện nay ngày càng có nhiều quan chức Trung Quốc tiếp xúc với giáo dục phương Tây, họ quen thuộc với thế giới và nói tiếng Anh trôi chảy. Họ không còn là những người cộng sản giáo điều mà là những người theo chủ nghĩa thực dụng quyết tâm xây dựng một quốc gia giàu có, phát triển và

kỹ thuật tiên tiến. Cả bốn lãnh đạo tối cao trước đó đều để lại những dấu ấn riêng. Với Mao Trạch Đông là những cuộc cách mạng không ngừng. Với Đặng Tiểu Bình là cải cách và mở cửa. Với Giang Trạch Dân là củng cố và phát triển. Và với Hồ Cẩm Đào là một xã hội hài hòa - cụ thể hơn là rút ngắn khoảng cách giữa người giàu và người nghèo. Còn Tập Cận Bình sẽ để lại di sản gì?

Kể từ chuyến thăm đầu tiên năm 1976, tôi quyết định sẽ thường xuyên đến thăm Trung Quốc, nếu có thể thì mỗi năm một lần. Tôi đã gặp tất cả các vị lãnh đạo tối cao từ Mao tới Hồ, và giờ là Tập. Mao là một người đàn ông vĩ đại đã vực Trung Quốc dậy từ nghèo hèn và chia rẽ. Sau 200 năm hỗn loạn thì đến 1949, Mao đứng ở Thiên An Môn mà tuyên bố: “Người Trung Quốc đã vùng lên". Là một nhà cách mạng, Mao chẳng kém cạnh ai. Ông là bậc thầy về chiến tranh du kích với các chiến thuật quân sự khéo léo đã đánh bại Quốc dân Đảng và thống nhất đất nước. Nhưng liệu Mao có phải người hiện đại hóa Trung Quốc? Lịch sử bi thương còn lưu lại việc người đàn ông giải phóng Trung Quốc này gần như

đã phá hủy đất nước trong Cách mạng Văn hóa. Nếu ông vẫn còn sống, hay nếu Hoa Quốc Phong - người kế nhiệm và kế thừa tư tưởng của ông - còn tiếp tục nắm quyền, Trung Quốc hẳn đã đi theo con đường của Liên Xô. Tôi chỉ có cơ hội gặp Mao vào giai đoạn cuối sự nghiệp của ông, khi phong độ của ông đã xuống, khi phải có một người phụ nữ dịch lại những gì ông nói bằng giọng Hồ Nam cho người phiên dịch để người này dịch lại sang tiếng Anh. Chỉ còn lại cái bóng của người đàn ông huyền thoại một thời.

May mắn cho Trung Quốc là Đặng Tiểu Bình đã đảo ngược lộ trình đất nước. Năm 1978, sau khi tới Bangkok và Kuala Lumpur, Đặng tới Singapore. Ông muốn chúng tôi tập hợp lại và ngăn chặn Việt Nam tấn công Campuchia, và nếu họ thực sự tấn công Campuchia thì hãy chặn đứng họ. Tôi nghĩ chuyến đi đó đã mở mắt cho ông. Hẳn ông ấy tưởng là sẽ thấy ba thủ đô lạc hậu của ba nước nghèo. Thay vào đó, ông lại thấy ba thủ đô vượt trội hơn bất kì thành phố nào ở Trung Quốc. Ông ấy ở Singapore bốn ngày. Khi cửa lên máy bay của ông

đóng lại, tôi nói với các đồng nghiệp: "Những báo cáo viên của ông ta sắp phải chịu trận rồi bởi vì ông ấy đã thấy một Singapore hoàn toàn trái ngược với báo cáo." Những báo cáo đó hẳn là do những cảm tình viên cộng sản ở đây soạn ra và xuyên tạc.

Ông ấy đã chúc mừng tôi lúc ăn tối và khi tôi hỏi lý do, ông nói: "Các ông có một thành phố thật đẹp, một thành phố như vườn cây xanh". Tôi cảm ơn nhưng nói thêm: "Bất kể chúng tôi làm được gì thì các ông đều có thể làm tốt hơn vì chúng tôi chỉ là hậu duệ của những nông dân nghèo ở miền Nam Trung Quốc, còn các ông có giới trí thức, có các nhà khoa học, các chuyên gia. Dù chúng tôi làm gì, các ông cũng sẽ làm tốt hơn." Ông ấy không trả lời tôi mà chỉ nhìn tôi bằng ánh mắt sắc rồi chuyển chủ đề. Đó là năm 1978.

Năm 1992, Đặng xuống Quảng Đông trong chuyến thăm miền Nam nổi tiếng để kêu gọi các lãnh đạo địa phương tiến hành mở cửa. Ông nói: "Hãy học tập thế giới, và cụ thể là học tập Singapore rồi làm tốt hơn họ." Tôi tự nhủ: "À, ông ấy không quên những gì mình nói." Quả thực họ có thể làm

tốt hơn chúng tôi.

Ở Singapore, Đặng đã chứng kiến một hòn đảo nhỏ chẳng có tài nguyên thiên nhiên gì lại có thể tạo ra đời sống tốt đẹp cho người dân bằng cách thu hút đầu tư nước ngoài, nâng cao kỹ năng quản lý và phát triển công nghệ. Ông trở về Trung Quốc với niềm tin cần phải mở cửa nền kinh tế với thế giới. Đó là một thời khắc trọng đại trong lịch sử Trung Quốc, một bước ngoặt chủ chốt khiến đất nước này không còn phải ngoái đầu nhìn lại.

Tôi đã chứng kiến sự chuyển mình đầy kịch tính của đất nước này. Công cuộc xây dựng đã biến những thành phố cũ nát với cơ sở vật chất nghèo nàn thành những thành phố có tàu tốc hành, đường cao tốc và sân bay. Bạn có thể ghé thăm Đại Liên, Thượng Hải, Bắc Kinh, Quảng Đông, hay Thâm Quyến - giờ chúng có thể sánh ngang với Hồng Kông hay bất kì thành phố nào khác trên thế giới. Người Trung Quốc là những thợ xây và thợ mộc vĩ đại. Tôi không hiểu vì sao họ lại kìm hãm khả năng lâu như thế và điều đó đã làm phương hại đến lợi ích quốc gia biết nhường nào.

Đặng là người có công nhất trong việc đưa Trung Quốc vào một quỹ đạo khác. Khi ông muốn mở cửa, nhiều lãnh đạo thế hệ cũ đã phản đối nhưng ông vẫn cương quyết gạt họ sang một bên và cứ thế tiến hành. Nếu không có ông thì quá trình chuyển đổi hẳn đã không diễn ra nhanh như vậy, bởi vì ông là người duy nhất từng trải qua Vạn lý trường chinh mà có khả năng lấn át được những kẻ nghi ngờ. Một người đàn ông vóc dáng nhỏ bé nhưng lại là một lãnh tụ vĩ đại - Đặng chắc chắn là lãnh đạo quốc tế ấn tượng nhất mà tôi từng gặp.

Sau đó Giang Trạch Dân được Đặng Tiểu Bình chọn làm người kế nhiệm. Là bí thư Thượng Hải khi sự kiện Thiên An Môn diễn ra năm 1989, Giang đã trấn áp thành công những cuộc nổi loạn tương tự ở Thượng Hải. Ông kiên định đi theo mục tiêu của mình là hoàn thành công cuộc hiện đại hóa do Đặng khởi xướng. Tôi nhớ ông là một người nồng hậu và thân thiện. Ông có thể bất ngờ hát vang bài hát tiếng Ý nổi tiếng, *o Sole Mio,* hoặc có khi ông lại chộp vai tôi mà hỏi: "Theo ông, người Mỹ nghĩ gì về chúng tôi?" Tất nhiên, đó là trước khi họ có những

mối quan hệ lâu dài với người Mỹ. Giờ thì họ chẳng còn cần hỏi tôi câu đó nữa rồi,

Về Hồ Cẩm Đào, tôi xem ông ấy là người củng cố Trung Quốc. Thời ông cầm quyền cũng tạo ra được vài thay đổi căn bản. Nhưng chỉ riêng việc củng cố đất nước thôi cũng đã khiến ông bù đầu khi Trung Quốc phải đối mặt với hàng loạt thách thức như vấn đề di dân giữa thành thị và nông thôn và khoảng cách thu nhập giàu nghèo gia tăng. Ấn tượng của tôi về ông ấy là một người thâm trầm sâu sắc, không khoa trương, có trí nhớ tuyệt vời và xem xét cẩn thận mọi vấn đề. Ngay sau khi ông nắm quyền, Trung Quốc mới đầu đã mắc sai lầm khi giải quyết khủng hoảng dịch SARS, nhưng khi nhận ra mối đe dọa nghiêm trọng của dịch bệnh đối với nền kinh tế, nước này đã nỗ lực hết sức để giải quyết vấn để, kể cả việc chưa từng có tiền lệ là sa thải Bộ trưởng Y tế và Thị trưởng Bắc Kinh. Đó là sự phô diễn phong cách lãnh đạo cứng rắn của Hồ Cẩm Đào và thủ tướng Ôn Gia Bảo. Suy cho cùng thì một trong những lý do Hồ được đưa vào trung ương chính là vi ông đã dẹp yên cuộc nổi loạn ở Tây Tạng.

Đằng sau vẻ ngoài ôn hòa thân thiện là một người đàn ông thép.

Còn về Tập Cận Bình, thật khó đoán được ông ấy sẽ theo đuổi chính sách gì và để lại di sản gì sau một thập kỉ cầm quyền. Các lãnh đạo Trung Quốc thường không tiết lộ kế hoạch tương lai trước khi nhậm chức bởi họ không muốn bị công kích. Trung Quốc hiện đang gặp nhiều thách thức trong nước và Tập sẽ muốn dồn sức cho những vấn đề đối nội này. Nhưng ông ấy cũng sẽ phải hao tâm tổn trí lo đối ngoại nữa khi những sự kiện bên ngoài đột nhiên phát sinh. Kế hoạch kỹ lưỡng nhất cũng có thể thất bại nếu một diễn biến nghiêm trọng phát sinh ngoài dự kiến. Nhưng tôi tin ông ấy sẽ bình tĩnh và xử lý tình hình thấu đáo. Tiếng nói của ông có sức nặng và tôi tin ông sẽ có được sự ủng hộ của đảng. Xuất thân quân đội cũng giúp ông có ảnh hưởng với quân đội.

Chính sách đối ngoại của Tập Cận Bình sẽ được theo dõi sát sao. Sự trỗi dậy của Trung Quốc khiến nhiều nước từ phương Tây tới châu Á sợ hãi. Một Trung Quốc mạnh mẽ mang lại nhiều lợi ích cho

cộng đồng thế giới chẳng hạn như khoản đầu tư của các công ty Trung Quốc ở nước ngoài sẽ tăng lên. Nhưng các nước láng giềng của Trung Quốc đang bắt đầu cảm nhận được lập trường chính sách đối ngoại cứng rắn hơn từ phía người khổng lồ ngủ say vừa mới tỉnh giấc này. Nước Mỹ cũng đang đối mặt với những thách thức lớn về vị thế của mình, nếu không ở phạm vi toàn cầu thì chắc chắn cũng ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Điều quan trọng là liệu người ta có tin vào việc Trung Quốc liên tục đảm bảo rằng nước này chẳng tìm kiếm gì hơn ngoài một sự trỗi dậy hòa bình và cam kết không bao giờ trở thành một nước bá chủ không? Có hai cách nhìn nhận vấn đề này . Một là Trung Quốc sẽ lặng lẽ tăng cường sức mạnh và tầm ảnh hưởng của mình chứ không gây hấn. Một quan điểm khác là họ sẽ phô trương sức mạnh và hàm dọa các nước khác. Tôi nghĩ họ sẽ chọn cách thứ nhất nhưng vẫn đồng thời phô trương sức mạnh. Đặng Tiểu Bình tin rằng Trung Quốc nên tránh gây chú ý trong khi đang tăng cường tiềm lực của nó. Ông tin vào việc che giấu năng lực hay như người

Trung Quốc gọi là *thao quang dưỡng hối (náu mình chờ thời).* Người Trung Quốc ý thức được họ cần 30 tới 40 năm hòa bình nữa mới có thể bắt kịp thế giới. Họ đã đi đến kết luận rằng nếu vẫn giữ nguyên lộ trình, tránh động chạm đến cường quốc hiện tại và kết bạn với mọi nước, họ sẽ chỉ càng mạnh hơn. Họ càng rảnh tay giải quyết các vấn đề nội bộ và tiếp tục phát triển kinh tế.

Trung Quốc cũng cảnh giác tránh vết xe đổ của Nhật Bản và Đức. Sự trỗi dậy của Đức và Nhật đã dẫn đến một cuộc cạnh tranh quyền lực, cạnh tranh ảnh hưởng và tài nguyên ở châu Âu và châu Á, và kết quả là hai cuộc chiến tranh khủng khiếp trong thế kỷ 20 đã kết liễu hoàn toàn sự trỗi dậy của hai nước này. Nếu tham gia vào một cuộc chiến, Trung Quốc sẽ phải mạo hiểm đối mặt với những bất ổn, xung đột và hỗn loạn trong nước, và có thể lại thụt lùi một bước lớn. Do vậy, người Trung Quốc sẽ tỉnh táo nhận định rằng: "Chúng ta đã phải chờ đợi rất lâu mới có cơ hội bắt kịp sự phát triển của thế giới. Sao phải hấp tấp để rồi gây hại cho sự trỗi dậy tử từ của mình?"

Tất nhiên điều đó không có nghĩa Trung Quốc sẽ chịu nhường nhịn mỗi khi có tranh chấp với nước khác. Khi cán cân quyền lực thay đổi, nước này sẽ chẳng ngại ngần cho thiên hạ biết những "sở thích sở ghét" của mình. Ngoại trưởng Dương Khiết Trì từng nói, ở đâu mà lợi ích cốt lõi của Trung Quốc bị đe dọa thì người Trung Quốc sẽ cứng rắn khẳng định mình. Các láng giềng gần gũi nhất của Trung Quốc ở châu Á đã nếm trải điều này. Năm 2008, Việt Nam cho công ty dầu khí ExxonMobil của Mỹ quyền khoan dầu trong vùng nước tranh chấp ở biển Đông (mà Trung Quốc gọi là biển Hoa Nam). Hải quân Trung Quốc yêu cầu ExxonMobil phải dời đi. Chính phủ Trung Quốc cũng nói rõ rằng nếu ExxonMobil không nghe theo thì việc làm ăn của công ty này ở Trung Quốc sẽ bị đe dọa. Và thế là ExxonMobil phải dời đi bởi vì hải quân Mỹ không túc trực ở đó để đảm bảo quyền lợi cho họ.

Gần đây hơn, vào năm 2010, Nhật Bản bắt giữ một thuyền trưởng tàu cá của Trung Quốc sau khi tàu của ông ta va chạm với tàu tuần tra Nhật ở ngoài khơi quần đảo tranh chấp Senkaku mà người

Trung Quốc gọi là Điếu Ngư. Người Nhật lúc đầu muốn xét xử người thuyền trưởng này theo luật pháp Nhật nhưng cuối cùng cũng phải nhượng bộ trước áp lực dữ dội từ Trung Quốc và quyết định thả ông ta. Sự việc này đã cho thấy cán cân quyền lực đã thay đổi ra sao. Người Nhật hiện giờ phải đối phó với một đất nước Trung Quốc lớn hơn họ gấp mười lần, chứ không phải một Trung Quốc mà họ có thể xâm chiếm dễ dàng như trong Thế chiến thứ hai. Sự nhượng bộ này của Nhật Bản đơn giản chỉ là sự chấp nhận thực tế bởi họ ý thức được rằng phải đối phó với một Trung Quốc có tổ chức, có kỉ luật, không đơn thuần như với các lãnh chúa mà với một chính quyền trung ương có thể hành động quyết đoán.

Càng về sau bạn càng thấy rất rõ rằng người Trung Quốc không phải những người bị động. Họ chủ động theo đuổi các yêu sách và điều này sẽ tiếp diễn. Người Trung Quốc biết rằng họ là nước lớn nhất khu vực và khi quyền lực mạnh lên, họ muốn các nước láng giềng phải tôn trọng quyền lợi của họ hơn. Do đó, vì lợi ích của các nước châu Á khác, bao

gồm cả những nước trong khu vực ASEAN, người Mỹ cần duy trì một sự hiện diện đáng kể trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương-để đối trọng với Trung Quốc. Nếu không có Mỹ làm đối trọng, các quốc gia nhỏ hơn ở châu Á sẽ không dám có hành động gì. Khi có đến hai cái cây lớn thì anh phải chọn đứng dưới bóng một cây. Hiện diện tại Thái Bình Dương rất quan trọng với Mỹ, bởi vì nếu người Mỹ đánh mất vị thế ở đây, họ cũng sẽ mất nó trên toàn cầu.

Cuộc cạnh tranh giành vị thế trong khu vực này giữa Mỹ và Trung Quốc đã diễn ra và nó sẽ tiếp tục cho đến hết thế kỷ 21. Đến lúc đó, mối quan hệ Mỹ - Trung sẽ là mối quan hệ song phương quan trọng nhất trên thế giới, kiểu như mối quan hệ Mỹ - Xô thời Chiến tranh lạnh. Một vài năm sau sự kiện 11/9, người Mỹ bị phân tán tư tưởng vào những cuộc chiến tranh ở Iraq và Afghanistan, còn người Trung Quốc lại lặng lẽ tăng cường lợi ích của mình trong khu vực, thắt chặt mối quan hệ với các nước và ký kết một thỏa thuận thương mại tự do với ASEAN. Cách đây một thập kỷ, khi cựu thủ tướng

Trung Quốc Chu Dung Cơ đề xuất thành lập khu vực mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN, chính phủ các nước ASEAN đã rất kinh ngạc bởi vì chúng tôi cứ nghĩ Trung Quốc sẽ rất do dự mở cửa nền kinh tế của mình thông qua các thỏa thuận thương mại tự do song phương và khu vực. Đây là một bước đi chiến lược của Trung Quốc để phát triển các mối quan hệ kinh tế chặt chẽ với ASEAN, để từ đó các nước ASEAN sẽ coi sự phát triển của Trung Quốc là một cơ hội chứ không phải mối đe dọa với họ. Lúc đó tôi có nói với đại diện thương mại Mỹ rằng nếu trong mười, hai mươi năm tới đây mà không có được một thỏa thuận thương mại tự do giữa Mỹ và các nước ASEAN thì nền kinh tế ASEAN sẽ ngày càng gắn chặt với Trung Quốc và Mỹ sẽ chỉ là một thị trường thứ yếu đối với chúng tôi.

Về mặt quân sự, người Mỹ vẫn đang bỏ xa Trung Quốc. Ngân sách quốc phòng của Trung Quốc, dù đạt mức tăng trưởng hai con số mỗi năm, vẫn chỉ bằng một phần sáu ngân sách quốc phòng Mỹ - và điều này được phản ánh trong công nghệ quân sự vượt trội của người Mỹ. Tuy nhiên tham

vọng của người Trung Quốc là trở thành một cường quốc quân sự mạnh như Mỹ cho dù có mất nhiều thập kỉ.

Hiện tại người Trung Quốc đang làm tất cả những gì có thể để hiện thực hóa tham vọng của mình. Họ đang cố gắng bắt kịp Mỹ về công nghệ cao như đưa người vào vũ trụ và phát triển một hệ thống định vị toàn cầu GPS riêng mà Mỹ không thể phá hủy hay từ chối công nhận, bởi họ thừa biết rằng sẽ bị qua mặt nếu họ phụ thuộc vào hệ thống GPS của Mỹ. Và khi đã chứng minh rằng có thể tự bắn hạ vệ tinh riêng và đánh chặn chính các tên lửa đạn đạo của mình, Trung Quốc muốn gửi tới Mỹ lời cảnh báo: "Đừng dọa tôi kẻo tôi sẽ bắn hạ tên lửa của anh trên Thái Bình Dương bây giờ." Chúng ta đang nói về chuyện một thứ nhỏ xíu như cây kim đuổi theo một cây kim khác trên bầu trời và đó đâu phải chuyện dễ dàng. Đó là minh chứng rõ ràng nhất cho khả năng của hai nước như thế nào. Sớm hay muộn, người Trung Quốc còn muốn kiểm soát cả vùng duyên hải phía đông của họ thoát khỏi sự do thám của Mỹ. Vào thời điểm hiện tại, người Mỹ

có thể lảng vảng 12 hải lý cách bờ biển Trung Quốc để ngó nghiêng. Giờ hãy hình dung điều ngược lại thử xem. Nếu hải quân và không quân Trung Quốc - các tàu sân bay của nước này - cũng đến gần bờ biển nước Mỹ một khoảng tương tự, người Mỹ sẽ nhảy dựng lên và không cho phép điều đó xảy ra. Giờ bạn có thể tưởng tượng người Trung Quốc cảm thấy thế nào rồi đấy. Nhưng để có thể đẩy người Mỹ ra xa bờ biển của mình, họ cắn phải cải thiện công nghệ tên lửa tầm xa. Nếu làm được thì đó sẽ là lời cảnh cáo ngầm rằng nếu ai đó đến quá gần, họ sẽ phóng tên lửa đánh chìm tàu sân bay hay bắn rơi máy bay của kẻ đó. Tuy nhiên hiện tại Trung Quốc chưa thể làm được điều này. Đến lúc họ hiện thực hóa được điều đó thì máy bay của Mỹ sẽ không dám bén mảng và người Mỹ sẽ không dám liều mạng như bây giờ. Còn người Trung Quốc lúc đó sẽ cảnh báo: “Đây là vùng đặc quyền kinh tế của tôi, anh hãy tránh xa. Tôi không đi đến bờ biển phía Thái Bình Dương của anh, thế thì ai cho anh quyền tới đây?”. Liệu người Mỹ có dám không nghe? Suy cho cùng, kẻ nào mạnh kẻ đấy thắng.

Do đó cuối cùng cán cân quyền lực sẽ được cân bằng dần trong vòng 20 hay 30 năm tới. Ban đầu Trung Quốc sẽ đẩy người Mỹ ra khỏi giới hạn 12 hải lý. Sau đó tiếp tục đẩy họ ra khỏi vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lý của mình. Và khi đã làm được điều đó, họ sẽ trở thành quốc gia có ảnh hưởng nhất trong khu vực.

Dựa vào các sự kiện lịch sử, một số học giả dự đoán rằng khi một thế lực trỗi dậy còn thế lực hiện hữu thấy sự thống trị của mình bị đe dọa thì rất có khả năng xảy ra xung đột quân sự giữa hai bên, đó là điều khó tránh khỏi. Trong trường hợp Trung Quốc và Mỹ, tôi lại không nghĩ vậy. Hai bên chẳng được lợi lộc gì khi đối mặt trên chiến trường. Cả hai nước đều có kho vũ khí hạt nhân nên họ biết xung đột sẽ dẫn đến những hậu quả vô cùng tai hại. Hơn nữa, không giống như quan hệ Mỹ - Xô, hiện tại không có xung đột ý thức hệ nào không hòa giải được giữa một bên là Mỹ và một bên là Trung Quốc đang nhiệt tình đón nhận thị trường tự do. Người Trung Quốc giữ mối quan hệ hữu hảo với Mỹ để đảm bảo tiếp cận được thị trường, đầu tư, công

nghệ và các trường đại học của nước này. Còn Mỹ đơn giản không muốn biến Trung Quốc thành kẻ thù lâu dài của mình.

Cuộc khủng hoảng lớn nhất có thể nảy sinh giữa hai bên là về vấn đề Đài Loan nhưng tôi không nghĩ Mỹ sẽ gây chiến với Trung Quốc để bảo vệ sự độc lập của hòn đảo này vì điều đó thật không đáng. Có thể chiến đấu và thắng hiệp một, nhưng liệu người Mỹ có sẵn sàng chiến đấu hết hiệp này đến hiệp khác? Đến cuối cùng, họ có sẵn sàng trả cái giá mà Trung Quốc sẵn sàng trả vì Đài Loan? Hãy nhớ rằng không một nhà lãnh đạo Trung Quốc nào có thể tồn tại nếu họ để mất Đài Loan dưới thời mình. Vì vậy, với người Trung Quốc, đây là vấn đề có tính nguyên tắc. Kể cả khi thua hiệp đầu, họ sẽ trở lại với hiệp hai, hiệp ba và các hiệp tiếp theo không ngừng nghỉ, cho đến khi chiến thắng mới thôi. Đài Loan không đáng để Mỹ phải xen vào thế cuộc. Người Đài Loan sớm muộn cũng sẽ nhận ra điều đó. Mã Anh Cửu đã gần như thừa nhận điều đó với khẩu hiệu *bất thống, bất độc, bất vũ - không thống nhất, không độc lập, không vũ lực* của mình. Cụm từ quan trọng

nhất là không độc lập bởi vì chắc chắn rằng thời điểm Đài Loan tuyên bố độc lập, Trung Quốc sẽ sử dụng vũ lực để chiếm lấy hòn đảo này.

Thống nhất Đài Loan với Đại lục chỉ còn là vấn đề thời gian và không quốc gia nào có thể ngăn cản điều này. Thực chất, số phận quốc tế của Đài Loan đã được định đoạt từ cách đây rất lâu, tại Hội nghị Cairo vào năm 1943 khi tổng thống Mỹ Franklin D. Roosevelt và thủ tướng Anh Winston Churchill đã đồng ý với Tổng tư lệnh Tưởng Giới Thạch về việc Đài Loan sẽ trở về với Trung Quốc. Khi Lý Đăng Huy lên làm tổng thống, ông bắt đầu quá trình bản địa hóa Đài Loan tức là nhấn mạnh đến chuyên tách rời hòn đảo này với Trung Quốc. Nhưng điều đó sẽ không thay đổi được kết cục thống nhất. Nó sẽ chỉ khiến người Đài Loan đau đớn hơn khi việc thống nhất diễn ra. Yếu tố kinh tế sẽ giúp giải quyết vấn đề này. Sự hội nhập kinh tế dần dần và liên tục sẽ mang hai xã hội xích lại gần nhau, và Trung Quốc sẽ thấy không cần thiết phải dùng vũ lực. Dưới thời Tổng thống Mã Anh Cửu, quan hệ kinh tế hai bên đã phát triển và sẽ tiếp tục phát triển trong bốn

năm tới. Và vào cuối giai đoạn tám năm cầm quyền của Quốc dân Đảng, già sử như Đảng Dân tiến (DPP) đối lập lên nắm quyền và đảo ngược chính sách thì người chịu thiệt sẽ là nông dân và các nhà công nghiệp Đài Loan, rồi DPP sẽ thất bại trong kỳ bầu cử tiếp theo hoặc sau đó nữa. Sự phụ thuộc lẫn nhau ngày càng tăng sẽ khiến cho việc Đài Loan độc lập là bất khả.

Hỏi: Ngài có ngạc nhiên khi Trung Quốc thay đổi quá nhanh chóng? Ngài có thể dự đoán được những thay đổi này trong chuyến thăm đầu tiên của minh năm 1976?

Đáp: Không thể nào. Lúc đó tôi không biết Mao sẽ còn cầm quyền bao lâu nữa. Đặng Tiểu Bình đến Singapore năm 1978. Rồi ông về nước và thay đổi chính sách, đó là mở cửa thị trường và đón nhận đầu tư, và điều này đã giúp Trung Quốc hòa nhập với thế giới. Rồi người dân cũng ra nước ngoài thăm thú nhiều hơn. Giờ thì họ sử dụng cả iPhone, dù chính phủ vẫn chặn một vài trang mạng. Thực tế, khi động đất Tứ Xuyên xảy ra, chính một nghiên cứu sinh đã dùng iPhone để báo tin với thế giới. Nếu không có iPhone thì chính quyền trung ương mới là người quyết định thài điểm công bố tin tức. Do đó công nghệ đã thay đổi cách thức chính phủ làm việc và xử lý tình hình mới.

Hỏi: Ngài gặp Tập Cận Bình lần đầu tiên năm 2007. Ấn tượng của ngài về ông ấy là gì?

Đáp: Tôi coi ông ấy là một lãnh đạo có thực lực. Rất cứng rắn khi giải quyết vấn đề. Cha ông ấy từng bị đưa về nông thôn và ông ấy cũng thế. Nhưng ông ấy vẫn làm việc và lặng lẽ thăng tiến ở Phúc Kiến. Rồi khi bí thư Thượng Hải bị phát hiện tham nhũng, họ điều ông ấy

từ Phúc Kiến đến Thượng Hải. Rồi từ Thượng Hải, thực lực của ông ấy được công nhận và họ đưa ông đến Bắc Kinh. Nói là may mắn cũng đúng, nhưng nếu không có thực lực ông ấy cũng không thể vượt qua được nhiều khó khăn như vậy

Hỏi: Tập Cận Bình tiếp quản công việc lãnh đạo Trung Quốc vào thời điểm Trung Quốc mạnh nhất trong hai thế kỷ qua. Liệu ông ấy sẽ quyết đoán hơn?

Đáp: Tôi không nghĩ rằng vị trí mới sẽ khiến ông ấy tự cao mà áp đặt xung quanh. Ông ấy là người suy nghĩ thấu đáo và biết rằng điều đó sẽ không có lợi cho Trung Quốc. Do đó tôi nghĩ ông ấy sẽ tiếp tục chính sách *thao quang dưỡng hối* của Đặng Tiểu Bình.

Hỏi: Các nhà lãnh đạo mới này, gồm cả Tập Cận Bình, khác gì với các lãnh đạo cũ mà ngài đã gặp thập niên 1970, 1980? Ngoại trừ tính cách khác nhau, có khác biệt nào giữa họ phản ánh những thay đổi diễn ra ở Trung Quốc?

Đáp: À, thì bây giờ họ gặp phải những vấn đề khác trước rồi. Ngày xưa thì đất nước nghèo đói, cơ sở hạ tầng thiếu thốn. Bây giờ thì họ có những thành phố ven biển phát triển không thua gì Hồng Kông. Nhưng cơ sở hạ tầng đó chỉ giúp được cho khoảng 50% dân số. Còn một nửa

số dân còn lại vẫn sống ở những vùng nông thôn lạc hậu.

Hỏi: Các nhà lãnh đạo này còn suy nghĩ cứng nhắc như ngài từng viết trong hồi ký là các quan chức Trung Quốc thường làm theo sách vở và xử lý vấn để thiếu tự nhiên?

Đáp: Không, không, họ đã linh hoạt hơn rồi. Đó là giai đoạn mà chính phủ kiểm soát gắt gao, bất kì ai nói lên chính kiến để có thể bị hiểu sai và chuốc lấy rắc rối cho mình. Bây giờ họ phát biểu khá là cởi mở.

Hỏi: Tôi chắc rằng các nhà lãnh đạo Trung Quốc có khai thác quan điểm của ông về nhiều vấn đề khác nhau mỗi khi hội kiến. Vậy với các lãnh đạo hiện nay, mối bận tâm của họ là gì? Họ muốn tìm hiểu điều gì từ ông, và có khác với những gì mà các lãnh đạo thế hệ trước tìm hiểu không?

Đáp: Ồ, tôi đã nói với Tập Cận Bình rằng chỉ vài năm nữa thôi, ông ấy sẽ không cần đến Singapore để học hỏi chúng ta, mà chính chúng ta sẽ phải đến Trung Quốc để học hỏi họ. Tất nhiên là ông ấy không đồng tình. Ông ấy nói, không, cái ông ấy quan tâm là hệ thống của chúng ta cơ, vi họ không có được hệ thống khuôn khổ mà người Anh để lại cho chúng ta. Chúng ta đã xây

dựng được những thể chế có thể hỗ trợ nhà lãnh đạo, kể cả khi gặp một lãnh đạo yếu thì nó cũng không bị sụp đổ. Nhưng tất nhiên là không hỗ trợ lâu được.

Hỏi: Liệu họ vẫn quan tâm tới quan điểm của ông về khu vực và về nước Mỹ?

Đáp: Không, họ không còn cần quan điểm của tôi về Mỹ nữa vì giờ họ làm việc trực tiếp với người Mỹ rồi. Thứ có giá trị với họ là quan điểm của chúng ta về khu vực, thứ mà họ chưa nắm rõ, và họ hy vọng chúng ta đóng vai trò giúp các quốc gia trong khu vực không còn sợ một Trung Quốc đang trỗi dậy nữa.

Hỏi: Dựa trên cách họ phản ứng, và việc họ đã phát triển mạnh trong những năm qua, ông có lo ngại là cuối cùng chúng ta sẽ phải đối phó với một Trung Quốc khó khẩn hơn, cứng rắn hơn và sức ảnh hưởng lớn hơn?

Đáp: Anh phải chấp nhận rằng họ là nước lớn nhất trong khu vực này. Họ sẽ không là nước mạnh nhất trong khu vực Thái Bình Dương bởi Hoa Kỳ sẽ luôn có mặt ở đó làm đối trọng với họ. Nhưng về sau họ sẽ có thể đẩy Mỹ lùi xa ra khỏi vùng biển đặc quyền kinh tế của mình. Đó là thực tế mà chúng ta phải chấp nhận.

Hỏi: Liệu điều đó có gây khó khăn cho một nước nhỏ như Singapore?

Đáp: Với các nước khác cùng thế thôi. Sớm hay muộn điều đó cũng xảy ra dù 5, 20 hay 30 năm thì cũng vậy. Người Trung Quốc sẽ trở thành thế lực thống trị trên bờ Tây Thái Bình Dương.

Hỏi: Đây sẽ là một tương lai khá khó khăn mà Singapore phải định hướng.

Đáp: Cũng không hẳn đâu. Tương lai của Việt Nam mới gọi là khó khăn, còn chúng ta không xung đột lợi ích gì với Trung Quốc cả. Việt Nam xung đột với Trung Quốc về vùng biển mà họ mong đợi tìm thấy dầu khí. Còn chúng ta không có yêu sách gì động chạm đến họ.

Hỏi: Tổng thống Obama đang đưa ra các cam kết mới cho khu vực, mà người ta gọi là sự Xoay trục Thái Bình Dương. Rồi chúng ta lại thấy Hillary Clinton phát biểu trên một chiếc tàu sân bay. Nếu đây thực sự là một cam kết lâu đài của Mỹ với khu vực này..

Đáp: Không, đó không phải là cam kết lâu dài. Đó chỉ là việc bày tỏ một ý định mà Obama hy vọng sẽ kéo dài. Nhưng nó không có nghĩa là ý định đó sẽ kéo dài vô thời hạn khi cán cân quyền lực thay đổi. Họ ở tận bờ bên kia Thái Bình Dương, cách xa đến tám, chín ngàn hải lý và phải sử dụng Nhật Bản làm căn cứ để phô diễn sức mạnh, thật không dễ dàng như khi phô diễn

sức mạnh từ ngay lãnh hải, ngay vùng đặc quyền kinh tế của minh.

Hỏi: Do vậy tính toán của Trung Quốc là họ sẽ náu mình chờ thời.

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Vậy khả năng phô diễn sức mạnh của Mỹ sẽ phụ thuộc vào điều gì?

Đáp: Một là sức mạnh nền kinh tế Mỹ cùng ngân sách quốc phòng và vị trí của Thái Bình Dương trong danh sách ưu tiên của họ. Hai là Trung Quốc sẽ gây hấn đến mức nào.

Hỏi: Vậy dựa trên những đánh giá của ngài về cả hai nước...

Đáp: Tôi nghĩ rằng hai bên sẽ cân bằng trong 20 tới 30 năm nữa.

Hỏi: Và khi sự cân bằng đó diễn ra?

Đáp: Chúng ta sẽ phải tự thích nghi. Phải sống chung với lũ. Ở bên này Thái Bình Dương, Trung Quốc sẽ là láng giềng gần gũi chúng ta nhất với tầm vóc và sức mạnh vượt xa người Mỹ. Người Mỹ còn phải triển khai quân qua hàng ngàn hải lý trong khi họ chỉ vài trăm. Đương nhiên yếu tố Mỹ sẽ luôn tồn tại và nó sẽ không biến

mất. Mỹ sẽ không từ bỏ ảnh hưởng của mình trong khu vực này ở Thái Bình Dương, và nước này sẽ có đồng minh là Nhật Bản, Hàn Quốc, Việt Nam và Philippines. Vì vậy, sẽ có sự chuyển đổi quyền lực tất yếu và từ từ nhưng không đến mức hất cẳng Mỹ ra khỏi khu vực.

Hỏi: Khi quan sát tranh chấp ở biển Đồng trong hai, ba năm vừa qua, ngài có thấy nó nói lên điều gì về cách hành xử của Trung Quốc không?

Đáp: Khi vấn đề liên quan đến lợi ích cốt lõi của họ và họ tin rằng đường 9 đoạn đó là lãnh thổ của mình, tin rằng người Trung Quốc có chủ quyền với các bãi cát và đảo nhỏ đó và hy vọng ở dưới đó có dầu khí, thi tôi dự đoán Trung Quốc sẽ khá cứng rắn với vấn đề này. Cuối cùng, vấn đề này có thể được giải quyết theo Công ước Liên Hợp Quốc về Luật Biển bởi vì đó là cách mà không bên nào có thể phản đối được. Vì thế mỗi đảo, mỗi bãi cát nhỏ sẽ được đem ra đo đạc để xem ai là người có quyền lợi gần nhất với bãi cát đó. Nhưng họ sẽ giải quyết vấn đề này theo cách song phương chứ không phải phương thức đa phương giữa họ với ASEAN.

Hỏi: Nhưng ưu tiên của ASEAN là cả khối cùng tham gia giải quyết vấn đề này?

Đáp: Ưu tiên của ASEAN là càng thẳng phải được xử lý tập thể trong khuôn khổ Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) và thông qua Bộ quy tắc ứng xử ở Biển Đông(COC).

Hỏi: Nhưng ASEAN liệu có thể lầm theo cách của mình? Liệu vấn để nậy cuối cùng sẽ được giải quyết song phương hay đa phương?

Đáp: Tôi nghĩ là song phương. Tôi không cho là Indonesia sẻ dẫn cả khối vào tình thế đối đầu, cả Malaysia hay Singapore cũng thế. Để làm gì cơ chứ?

Hỏi: Còn người Mỹ?

Đáp: Người Mỹ đã tham gia rồi, nhưng chỉ là về mặt ngoại giao thôi. Còn liệu họ có tham gia quân sự không lại là một câu hỏi hoàn toàn khác và tôi nghi ngờ điều đó. Nơi đây quá xa để họ triển khai quân và họ cũng không được lợi gì cả. Tại sao họ lại phải gây chiến với Trung Quốc vì lợi ích của Việt Nam hay Philippines chứ?

Hỏi: Liệu có khả năng một chính quyền Mỹ trong tương lai - một tổng thống hiếu chiến hơn - sẽ quyết định rằng một cuộc đối đầu sớm sẽ có lợi hơn là trễ?

Đáp: Không, anh có thể có một tổng thống hiếu chiến song anh cũng có các tướng lĩnh quân sự tham mưu để anh

có thể sử dụng quyền lực hay sức mạnh của mình đến đâu, và cái giá phải trả là bao nhiêu - anh sẽ phải ném bao nhiêu tiền cho chi tiêu quốc phòng.

Hỏi: Một điểm nóng khác có thể bùng ra giữa Mỹ và Trung Quốc là vấn đề Đài Loan. Hiện tại mọi việc đang diễn ra khá tốt đẹp - hội nhập kinh tế nhiều hơn, du lịch phát triển. Sự ràng buộc lẫn nhau đang đưa hai bền đến gần nhau hơn. Tuy nhiên, thời hạn cuối cùng để thống nhất dường như đã bị đẩy xa vào một tương lai vô thời hạn.

Đáp: Chuyện đó có hề gì với Trung Quốc. Họ có thể chờ đợi mãi mà không sốt ruột bởi thời gian đứng về phía họ. Trong khi đó Đài Loan ngày càng phụ thuộc vào Trung Quốc để tăng trưởng. Chuyện này càng lâu thì càng tổn thất nhiều cho chính phủ Đài Loan khi tìm cách thay đổi hay đảo ngược chính sách.

Hỏi: Nhưng một cuộc khảo sát ở Đài Loan đã cho thấy nhiều người ủng hộ độc lập hơn thống nhất.

Đáp: Điều đó thì có liên quan gi. Nếu anh là người Đài Loan, anh sẽ muốn độc lập, giữ nguyên hiện trạng, hay trở thành một phần của Trung Quốc? Nhưng ý muốn đó liệu có thể quyết định tương lai của Đài Loan? Người Đài Loan ở phía Nam dù thể nào cũng sẽ không muốn

quay lại với Trung Quốc, sẽ luôn là như vậy. Nhưng liệu quan điểm của họ có thắng thế? Tương lai của Đài Loan không được định đoạt dựa trên ý nguyên của người dân Đài Loan. Nó được định đoạt bởi thực tế cán cân quyền lực giữa Đài Loan và Trung Quốc và liệu người Mỹ có sẵn sàng can thiệp vào tình hình này hay không. Không đơn giản là bỏ phiếu biểu quyết - đồng ý sẽ thống nhất hay đa số không đồng ý nên sẽ không thống nhất.

Hỏi: Liệu cái chết của Kim IL Sung (Kim Chính Nhật) có thay đổi bất cứ điều gì trong tình hình địa chính trị ở châu Á không?

Đáp: Không, tôi không nghĩ vậy đâu. Trung Quốc sẽ không được lợi gì khi hai miền Triều Tiên thống nhất vì điều đó sẽ mang quân đội Mỹ và Hàn Quốc đến sát sông Áp Lục, một mối đe dọa với Trung Quốc. Người Trung Quốc sẽ làm hết sức để giữ nguyên trạng tình hình.

Hỏi: Mức độ ảnh hưởng của Trung Quốc đối với Triều Tiên hiện nay có lớn?

Đáp: Sự tồn tại của Triều Tiên phụ thuộc rất nhiều vào Trung Quốc. Người dân Triều Tiên hay phải chịu đói kém do cách chính phủ vận hành nền kinh tế, còn Trung Quốc cho họ thực phẩm và viện trợ.

Hỏi: Ngài có nghĩ hiện trạng này sẽ kéo dài thêm 20, 30 năm nữa? Liệu Triều Tiên có nguy cơ tự diệt vong?

Đáp: Không, tôi không nghĩ vậy đâu. Tại sao nó lại diệt vong? Đã có lúc đất nước gần chết đói, nhưng đã có người Trung Quốc viện trợ lương thực và cả thế giới cũng đã giúp.

Hỏi: Liệu Trung Quốc có quan tâm đến việc khuyến khích Triều Tiên mở cửa nền kinh tế như Đặng Tiểu Bình đã làm với Trung Quốc?

Đáp: À, họ cũng đã mời Kim Il-sung đến Thượng Hải để chỉ ra rằng ông ấy có thể cải cách nền kinh tế mà vẫn không mất quyền kiểm soát, nhưng điều đó không mang lại kết quả gì. Nhiều người suy đoán rằng chế độ này có thể thực hiện các cải cách kinh tế dưới sự lãnh đạo mới, nhưng vẫn còn quá sớm để nói rằng Kim Jong-un có bạo gan đi theo đường hướng đó hay không.

Hỏi: Ngài đã nói rằng người Mỹ cuối cùng sẽ phải chia sẻ vị thế với Trung Quốc trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Khi điều đó xảy ra thì sẽ có tác động gì với những nước như Singapore?

Đáp: Chúng ta sẽ phải để ý hơn tới những gì người Trung Quốc nghĩ, có khi còn quan tâm hơn những gì người

Mỹ nghĩ. Nhật Bản và Hàn Quốc đang đầu tư sâu rộng vào Trung Quốc nhưng vẫn giữ các mối quan hệ an ninh với Mỹ. Liệu điều này có thể tiếp tục kéo dài bao lâu? Khi anh đầu tư nhiều và ngày càng có quan hệ chặt chẽ với Trung Quốc, vậy liệu các mối quan hệ an ninh của anh có thể ngăn chặn được việc Trung Quốc sử dụng các chiêu bài kinh tế để kiểm soát các công ty, bắt thóp anh hay không?

Hỏi: Việc đối phó với Mỹ sẽ rất khác với đối phó với Trung Quốc. Chúng ta từng đối phó với người Mỹ vì họ từng là lực lượng thống trị ở đây.

Đáp: À, chúng ta thấy người Mỹ ít nhiều cũng còn hiền lành. Họ không bắt ép ai. Đúng là họ muốn mọi quốc gia trở thành nước dân chủ nhưng không ép buộc nước nào cả. Còn người Trung Quốc thì không quan tâm anh dân chủ hay chuyên chế. Họ chỉ muốn anh thực hiện yêu cầu của họ. Đó là cách tiếp cận hoàn toàn khác. Họ không tin vào việc đi rao giảng hình thức nhà nước và bắt anh sử dụng hình thức đó. Đó là một khác biệt trong cách nghĩ về vai trò của từng nước.

Hỏi: Liệu có đến một ngày chúng ta phải trở thành một trung tâm hậu cần hay một dạng căn cứ nào đó cho hải quân Trung Quốc không?

Đáp: Tôi không dám nói chắc điều này. Khí tồi vẫn còn sống thì điều này sẽ không xảy ra. Tôi nghĩ rằng giai đoạn đầu tiên là chúng ta xây dựng các trung tâm dịch vụ hậu cần cho hải quân cả hai nước mà không phải một. Đừng có chọn giữa nước này và nước kia.

Hỏi: Singapore có thể duy trì vị trí trung dung nậy được bao lâu?

Đáp: Cũng khó nói. Còn tùy vào tình hình kinh tế Mỹ và khả năng triển khai sức mạnh quân sự của họ.

Hỏi: Trong quan hệ với người Mỹ, ngài có những mối quan hệ cá nhân tốt đẹp với một số quan chức cao cấp, như Henry Kissinger chẳng hạn. Trong quan hệ với người Trung Quốc, liệu các bộ trưởng Singapore có thể tạo được các mối quan hệ cá nhân tốt đẹp với các lãnh đạo Trung Quốc giống ngài không?

Đáp: À, ngay lúc này đây thì phía họ và ta có những mối quan hệ cá nhân rất tốt bởi họ muốn biết các ý tưởng của chúng ta, nhưng một khi họ đã lên đỉnh cao và không còn cần chúng ta nữa thì mối quan hệ đó sẽ thay đổi. Nhưng tôi cho rằng họ vẫn sẽ đối xử tốt với chúng ta vì cảm giác ơn nghĩa sau khi đã nhận sự giúp đỡ của chúng ta như ở Khu Công nghiệp Tô Châu chẳng hạn. Chúng ta đã để lại thiện chí với họ.

Hỏi: Năm 1976, ngài đã đến thăm Bắc Kinh và gặp gỡ Thủ tướng Hoa Quốc Phong. Ông ấy đã cố gắng đưa cho ngài một quyển sách bàn về chiến tranh Trung-Ấn, với quan điểm thiên lệch về phía Trung Quốc. Ngài từ chối nhận cuốn sách này mà không sợ làm mất lòng họ và giải thích rằng cuốn sách sẽ gây ra nhiều yếu tố nhạy cảm vì có người Ấn sinh sống ở Singapore và họ lại có quan điểm khác. Chắc chắn là nếu điều đó có xảy ra nữa ngài cũng sẽ phản ứng tương tự. Nhưng Trung Quốc bây giờ đã mạnh lên rất nhiều. Nếu một bộ trưởng trẻ Singapore gặp tình huống tương tự, ngài có khuyên người ấy từ chối quyển sách như thế không?

Đáp: À, tôi không biết liệu vị bộ trưởng ấy có nhận hay không, còn phụ thuộc vào tính cách từng người nữa. Nhưng kể cả khi vị ấy nhận quyển sách thì cũng không có nghĩa là anh ta sẽ tin nó. Đó là câu chuyện phiến diện còn chúng ta biết nhiều chiều khác của câu chuyện từ nhiều nguồn thông tin.

Hỏi: Nhưng với một Trung Quốc mạnh mẽ như hiện nay, liệu một vị bộ trưởng trẻ tuổi có dám làm mất lòng người Trung Quốc.

Đáp: Ừ thì nhận sách đâu có nghĩa là tư tưởng thay đổi theo? Trong trường hợp của tôi thì đó là tôi đã đọc

quyển sách rồi nên tôi mới nói với Hoa Quốc Phong: “Quyển sách này sẽ không làm tôi đổi ý được đâu”. Nhưng các bộ trưởng trẻ giờ phải đối mặt với một Trung Quốc khác trước và họ sẽ phải quyết định cách xử lý các mối quan hệ cá nhân của mình với người Trung Quốc. Họ cũng có thể nghĩ rằng nếu làm phật ý họ, có thể sẽ không còn cơ hội gặp họ lần sau nữa.

MỘT TRUNG QUỐC MỚI
CON NGƯỜI, XÃ HỘI, KINH TẾ

Mùa thu năm 1989, ngay sau biến cố Thiên An Môn, Tiền Ninh, con trai cựu phó thủ tướng Tiền Kỳ Tham, đến Đại học Michigan theo một chương trình học bổng. Tiền Ninh đang ở độ tuổi 30 và làm việc cho tờ *Nhân dân Nhật Báo* trước khi sang Hoa Kỳ. Vài năm sau, anh viết cuốn sách *Học tập tại Mỹ* xuất bản tại Trung Quốc với nội dung khá táo bạo dù Tiền Ninh xuất thân trong một gia đình truyền thống cách mạng.

Tại Ann Arbor, Michigan, anh nhận ra rằng cuộc đời còn có cả những bữa tiệc và tình bạn tuyệt vời chứ không phải suốt ngày kiểm điểm và đấu đá chính trị như ở Bắc Kinh. Trong một đoạn, anh viết rằng những người vợ nào đã theo chồng tới Mỹ thì

khi trở về sẽ không còn là kiểu phụ nữ Trung Quốc như xưa nữa vì họ đã được chứng kiến một lối sống khác. Qua đó, Tiền Ninh gián tiếp nói rằng mình đã thay đổi quan điểm về một viễn cảnh khác dành cho xã hội Trung Quốc. Đó là một nước Trung Quốc mới, với vô số kênh tương tác với thế giới bên ngoài.

Chậm mà chắc, quá trình mở cửa đang thay đổi bộ mặt của xã hội Trung Quốc. Trung Quốc là một xã hội khép kín và cứng nhắc khi lần đầu tôi đến thăm năm 1976. Những người dân bình thường trên đường phố trông cứ na ná nhau trong những bộ áo xanh xám, và dù không phải ngày nghỉ thì họ vẫn đưa các em học sinh ra sân bay đón tôi và hát vang *"Hoan nghênh, hoan nghênh! Nhiệt liệt hoan nghênh!"* Tôi tự nhủ: "Giờ này đáng lẽ chúng phải đang học ở trường chứ không phí phạm thời gian đi từ trường đến sân bay rồi lại về trường, làm mất nguyên một ngày học như thế". Đó là sự cứng nhắc trong hệ thống. Họ đón khách, cố gắng gây ấn tượng với vị khách đó bằng sự tiếp đón nồng hậu và hiếu khách, và bằng cả số đông lẫn quy mô hoành tráng và đóng bộ. Giờ thì lối suy nghĩ đó không còn

nữa. Họ biết rằng điều đó không còn gây ấn tượng được với ai. Cả những bộ đồng phục xanh xám cũng không còn. Giờ đây trên đường phố rực rỡ đủ sắc màu. Các thương hiệu hàng xa xỉ ở phương Tây coi Trung Quốc là một thị trường sinh lời lớn. Năm 2009, Trung Quốc vượt qua Mỹ trở thành thị trường hàng xa xỉ lớn thứ hai thế giới, chỉ sau Nhật Bản. Những chiếc đồng hồ và đồ da cao cấp luôn bán được hàng nhờ vào nền văn hóa biếu tặng quà cáp. Hai công ty xe ô tô sang trọng Mercedes-Benz và BMW đã tăng gấp đôi doanh số bán hàng của họ tại thị trường Trung Quốc trong hai năm qua, trong khi thị trường các nước phát triển lại chững lại. Giới trung lưu Trung Quốc giờ còn ưa thích làm đẹp, mặc đẹp và cuộc sống tiện nghi. Với họ, cuộc sống khắc khổ xưa kia sẽ không tạo ra một xã hội hạnh phúc được nữa.

Giống như Tiền Ninh, giới trẻ Trung Quốc ngày nay sống trong một ngôi làng toàn cầu. Mọi người đi du lịch khắp nơi: người Trung Quốc sang châu Âu và Mỹ, còn người Mỹ và châu Âu lại tới Trung Quốc. Cho dù không có cơ hội học tập tại

Michigan thì họ vẫn có thể tiếp cận Internet, báo chí và phim ảnh nước ngoài, và từ đó mở ra cánh cửa với một thế giới mà cha mẹ ông bà họ vài thập kỷ trước thôi chỉ có thể mơ tới. Chân trời của họ rộng mở. Quan điểm của họ về vị thế bản thân - cũng như vị thế Trung Quốc - trên thế giới sẽ thay đổi. Một thế hệ mới sinh ra sau khi Trung Quốc mở cửa sau này lớn lên sẽ là những người lèo lái đất nước. Lớp trẻ đó sẽ dẫn dắt đất nước mà không phải mang theo gánh nặng ký ức của quá khứ khó khăn. Đất nước mà họ biết qua thực tiễn hằng ngày - chứ không phải qua những quyển sách lịch sử - là một đất nước mạnh hơn bao giờ hết kể từ thời Chiến tranh Nha phiến và vẫn tiếp tục mạnh lên từng ngày.

Điều này có ý nghĩa gì với một Trung Quốc tương lai? Liệu chúng ta sẽ thấy một Trung Quốc cứng rắn hơn, nặng tính dân tộc hơn trong 30 năm nữa? Có thể. Tôi cho rằng chủ nghĩa dân tộc phát triển là giai đoạn đầu tiên của nước Trung Quốc mới này bởi vì người Trung Quốc cảm nhận được là họ có sức mạnh. Nhưng khi họ bắt đầu thấy rằng có

những giới hạn cho hành vi của mình, họ sẽ ngừng lại để suy ngẫm. Họ sẽ phô trương sức mạnh của mình một cách vừa phải, vì họ thấy rằng có làm thế cũng không xua người Mỹ ra khỏi khu vực này được. Và họ sẽ nhận ra rằng càng gây áp lực lên các nước láng giềng nhỏ thi các nước đó sẽ càng thân với Mỹ và tạo cơ sở cho tàu sân bay Mỹ lui tới để bảo đảm cho chính mình.

Vài năm trước, một lãnh đạo Trung Quốc ở độ tuổi thất thập đã hỏi tôi, "Ông có tin vào sự trỗi dậy hòa bình của chúng tôi không?" Tôi trả lời: "Tôi tin nhưng tôi phải cảnh báo một Điều. Thế hệ các ngài đã trải qua nhiều sự kiện, nào là chiến tranh chống Nhật, Nội chiến, thời kỳ Đại nhảy vọt, Cách mạng Văn hóa, Bè lũ Bốn tên và bây giờ là chính sách mở cửa. Các ngài biết rằng có rất nhiều khó khăn không lường, và để Trung Quốc tiến bước mà không vấp phải rủi ro, các ngài cần sự ổn định bên trong và hòa bình bên ngoài. Nhưng các ngài đang ghim vào đầu thanh niên một thái độ yêu nước và tự hào thái quá về một đất nước Trung Quốc phục hồi, tới mức mà cuộc biểu tình phản đối Nhật Bản biển thành

bạo lực. Và khi con trai tôi, thủ tướng Singapore, đến thăm Đài Bắc năm 2004, nó và Singapore đã bị công kích trên mạng Internet ở Trung Quốc, bị coi là vổ ơn và phản bội. Người trẻ nhẹ dạ quá." Vị lãnh đạo này nói rằng họ sẽ đảm bảo người trẻ hiểu ra điều đó.

Tôi hy vọng họ làm được. Một thời điểm nào đó trong tương lai, sẽ có một thể hệ tự cho mình là trên hết trong khi thực tế chưa được như thế. Đây là sẽ là điều đáng buồn và gây mất ổn định cho khu vực. Trên thực tế, chỉ cần định hướng sự trỗi dậy của Trung Quốc thôi cũng đã đủ để tận dụng được hết tài năng và đam mê của thế hệ này. Theo thời gian, tôi chắc chắn Trung Quốc sẽ có thể nâng cao vị trí của mình trên chuỗi giá trị toàn cầu và cạnh tranh được với các nước phát triển về sản xuất và công nghệ tiên tiến. Lúc này đây họ đang cố gắng để tương xứng với Mỹ về mặt công nghệ quân sự và vũ trụ tối tân. Họ đang dồn năng lượng vào phát triển sức mạnh nền tảng mang tính chiến lược trên phạm vi quốc tế. Sau đó, họ có thể dần bắt kịp trong lĩnh vực sản phẩm tiêu dùng, còn hiện tại sản phẩm

tiêu dùng đứng chót trong danh sách ưu tiên của họ. Bởi vì họ có thể giàu lên nhưng nếu phải phụ thuộc vào hệ thống định vị GPS của Mỹ họ sẽ dễ bị qua mặt. Nghiên cứu không gian và hệ thống GPS không tạo ra tăng trưởng kinh tế nhưng chúng có thể đảm bảo rằng sự phát triển kinh tế của họ không bị các hành vi quân sự can thiệp.

Không có gì là chắc chắn trong sự phát triển của bất kỳ quốc gia nào. Sự tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc có thể tiếp diễn trong vài thập kỷ tới nếu không có gì xảy ra làm chệch hướng. Nhưng có rất nhiều thách thức nghiêm trọng trong nước khiến chính phủ Trung Quốc sẽ phải dành nhiều công sức, thời gian và nguồn lực để giải quyết. Nếu có bất kỳ điều gì vượt khỏi tầm kiểm soát, nó có thể gây ra suy thoái kinh tế hay bất ổn xã hội nghiêm trọng. Và kể cả khi họ duy trì được ổn định thì vẫn còn nhiều yếu tố hạn chế. Chẳng hạn như tại sao iPhone không được phát minh ở Trung Quốc? Luật sở hữu trí tuệ và hệ thống doanh nghiệp hiện hành không tạo đủ động lực để giải phóng khả năng sáng tạo mà người Trung Quốc từng thể hiện trong lịch

sử. Nhưng tôi lạc quan rằng giới lãnh đạo Trung Quốc hiện nay có đủ ý chí và năng lực để đối phó với những thách thức trong nước một cách hợp lý. Trong hơn ba thập kỷ rưỡi *cải cách khai phóng*, hay cải cách và mở cửa, Trung Quốc đã chứng minh được họ có thể xét lại và kiểm soát những chính sách sai lầm của mình trước khi chúng gây ra những vấn đề lớn hơn.

Đã có thời gian khi nhiều thành phố ở gần nhau ồ ạt xây dựng cơ sở hạ tầng giống nhau, chẳng hạn như có tới bốn sân bay nằm gần nhau tại Thâm Quyến, Chu Hải, Hồng Kông và Ma Cao. Đó là trước khi họ kiểm soát được tình hình. Đã có thời các thị trưởng được đánh giá bằng mức độ phát triển của thành phố bất chấp sự phát triển đó có bền vững hay không. Vì vậy, thay vì tập trung vào các dự án có giá trị lâu dài, họ chỉ tập trung vào việc làm tăng con số GDP. Kết quả là họ bỏ qua các vấn đề môi trường, bỏ qua việc lập kế hoạch dài hạn. Nhưng bây giờ họ cũng đang sửa sai điều này rồi.

Trong tương lai, một nguyên nhân gây căng thẳng nghiêm trọng là khoảng cách giàu nghèo

ngày càng tăng giữa các tỉnh ven biển và các tỉnh nội địa, và ở một mức độ nhất định là khoảng cách giữa các thành phố. Các thành phố ven biển đang phát triển nhanh hơn ít nhất là một phần ba so với các thành phố nội địa, chưa kể lại có xuất phát điểm cao hơn hẳn. Các thành phố này thu hút đầu tư nhiều hơn, tạo ra công ăn việc làm tốt hơn và cung cấp mức sống cao hơn cho người dân. Và khoảng cách này ngày một mở rộng.

Sự chênh lệch trong tăng trưởng tồn tại ở một đất nước rộng lớn như Trung Quốc là điều đương nhiên. Tôi không tin rằng các tỉnh miền Tây sẽ có thể phát triển thịnh vượng và tiến bộ như các tỉnh ven biển và ven sông. Hoa Kỳ là một ví dụ. Bờ Đông và Bờ Tây đông dân hơn và thịnh vượng hơn so với khu nội địa, chỉ trừ Chicago. Nhưng Chicago có sông St Lawrence và Ngũ đại hồ cho phép tàu thuyền ra vào. Những lợi thế địa lý của việc gần biển là không thể phủ nhận. Hơn nữa, ở Trung Quốc, một số tỉnh miền Tây không những xa biển mà địa hình còn có những vùng bán sa mạc với khí hậu khắc nghiệt. Các học sinh giỏi muốn học lên

đều phải tới vùng duyên hải hay Bắc Kinh để theo học đại học. Đây là một vòng luẩn quẩn, bởi vì các giáo viên giỏi nhất lại không muốn về "vùng sâu vùng xa" trong đất liền mà dạy học. Chủ tịch Hồ Cẩm Đào đã nhấn mạnh một "xã hội hài hòa" và coi việc cân bằng sự phát triển giữa vùng duyên hải và nội địa là một trong những mục tiêu của mình. Nhà nước đang cố gắng để xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển các vùng phía tây, đưa ra những ưu đãi đầu tư đặc biệt để thu hút doanh nghiệp. Công cuộc này vẫn đang tiếp diễn để cuối cùng, họ có thể nâng tiêu chuẩn sống của các tỉnh nội địa lên bằng khoảng 60 - 70% của các tỉnh duyên hải. Thách thức đặt ra là đảm bảo rằng sự bất mãn sinh ra từ khoảng cách giàu nghèo không trở nên mất kiểm soát. Truyền hình vệ tinh đã làm trầm trọng hơn vấn đề này. Người dân ở Thành Đô hoặc Vân Nam có thể nhìn thấy sự phát triển của Bắc Kinh trên màn hình tivi của họ. Họ nhìn thấy những sân vận động Olympic hoành tráng được thiết kế bởi kiến trúc sư nổi tiếng thế giới và họ tự hỏi: "Tôi có được thụ hưởng gì từ những thứ này không? Bao giờ thì

đến lượt tôi?"

Chênh lệch đã dẫn đến các vấn đề khác. Người dân sống trong khu vực nghèo khó muốn di chuyển đến các khu vực giàu có hơn. Sự di cư từ nông thôn ra thành thị diễn ra rộng khắp, đến khoảng 1% dân số Trung Quốc mỗi ngày. Người Trung Quốc có hệ thống *hộ khẩu.* Nó giống như hệ thống *koseki ở* Nhật Bản - bạn không thể chuyển nơi cư trú từ A đến B mà không có sự cho phép của chính quyền. Và nếu bạn làm thế, ở nơi cư trú mới, bạn sẽ không được hưởng các dịch vụ y tế, nhà ở, trường học cho trẻ em, vân vân. Nhưng điều đó không cản được sự di cư. Lao động nông thôn ngày ngày vẫn đổ xô lên thành phố, làm những công việc nặng nhọc, dơ bẩn mà không được hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản cho bản thân hay con cái họ. Đời sống thật bấp bênh. Chính phủ biết điều đó, nhưng nếu họ cho phép di dân tự do, các thành phố sẽ quá tải. Vì thế họ đang cố gắng tìm những giải pháp khác. Họ đang cố gắng để các nhà chức trách địa phương chịu nhận một số trách nhiệm đối với người nhập cư, bởi vì thành phố không thể phát

triển mà không có lao động. Tôi cũng nghe nói rằng họ đang lên kế hoạch xây dựng sáu cụm thành phố ở miền trung Trung Quốc, mỗi cụm thành phố có thể chứa hơn 40 triệu dân, với hy vọng sẽ thu hút được người dân nông thôn đến các thành phố này thay vì các thành phố duyên hải. Nhưng đó sẽ phải là một hoạt động có kiểm soát, bởi vì những thành phố này sẽ không cung cấp được cho những người di cư những cơ hội giống như ở các thành phố duyên hải.

Quả ngọt dễ hái nhất trong nền kinh tế Trung Quốc cũng đang cạn kiệt dần. Họ sẽ phải điều chỉnh chiến lược kinh tế tổng thể để đảm bảo rằng sự tăng trưởng có thể được duy trì trong vài thập kỷ tới. Trung Quốc sẽ tiếp tục đà tăng trưởng nhanh chóng trong một khoảng thời gian nữa nhờ nguồn nhân lực giá rẻ của mình. Trữ lượng nhân lực ở các tỉnh miền Tây sẽ đẩy Trung Quốc về phía trước với tốc độ tăng trưởng khoảng 7, 8, 9% trong 15, 20 năm tới. Sau đó, con số tăng trưởng sẽ phụ thuộc vào năng suất - họ đào tạo như thế nào để người dân có thể tăng năng suất lao động. Nói cách khác,

làm thế nào chính phủ có thể đào tạo và trang bị cho người lao động những kỹ năng và công cụ làm việc khác nhau - cho dù là trong các trường đại học, bách khoa hoặc trường kỹ thuật.

Một vấn đề thậm chí còn cấp bách hơn mà Trung Quốc đang phải đối mặt là phải xử lý ra sao các doanh nghiệp nhà nước làm ăn kém hiệu quả. Ở đây, Trung Quốc đối mặt với vấn đề cơ bản là động cơ làm việc của cá nhân. Họ đang cố gắng khiển các quan chức làm việc giống như các doanh nhân. Điều đó sẽ không hiệu quả vì trừ khi bạn nắm giữ tới 20% cổ phần doanh nghiệp và sống với nỗi sợ rằng thị trường chứng khoán sẽ bức hại mình, không thì bạn sẽ không thức dậy mỗi sáng và thấy cần thiết phải làm một điều gì đó. Dù kinh doanh có đi lên hay đi xuống, bạn vẫn sẽ nhận lương. Nhưng nếu bạn đặt tài sản của mình, đặt toàn bộ sinh kế hay toàn bộ cổ phiếu của mình tại một công ty, bạn sẽ phải lo lắng về nó suốt cả ngày.

Liệu Trung Quốc đã sẵn sàng tiếp nhận khái niệm tư nhân hóa như thế? Họ đã hiểu được khái niệm yêu cầu công chức làm việc như trong một

công ty, nhưng điều gì giúp người công chức đó hành động như một ông chủ? Trừ khi Trung Quốc phải đối mặt với sự sụt giảm nghiêm trọng trong nền kinh tế, mà điều này không phải không thể xảy ra, còn không thì tôi không chắc họ sẽ quyết tâm giải quyết căn cơ vấn đề này.

Cuối cùng, Trung Quốc cần phải thực hiện quá trình chuyển đổi từ một nền kinh tế định hướng xuất khẩu sang đẩy mạnh tiêu dùng trong nước giống như Mỹ. Để điều này xảy ra, họ phải thay đổi tâm lý của tầng lớp trung lưu và hạ trung lưu, những người đã nghèo khổ quá lâu tới mức giờ để dành được ít tiền là lo gửi ngay vào ngân hàng hay giấu dưới gối. Họ chỉ tiêu tiền khi cảm thấy an tâm về tương lai. Người Mỹ thi cứ thế chi tiêu - họ vay mượn để chi tiêu - bất kể họ có an tâm về tương lai của mình hay không. Ở Mỹ người ta luôn tin rằng mọi chuyện rồi sẽ đâu vào đấy cả thôi. Đó là cách mà nền kinh tế của họ phát triển — nhờ tiêu dùng trong nước. Đó cuối cùng sẽ là con đường mà Trung Quốc phải đi. Nhưng làm thế nào họ có thể tạo ra được quá trình chuyển đổi đó?

Những người dân nghèo ngay cả khi giàu rồi nhưng vẫn cứ cư xử như những ngày kiết xác xưa kia. Họ chỉ muốn tích lũy của cải, tiết kiệm tiền vì họ đã nghèo quá lâu, họ sợ một ngày nào đó mình có thể tái nghèo. Chỉ khi nào tự tin rằng mình sẽ giàu mãi và thật ngớ ngẩn khi cứ phải gò bó cuộc sống của minh thì lúc đó họ mới bắt đầu chi tiêu. Trung Quốc phải khiến người dân thay đổi được nhận thức như thế thì mới có thể đảm bảo kinh tế tăng trưởng bền vững. Nhưng họ không còn nhiều thời gian bởi đây là một cuộc chuyển giao mà đất nước này phải hoàn tất ngay trong vòng một hoặc hai thập kỷ tới.

Nhưng của cải cần phải được phân phối một cách công bằng hơn. Chênh lệch thu nhập là một trong những yếu tố kìm hãm tiêu dùng trong nước, bởi vì sức mua hiện nay chỉ ở các tỉnh, thành phố ven biển, chứ không nằm trong bộ phận dân cư nông thôn đông đúc hơn và những người sống sâu trong đất liền. Làm thế nào để chính phủ có thể phân phối lại sự tăng trưởng hay nguồn lợi nhuận đạt được do tăng trưởng? Họ cần phải đảm bảo khi

nước lên thì mọi con thuyền đều được lên theo.

Hỏi: Chúng ta đã chứng kiến sự chuyển đổi mạnh mẽ của Trung Quốc kể từ cuối những năm 1970. Liệu ngài có thể tóm tắt những yếu tố chính tạo ra sự chuyển đổi thần kỳ này của nền kinh tế Trung Quốc?

Đáp: Đầu tiên tôi cho rằng nó liên quan tới việc Đặng Tiểu Bình thay đổi chính sách. Trước đó, Trung Quốc khép kín, cô lập với thế giới. Rồi Đặng đến Singapore, tìm hiểu vì sao mà một quốc gia không tài nguyên thiên nhiên như chúng ta có thể khởi sắc với ngoại thương và đầu tư nước ngoài. Sau đó ông về nước, mở ra các đặc khu kinh tế, đất nước khởi sắc, rồi mở ra nhiều đặc khu kinh tế hơn, cả nước phát triển thịnh vượng. Rồi Chu Dung Cơ đã đưa Trung Quốc vào WTO và cả quốc gia này hiện nay là một phần của một khu vực đầu tư tự do; và chừng nào họ còn có nguồn lao động giá rẻ, có tay nghề, chuyên nghiệp thì họ vẫn còn là một địa bàn xuất khẩu chi phí thấp và hấp dẫn. Trong lúc đó, họ cũng đang gia tăng tiêu thụ trong nước khi người dân đã giàu có hơn.

Hỏi: Vậy, xét trên một góc độ nào đó, đây là một sự lặp lại câu chuyện con hổ châu Á? Hàn Quốc mở cửa, Hồng Kông mở cửa, Singapore cũng mở cửa.

Đáp: Không, quy mô ở Trung Quốc lớn hơn và khác rất

nhiều, Bốn con hổ châu Á xếp chung còn chưa bằng một tỉnh ở Trung Quốc! Đó là một quy mô rộng lớn; và hệ quả của việc mở cửa nền kinh tế Trung Quốc sẽ tác động đến nền kinh tế của cả thế giới trong 20, 30, 40 năm tới. Ý tôi là hãy xét một ví dụ lúc đồng euro đang gặp vấn đề. Sau khi Ôn Gia Bảo đến thăm châu Âu thì Thủ tướng Đức Angela Merkel liền tức tốc tới Bắc Kinh để đáp lễ, nguyên do là bởi Ôn Gia Bảo có tới 3,2 nghìn tỷ đô la dự trữ ngoại hối. Đó là cách mà cán cân kinh tế thay đổi. Tôi không nghĩ Trung Quốc sẽ đi phung phí 3,2 ngàn tỷ đô la dự trữ của họ. Họ có thể mua một số trái phiếu euro giá rẻ như một khoản đầu tư, chứ không phải dưới hình thức cho không. Họ có lợi khi châu Âu không sụp đổ, nếu không việc xuất khẩu sang châu Âu của họ sẽ gặp khó khăn, nhưng họ sẽ chẳng được lợi gì khi đi giúp không người khác.

Hỏi: Ngài thấy sự chuyển đổi kinh tế quá nhanh chóng này sẽ gây ra những vấn để gì cho Trung Quốc?

Đáp: Tôi thấy điểm yếu của họ trong hai lĩnh vực. Thứ nhất, họ không xây dựng được các thiết chế quản lý bởi với họ cá nhân quan trọng hơn vị trí nắm quyền. Hai là họ không có pháp quyền, chỉ có luật lệ của cá nhân cầm quyến. Vì vậy mọi thay đổi ở thượng tầng lãnh đạo chỉ là sự đảo lên đảo xuống các quan chức chóp bu. Đó là

một yếu tố gây mất ổn định.

Hỏi: Liệu họ có thể khắc phục hai điểm yếu này?

Đáp: Điều đó thật không dễ chút nào bởi nó thuộc về văn hóa của đất nước này. Và Đảng Cộng sản sẽ được lợi gì nếu nó tạo ra một hệ thống khác đi mà có thể khiến nó mất khả năng kiểm soát đất nước? Tôi không biết. Tôi nghĩ rằng họ không có động cơ nào để thay đổi hệ thống.

Hỏi: Liệu có điều gì xảy ra buộc họ phải thay đổi, trong 15 tới 20 năm nữa?

Đáp: Tôi không biết, một cuộc khủng hoảng chẳng hạn. Nhưng tôi không cho rằng một cuộc khủng hoảng có thể mang lại một giải pháp về pháp quyền hay sự quản trị các thiết chế theo định nghĩa của phương Tây. Tôi cho rằng họ sẽ tự tìm ra hệ thống giải quyết xung đột của riêng mình.

Hỏi: Ngài có cho rằng việc thiếu pháp quyền là một trở ngại trong việc phát triển một nền văn hóa sáng tạo, nơi các quyền trí tuệ được bảo vệ và tôn trọng?

Đáp: À, Trung Quốc sẽ chỉ lưu tâm và hành động về vấn để đó khi có nhiều tài sản trí tuệ của họ cần được bảo vệ. Họ vẫn chưa tiến tới giai đoạn đó nên quá trình sáng

tạo và đăng ký bằng sáng chế vẫn còn gặp nhiều cản trở. Điều này có thể thay đổi từ từ khí Trung Quốc tạo được một động lực đủ lớn để kích thích các doanh nghiệp sáng tạo phát triển sản phẩm mới.

Hỏi: Nhưng khi Trung Quốc ngày càng hội nhập sâu vào nền kinh tế: quốc tế và ngày càng có nhiều công ty nước ngoài muốn làm ăn với họ, liệu điều đó có gầy áp lực khiến Trung Quốc phải tuân theo một số khía cạnh của luật pháp như hợp đồng hay luật sở hữu trí tuệ hay không?

Đáp: Về vấn để đó họ có thể có một loạt các lĩnh vực cần đến trọng tài phân xử. Nhưng nó sẽ chỉ là giải pháp tinh thể. Tôi không tin việc dùng bên thứ ba phân xử này sẽ lan rộng toàn xã hội. Tôi không thấy những vụ việc như Ô Khảm cần đến tòa trọng tài mà sẽ được giải quyết bằng vũ lực. Đây là quan điểm của tôi. Tôi không nghĩ họ tự dưng mà có thể tuân thủ ngay pháp quyền. Bọn họ dĩ nhiên cũng đang nghiên cứu hệ thống phương Tây và tự bảo làm thế nào để cải thiện hệ thống của mình. Họ sẽ cải thiện hệ thống bằng cách điều chỉnh nó sau mỗi lần gặp phải vấn đề.

Hỏi: Nhưng Trung Quốc đâu có chống đối lại việc học tập từ phương Tây. Suy cho cùng thì chủ nghĩa Marx cũng

xuất phát từ phương Tây mà.

Đáp: Không, không, đó là một vấn đề hoàn toàn khác. Đúng là có thời điểm họ theo Liên Xô, nhưng đó là sự trung thành với ý thức hệ. Còn khi họ nói về dân chủ thì đó không phải là thứ dân chủ theo định nghĩa của Mỹ, của Anh hay của chúng ta. Theo tôi, quy tắc cơ bản và cũng là thách thức thực sự của dân chủ đó là: Anh có thể thay đổi chính phủ bằng phiếu bầu hay không? Chỉ thế thôi. Trung Quốc đã nghiên cứu chúng ta, làm thế nào chúng ta duy trì được quyền lực? Chúng ta có phiếu bầu của người dân. Và khi chúng ta mất ghế trong chính phủ, chúng ta sẽ phải chuẩn bị cho các vòng tiếp theo, hoặc là lấy lại, giữ nguyên hoặc mất thêm ghế. Nói cách khác, anh có thể thay đổi chính phủ bằng phiếu bầu. Nhà lý thuyết chính trị Harold Laski đã tóm tắt vấn đề này bằng một câu kinh điển: anh có thể làm cách mạng bằng sự đồng thuận hoặc bằng bạo lực. Tôi không cho họ sẽ làm cách mạng bằng phiếu bầu, hay giải quyết vấn để bằng phiếu bầu.

Hỏi: Hệ thống hộ khẩu lâu nay vẫn là đề tài tranh cãi ở Trung Quốc và nhiều người kêu gọi bãi bỏ nó. Ngài có nghĩ chính phủ Trung Quốc sẽ thay đổi chính sách hộ khẩu của họ không, không phải ngay lập tức nhưng dần dần sẽ thoáng hơn trong việc di dân lên đô thị?

Đáp: Họ có thể làm điều đó, nhưng như thể nghĩa là họ sẽ đặt lên vai chính quyền thành phố gánh nặng phải tiếp nhận những người này. Trừ khi thành phố được cấp thêm ngân sách, còn không thì làm thế nào họ có thể gánh nổi các chi phí?

Hỏi: Một báo cáo gần đây của Ngân hàng Thế giới cảnh báo rằng nền kinh tế Trung Quốc đang tiến đến giai đoạn chững lại, trừ khi nước này thay đổi cơ bản nền kinh tế của mình. Bản báo cáo nhấn mạnh sự cần thiết phải tư nhân hóa các doanh nghiệp nhà nước.

Đáp: Đấy lại là phương pháp ít mang lại hiệu quả. Động lực của các nhà quản lý doanh nghiệp nhà nước khác với nhà quản lý doanh nghiệp tư nhân. Họ nhận được chỉ thị là phải cố gắng hơn, làm ăn hiệu quả hơn. Nhưng dù có làm việc hiệu quả hay không thì họ vẫn được hưởng lương. Sự thay đổi chỉ xảy ra khi họ chính là người chủ sở hữu khối tài sản đó. Toàn bộ tài sản của họ luôn trong tình trạng không an toàn mới khiến họ phải tập trung làm việc 24 trên 24. Liệu chủ doanh nghiệp nhà nước Trung Quốc đã sẵn sàng làm như vậy? ơ Nga khi tiến hành tư nhân hóa thì các nhà tài phiệt hùng mạnh đã tiếp quản ngay một phần lớn của nền kinh tế. Một số tập đoàn của họ đã điều hành rất hiệu quả bởi vì đó là tài sản của họ.

Hỏi: Ngài có thấy Trung Quốc cũng đang thực hiện điều đó không?

Đáp: Anh làm thế nào để tư nhân hóa một cách công bằng? Anh sẽ bán cho ai?

Hỏi: Nhưng với những gì ngài nói về quan hệ và ô dù trong hệ thống Trung Quốc, việc tư nhân hóa vẫn sẽ diễn ra được.

Đáp: Và anh cứ thế đem doanh nghiệp đi cho như vậy sao? Tôi nghĩ như thế sẽ nảy sinh rắc rối ngay rồi những người ở cấp lãnh đạo sẽ tranh giành quyền lợi và ngay lập tức sẽ dẫn đến tranh giành quyền lực. Còn trường hợp của Liên Xô là do cả một nhà nước cũ đã sụp đổ rồi, quá khứ bị cắt đứt rồi, khi mọi người còn hoang mang và chưa có định hướng gì nên họ mới có thể chuyển đổi được cả một nền kinh tế nhà nước như thế.

Hỏi: Giả sử hệ thống các doanh nghiệp nhà nước cứ làm ăn kém hiệu quả kéo theo nền kinh tế phát triển chậm lại, liệu đó có đủ là lý do để họ thay đổi?

Đáp: Không thể nói trước được. Nếu kinh tế suy thoái nghiêm trọng, họ sẽ phải nghĩ cách tạo động lực cho các nhà quản lý hoặc thay thế họ bằng những người chuyên nghiệp hơn. Họ có thể làm điều đó bằng cách

nào? Trao quyền cho thân hữu và các đồng chí trong đảng ư? Làm sao đảm bảo được đây đúng là những người có đủ phẩm chất để điều hành công ty? Nếu nhà nước cho phép những doanh nghiệp vừa và nhỏ phát triển mạnh, rồi giới doanh nhân mới nổi lên, thì những doanh nghiệp vừa và nhỏ này sau này có thể tiếp quản được những doanh nghiệp nhà nước vì họ thực sự là những người đã đi bằng chính đôi chân của mình. Họ có hiểu biết và biết cách làm việc với các lực lượng thị trường.

Hỏi: Vậy nếu có nhiều doanh nghiệp nhỏ phát triển lớn mạnh thì sẽ có khả năng tạo ra thay đổi?

Đáp: Nhưng vấn đề là các doanh nghiệp vừa và nhỏ này không có đủ nguồn lực tài chính bởi ngân sách nhà nước chỉ rót tiền vào doanh nghiệp nhà nước. Nếu họ muốn các doanh nghiệp vừa và nhỏ phát triển, họ phải cấp vốn cho những doanh nghiệp này, để từ đó một nhóm các doanh nhân mới nổi lên và sau đó tiếp quản các doanh nghiệp nhà nước. Tôi xem đó như một lối thoát.

Hỏi: Ngài có thấy cách thức tổ chức kinh tế và chính trị kìm hãm sự sáng tạo ở những lĩnh vực công nghệ cao, những thứ là thế mạnh hàng đầu của một nền kinh tế

như Hoa Kỳ chẳng hạn?

Đáp: Tất nhiên, đó là lý do tại sao người Trung Quốc không phát minh ra iPad hay iPhone được. Chúng không thuộc về cá nhân người phát minh. Còn ở Mỹ, Steve Jobs phát minh ra chúng và chúng thuộc về ông ta. Ông ta phát minh, ông ta có bằng sáng chế, và ông ta trở thành tỉ phú.

Hỏi: Vậy đó sẽ không phải là vấn đề ảnh hưởng đến sự phát triển của Trung Quốc? Liệu nó có ảnh hưởng tới khả năng cạnh tranh trực tiếp với Mỹ hay sao?

Đáp: Vấn đề này đã tồn tại rất lâu rồi. Anh thử nhìn vào mỗi phát minh mới như iPhone, iPad, Internet, sao không phải là người Trung Quốc làm ra chúng? Không phải là do thiếu nhân tài, mà là thiếu một thứ khác.

Hỏi: Liệu sẽ đến một ngày số sinh viên Trung Quốc hiện đang theo học tại các trường đại học hàng đầu ở Mỹ, với thành tích xuất sắc, có thể quay trở lại Trung Quốc và...

Đáp: Và thay đổi hệ thống?

Hỏi: ít nhất là trong lĩnh vực công nghệ.

Đáp: Khi quay về họ sẽ được sắp xếp vào hệ thống, đó là làm quản lý cấp trung thôi, rồi đến khi họ leo được lên

những chức cao hơn thì họ đã bị cuốn vào hệ thống và rồi cũng sẽ hành xử y như các bậc tiền bối. Đó chính là vấn đề. Ý tôi là nếu Trung Quốc cử những người quản lý cấp trung tới Mỹ học quản lý rồi trở về, lên nắm quyền và triển khai một hệ thống khác thì may ra còn khả thi, nhưng điều đó đồng nghĩa với việc giai cấp lãnh đạo từ bỏ quyền lực, mà theo tôi họ sẽ không làm vậy. Nó đi ngược lại bản chất của chế độ. Làm vậy họ sẽ được gì chứ?

Hỏi: Với sức ì lớn như thế, liệu hệ thống đó có thể giữ vững được mức tăng trưởng cao không hay kinh tế Trung Quốc sẽ chững lại như những gì báo cáo của Ngân hàng Thế Giới đã viết?

Đáp: Tôi tin rằng nền kinh tế sẽ chững lại khi nguồn lực lao động giá rẻ cạn kiệt.

Hỏi: Ngài có tin rằng đồng nhân dân tệ trong khoảng 15 tới 20 năm nữa sẽ trở thành đồng tiền tự do chuyển đổi?

Đáp: Tôi nghĩ đó có thể là một khả năng mà họ hướng tới. Nhưng khả năng chuyển đổi không đồng nghĩa với một tỷ giá hối đoái hợp lý. Họ có thể chuyển đổi và hạ giá đồng tiền của mình để tăng xuất khẩu. Họ sẽ tăng giá đồng tiền nhưng sẽ làm từ từ. Họ sẽ luôn muốn lợi thế của xuất khẩu chi phí thấp. Đó là một nền kinh tế định

hướng xuất khẩu, không phải một nền kinh tế thúc đẩy bởi tiêu dùng trong nước như ở Mỹ. Còn Mỹ muốn Trung Quốc chuyển sang nền kinh tế giống họ thì theo tôi, sớm muộn rồi Trung Quốc cũng buộc phải chuyển sang kiểu kinh tế này thôi nhưng họ cắn thay đổi tâm lý của tầng lớp trung lưu và hạ trung lưu. Họ phải khuyến khích tầng lớp này tiêu dùng chứ không chỉ là tiết kiệm. Tôi khá chắc rằng cuối cùng tiêu dùng trong nước là giải pháp tối ưu nhất cho tăng trưởng bền vững. Nhưng để điều đó có thể xảy ra, họ cũng cần phải phân phối lại tăng trưởng bởi vì những người dân ở các tỉnh nội địa không có sức mua. Họ cần đảm bảo mọi người dân đều được hưởng lợi.

Hỏi: Vậy dựa trên kịch bản mà ngài vẽ nên, chắc chắn nhà nước sẽ phải thay đổi đáng kể hệ thống xã hội của họ - về mặt tiếp cận giáo dục đào tạo, để cho như ngài nói, nước lên thì thuyền cũng lên. Vậy đòi hỏi về kinh tế liệu có thúc đẩy thay đổi xã hội?

Đáp: À, đó cũng là một cách nói. Nhưng theo cách nhìn của họ, nếu họ không làm điều đó, nền kinh tế của họ sẽ đình đốn. Vì thế, họ làm điều đó chỉ vì họ không muốn đoàn tàu kinh tế của minh chết máy mà thôi.

2

HOA KỲ

Bất an nhưng vẫn dẫn đầu

HOA KỲ

Cán cân quyền lực đang thay đổi và thế giới đương đại sẽ không còn như xưa. Theo thời gian Mỹ sẽ gặp nhiều bất lợi hơn trong việc gây ảnh hưởng tại châu Á ở bên kia Thái Bình Dương và địa lý là điểm mấu chốt trong trường hợp này Trung Quốc lại có lợi thế hơn vì nằm ngay trong khu vực này và vì thế dễ dàng phô trương sức mạnh ở châu Á. Còn đối với Mỹ, việc gây ảnh hưởng từ khoảng cách 8.000 hải lý lại là một vấn đề hoàn toàn khác bởi nó tạo ra sự khác biệt đáng kể về mức độ quan tâm, về hậu cần và chi phí giữa hai bên. Chỉ riêng 1,3 tỉ người Trung Quốc so với 314 triệu người Mỹ cũng đã góp phần tạo nên thách thức lớn. Nhưng

sự chuyển đổi quyền lực sẽ không xảy ra một sớm một chiều do Mỹ vẫn đang giữ ưu thế vượt bậc về công nghệ. Người Trung Quốc dù có thể chế tạo tàu sân bay nhưng vẫn không thể sánh với công nghệ tàu sân bay của Mỹ với sức chứa 5.000 quân và lò hạt nhân. Nhưng về lâu về dài, những bất lợi Mỹ phải đối mặt do khoảng cách địa lý sẽ mang tính quyết định khiến họ phải điều chỉnh thế đứng và chính sách của minh trong khu vực này.

Năm 2011 chính quyền Obama tuyên bố Mỹ sẽ quan tâm mạnh mẽ hơn tới khu vực châu Á - Thái Bình Dương và gọi đây là Sự xoay trục sang Thái Bình Dương. Ngoại trưởng Hillary Clinton đã giải thích tư duy đằng sau chính sách mới này trên tờ *Foreign Policy:* "Với Mỹ, các thị trường mở ở châu Á đem lại những cơ hội chưa từng có về đầu tư, thương mại và tiếp cận công nghệ tiên tiến... Về mặt chiến lược, duy trì hòa bình và an ninh ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương cũng ngày càng mang tính sống còn với sự tiến bộ toàn cầu, dù là thông qua bảo vệ tự do hàng hải ở Biển Đông, chống sự đe dọa của

Triều Tiên hay đảm bảo tính minh bạch trong các hoạt động quân sự của các nước lớn trong khu vực." Tháng 4 năm 2012, Mỹ đã triển khai 200 lính thuỷ đánh bộ đầu tiên tới Darwin, ức trong nỗ lực nhằm tăng cường sự hiện diện của mình trong khu vực.

Nhiều quốc gia châu Á hoan nghênh cam kết tái khẳng định này của người Mỹ. Sự hiện diện của Mỹ trong nhiều năm qua là một nhân tố quan trọng đem lại ổn định khu vực và kéo dài sự hiện diện này sẽ giúp duy trì trạng thái ổn định và an ninh đó. Tầm vóc của Trung Quốc đồng nghĩa với việc chỉ có Mỹ - hợp tác với Nhật Bản và Hàn Quốc, đồng thời hợp tác với các nước ASEAN - mới có thể đối trọng lại được.

Tuy nhiên, người Mỹ có thể biến ý định này thành cam kết lâu dài được hay không thì còn phải chờ xem bởi ý định là một chuyện, còn khả năng và năng lực lại là chuyện khác. Hiện nay Mỹ có quân ở úc, Nhật Bản, Hàn Quốc và đảo Guam. (Người Philippines đã không khôn ngoan khi yêu cầu người Mỹ rời khỏi vịnh Subic năm 1992. Họ quên mất hậu

quả lâu dài của hành động này để bây giờ phải thốt lên: "Hãy quay lại đi!") Người Mỹ tin rằng sự dàn xếp quân sự trong khu vực như vậy cho phép họ cân bằng với hải quân Trung Quốc. Hơn nữa, vì vùng biển trong khu vực này tương đối nông nên Mỹ có thể theo dõi hoạt động của các tàu thuyền Trung Quốc, kể cả tàu ngầm. Nhưng lợi thế này có thể kéo dài bao lâu? Một trăm năm? Không thể nào. Năm mươi năm? Chưa chắc. Hai mươi năm? Có thể. Rốt cuộc, cân bằng quyền lực trở thành một hàm số phụ thuộc vào biển là nền kinh tế Mỹ trong một vài thập niên tới. Bạn cần một nền kinh tế vững mạnh mới có thể phô trương quyền lực, tức là đầu tư vào tàu chiến, máy bay và các căn cứ quân sự.

Khi Mỹ và Trung Quốc tranh giành vị trí bá chủ trên Thái Bình Dương thì các quốc gia yếu thế hơn ở châu Á sẽ buộc phải thích ứng với cục diện mới. Sử gia Hy Lạp Thucydides đã từng viết rằng "kẻ mạnh muốn làm gì thì làm còn kẻ yếu phải cam phận mà chịu đựng". Các quốc gia nhỏ hơn ở châu Á có lẽ không muốn phải cam phận chịu đựng như thế ,

nhưng trước những quan điểm cho rằng tầm ảnh hưởng của Mỹ ở châu Á - Thái Bình Dương đang, suy giảm, các nước này sẽ phải điều chỉnh chiến lược đối ngoại của mình. Người ta sẽ phải quan tâm hơn đến những "sở thích sở ghét" của Trung Quốc khi nước này ngày càng lớn mạnh về kinh tế lẫn quân sự. Nhưng quan trọng hơn là không để cho Trung Quốc làm mưa làm gió ở khu vực này. Dù gì tôi cũng không cho rằng Trung Quốc có thể hoàn toàn hất cẳng người Mỹ ra khỏi khu vực Tây Thái Bình Dương.

Việt Nam là một trong những quốc gia lo lắng nhất về sự bành trướng sức mạnh của Trung Quốc. Năm 1979, Đặng Tiểu Bình tấn công miền Bắc Việt Nam. Đây là bài học khó quên với người Việt Nam, và chính phủ nước này có lẽ đã bàn đến chiến lược làm thế nào thiết lập các mối quan hệ an ninh lâu dài với người Mỹ.

Tôi cũng cảm thấy đáng tiếc khi cán cân quyền lực lại dần thay đổi vì dù gì Hoa Kỳ cũng là một

cường quốc hòa bình.

Singapore khá thoải mái với sự hiện diện của người Mỹ. Chúng tôi không biết Trung Quốc sẽ hung hàng hay hùng hổ tới mức nào. Năm 2009 khi tôi nói chúng ta phải cân bằng Trung Quốc thì họ lại dịch sang tiếng Trung thành "ngăn chặn". Thể là cư dân mạng Trung Quốc nháo nhào phẫn nộ cho rằng sao tôi cũng là người Hoa mà lại dám nói như thế. Họ thật dễ tự ái. Và thậm chí sau khi tôi chỉ ra cho họ rằng tôi không bao giờ nói "ngăn chặn", họ vẫn không nguôi giận. Thế mà thứ quyền lực non trẻ đó lại đang ngày một mạnh lên.

Trong bối cảnh đang thay đổi này, chiến lược tổng thể của Singapore là đảm bảo rằng ngay cả khi dựa vào bộ máy tăng trưởng của Trung Quốc thì chúng tôi vẫn không cắt đứt sợi dây liên kết với phần còn lại của thế giới, đặc biệt là Mỹ. Singapore vẫn còn quan trọng đối với người Mỹ vì có vị trí chiến lược nằm ngay trung tâm một khu vực quần đảo mà người Mỹ không thể bỏ qua nếu muốn duy

trì ảnh hưởng ở châu Á - Thái Bình Dương. Và dù chúng tôi phát triển các mối quan hệ với người Trung Quốc thì họ cũng không thể ngăn cản chúng tôi duy trì quan hệ kinh tế, xã hội, văn hóa và an ninh mạnh mẽ với Mỹ. Người Trung Quốc biết rằng càng gây áp lực với các quốc gia Đông Nam Á thì càng đẩy các quốc gia này thân Mỹ hơn. Nếu người Trung Quốc muốn đưa tàu chiến đến neo đậu tại cảng của Singapore như người Mỹ đang làm, chúng tôi cũng sẽ chào đón họ, nhưng chúng tôi sẽ không ngả về phía nào theo kiểu cho phép bên này và cấm đoán bên kia. Đây là một lập trường có tính nguyên tắc mà chúng tôi có thể duy trì trong một thời gian dài.

Chúng tôi còn có mối liên hệ với phần còn lại của thế giới bằng ngôn ngữ. Chúng tôi may mắn được người Anh cai trị vì họ để lại tiếng Anh. Nếu như bị người Pháp cai trị như người Việt thì chúng tôi lại phải quên đi tiếng Pháp trước khi học tiếng Anh thi mới kết nối được với thế giới. Đó hẳn sẽ là một sự chuyển đổi đầy đau đớn và khó khăn. Khi

Singapore độc lập vào năm 1965, một nhóm người tại Phòng "Thương mại Trung Quốc đã đến gặp tôi để vận động cho tiếng Trung được chọn làm quốc ngữ. Tôi đã nói với họ: “Thế thì các ông sẽ phải chiến đấu với tôi đấy." Gần năm thập kỷ đã trôi qua và lịch sử đã cho thấy khả năng nói tiếng Anh và giao tiếp với thế giới là một trong những yếu tố quan trọng nhất trong câu chuyện tăng trưởng của Singapore. Tiếng Anh là ngôn ngữ của cộng đồng quốc tế. Để quốc Anh đã truyền bá thứ ngôn ngữ này trên toàn thế giới, nên khi người Mỹ thay chân người Anh, đó là một sự chuyển đổi tương đổi liền mạch sang tiếng Anh kiểu Mỹ. Đó là một lợi thế to lớn của người Mỹ khi ở đâu trên thế giới cũng có người nói chuyện và hiểu được ngôn ngữ của họ.

Khi sự trỗi dậy của Trung Quốc tiếp diễn, Singapore có thể nâng cao chuẩn tiếng Trung trong nhà trường để học sinh của chúng tôi có lợi thế nếu sau này các em chọn làm việc hoặc kinh doanh với Trung Quốc. Nhưng tiếng Trung vẫn sẽ là ngôn ngữ thứ hai, bởi vì ngay cả khi GDP của Trung Quốc có

vượt qua Mỹ, họ cũng không thể cho chúng tôi được những tiêu chuẩn sống mà chúng tôi đang hưởng ngày hôm nay. Đóng góp của Trung Quốc vào GDP của chúng tôi ít hơn 20%. Chính phần còn lại của thế giới mới giúp Singapore tiếp tục phát triển thịnh vượng - không chỉ là người Mỹ, mà còn là người Anh, Đức, Pháp, Hà Lan, Úc, v.v... Các nước này giao thương bằng tiếng Anh, không phải tiếng Trung. Thật ngớ ngẩn nếu có lúc nào đó trong tương lai chúng tôi lại xem xét chọn tiếng Trung làm ngôn ngữ công sở khi mà chính người Trung Quốc cũng phải cật lực học tiếng Anh từ mẫu giáo đến đại học.

CUỘC CẠNH TRANH CUỐI CÙNG

Nước Mỹ chưa xuống dốc. Uy tín của nước này đã tổn hại do việc đóng quân lâu dài và lộn xộn tại Iraq và Afghanistan cũng như do cuộc khủng hoảng tài chính nghiêm trọng, nhưng các nhà sử học sâu sắc sẽ chỉ ra rằng một nước Mỹ tưởng như đang suy yếu và mỏi mệt đã từng bật ra khỏi những tình

huống còn tệ hại hơn. Chỉ trong thế kỷ vừa qua thôi Mỹ đã đối mặt nhiều thử thách lớn: cuộc Đại Suy thoái, chiến tranh Việt Nam, sự trỗi dậy sau chiến tranh của các cường quốc công nghiệp Nhật Bản và Đức. Mỗi lần như vậy, Mỹ lại tìm thấy ý chí và sức mạnh để phục hồi vị thế dẫn đầu của mình. Mỹ đã từng vượt trội thế giới và chắc chắn nó sẽ hiện thực hóa điều này một lần nữa.

Thành công của Mỹ nằm ở nền kinh tế năng động, được duy trì bằng khả năng phi thường không chỉ ở việc sản xuất cùng một sản lượng với chi phí ít hơn mà còn là liên tục đổi mới sáng tạo, nghĩa là phát minh ra những hàng hóa và dịch vụ hoàn toàn mới mà cả thế giới chẳng mấy chốc đều mong muốn sở hữu như iPhone, iPad, Microsoft, Internet, những thứ được tạo ra ở Mỹ chứ không phải nơi nào khác. Trung Quốc có nhiều nhân tài không thua gì Mỹ nhưng sao họ không có những phát minh tương tự? Rõ ràng họ thiếu những ý tưởng sáng tạo mà người Mỹ sở hữu. Và những ý tưởng lóe lên đó cho thấy người Mỹ rồi sẽ trình làng những sản phẩm sáng tạo

đột phá giúp thay đổi cục diện, đưa họ về lại vị trí dẫn đầu.

Thậm chí nếu đúng là nước Mỹ đang trên đà xuống dốc thì ta vẫn phải nhớ rằng đây là một nước lớn và cần có một thời gian dài thì mới có thể suy thoái. Nếu Singapore là một nước lớn thì tôi sẽ không quá lo lắng nếu chúng ta đưa ra chính sách sai lầm, vì hậu quả từ từ mới biểu hiện ra, nhưng chúng ta lại là một nước nhỏ và một hành động sai lầm có thể đưa đến hậu quả kinh khủng trong một thời gian ngắn. Mặt khác, nước Mỹ giống như một con tàu lớn. Họ sẽ không thể chuyển hướng nhanh như một chiếc xuồng nhỏ. Nhưng tôi tin những người cho rằng Mỹ đang suy thoái đã nói sai. Mỹ sẽ không suy thoái. So sánh với Trung Quốc, Mỹ có thể trở nên ít uy lực hơn, khả năng phô diễn sức mạnh ở Tây Thái Bình Dương có thể bị ảnh hưởng và không thể sánh với Trung Quốc về dân số và GDP, nhưng lợi thế chính yếu của Mỹ - sự năng động của họ - sẽ không biến mất. Nước Mỹ, cho đến lúc này đây vẫn là một xã hội sáng tạo hơn Trung Quốc. Và việc nội

bộ nước Mỹ đang tranh luận về việc liệu họ có đang xuống dốc hay không đã cho thấy đây là một dấu hiệu tốt. Điều đó có nghĩa rằng người khổng lồ này không hề ngủ quên trong vòng nguyệt quế trên đỉnh cao.

Tại sao tôi tin tưởng vào sự thành công lâu dài của Mỹ?

Thứ nhất, Mỹ là một xã hội hấp dẫn mà Trung Quốc không bao giờ có thể sánh bằng. Mỗi năm, hàng nghìn người nhập cư có trình độ được cho phép định cư tại Mỹ và trở nên thành công trong nhiều lĩnh vực. Những người nhập cư này sáng tạo và thường mạo hiểm hơn, nêu không thì họ đã chẳng rời khỏi quê hương mình. Họ đem lại nguồn ý tưởng mới mẻ và tạo nên sự năng động trong lòng xã hội Mỹ, một sức sống không thể tìm thấy ở Trung Quốc. Mỹ sẽ không thành công được như hôm nay nếu không có người nhập cư. Trong hàng thế kỷ, Mỹ thu hút những nhằn tài hàng đầu từ châu Âu. Ngày hôm nay, họ thu hút nhân tài từ châu Á - người Ấn,

Trung, Hàn, Nhật và thậm chí là người Đông Nam Á. Vì Mỹ luôn chào đón người nhập cư, giúp họ hòa nhập và cho họ một cơ hội bình đẳng để đạt được giấc mơ Mỹ nên luôn có một dòng chảy nhân tài đóng góp cho quá trình sáng tạo công nghệ mới, sản phẩm mới và cách làm ăn mới cho xứ sở cờ hoa.

Trung Quốc và các quốc gia khác cuối cùng sẽ phải áp dụng vài phần của mô hình thu hút nhân tài của Mỹ sao cho phù hợp với hoàn cảnh của mình. Họ sẽ phải tìm người tài bên ngoài để về xây dựng các doanh nghiệp. Đây là cuộc cạnh tranh cuối cùng. Đây là thời đại mà chúng ta không còn có các cuộc chạy đua quân sự giữa các cường quốc vì họ biết rằng điều đó chỉ dẫn đến hủy diệt, nhưng vẫn còn những cuộc chạy đua về kinh tế và công nghệ mà trong đó tài năng là nhân tố quyết định.

Mỹ là một xã hội thu hút và giữ chân được nhân tài. Họ đã và đang chiêu dụ được những tài năng sáng giá nhất từ châu Á. Số lượng người Ấn trong các ngân hàng và trường đại học của họ rất lớn, ví dụ

như Vikram Pandit, cựu CEO của Citibank. Nhiều người Singapore cũng đang chọn ở lại Mỹ sau khi du học và đó là lý do mà tôi ủng hộ việc cho sinh viên học bổng đi du học Anh hơn vì tôi chắc rằng họ sẽ trở về Singapore. Tại Vương quốc Anh, bạn không ở lại được vì bạn không được chào đón. Và vì nền kinh tế của Anh kém năng động hơn nên ở đấy có ít công ăn việc làm hơn.

Một lý do khiến Trung Quốc luôn là cục nam châm kém sức hút nhân tài chính là ngôn ngữ. Tiếng Trung khó học hơn tiếng Anh. Nói tiếng Trung rất khó nếu như không học từ nhỏ. Đây là ngôn ngữ đơn âm tiết và mỗi từ có tới 4 hay 5 thanh. Không biết tiếng thì bạn không thể giao tiếp và đây là một rào cản rất lớn. Cứ lấy bản thân tôi làm ví dụ. Tôi đã vật lộn suốt 50 năm để học tiếng Trung và đến giờ mặc dù tôi có thể nói tiếng Trung và viết theo kiểu bính âm nhưng tôi vẫn không thể hiểu hết được thứ tiếng Trung toàn đặc ngữ. Mà tôi đã rất cố gắng rồi đấy Trung Quốc trở nên hùng cường trong tương lai không thay đổi thực tế là tiếng Trung cực

kì khó học. Có bao nhiêu người đã đến Trung Quốc, ở lại và làm ăn ngoại trừ những người Trung Quốc, người châu Âu và người Mỹ muốn trở thành những chuyên gia về Trung Quốc? Người Trung Quốc cố gắng phổ biến ngôn ngữ của mình ra nước ngoài bằng việc thành lập các Viện Khổng Tử trên toàn thế giới, nhưng kết quả đạt được hết sức khiêm tốn. Người ta vẫn đến Hội đồng Anh và những cơ sở của Mỹ. Chính phủ Mỹ thậm chí không cần phải cố gắng. Một thời họ có lập ra Trung tâm Dịch vụ Thông tin Hoa Kỳ, nhưng rồi cũng đóng cửa nó vì không cần thiết nữa. Đã có hàng loạt ấn phẩm, chương trình truyền hình và phim ảnh làm hộ họ công việc đó. Nên nếu so về quyền lực mềm thì làm sao mà Trung Quốc có thể chiến thắng được.

Một nguồn lực cạnh tranh khác của Mỹ là nhiều trung tâm xuất sắc cạnh tranh lẫn nhau khắp cả nước. Bờ Đông có Boston, New York, Washington, bờ Tây có Berkeley, San Francisco, và ở miền Trung thì có Chicago và Texas. Có rất nhiều trung tâm và mỗi trung tâm lại cạnh tranh với nhau không ai

nhường ai. Khi người Texas biết rằng mình nằm ngay trên giếng dầu thì James Baker - cựu ngoại trưởng Mỹ và là người Texas - đã cố gắng thành lập ngay một trung tâm ở thành phố lớn nhất Texas là Houston để cạnh tranh với Boston hoặc New York. Jon Huntsman, cựu đại sứ Mỹ ở Singapore và Trung Quốc và là bạn của tôi, là một ví dụ khác. Gia đình ông có tiền sử ung thư tuyến tiền liệt. Vì vậy khi được thừa hưởng gia tài từ cha, ông liền mang những nhà khoa học giỏi nhất trong lĩnh vực ung thư tuyến tiền liệt về quê nhà ông là bang Utah để nghiên cứu bệnh này.

Mỗi trung tâm đều tin rằng nó không thua kém gì các trung tâm khác miễn là có tiền và nhân tài, những thứ có thể tìm kiếm được. Không ai cảm thấy bắt buộc phải tuân theo Washington hay New York. Miễn có tiền là bạn có thể xây dựng một trung tâm mới. Chính vì thế xã hội Mỹ có sự đa dạng và một tinh thần cạnh tranh luôn sản sinh ra những ý tưởng mới và sản phẩm mới bền vững với thời gian. Trung Quốc dĩ nhiên lại chọn một cách tiếp cận

khác. Người Trung Quốc tin rằng khi chính quyền trung ương vững mạnh thì đất nước mới giàu mạnh. Đây là não trạng, là mệnh lệnh yêu cầu mọi người phải tuân theo một trung ương duy nhất. Mọi người phải diễu hành theo cùng một điệu trống. Ngay cả Anh và Pháp cũng không thể cạnh tranh với Mỹ về mặt này. Ở Pháp những người giỏi đều theo học các trường lớn (grandes écoles). Ớ Anh thì đó là Oxbridge (Oxford và Cambridge). Những quốc gia này tương đối nhỏ, gọn do đó cũng đồng bộ hơn.

Kể từ cuối những năm 1970 đến những năm 1980, Mỹ mất vị trí dẫn đầu nền công nghiệp về tay Nhật Bản và Đức, những cường quốc kinh tế mới phục hồi. Họ bị vượt mặt về đổ điện tử, thép, hóa dầu và công nghiệp xe hơi. Đây là những ngành sản xuất quan trọng huy động nhiều lao động, kể cả những lao động phổ thông được công đoàn bảo vệ. Ở một số nước châu Âu, công đoàn chống cải cách lao động bằng cách đe dọa tổ chức đình công và khiển doanh nghiệp tổn thất nghiêm trọng chỉ trong thời gian ngắn. Nhưng ở Mỹ điều ngược lại đã xảy ra. Các tập

đoàn mạnh tay thực hiện những biện pháp thay đổi khó khăn nhưng cần thiết. Họ giảm qui mô, giảm biên chế đồng thời cải tiến năng suất thông qua áp dụng công nghệ, bao gồm công nghệ thông tin. Nền kinh tế Mỹ lại gắm rống. Các doanh nghiệp mới được mở ra như Microsoft, Cisco và Oracle để giúp các công ty tối ưu hóa hệ thống công nghệ thông tin của mình. Sau một khoảng thời gian điều chỉnh đầy khó khăn, các công ty giờ đã có thể tạo ra nhiều việc làm mới trả lương tốt hơn. Họ không còn hào hứng với việc bấu víu vào những công việc kiểu cũ mà Trung Quốc, Ấn Độ hay Đông Âu có thể làm được. Họ đã nhìn thấy tương lai mà sự thịnh vượng không phải được tạo ra bằng việc chế tạo đồ dùng hay xe hơi, mà bằng sức mạnh trí óc, bằng sức sáng tạo, nghệ thuật, kiến thức và sở hữu trí tuệ. Mỹ đã trở lại cuộc chơi, giành lại vị thế nền kinh tế phát triển tăng trưởng nhanh nhất trên thế giới. Tôi thật sự khâm phục sự năng động trong tinh thần khởi nghiệp của người Mỹ.

Ngày nay chúng ta vẫn tiếp tục chứng kiến điều

đó. Người Mỹ vận hành một hệ thống tinh gọn hơn, có sức cạnh tranh cao hơn. Họ có nhiều bằng sáng chế hơn. Họ luôn phấn đấu tạo được thứ gì đó mới hoặc làm điều gì đó tốt hơn. Tất nhiên, điều này cũng có cái giá của nó. Chỉ số thất nghiệp của Mỹ cứ liên tục lên lên xuống xuống. Ở thời kỳ suy thoái, tỷ lệ thất nghiệp từ 8 đến 10% là chuyện bình thường. Kết quả là một tầng lớp dưới đáy xã hội hình thành. Giữa những xa hoa, nhộn nhịp, những cửa hàng đẹp đẽ ở New York, ta vẫn có thể dễ dàng thấy người vô gia cư nằm bên vệ đường không có gì ngoài manh áo che thân và tấm bìa các tông làm vật ngả lưng. Một số người, bao gồm cả nhà kinh tế học đoạt giải Nobel Paul Krugman, đã chỉ trích sự chênh lệch giàu nghèo ngày càng lớn này trong xã hội Mỹ.

Cuộc sống như vậy có chấp nhận được không? Tôi không dám đánh giá. vẫn có những tổ chức tôn giáo và từ thiện ra tay giúp đỡ, một số nhà hảo tâm còn thành lập những bếp từ thiện cho người thất nghiệp, v.v... Nhưng đâu ai dễ gì vẹn cả đôi đường. Nếu muốn có được sự cạnh tranh mà Mỹ đang có thì

không thể tránh được việc tạo ra một khoảng cách đáng kể giữa tầng đỉnh và tầng đáy, và không thể tránh khỏi việc tạo nên một tầng lớp dưới đáy Còn nếu bạn chọn một nhà nước phúc lợi như châu Âu sau Thế chiến thứ hai thì tất nhiên bạn phải hy sinh sự năng động.

Cuối cùng, nước Mỹ có một nền văn hóa tôn vinh những người dám nghĩ dám làm. Khi họ thành công, họ được cộng đồng ngưỡng mộ như là một nhà khởi nghiệp tài năng và có được sự công nhận lẫn vị trí xã hội họ đáng được hưởng. Khi họ thất bại thì điều này được coi là một giai đoạn trung gian tự nhiên và cần thiết cho thành công về sau, vì vậy mọi người lại đứng lên và bắt đầu từ đầu. Nền văn hóa này khác biệt với Anh, một xã hội tĩnh hơn nơi mà mọi người biết thân biết phận. Nước Anh khá giống châu Âu về điểm này. Người Anh từng có nhiều khám phá vĩ đại như động cơ hơi nước, máy dệt và động cơ điện. Họ giành nhiều giải Nobel khoa học nhưng rất ít khám phá trở nên thành công về mặt thương mại. Vì sao lại thế? Những năm dài của hai

thế kỷ đế quốc đã hình thành một xã hội nơi mà giới thượng lưu lâu đời và những quý tộc có ruộng đất được nể trọng còn "đám giàu xổi" bị xem thường. Các sinh viên trẻ ưu tú mơ ước trở thành luật sư, bác sĩ và trí thức - những người được ngưỡng mộ vì trí tuệ và đầu óc của họ hơn là vì làm ăn chăm chỉ hay lao động tay chân. Hoa Kỳ, trái lại, lại là một xã hội cởi mở không có khoảng cách tầng lớp. Ai nấy đều ngưỡng mộ việc làm giàu và muốn trở nên giàu có. Đây là một động lực rất lớn để khởi nghiệp và tạo ra của cải. Thậm chí ngay trong các công ty Mỹ, người trẻ cũng có tiếng nói thuyết phục hơn ở các cuộc họp, và sức trẻ của họ được định hướng để giúp công ty trở nên sáng tạo hơn.

NƯỚC MỸ VÀ NỢ NẦN

Mỹ có vấn đề nợ và thâm hụt ngân sách tương đối nhẹ nhàng nếu so với một số nước trong khu vực đồng euro. Mỹ có được vị trí dễ chịu này một phần vì đồng đô la Mỹ là đơn vị tiền tệ dự trữ của thế giới,

có nghĩa là Mỹ có được chi phí đi vay thấp hơn các quốc gia khác. Nhưng nước Mỹ cũng không vội mừng vì chi tiêu của họ đang đi sai hướng. Trong vòng 30 năm tới chính phủ Mỹ sẽ không thể nào gánh nổi chi phí cho An sinh Xã hội và Bảo hiểm sức khỏe nếu không tiến hành cải cách cơ chế hiện tại. Điều này đe dọa sẽ bòn rút hết những khoản chi ngân sách chủ động của chính phủ. Nếu trong một thời gian dài các nhà lãnh đạo Mỹ chỉ ngồi nhìn mà không có giải pháp nào thì niềm tin vào đồng đô la Mỹ rồi sẽ sụp đổ. Bế tắc chính trị xung quanh mức trần nợ công và giảm thâm hụt ngân sách năm 2011 là rất đáng báo động đối với nhiều nhà quan sát trên thế giới. Mỹ đang tự phủ nhận vấn đề gặp phải, khi tổng thống và quốc hội không thể đi đến đồng thuận để kê một liều thuốc đắng cho nền kinh tế. Bên nào cũng chỉ hướng mắt tới cuộc bầu cử tiếp theo thay vì lưu tâm tới hậu quả lâu dài cho toàn nước Mỹ.

Vấn đề này đáng lo ngại nhưng tôi không cho rằng nó quá cấp bách. Cả hai bên đều biết rằng nếu không có một giải pháp, kinh tế quốc gia sẽ bất ổn,

thậm chí có thể dẫn đến suy thoái. Vì vậy, tại một thời điểm nào đó, nhất định phải có giải pháp đột phá. Cử tri Mỹ đủ tỉnh táo để nhận ra điều này và họ sẽ thông qua lá phiếu để yêu cầu các lãnh đạo của mình quan tâm đích đáng đến các vấn đề về sự bền vững tài chính của quốc gia. Tổng thống Mỹ, dù là tại vị hay tương lai, rồi sẽ phải đứng ra giải quyết vấn để này và Quốc hội rồi sẽ phải có một sự đồng thuận về tương lai của nước Mỹ thay vì chỉ mải mê đấu đá chính trị. Có thể điều này sẽ xảy ra khi tổng thống đang ở nhiệm kì hai và không còn phải lo lắng về việc tái tranh cử. Dù sao thì giai đoạn hiện nay chỉ là tạm thời. Khi đến lúc quyết định, khi lợi ích và an ninh quốc gia bị đe dọa, cả Đảng Dân Chủ và Đảng Cộng Hòa sẽ phải tập hợp lại quanh một ngọn cờ để giải quyết vấn đề. Vì vậy, tôi không quan tâm nhiều đến những tranh cãi chính trị hiện tại bởi chúng sẽ không có ảnh hưởng lâu dài.

Tuy nhiên, Mỹ có một số vấn đề nghiêm trọng gây hậu quả về lâu dài nhưng lại chưa được xử lý cho đến nơi đến chốn. Một trong những thách thức lớn

nhất của họ là giáo dục. Hàng nghìn sinh viên đổ xô tới Mỹ mỗi năm để vào các trường đại học bởi vì đây là các trường tốt nhất. Được nhận vào Harvard hay Stanford hay Princeton là giấc mơ của hàng triệu học sinh và các bậc phụ huynh trên khắp thế giới.

Nhưng Mỹ không chỉ cần nuôi dưỡng các nhà khoa học, các học giả, chuyên gia và doanh nhân hàng đầu mà còn cần một nguồn cung hên tiếp từ tầng lớp dưới vì những nhân tài tầm trung này sẽ tạo nên tầng lớp lao động chính trong nền kinh tế. Duy trì những đại học ưu tú là việc tốt, nhưng họ không thể đồng thời sản sinh ra những học sinh tốt nghiệp tiểu học và trung học rồi còn viết sai chính tả vì họ lơ là việc giáo dục cơ bản và dạy nghề. Ở một số trường công, ngân sách công vốn đã thấp giò lại còn bị xà xẻo vì khủng hoảng tài chính và hiện giờ vẫn chưa được hoàn lại. Và với tình hình ngân sách thắt chặt hiện nay, một số người cho rằng khoản tiền này sẽ chẳng bao giờ được như cũ. Ảnh hưởng của việc cắt giảm này sẽ không thể hiện ra trong một hoặc hai kỳ bầu cử tới, nhưng sẽ ảnh hưởng lâu

dài đến sức cạnh tranh của Mỹ. Một phần vấn để chính là việc giáo dục thuộc trách nhiệm của chính quyền tiểu bang, không phải chính quyền liên bang. Nghĩa là muốn thay đổi bạn phải thuyết phục được cả 50 chính quyển tiểu bang khác nhau. Bạn không thể ngồi ở Washington mà ra lệnh. Tôi hiểu được lý do lịch sử khiến người Mỹ nghi ngờ việc trung ương xử lý các vấn để địa phương. Nhưng về mặt giáo dục, đây lại là một lỗi lớn nổi cộm lên trong hệ thống.

Một số vấn đề khác phổ biến khắp nước Mỹ là sự cần thiết phải có một cuộc nâng cấp hạ tầng cơ sở trên toàn quốc, rồi là chia rẽ giai cấp ngày càng lớn, vấn đề kì thị chủng tộc dai dẳng, và một quy trình bầu cử quá phụ thuộc vào tiền bạc và mất thời gian tới mức nó ngăn cản nhiều cá nhân tài năng tham gia vào cống hiến cho quốc gia. Đổng thòi cũng cần nhớ rằng trong khi người Mỹ có xu hướng phóng đại ưu điểm của mình thì đôi khi họ cũng thổi phồng các vấn đề gặp phải. Việc này có lợi cho truyền thông khi khai thác nó để thu hút đông đảo đối tượng nghe nhìn. Một kĩ năng tranh luận chính trị được đào tạo

kĩ càng là tấn công đối thủ bằng cách thổi phồng những lỗi lầm của họ. Những nhà quan sát nước ngoài không quen với điều này lúc đầu sẽ thấy đáng ngại, nhưng rồi họ sẽ nhanh chóng học được cách tách luận điệu chính trị ra khỏi thực tế.

Gạt các luận điệu qua một bên thì người Mỹ về cơ bản tin rằng ngày mai sẽ là một ngày tươi sáng. Điều này giải thích xu hướng dám tiêu xài, dám vay mượn và lại tiêu xài không ngừng nghỉ của họ. Người Trung Quốc và người Nhật thì lại khác bởi họ luôn tin rằng sẽ có một trận động đất hay thảm họa nào đó bất ngờ xảy ra nên họ cảm thấy cần phải để dành tích cóp. Tôi ngưỡng mộ thái độ lạc quan này của xã hội Mỹ: một thái độ dám nghĩ dám làm, một niềm tin rằng mọi việc đều có thể được giải quyết nếu có đủ nguồn lực, rằng mọi thứ đều có thể được chia nhỏ ra để phân tích và tái định nghĩa. Nhưng tôi có lẽ sẽ không muốn sống ở Mỹ cả đời. Nếu trở thành một người tị nạn, như cựu thủ tướng miền Nam Việt Nam Nguyễn Cao Kỳ ở California, tôi có lẽ sẽ chọn nước Anh - đất nước tôi cho là ít áp lực hơn.

NƯỚC MỸ MÀ TÔI BIẾT

Lần đầu tiên tôi đến Mỹ là năm 1962, không lâu sau Thế chiến thứ hai. Hồi đó, nền kinh tế châu Âu đã phần nào sụp đổ, cường quốc Anh đi xuống và Trung Quốc chưa trỗi dậy, nước Mỹ đứng đầu thế giới. Những người Mỹ tôi gặp tại thời điểm đó rất tự tin. Người Anh đã bàn giao quyền lực thế giới cho họ. Cả hai đều là quốc gia nói tiếng Anh nên không có nhiều bất hòa và tranh chấp. Người Anh ý thức được họ không còn là đối thủ của Mỹ nữa. Họ được người Mỹ cứu khỏi người Đức với một cái giá là mất đế quốc và quyển cho thuê đất - toàn bộ tài sản đất đai của Anh ở Mỹ đã được bàn giao lại cho Mỹ, hoặc bán đi trả nợ cho các con tàu cũ họ đã mua nhằm bảo vệ nguồn tiếp tế từ vùng biển Đại Tây Dương của mình. Người Anh nhận thức rõ rằng mình đã hết thời và không thách thức gì vị trí số một của người Mỹ.

Nhưng lần này, sự khác biệt sẽ là người Mỹ

không dễ dàng chấp nhận vị trí siêu cường của mình bị người Trung Quốc thách thức vì họ có thể nhìn thấy được trong sự trỗi dậy của Trung Quốc một đối thủ cạnh tranh tiềm tàng khó có thể kiềm chế. Trung Quốc sẽ có GDP vượt qua Mỹ vào năm 2035 và sẽ có một lực lượng quân sự đủ ngăn cản Mỹ thống trị Tây Thái Bình Dương. Đây là sự thay đổi trọng yếu. Khi người Đức thách thức trật tự thế giới bằng cách tiến hành chiến tranh ở châu Âu, người Anh cùng người Mỹ đã ngăn chặn họ. Liệu lần này người Mỹ, có lẽ với sự giúp đỡ của người Nhật, có thể ngăn chặn người Trung Quốc? Tôi nghi ngờ điều đó. Người Nhật sẽ không muốn dính líu tới Trung Quốc và biến Trung Quốc thành kẻ thù không đội trời chung với mình từ đó về sau. Nếu tôi là người Nhật, và tôi thấy 130 triệu dân nước tôi sống kề bên 1,3 tỉ dân Trung Quốc, tôi sẽ tự nhủ: "Tại sao phải đi biển họ thành kẻ thù?" Hơn nữa, Trung Quốc lại hoan nghênh các doanh nhân Nhật Bản và Hàn Quốc đến đầu tư ồ ạt tại nước này, thu hút họ về mặt kinh tế thông qua các nhân tố sản xuất giá rẻ và thị trường

khổng lồ. Người Mỹ có thể chưa phải thỏa hiệp và chịu chung sống như vậy. Nhưng người Nhật và người Hàn Quốc vẫn muốn giữ mối quan hệ an ninh với Mỹ, ngay cả khi họ đang gắn chặt kinh tế với Trung Quốc.

Mối quan hệ Mỹ - Trung sẽ là mối quan hệ song phương quan trọng nhất trong thế kỷ 21. Hòa bình và hợp tác giữa hai người khổng lồ này sẽ mang lại ổn định cho khu vực châu Á. Một cuộc đụng độ khó có thể xảy ra vì cả hai đều là cường quốc hạt nhân. Một khi hai bên bắt đầu xung đột ở bất cứ cấp độ nào, xung đột đó thường sẽ leo thang và bên thua cuộc cuối cùng sẽ phải sử dụng vũ khí hạt nhân để hạn chế thiệt hại, đó là sự khởi đầu của diệt vong. Do đó cả hai bên phải làm mọi thứ có thể để tránh xung đột dù là nhỏ nhất. Mỹ, dù không ngừng cải tiến công nghệ quân sự, vẫn nên cố gắng khuyến khích và giúp Trung Quốc hòa nhập vào cộng đồng thế giới và đóng vai trò nào đó trong việc định hình trật tự quốc tế. Khi đó Trung Quốc mới thấy rất đáng để chấp nhận nghĩa vụ công dân toàn cầu của mình.

Trong những năm đầu thống trị, người Mỹ hay hành động khiếm nhã, thậm chí là ngạo mạn. Người Anh vận hành một đế quốc suốt hơn 200 năm và kết quả là đã phát triển một phong cách cai trị dày dạn kinh nghiệm và khôn khéo. Một công chức người Ấn làm việc cho người Anh từng thích thú kể với tôi rằng chỉ cần 200 công chức Anh có thể kiểm soát được 200 triệu người Ấn Độ. Đó là thời kì hoàng kim của đế chế Anh. Còn Mỹ mới trở thành cường quốc sau Thế chiến thứ hai.

Họ chưa có khoảng thời gian thống trị dài như Anh nên vẫn còn khiếm nhã trong việc bảo vệ vị thế mới giành được của mình.

Thứ tinh thần cải hóa đang tiếp tục ăn sâu vào chính sách đối ngoại Mỹ có lẽ cũng phản ánh sự thiếu thận trọng này. Chưa suy tính kỷ, Mỹ đã vội đem quân đến Afghanistan sau ngày II tháng 9 và cố xây dựng lại một quốc gia, bỏ qua sự thật rằng nơi đây không đúng nghĩa là một quốc gia trong suốt 30 đến 40 năm trước đó. Afghanistan là một tập hợp

hỗn độn các bộ tộc luôn gây chiến với nhau, vùng đất này chưa từng có được hòa bình từ khi vị vua cuối cùng Mohammed Zahir Shah bị lật đổ vào năm 1973. Làm sao họ có thể ghép những mảnh vụn này lại được? Điều này là không thể. Lùi lại lịch sử hơn 100 năm trước, Rudyard Kipling từng viết trong bài thơ *Người lính Anh trẻ* rằng: Khi anh bị thương và bị bỏ lại trên đồng cỏ Afghanistan/ Những người phụ nữ bước tới để cắt xẻo những gì còn lại/ Hãy cố bò đến chỗ khẩu súng trường và bắn một phát vào đầu mình/ Rồi về với Chúa như một người lính. Tôi đọc bài thơ này cho Hillary Clinton nghe và nhẹ nhàng chỉ ra rằng Afghanistan hôm nay cũng không thay đổi gì so với thời của Kipling. Ngay cả với những kinh hoàng của ngày II tháng 9 thì việc đem quân đến Afghanistan vẫn là một sai lầm của người Mỹ. Nếu tôi ở vào vị trí của họ, tôi sẽ ném bom Afghanistan tơi bời để đây không còn là nơi ẩn náu của khủng bố nữa. Nhưng đem quân đổ bộ vào thì làm sao đưa được quân ra mà không tổn thất nhân mạng hay mất danh dự? Tổng thống Obama hiện có

kế hoạch rút hết quân khỏi Afghanistan vào cuối năm 2014. Ông nên làm như vậy càng nhanh càng tốt vì Mỹ không bao giờ có thể hy vọng kiểm soát được Afghanistan.

Tổng thống George w Bush đưa quân vào Iraq là muốn có ý tốt. Saddam Hussein là một nhà độc tài mất trí, những hành động của ông ta gây bất ổn khắp khu vực và thế giới. Cần mạnh tay để hạ bệ ông ta. Nhưng khi Mỹ tuyên bố nguyện vọng dân chủ hóa Iraq, tôi đã phải nín thở. Đây là một tín hiệu của sự ngông cuồng. Tôi thầm nghĩ: "Đây là chuyện một xã hội 4.000 năm tuổi sắp sửa bị biến đổi bởi một xã hội mới có 400 năm lịch sử tính từ thời chiếc thuyền *Mayflower*". Tổng thống Bush tiếp tục thực thi kế hoạch này sau khi bị những người theo chủ nghĩa tân bảo thủ thuyết phục rằng một nước Iraq dân chủ sẽ là chìa khóa mở ra hòa bình Trung Đông. Lập luận của họ dựa trên lời khuyên của những người nhập cư gốc Iraq, được Giáo sư Barnard Lewis, một học giả uy tín về đạo Hồi và Trung Đông ủng hộ, và được Natan Sharansky cổ vũ, ông này từng là người

chống đối Liên Xô cũ, người vận động dân chủ đồng thời là thành viên của quốc hội Israel lúc đó. Đây là một sai lầm nghiêm trọng. Họ loại bỏ đi Saddam, nhà độc tài liên kết và cai trị được các lực lượng rời rạc của đất nước này lại, nhưng lại không tạo ra hay ủng hộ một nhân vật độc tài khác có thể thế chỗ Saddam, đó mới là điều lẽ ra họ nên làm. Và tệ hơn nữa, họ còn giải tán lực lượng cảnh sát và giải thể đảng Baath, thay vì sử dụng hai nguồn lực này để phục vụ chế độ mới.

Khi quân đội Nhật chiếm đóng Singapore trong Thế chiến thứ hai, họ bắt giữ binh lính nhưng vẫn để cảnh sát và các viên chức chính phủ tại chức vì họ biết họ cần sự giúp đỡ của đội ngũ này để cai trị. Thậm chí những người Anh đứng đầu các ngành điện, nước và khí đốt cũng vẫn được tại vị. Người Mỹ muốn xây dựng một chính phủ hoàn toàn mới ở Iraq và dân chủ hóa cả một dân tộc lâu đời. Việc thứ nhất là gần như không thể, việc thứ hai là hoàn toàn không thể.

Về mặt này, Trung Quốc có cách tiếp cận chính sách đối ngoại khôn khéo hơn. Họ tin rằng mình chẳng việc gì phải đi thay đổi hệ thống của nước nào. Họ đối phó với hệ thống đang có, khai thác bất cứ lợi thế nào có được từ hệ thống đó mà không tự gây khó cho mình. Vấn đề đối với người Mỹ là họ nhảy vào một đất nước nào đấy rồi tin rằng mình có sức mạnh để thay đổi hệ thống. Hết lần này đến lần khác, thời thể đã cho thấy họ đã sai. Họ chưa thay đổi được thế giới. Họ có thể thay đổi được Fiji hay Vanuatu, những nền văn minh còn non trẻ và chưa cắm rễ sâu, nơi mà họ có thể biến đổi chúng bằng Ki-tô giáo chẳng hạn. Nhưng liệu Mỹ có thay đổi được Trung Quốc hay Ấn Độ, những quốc gia có truyền thống rất lâu đời của riêng mình?

Hỏi: Khi nghĩ đến các vị tổng thống Hoa Kỳ đã gặp, ai là người đáng nhớ nhất hay làm ngài ấn tượng nhất?

Đáp: *À,* tôi đã không gặp được John F. Kennedy. Ông ấy được cho là người cho sức hút lớn. Nhưng mà một quan điểm khác lại cho rằng những chính sách ông ấy đưa ra chưa được suy nghĩ thấu đáo. Với Lyndon Johnson, tôi cho đây là một tổng thống mạnh mẽ. Sa lầy trong chiến tranh Việt Nam nhưng ông lại không chịu bỏ cuộc nên đã mất thời gian và nguồn lực cho chiến tranh vì không muốn tỏ ra yếu đuối, nhưng về đối nội, ông là một chính trị gia giỏi xuất thân từ Texas. Gerald Ford thì chỉ ở mức trung bình, nhưng ông ấy có nhiều Cố Vấn giỏi như Henry Kissinger và những bộ trưởng khác trong nội các giúp ông điều hành đất nước. Ông ấy có được một đội ngũ tham mưu giỏi mặc dù bản thân không quá xuất sắc. Richard Nixon là một chiến lược gia vĩ đại. Tiếc là vụ tai tiếng nghe trộm đảng đối lập đã làm ông bị hủy hoại thanh danh. Ông là người gây ấn tượng với tôi rất nhiều, Bản thân ông cũng là một nhà tư tưởng. Tôi rất ấn tượng bởi vì trước khi lên làm tổng thống, ông có lẫn đến Singapore, bỏ cả tiếng rưỡi đồng hồ nhặt nhạnh và ghi chép những ý tưởng của tôi. Để cho đơn giản, tôi bảo ông ấy rằng một số quốc gia giống như những cây lớn mọc thẳng và cao không cần hỗ trợ. Một số quốc

gia khác thì như tầm gửi, phải phụ thuộc vào cây khác để leo lên. May cho tôi là ông chưa bao giờ công bố ý kiến này, nhưng tôi nghĩ là ông đã lưu ý đến nó.

Hỏi: Những cái cây mà ngài đang nghĩ đến lúc đấy là những quốc gia nào?

Đáp: À, Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, thậm chí là Việt Nam.

Hỏi: Ngài nghĩ Nixon sẽ tiếp cận mối quan hệ Mỹ - Trung như thế nào nếu bây giờ ông ấy làm tổng thống?

Đáp: Nixon sẽ lôi kéo chứ không ngăn chặn Trung Quốc. Nhưng ông ấy cũng sẽ để phòng nếu như Trung Quốc không chơi theo các quy tắc của một công dân toàn cầu gương mẫu. Nếu điều đó xảy ra thì ở những quốc gia phải lựa chọn giữa hai bên, Nixon sẽ lo liệu để Mỹ giành được về phía mình Nhật Bản, Hàn Quốc, ASEAN, Ấn Độ, úc, New Zealand và Nga.

Hỏi: Ngài nghĩ gì về Bill Clinton, người được xem là một vị tổng thống đầy cuốn hút?

Đáp: Ông ấy làm việc hiệu quả và là một diễn giả lịch lãm.

Hỏi: Còn Ronald Reagan - người được ngài nhắc đến đầy thiện cảm trong quá khứ?

Đáp: A, Ronald Reagan, tôi rất kính trọng ông ấy. Ông ấy không có cái đầu xuất chúng nhưng luôn tỉnh táo tiếp cận vấn đề. Va ông tập hợp quanh mình những chuyên gia giỏi nên ban hành được các chính sách tốt. Ông ấy biết cách trọng dụng người tài và khiến cho họ phục vụ mình.

Hỏi: Khi tổng thống Obama mới nhậm chức, ngài nói rằng ông Obama đã thu thập được những bộ óc xuất sắc nhất trong một đội ngũ cố vẻ vững chắc.

Đáp: Nhưng một số nhân vật nặng ký đã ra đi. Nói cách khác họ không đồng tình với chính sách của Obama. Không tổng thống nào toàn diện về kiến thức của minh mà họ phải dựa vào các cố vấn. Việc các cố vấn dày dạn kinh nghiệm rời bỏ tổng thống không phải là một dấu hiệu tốt. Nói cách khác là họ không thể thuyết phục được tổng thống.

Hỏi: Ngài nghĩ gì về hai cha con tổng thống Bush?

Đáp: Bush cha suy nghĩ thấu đáo hơn Bush con. Có thể dưới ảnh hưởng của ý thức hệ nên Bush con mới đem quân đánh Iraq và Afghanistan, kết quả là chịu rất nhiều tổn thất và cuối cùng cũng phải rút quân còn uy tín bị tổn hại nghiêm trọng. Tuy vậy, tôi vẫn về phe Bush con khi tôi tranh luận với một lãnh đạo của châu Âu. Người này

cho rằng "Người châu Âu chúng tôi không thích việc Bush con dùng Chúa để biện minh cho cuộc chiến ở Iraq." Và tôi bảo với người này rằng: "Khi ông đang chiến đấu với một kẻ cuồng tín tin rằng hắn đang đại diện cho Chúa, thì việc tin rằng Chúa đang ở bên phe của ông cũng giúp tinh thần ông thanh thản." Khi Bush con thông báo ông đã ra lệnh tấn công vào Baghdad, tôi chưa bao giờ thấy một người đàn ông nào điềm tĩnh đến vậy Ông nói ngắn gọn vào micro rồi bước đi, không mảy may nghi ngờ nào trong tâm trí. Khi ấy tôi tự nhủ: "Đó quả không phải một vị chỉ huy tồi."

Hỏi: Về đối ngoại, Singapore ủng hộ và giúp đỡ tổng thống Bush trong cuộc chiến Iraq. Ngài có hối hận về quyết định đó?

Đáp: Chúng ta là đối tác an ninh với Mỹ. Đổi lại, chúng ta có quyền mua những vũ khí mà họ không bán cho các nước khác. Vì thế, chúng ta buộc phải hỗ trợ họ.

Hỏi: Gần đây liên tiếp có những ý kiến cho rằng Mỹ sẽ tấn công các mục tiêu quân sự tại Iran nếu nước này không bắt đầu hợp tác với cộng đồng quốc tế bằng cách lý giải rõ ràng chương trình hạt nhân của mình. Điều đó có đúng không?

Đáp: Nếu Iran thực sự sở hữu bom hạt nhân thì sẽ dẫn đến

một tình huống rất bất ổn ở Trung Đông, vì người Ả-rập Xê-Út sẽ mua bom hạt nhân từ Pakistan, người Ai Cập cũng sẽ kiếm một quả. Và quả bom sẽ phá hủy tất cả các bên. Chỉ người tỉnh táo mới biết sợ điều này chứ tôi không chắc rằng ở Trung Đông có đủ tỉnh táo để kiềm chế sự hung hăng. Nếu có chuyện xấu xảy ra thì bụi phóng xạ có thể lan rộng khắp các châu lục. Nhưng khó có khả năng người Mỹ sẽ tấn công. Người Israel mới là những người phải lo lắng. Họ là mục tiêu bị đe dọa trực tiếp với việc Iran nói rằng mình sẽ trừng phạt Israel. Nếu người Mỹ muốn tấn công, khả năng là họ sẽ cung cấp vũ khí để Israel thay họ làm điều này.

Hỏi: Giờ chúng ta nói về Jimmy Carter.

Đáp: Ông ấy thì tôi nói mãi rồi. "Tên tôi là Jimmy Carter và tôi đang tranh cử tổng thống." Và sau đó ông trở thành tổng thống thật.

Hỏi: Có phải ngẫu nhiên khi ông dường như đánh giá cao các tổng thống của đảng Cộng hòa hơn?

Đáp: Có thể là vì họ chú trọng đến các chính sách đối ngoại hơn. Không phải là vi họ thuộc đảng Cộng hòa, mà vì họ nhận thức được trách nhiệm của một cường quốc và thể hiện vai trò của mình trong chính sách đối ngoại.

Hỏi: Ngài có nói khả năng thu hút người nhập cư của Mỹ là một phần lý do tại sao Mỹ có thể cạnh tranh trên toàn cầu. Nhưng vấn đề nhập cư cũng gây ra nhiều phiền toái. Ví dụ cộng đồng người gốc Mỹ Latinh được dự báo sẽ tăng tỷ trọng lớn trên tổng dân số và có khả năng thay đổi bản chất của xã hội Mỹ.

Đáp: Đúng. Câu hỏi đặt ra là Mỹ có thể hội nhập văn hóa Mỹ Latinh vào văn hóa Anglo-Saxon không hay sẽ để văn hóa Mỹ Latinh lấn át. Nếu như người Mỹ Latinh cứ sống chung với nhau thành từng cụm thì đó sẽ là một thử thách thực sự đối với nước Mỹ.

Hỏi: Khi kinh tế Trung Quốc cứ ngày càng lớn mạnh, liệu có nguy cơ là các quốc gia Đông Nam Á có thể bị hút quá sâu vào nền kinh tế Trung Quốc, khi đấy thì bất kỳ đe dọa cắt quan hệ nào của Trung Quốc cũng sẽ trở nên quá đáng sợ đối với chúng ta, và chúng ta sẽ phải làm theo những gì Trung Quốc yêu cầu? Điều này không khác mây so với những gì xảy ra với Đài Loan, lãnh thổ sẽ phụ thuộc kinh tế vào Trung Quốc đến mức không thể hy vọng tuyên bố độc lập.

Đáp: Hai vấn đề này không hoàn toàn giống nhau. Đài Loan là vấn đề mang tính dân tộc và tình cảm. Lãnh thổ đó là một phần của Trung Quốc, một hòn đảo đẩu tiên mất

vào tay người Hà Lan, rồi người Bồ Đào Nha, sau cùng là người Nhật. Họ luôn xem đây là nỗi nhục quốc thể và mong muốn lấy lại Đài Loan. Nhưng không có lý do lịch sử nào khiến họ muốn kiểm soát chúng ta cả.

Hỏi: Tuy nhiên, liệu chúng ta có nguy cơ bị hút quá sâu vào nền kinh tế' Trung Quốc không?

Đáp: Điều đó do chính chúng ta quyết định. Như tôi đã nói, tôi không cho rằng Singapore phải sống dựa vào nền kinh tế Trung Quốc. Nếu chỉ nói tiếng Trung, chúng ta sẽ không có được Singapore như hôm nay. Vậy có khác biệt gì nếu Trung Quốc có mạnh hơn gấp mười lần? Liệu nó có làm chúng ta mạnh hơn mười lần không? Không. Sự thịnh vượng của chúng ta đến từ các mối liên kết với thế giới.

Hỏi: Nhưng đó là quá khứ.

Đáp: Tương lai thì cũng vậy thôi. Chúng ta không phải đảo Hải Nam. Chúng ta không phải Hồng Kông, nơi mà khoảng cách gần gũi và bản sắc dân tộc không cho phép họ có những lựa chọn khác. Còn chúng ta nằm ở trung tâm của một quần đảo đầy đa dạng, tài nguyên thiên nhiên phong phú và thế giới sẽ đổ về đây.

Hỏi: Và nếu một lúc nào đó Trung Quốc phản đối việc đặt

trung tâm hậu cần của Mỹ ở đây thì sao?

Đáp: Không, sao họ có thể bảo chúng ta như vậy được? Thế là thô lỗ. Nếu Trung Quốc yêu cầu chúng ta ngừng cung cấp trung tâm hậu cần, chúng ta sẽ trả lời họ rằng: "Các ngài cũng có thể sử dụng cơ sở hậu cần và đặt các thiết bị của mình ở đây"

Hỏi: Vậy chúng ta sẽ tiếp đón cả Mỹ lẫn Trung Quốc?

Đáp: Tại sao không?

3

CHÂU ÂU

Suy vi và Xích mích

CHÂU ÂU

Vấn đề chính của đồng euro là không thể hội nhập tiền tệ khi không có nền tảng hội nhập tài chính, nhất là trong một khu vực mà thói quen chi tiêu và tiết kiệm khác nhau một trời một vực như Đức với Hy Lạp. Sự trái khoáy này thế nào rồi cũng phá vỡ hệ thống mà thôi. Vì lý do đó, đồng euro chắc chắn sẽ còn lao đao như đã được dự báo ngay lúc nó mới ra đời. Chúng ta không nên coi những khó khăn mà đồng tiền này gặp phải trong những năm vừa qua là do một hay hai chính phủ chi tiêu vượt giới hạn cho phép hay do những quốc gia khác không cảnh báo họ về những mối nguy hiểm của việc này. Nghĩa là những rắc rối của đồng euro không phải là kết quả của một biến cố lịch sử có thể

ngăn chặn được nếu các bên liên quan đưa ra những quyết định có trách nhiệm hơn trong quá trình sử dụng đồng tiền này, mà những rắc rối đó là điều không thể tránh khỏi của lịch sử sẽ phải xảy ra không sớm thì muộn. Nếu sự việc không xảy ra năm 2010 hay 2011 thì nó vẫn sẽ xảy ra vào một năm khác, trong một bối cảnh khác.

Vì thế tôi không tin rằng có thể cứu vãn được đồng euro, ít nhất là với hình thức hiện tại với 17 quốc gia hưởng chung lợi ích.

Từ khi dự án đồng euro thành hình, các nhà kinh tế học tinh tường và khả kính, trong đó có những cái tên như giáo sư Martin Feldstein của Đại học Harvard, đã lên tiếng cảnh báo về những nghịch lý trong dự án này. Người Anh không tham gia vì họ thấy trước dự án này sẽ không hiệu quả. Họ không tin vào những lợi ích và họ nhận thức rõ những rủi ro. Tuy nhiên, các chính phủ gia nhập khu vực đồng tiền chung châu Âu năm 1999, cũng như những cộng đồng dân cư tán đồng với họ, lại háo hức hướng về đồng tiền chung mà không chuẩn bị tinh thần để chấp nhận sự hội nhập về tài chính vì sợ nguy cơ

mất chủ quyền khi hội nhập. Suy cho cùng, lựa chọn tiến bước cùng đồng tiền chung của họ đã phản ánh một niềm tin lệch lạc cho rằng châu Âu là nơi đặc biệt, dư sức vượt qua những mâu thuẫn này. Đó chỉ là một lựa chọn đơn thuần mang tính chính trị mà thôi.

Tại Mỹ, người ta có thể áp dụng một đồng tiền cho 50 tiểu bang bởi vì nước này có một Cục Dự trữ Liên bang và một vị Bộ trưởng Tài chính duy nhất. Khi một tiểu bang nào đó gặp khó khăn kinh tế thì tiểu bang đó sẽ nhận được những khoản trợ cấp hào phóng của trung ương dưới dạng bảo trợ xã hội cho các cá nhân sinh sống tại tiểu bang đó và cho các dự án chính phủ. Các loại thuế liên bang thu được ở tiểu bang này sẽ không đủ để bù cho khoản trợ cấp đó của nhà nước. Nếu có người ghi chép sổ sách thì họ sẽ thấy rằng tiểu bang này sẽ còn thâm hụt dài dài, nhưng tiểu bang đó vẫn tồn tại vì không ai đòi lại họ tiền cả. Dân chúng sống trong tiểu bang này là đồng bào và người dân Mỹ sống ở tiểu bang khác không thật sự mong đợi những người đồng bào đó trả lại tiền. Khoản trợ cấp đó cơ bản là một món quà.

Dĩ nhiên, thái cực còn lại cũng có hiệu quả: đó là châu Âu trước thời kỳ đồng euro với mỗi quốc gia có một bộ trưởng tài chính riêng và quản lý đồng tiền riêng của mình. Trong hệ thống này, khi một quốc gia suy thoái kinh tế, nó có thể tự mình đưa ra các chính sách tiền tệ để khắc phục tình hình vi không vướng vào những trói buộc của một đồng tiền chung, nghĩa là có thể áp dụng giải pháp gia tăng lượng cung tiền - mà người Mỹ gọi là "nới lỏng định lượng" - và phá giá đồng tiền để đẩy mạnh xuất khẩu. Nhưng đây là những công cụ mà các nước khu vực đồng euro đã từ bỏ để gia nhập một cộng đồng tiền tệ chung. Hơn nữa, họ còn làm như vậy mà không bảo đảm được là sẽ có những khoản trợ cấp ngân sách giống về hình thức và mức độ mà một tiểu bang bị khủng hoảng tại Mỹ nhận được.

Vậy ta được gì khi một đám đông hỗn tạp cố gắng hành quân theo một điệu trống? Bạn nhận được khu vực đồng euro. Một số nước vươn lên dẫn trước trong khi số khác phải vật lộn để bắt kịp. Tại những nước tụt hậu về kinh tế, chính phủ các nước này phải chịu áp lực từ cử tri buộc họ phải duy trì

hoặc thậm chí gia tăng chi tiêu công ngay cả khi nguồn thu thuế giảm xuống. Thâm hụt ngân sách đành phải được bù đắp bằng các khoản vay từ thị trường tiền tệ. Việc có thể vay những khoản này với mức lãi suất tương đối thấp, vì chúng được thực hiện bằng đồng euro chứ không phải bằng một đồng tiền khác như đồng drachma của Hy Lạp, đã không hề giúp làm giảm sự chi tiêu hoang phí. Cuối cùng Hy Lạp trở thành ví dụ điển hình nhất cho sự suy thoái này khi càng ngày càng ngập sâu vào nợ nần. Nói cho công bằng thì cộng đồng chung cũng phải chịu một phần trách nhiệm, bởi vì Hiệp ước Ổn định và Tăng trưởng có quy định cho phép xử phạt những chính phủ bị thâm hụt lặp đi lặp lại, nhưng những biện pháp trừng phạt này chưa bao giờ được áp dụng lên bất cứ nước nào.

Đã có lúc những chuyên gia lạc quan hy vọng các nước này có thể thu hẹp khoảng cách cạnh tranh với những nước mạnh hơn như Đức bằng cách cắt giảm các chương trình phúc lợi, cải cách thu thuế, tự do hóa các quy định của thị trường lao động hoặc kéo dài thời gian làm việc của người lao động.

Nhưng những điều đó đã không xảy ra. Các điểm yếu này chỉ bộc lộ rõ trong cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008. Việc cho vay tín dụng dễ dãi ngừng lại, và sự mất lòng tin của thị trường vào khả năng trả nợ của các chính phủ như Hy Lạp đã khiến cho lãi suất vay tăng cao ngất. Nước Đức và Ngân hàng Trung ương châu Âu buộc phải can thiệp với gói cứu trợ tài chính để ngăn chặn cuộc khủng hoảng nợ công không lây lan khắp khu vực đồng euro đang u ám.

Tới tháng 6/2013, cộng đồng euro tránh được thảm họa vì đã chi một lượng tiền lớn để giải quyết vấn đề. Nhưng 17 chính phủ cần phải đối mặt với câu hỏi khó trả lời hơn là phải làm gì để giải quyết mâu thuẫn cơ bản nhất của đồng euro là hội nhập tiền tệ nhưng không hội nhập tài chính. Họ có thể cố trì hoãn hội nhập tài chính thêm một thỏi gian nữa, dù vẫn biết rằng không thể trì hoãn vô thời hạn, nếu không lịch sử sẽ lặp lại và một cuộc khủng hoảng khác sẽ lại xảy ra, đòi hỏi những gói cứu trợ tài chính lớn hơn, và nếu một quốc gia không gánh được thì nước Đức có lẽ lại phải đứng ra gánh nợ. Họ

phải hành động ngay không chần chừ vì càng để lâu thì ký ức về nỗi đau và nỗi sợ khủng hoảng nợ công càng nhạt dần trong tâm trí cử tri, khiến cho ý chí chính trị cần để hành động kiên quyết cũng sẽ bị suy yếu.

Thật khổng may, hiện nay không có sự lựa chọn nào là dễ dàng cả. Giải pháp rõ ràng là người châu Âu phải chấp nhận hội nhập tài chính. Ngân hàng Trung ương châu Âu sẽ trở thành Cục Dự trữ Liên bang, và thay vì nhiều bộ trưởng tài chính khác nhau thì sẽ chỉ có một người duy nhất giám sát ngân sách của tất cả các nước khu vực đồng euro. Đây sẽ là một động thái hướng tới một "liên minh gần gũi hơn bao giờ hết" như mong ước của những người ủng hộ Liên minh châu Âu và sẽ khiến cho khu vực này ngày càng giống với Hoa Kỳ. Liệu điều này có xảy ra không? Liệu cử tri có sẵn sàng bàn giao quyền quyết định ngân sách quốc gia cho một cơ quan trung ương và tin tưởng rằng cơ quan này sẽ đưa ra những quyết định công bằng về đánh thuế và chi tiêu cho mỗi quốc gia và đồng thời có lợi cho toàn thể khu vực đồng euro? Đó là một khả năng xa vời,

và thẳng thắn mà nói thì tôi nghĩ điều đó sẽ không xảy ra. Nhưng nếu xảy ra, đó có lẽ sẽ là kết quả tốt đẹp nhất cho phần còn lại của thế giới.

Một kết quả khác có nhiều khả năng xảy ra hơn dù không mong muốn là sự tan rã của đồng tiền này đồng nghĩa với sự quay trở lại những đồng tiền riêng biệt. Sẽ rất đau đớn và rối ren cho tất cả các nước tham gia. Bạn là người Hy Lạp, Bồ Đào Nha hay Tây Ban Nha và đã vay tiền bằng đồng euro; bây giờ bạn phải trả lại bằng đồng euro, nhưng ở tỷ giá nào đây? Tỉ giá cũ trước khi hợp nhất? Hay một tỷ giá mới nào đó được đặt ra tùy tiện? Sự tan rã sẽ đưa đến một viễn cảnh lộn xộn và tốn kém. Và khi sắp sửa tan rã, nguy hiểm ở chỗ người ta sẽ đổ xô rút tiền khỏi ngân hàng khi các tin đồn khiến người dân sợ rằng sau một đêm những khoản tiết kiệm bằng euro này có thể bị buộc phải chuyển sang một đồng tiền mới và mất giá. Tình trạng bấp bênh này sẽ khiến những người muốn đầu tư vào khu vực tư nhân nhụt chí và đây cũng chính là một lý do khiến cho việc càng chần chừ càng nguy hiểm. Đối với các nước nằm ngoài khu vực đồng euro, nhất là những

nước có lượng xuất khẩu lớn đến châu Âu như Trung Quốc, thì điều này sẽ gây ra bất ổn kinh tế đáng kể. Kết quả là nền kinh tế toàn cầu sẽ có xu hướng trì trệ một thời gian, thương mại gián đoạn rồi cũng hồi phục, và mọi thứ sẽ ổn định trở lại.

Vẫn còn một kết quả thứ ba nằm giữa sự tan rã hoàn toàn và hội nhập hoàn toàn. Đó là sự tan rã một phần. Trong trường hợp này, nhiều viễn cảnh có thể xảy ra, từ việc đồng euro sống sót nguyên vẹn và một vài quốc gia bị trục xuất, đến việc hầu hết các quốc gia đều bị tác động khiến một số quốc gia sẽ đi con đường riêng của mình còn một số khác phải lựa chọn giữa hai hoặc ba cộng đồng mới mà các chuyên gia gọi là một châu Âu hai hoặc ba tầng, với mỗi tầng phát triển với một tốc độ khác nhau. Câu hỏi quan trọng ở đây là liệu có được một khu vực châu Âu nòng cốt, tương đối đồng nhất và khả năng cạnh tranh kinh tế, có thể đứng vững trước những lực ly tâm mạnh kéo rời các thành viên? Tôi tin rằng sẽ có một khu vực châu Âu nòng cốt như thế và nó chắc chắn sẽ được lãnh đạo bởi Đức, quốc gia chăm chỉ nhất, và gồm cả Bỉ, Hà Lan và Luxembourg. Tôi

không nghĩ Pháp có thể trở nên kỷ luật như người Đức. Khả năng lớn hơn là họ sẽ trở thành nòng cốt cho một tầng thứ hai.

Một số người cho rằng đồng euro hay nói rộng hơn là Liên minh châu Âu nên được xem là một thành cuồng, vì thực tế thì nơi đây giờ sống trong hòa bình và chiến tranh trong cộng đồng này là điều không tưởng. Nhưng người ta cũng có thể dễ dàng lập luận rằng hòa bình là kết quả của các yếu tố khác. Hậu quả sự sụp đổ của Liên Xô đồng nghĩa với việc trong tương lai gần, Nga không còn quan tâm đến việc đối đầu với phương Tây về mặt quân sự nữa vì nước này đã và đang dồn sức cho việc phát triển kinh tế. Hơn nữa, sự đảm bảo an ninh của Mỹ thông qua tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) có thể ngăn chặn được bất cứ hành động quân sự khả dĩ nào bắt nguồn từ các quốc gia ngoài NATO. Trong cộng đồng châu Âu, người Đức, vốn đã bị đánh bại hai lần trong hai cuộc chiến tranh thế giới, sẽ không bao giờ gây ra thêm một cuộc chiến nào nữa. Họ đã chịu đựng quá đủ rồi, giờ họ chỉ muốn tiếp tục cuộc sống thanh bình và thoải mái. Chính vì thế mà họ đã

luôn cố hết sức để giúp đỡ các quốc gia khác.

Cuối cùng thì hậu thể sẽ nhìn nhận câu chuyện đồng euro là một câu chuyện buồn, và bất cứ nỗ lực nào nhằm cứu vớt lòng tin về mặt chính trị cho đồng tiền này cũng phải đối mặt với một thực tế lạnh lùng và tàn nhẫn.

Dù đang phải cố gắng giải quyết các vấn đề liên quan đến đồng tiền chung thì châu Âu cũng không thể rời mắt khỏi những nguyên nhân cơ bản khác gây ra sự thiếu năng động của nó, đó là hệ thống nhà nước phúc lợi và những điều luật cứng nhắc về thị trường lao động. Những ý tưởng được cho là hay và được áp dụng trên khắp châu Âu sau Thế chiến thứ hai đã dần trở nên không còn phù hợp trong những thập niên gần đây, đặc biệt với sự xuất hiện của các nền kinh tế đang phát triển ở châu Á. Nếu châu Âu muốn tránh tình trạng lờ đờ lâu nay và lấy lại năng lượng cũng như tính cần cù nổi tiếng khi xưa thì họ phải thực hiện các cuộc cải cách táo bạo và khó khăn để tinh giảm hệ thống phúc lợi phức tạp cũng như tự do hóa các nguyên tắc tuyển dụng và sa thải của doanh nghiệp.

Là một sinh viên học tại Anh sau chiến tranh, tôi nhớ mình đã thích thú những nỗ lực của chính phủ Clement Atlee trong việc đưa ra những khoản trợ cấp hào phóng cho mọi người từ trẻ đến già. Ví dụ, tôi rất ngạc nhiên khi không phải chi trả cho cặp kiểng mới mà bác sĩ kê cho vì nó được Cơ quan Y tế Quốc gia phát miễn phí. Tại thời điểm đó tôi nghĩ: thật là một xã hội văn minh. Mãi về sau tôi mới hiểu ra kiểu bao cấp toàn diện như vậy dễ làm gia tăng sự kém hiệu quả và trì trệ.

Ý định của việc trợ cấp là hoàn toàn đáng quý. Hai cuộc chiến tranh thế giới phá hủy gần như tất cả mọi thứ, chính phủ và người dân châu Âu muốn có một cuộc sống thanh bình cho tất cả mọi người với gánh nặng được chia đều. Những người chiến đấu và hy sinh xương máu chủ yếu là giai cấp vô sản, nó dẫn đến một cảm giác hàm ơn mạnh mẽ của tầng lớp thượng lưu đối với những tầng lớp thấp hơn trong xã hội. Vì vậy, khi các chính trị gia kêu gọi sự bình đẳng và các chính sách phúc lợi xã hội nhằm chăm sóc cho những người thất nghiệp, ốm đau và già cả, thì họ đã dễ dàng có được sự ủng hộ rộng rãi.

Trong nhiều năm liền, châu Âu đã duy trì được các chính sách này. Kế hoạch Marshall đã giúp hầu hết các nước Tây Âu tự đứng trên đôi chân của minh bằng cách tiếp sức cho một sự phục hồi tương đối mạnh mẽ từ những tan hoang của chiến tranh. Tiền lương của người lao động tăng và tiền thuế họ nộp đủ để chi trả cho nhà nước phúc lợi. Nhưng không điều gì có thể đứng yên. Với châu Âu, rốt cuộc cuộc chơi đã thay đổi. Khi thế giới trở nên toàn cầu hóa, những công nhân tay nghề thấp ở châu Âu nhận thấy họ không chỉ phải cạnh tranh với nhau mà còn với công nhân từ Nhật Bản, và sau đó là từ Trung Quốc và Ấn Độ. Xuất khẩu giảm xuống và các ngành công nghiệp dần dần di chuyển những trung tâm sản xuất của họ sang châu Á khiến lương của người lao động châu Âu cũng giảm theo. Nếu không có sự xuất hiện của người Trung Quốc, Ấn Độ và Nhật Bản, nhà nước phúc lợi có lẽ vẫn bền vững được trong một thời gian khá lâu. Nhưng với hiện trạng nhập cư này, sẽ khó mà duy trì phúc lợi được lâu.

Dĩ nhiên người dân châu Âu đã cố gắng hết mình để phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa và

dịch vụ có giá trị cao hơn, nhưng ở mặt này mỗi quốc gia chỉ có thể đạt đến một mức độ nào đó. Quốc gia của bạn có thể muốn tiến lên cao trên thang giá trị toàn cầu nhưng có nhiều bộ phận dân cư quan trọng lại không thể đáp ứng được vì quá trình này đòi hỏi việc học hỏi những kỹ năng mới rất tốn thời gian, năng lượng, và trên hết là ý chí. Hơn nữa, người Nhật, người Trung Quốc và người Ấn đâu phải không biết nâng cấp bản thân họ. Đây là một cuộc cạnh tranh không ngừng về tự phát triển bản thân và cái hơn của bạn so với các đối thủ ở thời điểm nào cũng thường rất nhỏ bé. Suy cho cùng, điều đó phụ thuộc vào các đặc tính bẩm sinh của một dân tộc và cách mà họ được tổ chức và quản lý. Nếu như so sánh giữa châu Âu và Fiji hoặc Tonga, thì chắc chắn hai nước sau không hy vọng gì đuổi kịp. Nhưng chúng ta lại đang so sánh giữa châu Âu với Nhật Bản, châu Âu với Trung Quốc, và châu Âu với Ấn Độ. Đó lại là một câu chuyện hoàn toàn khác.

Thật không may, luật pháp và các chính sách lại không thay đổi dễ dàng như tình hình quốc tế. Phúc lợi một khi đã cho đi thì khó lòng lấy lại. Bất cứ

chính phủ nào có đủ can đảm để rút lại nó chắc chắn sẽ mất rất nhiều phiếu bầu. Thủ tướng Anh Margaret Thatcher đã từng sử dụng vốn liếng và sự nhạy bén về chính trị của mình để cố gắng đảo ngược các chính sách nhưng chỉ có thể thay đổi một nửa. Các nhà lãnh đạo châu Âu khác hẳn đã quan sát và thấy được thành công một phần của bà. Nhưng các lãnh đạo này lại phải đối mặt với các cử tri không muốn từ bỏ những thứ mà họ cho rằng mình mặc nhiên được hưởng suốt nhiều năm qua. Vấn đề này đã ăn sâu ở nhiều nước châu Âu.

Nếu chi tiêu phúc lợi chỉ đơn giản giữ nguyên ở một mức độ nào đó thì tình hình đã dễ kiểm soát. Thay vào đó, những chi tiêu này lại có xu hướng gia tăng qua thời gian, vừa về mặt số lượng vừa về mặt tỷ trọng trong tổng thu nhập quốc gia. Điều này một phần là do những người theo chủ nghĩa dân túy tạo áp lực khiến chính phủ phải mở rộng các chương trình phúc lợi. Nhưng quan trọng hơn là khả năng kỳ lạ của hệ thống phúc lợi trong việc "tạo ra nhu cầu của chính nó", như nhận xét sâu sắc năm 2007 của phóng viên kỳ cựu người Thụy Điển Ulf Nilsson:

Phúc lợi tạo ra người hưởng phúc lợi, bảo hiểm tai nạn làm tăng thêm tai nạn... chính sách bảo vệ người tị nạn tạo ra thêm người tị nạn, chính sách nghỉ hưu trước tuổi lại khiến người ta nghỉ hưu sớm. Nói cách khác, một số người dân biết nghĩ của những nước châu Âu này cuối cùng cũng đều bòn rút hệ thống, dù là vô tình hay hữu ý. Còn có cả trường hợp một người vẫn hưởng trợ cấp thất nghiệp, những khoản tiền có thể lên đến ba phần tư so với khoản lương cuối họ nhận được, dù vẫn làm những công việc thời vụ cho những nơi không đóng thuế. Điều này mang lại cho họ hai nguồn thu nhập trong khi lại đổ gánh nặng lên vai người đóng thuế.

Theo thống kê của OEÇD, tới năm 2007, trung bình mỗi chính phủ châu Âu trong OECD dành hơn 23% GDP cho chi tiêu xã hội. Ở một số nước, con số này còn cao rõ rệt hơn: 25% ở Ý và 28% ở Pháp. Ngược lại, trung bình mỗi quốc gia OECD nằm ngoài châu Âu chỉ dành 17% GDP cho khoản chi tiêu tương tự. Tại Hoa Kỳ và úc, tỷ lệ nậy là 16%.

Tuy nhiên hậu quả nguy hại nhất của nhà nước phúc lợi không chỉ nằm ở sự thiếu linh hoạt hay bản

chất tốn kém của nó, mà nằm ở ảnh hưởng xấu của nó đến động cơ cố gắng của các cá nhân. Nếu hệ thống an sinh xã hội được thiết kế ra để mọi người có được những lợi ích như bằng nhau dù làm việc chăm chỉ hay sống nhàn hạ, vậy thì họ còn làm việc chăm chỉ để làm gì? Bạn sẽ mất đi động lực sống. Ở Mỹ thì thái độ sống tự lực phổ biến hơn vì dù chính phủ có hỗ trợ người thất nghiệp thì họ vẫn thực thi những biện pháp để khuyến khích, thậm chí bắt buộc những người này phải tìm việc làm. Đây là một triết lý khác, nó dựa trên nguyên tắc cho rằng lao động sẽ làm cho cá nhân và xã hội giàu có hơn, và được củng cố bằng niềm tin rằng những khoản trợ cấp quá hào phóng có xu hướng làm suy yếu những nỗ lực phấn đấu và vô tình chặn đứng những động cơ làm việc. Mô hình của châu Âu đã tạo ra một lớp người quen với các khoản trợ cấp và do đó thiếu một tinh thần làm việc mạnh mẽ.

Nhưng trên hết vẫn là do châu Âu không chịu thay đổi những quy định cứng nhắc về thị trường lao động, trong đó có quy định về quyền sa thải lao động của các công ty và những điều luật khác chẳng

hạn như thời gian nghỉ lễ tết tối thiểu. Họ cứ đứng yên tại chỗ trong lúc mà sự linh động ngày càng trở nên quan trọng hơn trong bối cảnh kinh tế mới. Công đoàn và các đảng xã hội chủ nghĩa ở Pháp và các nước láng giềng cứ cố gắng bám lấy ảo tưởng rằng người lao động vẫn có thể hưởng những khoản trợ cấp trước đây của mình mà nền kinh tế sẽ không phải thiệt hại quá nhiều. Sinh viên thi đòi hỏi quyền được đảm bảo về nghề nghiệp như cha mẹ mình từng được hưởng. Nói cách khác, họ đang đòi hỏi thế giới đứng yên chờ mình. Họ chưa nhận thức được rằng những biện pháp này sẽ làm tổn thương chính tầng lớp lao động. Những doanh nghiệp nào từng bị xử phạt vì cắt giảm phúc lợi thì về sau sẽ cẩn trọng hơn trong việc thuê mướn lao động ngay cả khi nền kinh tế bắt đầu tăng trưởng trở lại. Và như thể công ăn việc làm lại chuyển sang các quốc gia khác.

Những con số thống kê đã chứng minh điều đó. Trong các nước châu Âu thuộc OECD, tám trong mười nước xếp hàng đầu về luật lao động tự do nhất năm 2008 cũng nằm trong mười nước có tỷ lệ thất nghiệp thấp nhất, tính trung bình một thập kỷ

trước. Điều ngược lại cũng đúng: bảy trong số mười nước có luật lao động cứng rắn nhất cũng nằm trong mười nước có tỉ lệ thất nghiệp cao nhất.

Nhưng làm sao thay đổi được những chính sách hiện nay? Công đoàn vẫn tổ chức những cuộc diễu hành qua đường phố Paris vì họ không chấp nhận quan điểm cho rằng các lực lượng cạnh tranh toàn cầu đã khiến cho lực lượng lao động Pháp trở nên đắt đỏ, và vì thế họ phải từ bỏ những phúc lợi của mình. Họ sẽ nói: "Không, chúng tôi giữ lại phúc lợi này và sẽ cố gắng cạnh tranh."

Ngay từ đầu, tôi đã đảm bảo rằng Singapore sẽ không đi theo con đường tương tự về phúc lợi và luật lao động. Sau khi chứng kiến người Anh thực thi một số chính sách những năm 1950, tôi cho đó là đường lối sai lầm. Chúng tôi không cho phép các công đoàn làm tổn hại đến sự cạnh tranh của minh mà thay vào đó kéo họ vào mối quan hệ ba bên với chính phủ và doanh nghiệp theo hướng đàm phán không đối đầu. Chúng tôi ngừng phát thuốc miễn phí nhưng vẫn đảm bảo tiền bảo hiểm chi trả ngày càng bám sát giá thực tế. Chúng tôi cung cấp tài sản,

chứ không bao cấp. Chính phủ giúp bạn tiết kiệm để mua nhà và nạp tiền vào tài khoản của bạn trong Quỹ Tiết kiệm Nhà ở dành cho hưu trí (CPF). Nếu bạn không có nhu cầu mua nhà và muốn tiêu xài nguồn tiền này, bạn được tự do làm như thể nhưng bạn sẽ phải đối mặt với những hệ quả tồi tệ khi nghỉ hưu mà không xu dính túi. Nếu thay vào đó bạn dùng tiền tiết kiệm để mua nhà, chờ giá nhà lên và kiếm lời thì bạn sẽ được hưởng lợi về lâu dài. Nói cách khác, cá nhân chịu trách nhiệm cho cuộc sống của mình, chính phủ chỉ giúp một phần. Tôi tin rằng nếu áp dụng hệ thống của châu Âu, nền kinh tế của chúng tôi sẽ ít năng động hơn rất nhiều. Chúng tôi sẽ phải trả giá đắt vì điều đó.

Những năm tháng cay đắng đang chờ đợi châu Âu ở phía trước. Người châu Âu đã chọn đi theo con đường phúc lợi và bảo hộ lao động do những hoàn cảnh lịch sử đặc thù của mình. Không ai có thể phủ nhận rằng lựa chọn của họ đã tạo ra những xã hội tử tế hơn, với số người thuộc tầng lớp dưới ít hơn và khoảng cách giữa người giàu kẻ nghèo cũng nhỏ hơn nếu so với Mỹ. Nhưng cái gì cũng có giá của nó.

Nếu họ rũ bỏ những chính sách này, GDP của họ có thể tăng nhanh hơn từ điển 3% mỗi năm. Trong một thời gian, nhiều người châu Âu sẽ vẫn sống cuộc sống thoải mái vì họ có những khoản tiết kiệm từ những năm sung túc trước đó. Nhưng cho dù họ có thích hay không thì thế giới thời hậu chiến được nuông chiều sung sướng mà họ đã tạo ra cho minh cuối cùng cũng sẽ bị các lực lượng bên ngoài phá bỏ. Rồi người ta sẽ phải bàn đến một khế ước xã hội mới.

Cùng đối mặt với những vấn đề giống nhau nhưng một nhóm riêng biệt các nước Bắc Âu lại không chịu tổn thất nhiều bằng các nước châu Âu lục địa. Theo tôi, các nước vùng Scandinavia xứng đáng được phân tích riêng vì họ là một nhóm độc đáo, một trường hợp độc nhất vô nhị.

Những người ủng hộ hệ thống phúc lợi thường chỉ ra trưởng hợp của Thụy Điển, Na Uy và Đan Mạch để chứng minh cho việc chính phủ trả tiền cho một mạng lưới an sinh xã hội rộng lớn không phải lúc nào cũng đi đôi với những bất cập liên quan. Do đó, họ kết luận rằng dùng thất bại của Pháp, Ý hay Tây Ban Nha để chống lại nhà nước phúc lợi chỉ là

ngụy biện.

Để bác bỏ luận điểm ủng hộ này, đầu tiên ta có thể đưa ra bằng chứng cho thấy ngay cả những nước Bắc Âu cũng không hoàn toàn thoát khỏi cái giá phải trả cho những chính sách xã hội. Ví dụ, tỷ lệ thất nghiệp ở Thụy Điển đạt mức 7,5% vào năm 2011, cũng không thấp hơn Ý bao nhiêu (8,4%), và cao hơn rất nhiều so với các nền kinh tế tiên tiến của châu Á như Nhật Bản (4,6%), Hàn Quốc (3,4%) và Singapore (2%).

Cho dù vậy chúng ta vẫn nên thừa nhận rằng các nước Bắc Âu thực sự đã tăng trưởng cao hơn so với các nước láng giềng châu Âu của họ. Trong giai đoạn 2002 tới 2011, khi ở Ý GDP bình quân đầu người (tính theo đô la Mỹ) tăng trung bình 5,3% một năm và ở Pháp là 6,1% thì ở Đan Mạch là 6,4%, Thụy Điển 7,3% và Na Uy là 8,9% *[2]. Chưa kể đến việc các nước này đạt được mức tăng trưởng cao như vậy trong khi vẫn duy trì được mức chi tiêu xã hội cao -

[2] * *Theo thống kê của Quỹ Tiền tệ Quốc tế.*

một hiện tượng cần phải giải thích thêm.

Lý do thứ nhất cần kể đến là Thụy Điển, Na Uy và Đan Mạch là những quốc gia nhỏ hơn nhiều so với Pháp, Ý và Tây Ban Nha. Tổng dân số của cả ba nước Bắc Âu này chỉ bằng một phần mười dân số của ba nước sau. Với 5 triệu người, Na Uy còn ít dân hơn cả Singapore. Như thể quy mô vấn đề, sự đa dạng về lợi ích và độ phức tạp trong việc quản lý ở Bắc Âu là rất khác biệt.

Tuy nhiên, quan trọng hơn kích cỡ là thành phần dân số và đây chính là chìa khóa để hiểu được sự khác biệt của các nước Bắc Âu. Thụy Điển, Na Uy và Đan Mạch đều có dân cư tương đối đồng nhất, tạo cho các quốc gia này là một sự gắn kết nội bộ không thể có được ở vùng nào khác của châu Âu. Người dân các nước này có cảm nhận mạnh mẽ hơn về tính thống nhất và toàn thể. Mỗi nước Bắc Âu đều tự coi mình là một bộ tộc với những thành viên trong bộ tộc đều sẵn lòng hy sinh cho nhau. Bạn sẵn lòng làm việc chăm chỉ không chỉ cho bản thân mà còn cho những người cùng bộ tộc, bởi vì bạn cảm thấy giống như mình đang giúp đỡ một người họ hàng chứ

không phải một nhóm người ăn không ngồi rồi đến từ những vùng xa lạ trên thế giới. Dù phải đối mặt với mức thuế cao mà các nhà nước phúc lợi áp lên để cân bằng ngân sách thì các nhà tài phiệt cũng như các cá nhân có thu nhập cao khác ít có khả năng chạy trốn khỏi xã hội kiểu bộ tộc này dù họ không thiếu gì phương tiện để làm vậy. Những người này còn là những tài nâng hàng đầu trong xã hội, những người có khả năng tạo ra của cải và cơ hội cho bản thân mình cũng như cho người khác. Khi bạn là một dân tộc, một gia đình, bạn sẽ ít hoài nghi hơn về việc phải nộp thuế để hỗ trợ cho những người anh chị em khốn khó của mình, nhưng nếu sống giữa gia đình bạn là một lượng lớn người nước ngoài và pháp luật vẫn khăng khăng những người này sẽ được hưởng các khoản phúc lợi tương tự thì lúc đó thái độ của bạn sẽ thay đổi.

Khi tôi đến thăm Na Uy vào thập niên 1970, quốc gia này gần như gồm toàn người da trắng. Đây là một đất nước xinh đẹp có phong cảnh núi non và sông băng ngoạn mục, rất lạnh giá và yên tĩnh. Tôi có thể cảm nhận được sự đoàn kết của đất nước này.

Ở một đất nước như thể, không chỉ những người có nghề nghiệp sẵn sàng trả thuế nhiều hơn, mà những người không đi làm cũng ít lợi dụng hệ thống hơn, vì họ cảm nhận được sự thân thuộc của cộng đồng. Nói cách khác, ngay cả những người thất nghiệp cũng ít lạm dụng nguồn trợ cấp của mình hơn.

Tất cả những điều này đã và đang thay đổi từ từ nhưng chắc chắn trong vài năm qua bởi vi các nước Bắc Âu đã thông qua một chính sách cởi mở trong việc nhận người tị nạn và người bị ngược đãi. Mỗi năm, Thụy Điển tiếp nhận khoảng 2.000 người tị nạn, hầu hết đến từ các nước châu Phi, và bây giờ có hơn 80.000 người tị nạn sống ở quốc gia này Hiện chưa rõ dòng người nhập cư này sẽ làm thay đổi quan điểm về cộng đồng ra sao, nhưng nếu chiếu theo những gì đã xảy ra ở các quốc gia khác thì không sớm thì muộn nó cũng sẽ làm thay đổi quan điểm của cộng đồng đa số rằng họ đang chịu gánh nặng của nhóm người thu nhập thấp. Còn hiện tại các nước Bắc Âu vẫn ít đa dạng sắc tộc hơn so với phần còn lại của châu Âu.

Trên khắp châu Âu, khung cảnh và cảm nhận về

xã hội ngày nay rất khác với lúc tôi sống ở đó thời sinh viên sau Thế chiến thứ hai. Lúc ở London, tôi muốn tìm một căn hộ cho thuê và theo thông tin của những mẩu quảng cáo, tôi gọi điện hẹn chủ nhà để đi xem căn hộ. Tôi phải nói với họ trên điện thoại là: "Tên tôi là Lee, nhưng tôi là người Hoa. Vì vậy nếu ông không muốn có một người thuê nhà người Hoa thì ông cứ nói và tôi sẽ không phải đến tận nơi xem nữa." Lee là một họ khá phổ biến ở Anh nhưng tôi muốn tránh ngay từ đầu mọi sự hiểu lầm không cần thiết. Và đúng là có những chủ nhà lịch sự khuyên tôi không nên đến coi nhà. Đó là xã hội Anh vào thời điểm đó, vẫn đa phần là người da trắng và vẫn phân biệt đối xử với những người không phải da trắng.

Nhưng rồi theo năm tháng, do tỷ lệ sinh giảm và nhu cầu lao động tăng, các nước châu Âu phải nhận thêm người nhập cư từ châu Á, Trung Đông, châu Phi và Đông Âu. Người nhập cư đã làm giảm bớt áp lực kinh tế và dân số nhưng cũng tạo ra một loạt vấn đề khác.

Tại Đức, có ít nhất 2,5 triệu người gốc Thổ Nhĩ Kỳ. Sự khó chịu của người Đức với số lượng nhóm

người này đã gây ra một phản ứng dữ dội, với các báo cáo đáng lo ngại về những tội ác có động cơ sắc tộc mà thủ phạm là dân địa phương cực đoan. Tại Pháp, sự gia tăng của những vùng ngoại ô có phần lớn người thiểu số sinh sống xung quanh các thành phố lớn ở Pháp, nhất là Paris, là một vấn đề lớn gây đau đầu cho chính phủ. Bạo loạn đôi khi diễn ra vi cư dân của các khu vực này cảm thấy mình bị gạt ra ngoài lề cuộc sống của chính họ. Năm 2005, bất ổn vượt tầm kiểm soát, khiến gần 9.000 chiếc ô tô bị đốt trên cả nước và chính phủ phải tuyên bố tình trạng khẩn cấp suốt hai tháng dài. Cảm giác bị gạt ra ngoài lề và thiệt thòi tồn tại ngay cả trong số những sinh viên dân tộc thiểu số tốt nghiệp đại học. Số liệu chính thức cho thấy trong số các công dân Pháp, tỷ lệ thất nghiệp của sinh viên tốt nghiệp gốc Phi cao hơn ba lần so với sinh viên tốt nghiệp gốc Pháp.

Nước Anh còn ít đồng nhất hơn các nước khác nhiều. Bất cứ ai đi qua trung tâm của bất kỳ thành phố lớn nào ở Anh cũng có thể chứng kiến điều đó. Tuy nhiên, cảm giác lo sợ đã dần chuyển từ người Hoa sang các nhóm sắc tộc khác vi người Hoa khiêm

tốn hơn và ít gây rắc rối nhất. Nhiều người trong thế hệ người Trung Quốc nhập cư đầu tiên là chủ nhà hàng và có con cái thành đạt. Hiện nay sự chú ý chuyển sang người Ấn Độ, Pakistan và Bangladesh, những người thường sống thành những cộng đồng lớn trong những khu vực nhất định. Có những trường học mà học sinh dân tộc thiểu số hoàn toàn chiếm đa số vì người nhập cư không hòa nhập được với người bản xứ.

Các yếu tố tôn giáo đã làm phức tạp thêm vấn để. Nhiều người di cư là người Hồi giáo và trong những năm gần đây, họ tỏ rõ ý muốn xây dựng các thánh đường Hồi giáo. Vẻ đẹp mà các công trình này đem lại cho cảnh quan kiến trúc châu Âu truyền thống không giúp xoa dịu nỗi sợ hãi đang lớn lên trong lòng người dân địa phương là nền văn hóa và cộng đồng nơi họ lớn lên đang bị những người nhập cư phiền hà biến đổi. Nếu những người nhập cư này theo Ki-tô giáo thì cục diện hẳn đã thay đổi. Còn trong hiện tại, sự chia rẽ vẫn diễn ra bởi nhiều người nhập cư theo Hồi giáo còn tôn giáo thống trị ở châu Âu là Ki-tô giáo, còn việc có nhiều người châu Âu đi

nhà thờ hay không lại là chuyện khác.

Người dân châu Âu không cởi mở với việc nhập cư như người Mỹ. Họ đã không thành công trong việc hòa nhập được những người nhập cư đã sống rất lâu ở đất nước họ. Nước Mỹ tiếp nhận cởi mở hơn những người mới đến vì nước này thực chất là một xã hội nhập cư với các tín đồ Thanh giáo đến đây mới 400 năm trước. Nhiều người nhập cư đã có vị trí cao trong xã hội Mỹ, chẳng hạn như Jerry Yang, doanh nhân gốc Đài Loan, đồng sáng lập công ty Yahoo. Trái lại châu Âu lại gồm các quốc gia hình thành lâu đời và rất tự hào về nền văn học, văn hóa và lịch sử lâu đời của mình.

Trong vòng hai, ba năm vừa qua, các nhà lãnh đạo châu Âu - gồm thủ tướng Anh David Cameron, tổng thống Pháp Nicolas Sarkozy và thủ tướng Đức Angela Merkel - đều tuyên bố sự chung sống của các nền văn hóa khác nhau đã thất bại tại những nước này. Nói cách khác, người Thổ Nhĩ Kỳ định cư ở Đức không trở thành người Đức, cũng như người Algeria và Tunisia ở Pháp cũng không trở thành người Pháp. Càng ngày châu Âu càng thấy khó khăn để hòa nhập

những dân tộc này. Sắc tộc là cội rễ của sự bất lực trong quá trình đồng hóa, cho dù tôn giáo, văn hóa và ngôn ngữ cũng là những yếu tố góp phần. Nhưng đồng thời châu Âu cũng không thể ngăn được dòng người nhập cư vì họ đáp ứng những nhu cầu bức thiết trong nước. Vì thế chúng ta cũng có thể thấy các chính phủ châu Âu nếu có thể thì họ sẽ cho phép người nhập cư vào nước, và chỉ giảm tốc lại mỗi khi có kỳ bầu cử đến và khi các đảng cánh hữu công kích các đối thủ của họ với những luận điệu giận dữ. Dù đứng ở góc độ nào thì họ cũng đang lâm vào một tình thế nan giải.

Khi châu Âu gượng dậy từ những hoang tàn chiến tranh, ý tưởng về hội nhập châu Âu là điều rất dễ hiểu. Đây là một lục địa gồm nhiều quốc gia có nhiều điểm chung. Tất cả các dân tộc đều đã sống qua thời kỳ Phục hưng và thời kỳ Khai sáng và đã quen với văn hóa của riêng châu lục này, có cùng nhân sinh quan và thế giới quan. Ki-tô giáo là tôn giáo thống trị. Lùi lại lịch sử, các nước này còn có chung di sản từ thời Đế chế La Mã, Điều này tạo cho

họ một sự thống nhất trong cách thức tổ chức xã hội. Dù có nhiều điểm chung như vậy, nhưng những gì nổi bật trong thế kỷ 20 lại là những bất đồng và chia rẽ của họ, khi họ bị những thiên thần xấu xa dẫn dắt vào những cuộc chiến tranh tàn bạo, dai dẳng và hủy hoại dẫn đến cái chết của hàng triệu người. Như vậy, hợp nhất trở thành một nhiệm vụ trọng tâm của các nhà lãnh đạo châu Âu. Nó đại diện cho hy vọng về hòa bình lâu dài. Giải pháp rõ ràng nhất là các quốc gia phải xây dựng trên sự tương đồng của họ, gạt sang một bên các khác biệt và ràng buộc số phận các dân tộc gần nhau hơn để họ sẽ không bao giờ phải chịu những hậu quả khủng khiếp do chính họ gây nên một lần nữa.

Sau khi đã quyết định rằng đây là một dự án quan trọng, họ liền bắt tay vào việc xây dựng những thể chế cần thiết. Họ ký Hiệp định Paris năm 1951 để thành lập ra Cộng đồng Than Thép châu Âu, tiền thân của EU. Đến 1957, các bên ký kết hiệp ước Rome đề xuất thành lập một thị trường chung, các chính sách nông nghiệp và vận tải chung. Cộng đồng này sau đó phát triển thành Liên minh châu

Âu và sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc đã mở rộng ra 27 quốc gia. Trong số này có 17 nước đã thông qua chính sách đồng tiền chung euro.

Bên cạnh hòa bình, hội nhập còn mang lại một triển vọng lớn khác. Một châu Âu cùng hướng đến một mục đích chung sẽ có ảnh hưởng kinh tế lớn hơn nhiều và quan trọng hơn là tiếng nói có sức nặng hơn trong các vấn đề quốc tế. Nói đơn giản, nó sẽ là một châu Âu mạnh mẽ hơn. Nếu người châu Âu tăng cường các nỗ lực hội nhập của mình và tiếp tục cử ra được một bộ trưởng tài chính, và thậm chí là một bộ trưởng ngoại giao và một bộ trưởng quốc phòng, thì quyền lực cứng của họ sẽ tăng lên rất nhiều. Chúng ta thử xét người dân Hoa Kỳ. Họ thực chất là người châu Âu chuyển đến châu lục khác và đã giảm lòng trung thành với bộ tộc riêng và với các ngôn ngữ khác nhau của mình. Nếu châu Âu hội nhập được tới mức độ đó và trở thành một Hợp chủng quốc châu Âu thì sẽ không có có gì người Mỹ làm mà họ không thể làm được. Châu Âu với tư cách một thực thể sẽ đông dân hơn Mỹ (500 triệu so với 310 triệu) vào có một nền kinh tế lớn hơn một phần

sáu so với Mỹ. Một châu Âu như vậy chắc chắn sẽ góp mặt trong cuộc chạy đua các siêu cường hàng đầu thế giới.

Nhưng than ôi, mọi dấu hiệu đều cho thấy hội nhập là chuyện bất khả. Cho đến nay họ đã thất bại trong việc giữ vững đồng tiền chung và sẽ khó lòng đạt tới giai đoạn một chính sách đối ngoại chung hoặc một lực lượng quân sự duy nhất. Mỗi quốc gia có một lịch sử riêng mình trải dài nhiều thế kỷ. Mỗi quốc gia tự hào về truyền thống riêng của mình. Nhưng trên hết là do họ muốn duy trì ngôn ngữ của mình - vì cả một thời kỳ huy hoàng và một nền văn học lâu đời đằng sau đó. Nước Mỹ quyết định làm lại từ đầu và tạo ra một nền văn học mới, nhưng châu Âu sẽ không thể làm như vậy. Mặc dù tiếng Anh đã là ngôn ngữ thứ hai ở tất cả các nước nhưng các dân tộc trên lục địa châu Âu sẽ không bao giờ chấp nhận nó làm ngôn ngữ công sở duy nhất.

Vậy vị thể của châu Âu trên thế giới sẽ nằm ở đâu? Họ sẽ chỉ là những đối thủ nhỏ tầm hơn trên chính trường quốc tế. Đối mặt với sự thống trị của các cường quốc như Mỹ và Trung Quốc, và có lẽ sau

này là Ấn Độ, châu Âu sẽ bị đẩy xuống vị trí kép phụ. Hầu hết các nước châu Âu sẽ bị coi như những quốc gia nhỏ bình thường khác theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Đức sẽ phải một mình gánh vác cả châu Âu, nhờ vào dân số và thành công kinh tế của nó, dù vậy nước này cũng không muốn tỏ ra ta đây quá bởi họ vẫn còn mang mặc cảm tội lỗi vì đã giết hại sáu triệu người Do Thái. Người Anh vẫn giữ lại được ảnh hưởng của minh nhờ mối quan hệ xuyên Đại Tây Dương đặc biệt của họ với Mỹ.

Ngoài những chuyện đó ra, châu Âu chẳng thể hy vọng gì vào ảnh hưởng của mình tại một bàn hội nghị có sự hiện diện của Mỹ, Trung Quốc và Ấn Độ, dù các lãnh đạo châu Âu vẫn ngần ngại chưa thừa nhận điều này vì sĩ diện và vì cũng có kinh nghiệm lâu năm trên chính trường quốc tế. Nhưng dù gì cũng là bạn đang so sánh các quốc gia chỉ có 40,50, hay 80 triệu dân với 1,3 tỷ dân Trung Quốc và 1,2 tỷ người Ấn Độ. Và nhất là người Trung Quốc, họ sẽ thấy rằng một châu Âu phân rã sẽ có lợi hơn cho họ. Họ có thể đối phó với từng nước riêng lẻ, chứ không phải đối phó với cả một nhóm. Mỗi quốc gia châu Âu

sẽ phụ thuộc nhiều hơn vào Trung Quốc hơn là Trung Quốc phụ thuộc vào họ. Sự phụ thuộc này sẽ càng thể hiện rõ hơn khi nền kinh tế của Trung Quốc chuyển hướng sang thúc đẩy tiêu thụ nội địa.

Tuy nhiên, tiếng nói quốc tế của châu Âu suy giảm sẽ không dẫn đến việc mức sống của nó cũng giảm theo. Nếu tồn tại qua được giai đoạn tan vỡ của đồng euro, mức sống sẽ quay trở lại như thời kỳ trước đó. Châu Âu mất đi tiếng nói của mình trên thế giới, nhưng các nước trong châu lục này vẫn có một tiêu chuẩn cao về giáo dục, kỹ năng và vẫn có thể sống tốt. Sẽ có suy thoái nhưng mỗi quốc gia sẽ đạt tới một trạng thái ổn định với khả năng cạnh tranh riêng của minh. Những người châu Âu vẫn có một cuộc sống hạnh phúc.

Khi viết về sự suy thoái không tránh khỏi của châu Âu, tôi thấy buồn nhiều hơn là muốn chế giễu họ. Tôi không muốn chỉ trích châu Âu. Người .châu Âu là những con người rất văn minh. Đúng là trước đây họ là thực dân — người Pháp, Bỉ, Anh, và Tây Ban Nha. Nhưng người Pháp coi sứ mệnh của họ là khai hóa văn minh cho những người châu Phi. Và

nói chung, người Anh ra đi nhưng vẫn để lại các thể chế của minh cho các nước thuộc địa trong đó có Singapore. Chúng tôi kế thừa nền pháp quyền, các đạo luật, ngôn ngữ Anh và chúng tôi đã khôn ngoan không thay đổi bất kỳ điều nào trong số đó. Chúng đã giúp chúng tôi phát triển. Các thiết chế của họ đã hoạt động hiệu quả sẵn. Những gì tôi làm là để đảm bảo rằng chúng tôi đã không lật đổ những thể chế này mà chỉ gia cố thêm cho chúng.

Người Bỉ thì trái lại, họ ra đi để Congo lại trong một mớ hỗn độn. Họ khai thác tài nguyên và đến lúc buộc phải rời đi, nơi này liền chìm trong cuộc chiến giữa các bộ lạc. Hiện nay Congo vẫn còn rất rối ren. Ö Guinea, Tướng Charles de Gaulle đã rất tức giận với Ahmed Sekou Toure, một nhà tranh đấu tự do mạnh mẽ, tới nỗi họ tháo dỡ tất cả các đường dây điện và điện thoại trước khi rời khỏi nước này. Kể từ đó đến nay Guinea vẫn chưa phục hồi được. Người Pháp không làm điều đó với tất cả các thuộc địa của mình, nhưng họ đã làm điều đó với Guinea vì Sekou Toure đã chọc giận chính phủ Pháp. Vì thế nên Sekou Toure thừa hưởng một hệ thống hỏng hóc mà

ông sẽ không bao giờ khiến cho nó vận hành trở lại được.

Chính những điều này tạo nên sự khác biệt. Giả sử người Anh để lại cho tôi một đất nước trong hoàn cảnh như Bỉ và Pháp đã làm thì tôi không chắc mình có thể xây dựng một đất nước Singapore như ngày hôm nay. Người Anh ra đi rất lịch thiệp. Tòa nhà chính của dinh Istana, nơi ở của thủ hiến cuối cùng, Bill Goode, đã được ông ấy trao trả nguyên vẹn, mọi thứ đều đâu ra đó. Ông ấy dẫn tôi đi một vòng, giới thiệu tôi với các quản gia trước khi rời đi. Sau đó ông ấy đến Bắc Borneo một thời gian trước khi nghỉ hưu. Chúng tôi nên biết ơn hệ thống mà họ đã trao lại và sự ra đi lịch thiệp đó.

Hỏi: Ngài nhìn nhận các quốc gia châu Âu sẽ phát triển riêng lẻ ra sao? Người Đức chẳng hạn, họ đã làm rất tốt trong mười năm qua.

Đáp: Đúng thế, vì họ không chi tiêu nhiều hơn những gì kiếm được, và người lao động Đức lại có tay nghề cao. Họ sản xuất một số máy móc thiết bị tốt nhất trên thế giới, những hãng xe chất lượng nhất như Mercedes, Volkswagen, BMW, Porsche. Người Đức sẽ tiếp tục phát triển tốt vì đây là bản chất của họ. Họ gần như đã chinh phục toàn bộ châu Âu. Họ có động cơ và sẵn sàng chỉnh đốn bản thân. Nếu như không có Winston Churchill, sai lầm khi tấn công Liên Xô, và sự tham chiến của Mỹ thì Hitler hẳn đã chinh phục châu Âu và tất cả dân xứ này giò để nói tiếng Đức cả.

Hỏi: Trong 20 năm tới, ngài thấy nước Anh sẽ năng động hơn hay kém năng động hơn?

Đáp: Nước này sẽ chỉ phát triển tẩm tầm thôi. Đây là một quốc gia đã xây dựng lên một đế chế vĩ đại, sau đó sụp đổ sau Thế chiến thứ hai dưới áp lực của người Mỹ. Sau khi họ mất đi Ấn Độ, Pakistan và Bangladesh, các thuộc địa còn lại không còn quan trọng nữa. Và nếu nhìn vào thái độ của người Úc, New Zealand và Canada, những thành viên từng một thời trung thành với Khối Thịnh

vượng chung thì giờ đây khối này chẳng có ý nghĩa gì với họ nữa. Trong mắt họ, những nơi có ảnh hưởng lớn giờ đây là Mỹ, NATO và tổ chức tương tự NATO ở Thái Bình Dương. Họ sẽ gắn mình với thế lực lớn tiếp theo, thế lực mà họ cho là mình có nhiều điểm chung về văn hóa và địa chính trị.

Hỏi: Giả sử không có một châu Âu hội nhập và giả sử Trung Quốc tiếp tục phát triển và chi phối châu Á, liệu vai trò châu Âu có càng ngày càng xa lạ trong tâm trí của người Đông Nam Á, trong đó có Singapore không?

Đáp: À, người ta từng vẽ biếm họa chầu Âu như một viện bảo tàng. Nhưng tôi nghĩ đây là một nơi văn hóa và học thức cao và ví dụ như nếu anh hỏi tôi muốn đi kỳ nghỉ cuối tuần ở đâu, tôi sẽ chọn Pháp. Vì sao? Bởi vì ở đây anh sẽ tìm thấy một lối sống lịch thiệp. Người Pháp sẽ cho anh một cuộc sống tốt đẹp dù vẫn chưa bằng chất lượng sống của người Đức. Mỗi khi ở châu Âu tôi lại nghỉ cuối tuần ở miền quê tươi đẹp nước Pháp. Mỗi quan chức lớn ở Pháp đều có một vườn nho để đến nghỉ cuối tuần, nơi có những người nông dân lịch sự, người đó lại có một quản gia hay người lao động dưới quyền. Tất cả mọi thứ đều được trợ cấp nhờ vào Chính sách Nông nghiệp chung Châu Âu. Đây là một cuộc sống

rất dễ chịu với đồ ăn ngon, cảnh vật hữu tình và giấc ngủ trưa thư thái. Người Pháp hiện nay không còn theo đuổi vinh quang nữa. Người Đức thì không nghĩ vậy nhưng đó là do qua hàng thế kỷ, mỗi quốc gia đều đã phát triển những đặc điểm riêng của mình.

Hỏi: Làm thế nào người châu Âu có thể tạo ra một cuộc sống tuyệt vời như vậy?

Đáp: Họ công nghiệp hóa trước tất cả các nước khác, trước Trung Quốc, và họ chiếm được phần còn lại của thế giới. Người Anh có đế quốc Anh, người Pháp có đế quốc Pháp. Người Bỉ chiếm được Congo - một quốc gia châu Phi chưa đến năm triệu dân với đất đai rộng lớn và lượng tài nguyên khoáng sản khổng lồ mà người Bỉ đã khai thác được. Sau đó quá trình giải phóng thuộc địa diễn ra và các đế quốc này sụt giảm quy mô. Thời đại của đế quốc - cách châu Âu thống trị thế giới - sẽ không bao giờ quay trở lại, ít nhất là trong hình thức đô hộ cũ. Nó có thể trở lại trong một hình thức khác. Chẳng hạn như bạn có thể nhận thấy sự thống trị về kinh tế của Trung Quốc ở một số nơi trên thế giới nhưng đó không phải là kiểu thực dân hóa thực sự.

Hỏi: Liệu Nga sẽ đóng vai trò lớn hơn trong một châu Âu rời rạc?

Đáp: Tôi không nghĩ vậy. Người Nga tự coi mình là một cường quốc, trải dài trên chín múi giờ, một lãnh thổ rộng vô cùng với nguồn tài nguyên khổng lồ. Liên Xô cũ là một mối đe dọa an ninh, nhưng nước Nga của ngày hôm nay cũng còn gặp lắm khó khăn để duy trì vị thế cường quốc. Dân số suy giảm, nền kinh tế phụ thuộc vào khí đốt và dầu lửa và không có một nền lãnh tế xã hội thực sự. Tâm trạng bi quan ngự trị nơi đây thể hiện qua mức độ tiêu thụ rượu cao và phụ nữ sinh quá ít.

Hỏi: Một số lãnh đạo châu Âu tin rằng một giải pháp cho vấn đề của châu Âu sau cuộc khủng hoảng nợ công sẽ nằm ở các chính sách thắt lưng buộc bụng Nhưng ở một số nước, nhiều cử tri đã nổi loạn và gạt bỏ các lãnh đạo chủ trương ủng hộ chính sách này, chẳng hạn như ở Pháp, nơi mà tổng thống Nicolas Sarkozy đã thất bại trong nỗ lực tái tranh cử của mình năm 2012.

Đáp: Việc dân chúng nổi dậy chống lại các biện pháp thắt lưng buộc bụng là một phản ứng tự nhiên trong một nền dân chủ đại chúng. Chỉ cần có người đứng lên hô hào “Chúng ta không cần phải thắt lưng buộc bụng,” là các cử tri sẽ quyết định cho ông ta một cơ hội. À, vậy thì chúng ta hãy chờ xem liệu họ có cần phải thắt lưng buộc bụng không. Nếu đúng là trong thực tế họ không

cần vậy thì cử tri đã lựa chọn đúng - mọi thứ sẽ êm đẹp trở lại và tổng thống Sarkozy là kẻ ngây thơ. Còn nếu họ cần các biện pháp này mà lại không thực hiện thì họ sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Họ sẽ quay trở lại vị trí ban đầu.

Hỏi: Ngài có tin là họ cần các biện pháp thắt lưng buộc bụng không?

Đáp: Tôi không tin các nhà lãnh đạo tỉnh táo ở Pháp và Đức lại ủng hộ một chính sách không được lòng dân mà vẫn ra tranh cử nếu họ không tin chắc rằng chính sách đó là cần thiết. Người Pháp đã lựa chọn thay đổi nhưng Đức thì không. Người Đức đang sát cánh mạnh mẽ cùng Angela Merkel. Tôi không nghĩ là Tổng thống François Hollande có thể thay đổi được quan điểm của bà Merkel. Người Pháp chỉ đơn giản là chọn lối thoát dễ dàng hơn.

Hỏi: Có những chuyên gia, cụ thể là những người đến từ Mỹ, đã lập luận rằng thắt lưng buộc bụng là giải pháp tồi tệ nhất trong thời điểm khủng hoảng, và dù cho giải pháp này có lợi về lâu dài thì trong ngắn hạn cái cấn trước mắt là phải tạo được tăng trưởng để kích thích nền kinh tế. Ngài ủng hộ quan điểm nào?

Đáp: Giữa hai bên, tôi sẽ nghe theo người châu Âu, những

người quen thuộc các vấn đề của chính họ hơn người Mỹ - những người lúc nào cũng lạc quan ngày mai sẽ tươi sáng.

Hỏi: Và ngài tin rằng người châu Âu nên làm theo thỏa thuận mà người Đức đề xuất? Ngài tin rằng đó chính là lối thoát cho các nước châu Âu?

Đáp: Đó là giải pháp tốt nhất. Merkel và người dân Đức khổng ngây thơ. Đức là quốc gia thành công nhất ở châu Âu bởi họ sống rất kỷ luật.

Hỏi: Chứ không phải vì lợi ích riêng của Đức?

Đáp: Không, họ muốn nước Pháp và các nước khác trong cộng đồng thành công vì họ muốn đồng euro thành công.

Hỏi: Chuyển sang các vấn để xã hội, Singapore có thể học hỏi gì từ các nước châu Âu về chính sách thúc đẩy tỷ lệ sinh?

Đáp: Đâu dễ gì thay đổi lối sống của một dân tộc. Thụy Điển có thể duy trì tỉ lệ gần hai con một hộ gia đình vì họ là một nhóm người đồng nhất và có những chính sách hỗ trợ rất tốt cho trẻ em từ lúc sơ sinh, đi nhà trẻ cho tới lúc lớn. Họ làm được vậy vì họ cảm nhận mình là một bộ tộc và sẵn sàng hy sinh cho nhau. Làm sao có thể bắt

chước họ? Người Pháp mới chỉ làm được điều này ở một mức độ nào đó.

Hỏi: Ngài đã lập luận theo hướng "một bộ tộc" với các nước Bắc Âu, nghĩa là họ đoàn kết và hỗ trợ một nhà nước phúc lợi bởi vì họ giống nhau về mặt di truyền. Liệu ngài có mở rộng lập luận đó với người Nhật và người Trung Quốc, hai dân tộc cũng tương đối đồng nhất về thành phần chủng tộc?

Đáp: Với người Nhật thì đúng thế. Đó là lý do tại sao họ không muốn những người nhập cư. Nhưng với người Trung Quốc thì không. Trung Quốc không phải một bộ tộc duy nhất mà là gồm nhiều bộ tộc. Đúng là họ nói cùng một ngôn ngữ và sử dụng cùng chữ viết những mỗi địa phương lại nói giọng khác nhau và không một chính quyền trung ương nào có thể thực thi một chính sách thống nhất trên toàn đất nước. Đó là lý do tại sao ở các tỉnh dưới người ta hay nói phép vua thua lệ làng. Họ nói rằng ở đây tôi mới là vua. Đây là một đất nước rộng lớn với nhiều địa phương khác nhau có thái độ rất khác nhau.

Hỏi: Sự căng thẳng chủng tộc căn bản ở châu Âu ngày nay khác gì với lúc ngài ở đó những năm 1940 không?

Đáp: Thật khó nói vì giờ tôi không sống ở đó. Con gái [Bộ

trưởng cao cấp] Ngô Tác Đống kết hôn với một người Anh và sống gần Bradford. Ông ấy vẫn đến thăm mấy đứa cháu, trông chúng giống người da trắng hơn là người Hoa. Ông ấy kể với tôi rằng con cháu mình sống khá hòa thuận với hàng xóm láng giềng. Nhưng đó là bởi vì họ thuộc tầng lớp trung lưu.

Hỏi: Liệu trong tương lai, vấn đề căng thẳng sắc tộc có thay đổi khi Trung Quốc trỗi dậy?

Đáp: Không, tôi không nghĩ vậy đâu. Điều này không liên quan gì tới việc Trung Quốc trỗi dậy Người Nhật cũng có một quốc gia hùng mạnh trước chiến tranh, nhưng điều đó không thay đổi được quan điểm của người châu Âu về họ. Vì người châu Âu tin rằng họ là chủng tộc thượng đẳng, người Trung Quốc cũng thể thôi. Nên là không ai chịu ai.

Hỏi: Một vấn để gây ra khi những người nhập cư không hòa nhập vào xã hội châu Âu và chủ nghĩa khủng bố trong nước. Chúng ta đã thấy một vài ví dụ về điều này..

Đáp: Không, việc đó thì có liên quan gì tới chuyện hòa nhập hay không hòa nhập. Khủng bố thì ở đâu cũng là khủng bố. Cho dù những kẻ đó có hòa nhập được thì chúng vẫn trở thành khủng bố, bởi vì chúng tự biến mình thành cực đoan thông qua Internet.

Hỏi: Ngài có lo lắng về phản ứng dữ dội chống lại người nhập cư, và sự nổi lên của các đảng cực hữu trong nền chính trị châu Âu? Điều đó có thể tạo ra một châu Âu tan rã và xích mích.

Đáp: Sự tan rã đã diễn ra từ trước. Bây giờ chỉ là mở rộng chỗ đứt gãy đó thôi. Ngay cả khi người nhập cư chỉ chiếm 5 hay 6% của xã hội, thi các đứt gãy vẫn xuất hiện. Thế này nhé, anh có thể phân loại thế giới thành các chủng tộc sau: da trắng, da vàng, đen, nâu, và thường thì anh chỉ có thể kết hợp và hòa nhập trong mỗi màu da mà thôi. Ví dụ, nếu người Trung Quốc kết hôn với người Nhật hoặc người Việt Nam, thì đứa con dù coi mình là người Trung Quốc, Việt Nam hay Nhật Bản thì nó vẫn thuộc chủng da vàng.

Hỏi: Trong tất cả các nhà lãnh đạo châu Âu mà ngài đã gặp 50 năm qua, ai là người gây ấn tượng với ngài nhất?

Đáp: Cũng khó nói. Về mặt lịch sử, Winston Churchill là người nổi bật nhất. Ông là một nhà lãnh đạo vĩ đại. Thế giới hẳn đã khác đĩ nếu không có ông bất chấp khó khăn đối đầu với Đức. Thái độ của ông hết sức quyết liệt. "Chúng ta sẽ chiến đấu trên bãi biển, chúng ta sẽ chiến đấu trên mặt đất, chúng ta sẽ chiến đấu trên ruộng đồng và trên đường phố, chúng ta sẽ chiến đấu trên

các ngọn đồi. Chúng ta sẽ không bao giờ đầu hàng.” Dù vấp váp nhưng bài diễn văn phát động chiến tranh đó đã chiếm được niềm tin và sự ủng hộ của toàn thể dân tộc Anh, trong khi Pháp lại không có một vị lãnh đạo như vậy và họ đã đầu hàng. Thống chế Pétain đã đầu hàng Đức và dựng nên chính phủ Vichy. Winston Churchill là nhân vật đặc biệt nhất trong giai đoạn lịch sử đó. Nếu như không có ông và Không lực Hoàng gia thì nước Anh đã bị không quân Đức dày xéo mất rồi. Tinh thần dũng cảm ngoan cường mà ông truyền cho những người lính của mình đã cứu được nước Anh. Sau đó Nhật tấn công Trân Châu Cảng và đẩy Mỹ vào cuộc chiến. Đây là vận may cho ông nhưng ông cũng đã một mình chống lại kẻ thù đến một năm sau đó.

4

NHẬT BẢN TRIỀU TIÊN & ẤN ĐỘ

NHẬTBẢN
TRIỀU TIÊN
& ẤN ĐỘ

NHẬT BẢN

SỰ HOÀN HẢO NHẠT PHAI

Thách thức khó khăn nhất với Nhật Bản là vấn đề dân số. Dân số Nhật đang già đi nhanh chóng và không đủ để tự thay thế mình. Tất cả các vấn đề khác như một nền kinh tế chững lại và các chính trị gia nhu nhược đều là thứ yếu khi so với vấn nạn này. Nếu Nhật Bản không giải quyết vấn để dân số của mình, tương lai của nước này sẽ rất u ám.

Tự thân các số liệu thống kê ở Nhật Bản đã nói lên điều đó. Tỉ lệ sinh chững ở mức 1,39 con trên một phụ nữ, thấp hơn rất nhiều so với mức sinh

cần để thay thế dân số là 2,1. Với số trẻ em sinh ra ít đi, số lượng người lao động có thể chu cấp cho mỗi người già đã giảm từ 10 người năm 1950 xuống còn 2,8 người trong những năm gần đây. Theo dự đoán, con số này sẽ còn tiếp tục giảm xuống còn 2 người vào năm 2022 và có thể chỉ còn 1,3 người vào năm 2060. Khi chạm mốc 1,3, người lao động trẻ sẽ cảm thấy quá áp lực tới mức họ chọn cách ra đi. Dân số Nhật Bản tăng dần trong hơn sáu thập kỷ sau chiến tranh từ 72 triệu đến 128 triệu nhưng rồi đã sụt giảm trong ba năm vừa qua và hiện đang ở mức 127,5 triệu người. Tương lai về nền kinh tế thu hẹp sẽ không còn xa và tình hình này thật khó mà mang lại sự phát triển bền vững.

Trong nhiều năm liền, phụ nữ Nhật Bản chấp nhận vai trò mà nền văn hóa gán cho họ trong gia đình và trong xã hội. Họ yên phận ở nhà sinh con, nuôi con, chăm sóc người già và lo toan nội trợ. Nhưng khi phụ nữ đã đặt chân ra nước ngoài và tiếp xúc với nhiều người trên thế giới, và khi họ đã nếm trải sự tự do khi được đi làm và được độc lập về kinh tế thì quan điểm của họ đã thay đổi sâu sắc

và vĩnh viễn. Ví dụ, một số phụ nữ Nhật Bản làm việc cho hãng Singapore Airlines đã kết hôn với những tiếp viên hàng không người Singapore và họ đã chứng kiến cuộc sống của phụ nữ ở Singapore là không sống chung với nhà chồng và không bị chồng sai bảo đủ điều.

Xã hội Nhật Bản đã cố gắng hết sức để đẩy lùi xu thế này và giữ cho phụ nữ vẫn tiếp tục phụ thuộc kinh tế vào đàn ông càng lâu càng tốt nhưng rồi thất bại. Trong vòng một hoặc hai thế hệ vừa qua, phụ nữ Nhật đã từ bỏ vai trò của họ trong xã hội cũ. Họ cân nhắc tình hình rồi quyết định rằng mình không đáng phải chịu cách sống trước đây nữa. Họ không muốn phải chịu gánh nặng con cái. Nhiều người chọn sống độc thân. Một số kết hôn nhưng không sinh con. Nhưng thật vô ích khi vẫn còn rất nhiều nhà tuyển dụng Nhật từ chối thay đổi theo thời đại. Không giống như Thụy Điển giúp đỡ phụ nữ để họ có thể vừa có con cái vừa có sự nghiệp, nhiều công ty Nhật vẫn bắt những phụ nữ đi làm trở lại sau sinh phải chuyển sang dạng lao động tạm thời. Đối với những người phụ nữ muốn

phát triển sự nghiệp và đang trên đà thăng tiến, cũng như với những người cảm thấy họ cần khoản thu nhập toàn thời gian, thì quyết định có con đã trở nên quá tốn kém. Nhiều người không bao giờ đủ can đảm để đánh liều sinh con ngay cả khi họ muốn.

Vấn đề tỉ lệ sinh thấp của Singapore không khác gì Nhật Bản ngoại trừ một điểm căn bản: chúng tôi chịu chấp nhận những người nhập cư. Nhật Bản quá cứng rắn trong việc chấp nhận người nước ngoài. Tư tưởng phải giữ cho dòng máu Nhật Bản thuần nhất đã thành não trạng đến mức không ai dám công khai bàn luận khác đi. Một Nhật Bản đa chủng tộc là điều không tưởng, dù là trong đầu óc của dân chúng hay trong suy tính của giới lãnh đạo.

Tôi đã tận mắt chứng kiến niềm tự hào thuần chủng này của họ. Khi Nhật chiếm Singapore, tôi có làm biên tập viên tiếng Anh ở Tòa nhà Cathay một thời gian. Cứ vào ngày 8 tháng 12 hằng năm lại có một buổi lễ trong đó một người lính Nhật

cầm kiếm dài samurai hô vang: "Người Nhật chúng ta là hậu duệ Nữ thần Mặt Trời". Nói cách khác, chúng tôi mới là cao quý còn bạn thì không, Tôi nghĩ bây giờ họ không còn hô mấy câu như vậy nữa nhưng niềm tin đó cơ bản vẫn không thay đổi. Ví dụ, một viên chức người Nhật tên là George Takemura chỉ vì được sinh ra và giáo dục ở Mỹ nên đã không được những người Nhật khác tin cậy hoàn toàn. Ông ấy làm việc tại Hodobu - Bộ Thông tin và Tuyên truyền trong thời kỳ Nhật chiếm đóng và làm việc với các biên tập viên điện tín như tôi. Ông ấy rất điềm đạm cả trong hành vi lẫn lời nói.

Việc người Nhật cứ bám chặt lấy niềm tin ấy gây ra những tác động nghiêm trọng. Điều đó có nghĩa là họ loại bỏ những giải pháp hợp lẽ nhất để giải quyết vấn đề dân số của mình. Ví dụ, nếu tôi là người Nhật, tôi sẽ tìm cách thu hút nhập cư từ các nhóm dân tộc có vẻ bề ngoài trông giống người Nhật và cố gắng hết mình để đồng hóa họ, như người Trung Quốc, Hàn Quốc, cả người Việt Nam nữa. Và trên thực tế, một nhóm người như vậy đã

tồn tại ở Nhật Bản. Có 566.000 người gốc Hàn Quốc và 687.000 gốc Trung Quốc sinh sống ở nước này. Nói tiếng Nhật trôi chảy, những người này không khác gì với phần còn lại xã hội ở cả cách sống và thói quen và họ khao khát được chấp nhận như những công dân Nhật bản địa thực thụ. Mà quả thực có rất nhiều người sinh ra và lớn lên ở Nhật Bản thế nhưng xã hội Nhật Bản vẫn không chấp nhận họ.

Để hiểu rõ sự cực đoan trong thái độ hẹp hòi này, ta phải xem xét một nhóm khác cũng bị chối bỏ: những người Nhật thuần chủng trở về từ Mỹ Latinh, hay còn được gọi là *nikkeijin.* Từ thập niên 1980, hàng chục ngàn người, chủ yếu từ Brazil, đã chuyển đến Nhật Bản theo chính sách di cư tự do được đề ra với hy vọng những người này sẽ là câu trả lời cho vấn đề dân số đang lão hóa của đất nước. Khi quay về từ nửa bên kia trái đất là các nikkeijin này đang đi theo hướng ngược lại con đường ông bà mình đã đi những năm 1920 khi họ di cư tới các đồn điền cà phê đông đúc ở Brazil. Những thử nghiệm với các nikkeijin đã thất bại. Lớn lên trong

một xã hội hoàn toàn khác, các nikkeijin bị chính người thân ở mình ở Nhật Bản xa lánh, coi họ như thể những người nước ngoài xa lạ. Cuối cùng, vào năm 2009, ở đỉnh điểm của cuộc khủng hoảng kinh tế, chính phủ đành trả cho những nikkeijin thất nghiệp một khoản phí tái định cư để họ trở lại Brazil. Nếu là ở một xã hội khác, một xã hội đón nhận người nước ngoài với một thái độ khác thì thử nghiệm này có thể đã thành công. Mà đúng là chính phủ Nhật Bản chắc hẳn cũng đã tin vào khả năng thành công trước khi thi hành chính sách này. Ngay chính họ cũng đã đánh giá thấp mức độ cố chấp của người dân xứ mình.

Người nước ngoài hiện tại chiếm chưa đầy 1,2% tổng số dân tại Nhật Bản, vẫn ít hơn nếu so với con số 6% ở Anh, 8% ở Đức và 10% ở Tây Ban Nha. Mức độ thuần nhất của người Nhật cao tới nổi những người Nhật trẻ tuổi từng sống ở nước ngoài một thời gian, thường vì cha mẹ qua đó làm việc, lúc trở về sẽ gặp khó khăn để hòa nhập dù đã đi học ở những trường Nhật. Trong giao tiếp hằng ngày ở Nhật có những quy ước ngầm, người ta hiểu nhau

dựa trên ngôn ngữ cơ thể và âm trong cổ họng. Phải mất thêm nhiều năm nữa và cần có một sự thay đổi cơ bản trong thái độ người dân thì nước Nhật mới nghĩ đến được giải pháp dân số dựa vào việc thu hút người nhập cư. Nhưng Nhật Bản liệu có dư dả thời gian để có thể chờ đợi nhiều năm nữa trước khi đối mặt với vấn đề này? Tôi nghi ngờ điều đó. Nếu tiếp tục không hành động gì trong 10 đến 15 năm nữa, họ sẽ trượt dài và lúc đó thì đã quá muộn để phục hồi.

Nhật Bản đã trải qua hai “thập niên đánh mất" và hiện đang bước vào thập niên thứ ba. Giữa năm i960 và 1990, GDP của nước này tăng trưởng với tốc độ trung bình hằng năm là 6,2%. Từ những hoang tàn sau chiến tranh, người Nhật tự vực mình dậy, làm việc cật lực và tạo dựng nên nền kinh tế lớn thứ hai thế giới với sự trợ giúp từ người Mỹ. Khi các doanh nghiệp Nhật Bản thâu tóm nhiều bất động sản ở phương Tây, nhiều nhà phân tích từng lo ngại dự đoán rằng công ty Nhật Bản đã sẵn sàng chiếm lĩnh thế giới của các nước đã phát triển nhưng đang trên đà suy thoái - cũng không

khác mấy cách người ta nói về Trung Quốc hiện nay. Nhưng trong năm 1991, bong bóng bất động sản ở Nhật vỡ tan, đánh dấu sự khởi đầu của một giai đoạn dài tăng trưởng ì ạch. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hằng năm từ 1991 chỉ là 1% ít ỏi. Khi tôi viết quyển sách này thì một thập niên u ám thứ ba đã bắt đầu. Nếu không sớm hành động kiên quyết để giải quyết vấn đề dân số thì không có thay đổi về chính trị hay kinh tế nào có thể đưa Nhật Bản trở lại được sự năng động thời hậu chiến, dù chỉ là một phần nhỏ.

Tính chất dân số quyết định số phận một dân tộc. Suy giảm dân số đồng nghĩa với suy giảm sức mạnh. Người già không có nhu cầu đổi xe hơi hay mua tivi mới. Họ không mua bộ vét mới hay gậy golf mới. Họ đã có tất cả những thứ mình cần. Giờ thì họ chẳng mấy khi ăn uống tại các nhà hàng đắt tiền nữa. Vì lý do này tôi rất bi quan về Nhật Bản. Trong vòng một thập kỷ, tiêu thụ nội địa sẽ bắt đầu giảm và quá trình này không thể đảo ngược được. Điều này phần nào lý giải vì sao các gói kích thích liên tục cũng chỉ có tác dụng khiêm tốn lên nền

kinh tế. Nhật Bản ngày nay vẫn là quốc gia sáng tạo xếp thứ hai thế giới sau Mỹ, nếu tính số lượng bằng sáng chế toàn cầu. Nhưng những phát minh chỉ đến từ người trẻ, không phải người già. Trong toán học, một người chỉ phát triển tài năng đỉnh cao ở khoảng 20, 21 tuổi. Sau độ tuổi đó, không nhà toán học vĩ đại nào có thể tạo ra những công trình lớn hơn được nữa.

Tôi đến thăm Nhật Bản tháng 5 năm 2012 để tham dự hội nghị "Tương lai châu Á", được tập đoàn Nihon Keizai Shimbun tổ chức. Khi nói chuyện với lãnh đạo Nhật Bản, tôi muốn biết xem họ thực sự nghĩ gì nên tôi không nói thẳng "Các vị có nhận người nhập cư không?" mà hỏi "Giải pháp của các vị là gì?" Họ trả lời: "Trợ cấp thai sản nhiều hơn và thưởng khi sinh con." Thật thất vọng. Thưởng để khuyến khích sinh sẽ không thay đổi được tình hình. Dù thực hiện ở đâu thì việc khuyến khích sinh con cũng chỉ đem lại hiệu quả rất hạn chế bởi vì vấn đề không nằm ở tiền bạc mà nằm ở lối sống và nguyện vọng đã thay đổi. Ngay cả ở những nơi mà các phúc lợi này tạo ra được sự khác

biệt như Pháp hay Thụy Điển thì quá trình này cũng diễn ra rất chậm chạp và cực kỳ tốn kém.

Người Nhật là một dân tộc đáng nể. Khi trận động đất Tohoku xảy ra ngày 11 tháng 3 năm 2011, cả thế giới cảm phục cách người dân Nhật phản ứng: không hoảng loạn, không cướp bóc, chỉ có vẻ đường hoàng và điềm tĩnh đối mặt với cảnh tàn phá, mọi người chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau. Rất ít xã hội nào có thể duy trì được sự bình tĩnh, trật tự và kỷ luật trong thảm họa nghiêm trọng như vậy. Nhật Bản còn là dân tộc cầu toàn số một - từ việc sản xuất những chiếc ti vi và xe hơi không một khiếm khuyết đến tạo ra những món sushi ngon lành nhất. Tinh thần đồng đội trong lực lượng lao động Nhật cũng tạo cho họ lợi thế hơn các nước khác. Nếu so từng cá nhân, người Hàn Quốc và Trung Quốc có thể sánh được với người Nhật nhưng nếu so về làm việc nhóm thì không dân tộc nào có thể sánh với người Nhật. Có thể chính do ấn tượng này mà tôi từng tin rằng sẽ đến lúc người Nhật tỉnh giấc và nhận ra được vấn đề dân số của mình ngay khi phải đối diện với thực tế

khắc nghiệt. Suy cho cùng, sẽ thật vô lý khi để cho những người hàng xóm phát triển còn bạn dần lu mờ đi mà không có phản ứng gì?

Bây giờ tôi không còn tin vào việc người Nhật rồi sẽ phản ứng nữa. Nhiều năm đã trôi qua mà tôi không thấy Nhật Bản có động thái nào. Rất có khả năng quốc gia này đang phai nhạt dần sự hoàn hảo. Với tầng lớp trung lưu Nhật, cuộc sống vẫn sẽ dễ chịu trong nhiều năm nữa. Không giống như các nước phát triển phương Tây, Nhật Bản không tích các khoản nợ nước ngoài khổng lồ. Quốc gia này lại có công nghệ tiên tiến và người dân có học thức cao. Nhưng đến cuối cùng Nhật Bản sẽ phải chịu hậu quả những vấn đề của mình. Giả sử tôi là một người Nhật trẻ tuổi và nói được tiếng Anh, tôi sẽ chọn cách di cư ra nước ngoài.

Hỏi: Chúng ta đang thấy tình hình thay đổi nhanh chóng. Cách đây không lâu, chúng ta đã chứng kiến Nhật Bản vươn lên rất nhanh. Nhưng giờ đây ngài có ngạc nhiên khi các diễn biến xảy ra theo hướng khác đi như vậy không?

Đáp: Tôi không nghĩ lại có sự thay đổi nhanh chóng như vậy, nhưng dù gì đi nữa thì đó là do phong cách sống đã thay đổi.

Hỏi: Ngài từng nói rằng khi bị dồn vào đường cùng, dân tộc Nhật sẽ phản ứng. Họ sẽ chiến đấu lại bởi nó đã ăn sâu vào văn hóa của họ. Tại sao ngài không nghĩ là nhờ thể họ sẽ vượt qua được vấn đề dân số?

Đáp: Tinh thần đó chỉ đúng nếu họ đang chiến đấu với một kẻ thù bên ngoài thôi. Còn ở đây họ lại đang phải chiến đấu với chính bản thân mình. Cả phụ nữ lẫn đàn ông cần phải thay đổi thái độ khi mới sinh nhiều con hơn được. Nhưng người phụ nữ đã thay đổi cách sống từ việc chỉ hầu hạ cha mẹ ruột, cha mẹ chồng, chồng con thi giờ họ đã vùng dậy để tự khẳng định minh.

Hỏi: Liệu đó cũng là một dấu hiệu cho thấy giới lãnh đạo đã thất bại trong việc giải quyết vấn để này? Ví dụ, Singapore cũng gặp phải vấn đề tương tự, nhưng các

nhà lãnh đạo ở đây đang cố dẫn dắt, thuyết phục, cảnh báo, hứa hẹn.

Đáp: Có lẽ do Nhật có nền văn hóa khác biệt và họ không bàn về những chủ đề này. Ngay cả nếu có bàn, tôi không nghĩ điều đó thay đổi được tư duy của họ.

Hỏi: Liệu có phái các nhà chính trị cũng muốn tạo sự thay đổi nhưng họ lo ngại dân chúng chưa sẵn sàng? Hay chính giới lãnh đạo cũng đồng tình với dân chúng?

Đáp: Những người lãnh đạo là một phần của xã hội. Nếu xã hội vẫn giữ tư tưởng lãnh đạm thì anh không thể có một giới lãnh đạo nâng động được. Người Nhật ý thức được họ đang có tình trạng đó nhưng họ không có động thái gì. Họ khoanh tay đứng nhìn.

Hỏi: Nhưng người Nhật không phải một dân tộc chịu khoanh tay đứng nhìn.

Đáp: Thật không may họ lại khoanh tay trước vấn đề này.

Hỏi: Vậy ngài có nghĩ sự xuất hiện của một lãnh đạo vĩ đại ở Nhật có thể thay đổi được gỉ không?

Đáp: Không.

Hỏi: Nhưng ngài thừa nhận rằng nền chính trị bất ổn không có lợi cho Nhật Bản. Ngài lý giải ra sao cho tính bất ổn

này?

Đáp: Vị trí lãnh đạo xoay vòng cho các đại thủ lĩnh samurai. Quốc hội chia thành các phe phái đứng đầu là samurai và các chiến binh của họ. Người nào có nhiều chiến binh hơn thì sẽ giành được chức thủ tướng. Tôi không biết liệu các chiến binh này có đổi phe hay không. Có lẽ họ sẽ làm vậy nếu được chiêu dụ bằng quyền cao chức trọng. Nhưng dù gì đi nữa thì nền chính trị Nhật Bản cũng không ổn định và không cho bất kỳ lãnh đạo nào cơ hội để tạo ảnh hưởng thực sự lên các chính sách đề ra.

Hỏi: Có lẽ suy nghĩ của người Nhật về vấn đề dân số là: dân số đúng là sẽ suy giảm, kinh tế đúng là sẽ suy thoái, nhưng nếu có thể giữ GDP theo đầu người ở mức cao và duy trì các tiêu chuẩn sống, chúng ta sẽ ổn thôi.

Đáp: Không. Một dân số già sẽ không thể duy trì được GDP theo đầu người. Giới trẻ mới là người giữ cho nền kinh tế tiến lên mà họ lại đang thiếu người trẻ.

Hỏi: Những tác động về địa chính trị của một Nhật Bản thu nhỏ là gì, nhất là trong tình hình Trung Quốc trỗi dậy?

Đáp: Ngay cả khi họ có nhiều trẻ em hơn và dân số ngày càng tăng thì sự trỗi dậy của Trung Quốc lại là một vấn

đề lớn khác khiến cho những đổi thay này cũng không tạo ra được điều gì khác biệt. Họ không thể đứng lên chống lại Trung Quốc và họ chắc chắn không thể lặp lại những gì từng làm những năm 1930 khi gần như đã chiếm đóng được phần lớn Trung Quốc. Họ cần sự bảo đảm an ninh của Mỹ. Người Nhật tự mình không thể áp đảo hoặc ngăn chặn được người Trung Quốc. Nhưng người Nhật khi liên minh với người Mỹ thì có thể chặn Trung Quốc. Vả họ sẽ tiếp tục giữ mối đồng minh này nhưng họ sẽ trở thành một đối tác yếu thế hơn, nhỏ hơn, và đang xuống dốc.

Hỏi: Vây người Nhật sẽ giữ chặt mối quan hệ hữu hảo với Mỹ?

Đáp: Đó là chọn lựa tối ưu của họ. Nhưng đồng thời họ sẽ đầu tư vào Trung Quốc, kết bạn với họ, và dựa vào đó để kinh doanh.

Hỏi: Okinawa là một câu hỏi hóc búa cho người Nhật. Người Mỹ đặt hầu hết quân đội của họ ở đây nhưng người dân Okinawa lại thấy thật bất công khi mình họ phải chịu đựng vì sự an toàn cho cả nước Nhật. Ngài có nghĩ rằng cuối cùng người Mỹ sẽ bị buộc phải rời khỏi đây? Và nếu đúng như thế, Điều đó có ý nghĩa như thế nào với an ninh của Nhật Bản?

Đáp: Tôi không biết chắc là liệu cuối cùng người Nhật có ủng hộ người dân Okinawa đẩy người Mỹ ra khỏi nơi đây hay không, vì người Nhật không được lợi gì khi làm thế. Nhưng nếu họ làm thế, người Mỹ sẽ rút ra Guam và Midway những nơi xa xôi hơn trước.

Hỏi: Trong 20 năm tới, ngài cho rằng Nhật và Mỹ sẽ có kiểu liên minh nào?

Đáp: Điều đó còn phụ thuộc vào tiềm lực nền kinh tế Mỹ sẽ ra sao. Nếu người Mỹ không đủ khả năng để duy trì liên minh thì mối liên kết đó sẽ tan rã. Nếu điều đó xảy ra thì Nhật Bản sẽ phải nghe theo Trung Quốc. Họ sẽ trở thành một quốc gia phụ thuộc.

Hỏi: Một quốc gia phụ thuộc?

Đáp: Họ không thể đánh lại thì phải nghe lời Trung Quốc. Nếu có va chạm giữa một tàu Nhật Bản và một tàu của Trung Quốc trong khu vực quần đảo Senkaku hay Điếu Ngư, thì các tàu Nhật Bản sẽ phải rút lui.

Hỏi: Ngài có thấy Nhật Bản đang chuẩn hóa lực lượng phòng vệ của mình không?

Đáp: Nếu ảnh hưởng của Mỹ trong khu vực giảm sút thì Nhật Bản có thể phải phát triển một lực lượng phòng vệ với vũ khí hạt nhân như một kế sách cuối cùng.

Hỏi: Và Điều đó sẽ giúp họ đánh trả Trung Quốc?

Đáp: Không phải là đánh trả. Tự vệ thôi. Làm thế nào họ có thể đánh trả Trung Quốc được? Ba quả bom có thể tiêu diệt Nhật Bản chứ đâu thể xóa sổ được Trung Quốc.

Hỏi: Liệu Bắc Kinh có chống lại nỗ lực chuẩn hóa lực lượng phòng vệ hay phát triển tiềm lực hạt nhân của Nhật Bản hay không?

Đáp: Họ lấy cớ gì để chống lại? Người Nhật có quyền vũ trang cho đất nước họ. Những gì Trung Quốc có thể làm là tăng cường vũ trang cho mình mà thôi.

Hỏi: Một vấn đề khác gây khó cho mối quan hệ Trung Quốc - Nhật Bản là ký ức về Thế chiến thứ hai. Liệu vấn đề này sẽ còn tiếp tục một thời gian dài nữa?

Đáp: Lúc đó người Nhật chiếm đóng mọi thành phố lớn ở Trung Quốc. Nếu người Mỹ không đe dọa họ bằng lệnh cấm vận dầu thì họ có lẽ đã xâm chiếm được Trung Quốc. Cuộc xâm chiếm đó sẽ diễn ra trong bao lâu tôi không biết nữa vì họ chắc chắn sẽ mắc kẹt trong một cuộc chiến tranh du kích. Người Trung Quốc vẫn chưa quên ký ức đó.

Hỏi: Người Nhật khẳng định rằng họ đã xin lỗi rất nhiều

lần.

Đáp: Đúng thế, nhưng giới lãnh đạo Nhật vẫn tiếp tục viếng đền Yasukuni, nơi thờ tất cả những tội phạm chiến tranh.

Hỏi: Ngài đã có lần nói đến một bình luận của một lãnh đạo Nhật Bản, đó là nếu người Mỹ có đánh người Việt, mà thực sự họ đã lầm như thế thì sau một thời gian cả hai dân tộc này lại có thể bắt tay nhau. Nhưng nếu Nhật Bản đánh Trung Quốc thì thậm chí sau 100 năm, họ vẫn không thể bắt tay nhau.

Đáp: Điều này đã diễn ra từ lâu lắm rồi - từ năm 1931.

Hỏi: Vậy ngài lý giải chuyện này ra sao?

Đáp: Đó là vì Trung Quốc là một đất nước rộng lớn, vậy mà lại bị một quốc gia nhỏ hơn nhiều tìm cách chiếm đóng. Và người Nhật gần như đã chiếm được Trung Quốc vì nơi này lúc đó tan tác bởi các lãnh chúa.

Hỏi: Thế Nên có một mối thâm thù sâu xa giữa hai dân tộc?

Đáp: Tôi sẽ không dùng từ đó. Thương mại giữa hai bên đã phát triển với tốc độ phi thường. Nhật đang đầu tư ở Trung Quốc còn Trung Quốc mời gọi đầu tư để nắm bắt được công nghệ của Nhật, đổi lại Trung Quốc cung cấp cơ sở sản xuất giá rẻ. Nhưng tùy từng lúc mà

Trung Quốc luôn có thể tung quân bài Thế chiến thứ hai ra để làm khó Nhật Bản.

Hỏi: Vậy Singapore vả Đông Nam Á có nên hy vọng rằng mối quan hệ này sẽ phát triển và hai nên kinh tế trở nên liên kết chặt chẽ hơn với nhau?

Đáp: Có chứ, việc cả hai nước đó phát triển sẽ đem lại lợi ích chung cho chúng ta.

TRIỀU TIÊN

TRÒ LỪA THẾ KỶ

Tôi chưa từng tới Triều Tiên bởi chưa bao giờ cảm thấy mình cần đến đất nước đó. Đó là một đất nước hết sức khác thường. Ngay cả ở Trung Quốc, người dân cũng còn được hưởng những quyền cơ bản nhất định. Còn ở Triều Tiên, người dân hoàn toàn bị áp bức và cô lập với thế giới bên ngoài. Nói rằng gia tộc Kim đã tạo ra sự sùng bái cá nhân thì vẫn còn là nhẹ. Để lừa mị người dân, nhà Kim đã biến mình thành thần thánh. Dân chúng khiếp sợ họ mà không nhận ra rằng mình đang sống trong một sự lừa bịp. Tất cả những buổi diễu hành với những người đàn ông và phụ nữ với dáng vẻ hùng dũng đều chỉ là một phần trong vở

kịch. Triều Tiên còn là một trong những quốc gia được điều hành kém nhất thế giới, với giới lãnh đạo không làm được cả những chuyện cơ bản như đảm bảo cho nhân dân đủ ăn.

Việc họ có thể duy trì trò lừa đó trong thời đại truyền thông ngày nay cũng thật là ấn tượng. Họ không có iPhone hay truyền hình vệ tinh. Nếu họ có thì trò lùa này đã không diễn ra được. Một số ít người Triều Tiên tìm cách thoát ra khỏi đất nước và biết rằng thế giới - cụ thể là Hàn Quốc - đã tiến rất xa và đất nước của họ đã lạc hậu biết chừng nào. Nhưng những người này chỉ là thiểu số. Họ là những người có cuộc sống khốn khổ đến mức sẵn sàng chịu hiểm nguy trốn sang Trung Quốc hay Hàn Quốc. Một số thành công. Nhiều người khác thất bại. Những người trốn chạy thành công biết rằng họ đã thoát được trong đường tơ kẽ tóc. Họ liều mạng vượt biển trên những chiếc thuyền gỗ hay đánh liều chạy bộ dù có nguy cơ bị lính biên phòng bắt lại. Cái ngày mà đa số người dân Triều Tiên cũng nhận ra được điều tương tự - rằng đất nước của họ vẫn chìm trong một thời đại tăm tối

dưới chế độ hiện hành - thì đó sẽ là ngày họ khai tử chế độ này.

Thật không may có lẽ đã quá muộn để chế độ Triều Tiên tự cải cách chính mình. Họ đã vượt qua giới hạn quay đầu lại. Người Trung Quốc đã cố gắng thuyết phục họ thay đổi dần dần bằng việc đưa các lãnh đạo của họ đến tham quan những nơi như Thượng Hải, Quảng Châu, Thẩm Quyến để cố gắng thuyết phục họ rằng có cách để thực hiện cải cách mà không làm suy giảm quyền lực. Nhưng tình hình ở Triều Tiên lại rất khác với ở Trung Quốc. Nơi đây được cố kết bằng sự sùng bái mà nếu hình tượng sùng bái sụp đổ - điều chắc chắn sẽ xảy ra nếu họ mở cửa với thế giới và đi theo thị trường tự do - thì đất nước cũng sẽ sụp đổ. Người dân Triều Tiên sẽ thức tỉnh trước thực tế rằng họ đã bị lừa trong nhiều thập kỷ. Họ sẽ nhận ra mình đã ngây thơ biết bao khi để gia tộc Kim mê hoặc, khi tin rằng mình là quốc gia vĩ đại nhất thế giới. Họ sẽ thấy một Hàn Quốc giàu có và thịnh vượng và nếu thể thì giới lãnh đạo Triều Tiên đâu dễ cho mở cửa.

Vấn đề còn phức tạp hơn ở chỗ nếu mở cửa thì mạng sống và quyền tự do cá nhân của các nhà lãnh đạo Triều Tiên sẽ bị đe dọa, bởi vì trong quá khứ họ đã ra lệnh thực hiện nhiều tội ác quốc tế bao gồm cả các vụ ám sát chính trị gia Hàn Quốc, cho nổ máy bay dân sự ở vùng vịnh trên biển Andaman và bắt cóc các công dân nước ngoài trong đó có cả người Nhật Bản. Đến lúc đó một số lãnh đạo đã qua đài nhưng những người còn sống sẽ phải đối mặt với viễn cảnh phải trả giá vì những tội ác này chắc chắn phải được thực hiện với sự đồng tình của lãnh đạo Triều Tiên, nếu không muốn nói là dưới sự chỉ đạo trực tiếp của họ.

Như thế, trong tương lai gần, bán đảo Triều Tiên nhiều khả năng sẽ tiếp tục giữ nguyên hiện trạng. Không một ngoại lực nào có thể thay đổi cán cân này. Gần như tất cả các bên liên quan đến vấn đề Triều Tiên, bao gồm Trung Quốc và Hoa Kỳ, đều không muốn cả chiến tranh lẫn tái thống nhất hòa bình hai miền diễn ra, ít nhất là không phải trong thời gian tới. Đơn giản vì tính rủi ro quá cao.

Triều Tiên sẽ không muốn lặp lại những gì họ đã làm năm 1950 là khơi mào một cuộc chiến để chiếm lại Hàn Quốc. Bây giờ họ đã biết mình không hy vọng gì có thể đánh bại người Mỹ, nước mà vì lý do chiến lược sẽ tung ra mọi nguồn lực quân sự cần thiết để bảo vệ Hàn Quốc. Nhưng cho dù không có người Mỹ thì Triều Tiên cũng không thể thắng trong một cuộc chiến đối đầu với Hàn Quốc. Đúng là người Triều Tiên theo đuổi chính sách ưu tiên quân sự hàng đầu nhưng Hàn Quốc lại có lợi thế áp đảo về kinh tế. Nếu tin rằng vũ khí là thứ quan trọng nhất trong chiến tranh thì họ sẽ mắc sai lầm như của người Nhật trong Thế chiến thứ hai. Người Nhật tưởng rằng họ có thể hủy diệt hạm đội Hoa Kỳ và giành lợi thế quyết định trong cuộc chiến. Nhưng khả năng sản xuất công nghiệp của Hoa Kỳ lớn đến nỗi họ mau chóng gượng dậy, xây dựng lại hạm đội và trừng phạt Nhật Bản. Suy cho cùng, chính tiềm lực công nghiệp sẽ quyết định sức mạnh quốc gia chứ không phải số lượng tàu thuyền và súng ống. Nếu bạn có vũ khí nhưng không có nền tảng kinh tế vững chắc chống lưng

thì dù có chuẩn bị kỹ cho cuộc chiến bạn vẫn không có khả năng duy trì cuộc chiến đó. Người Triều Tiên sẽ nhận ra điều này bởi bọn họ đâu có ngây thơ.

Trong những năm gần đây, người Triều Tiên đã có những hành động quân sự thô bạo như đánh chìm tàu chiến Cheonan và nã pháo vào đảo Diên Bình của Hàn Quốc, khiến 48 người Hàn Quốc thiệt mạng trong hai vụ việc trên. Những hành động khiêu khích này phản ánh kiểu tư tưởng thích dọa dẫm của họ. Tư duy lớn tiếng cho người khác sợ đó còn thể hiện trong cả chính sách vũ khí hạt nhân của Triều Tiên. Nhưng tôi tin rằng Triều Tiên, bất chấp những hành động mất trí của mình, vẫn còn tỉnh táo để biết rằng có những giới hạn mà họ không thể vượt qua. Và thường là họ điều chỉnh hành động của mình để không đến mức khiến nước khác phải trả đũa nặng nề mà họ vẫn gặt hái được lợi ích trong nước. Như một số nhà phân tích đã chỉ ra, đây là một phương cách thuận tiện để tăng cường cả uy tín quân sự lẫn chính trị của người thừa kế ngôi vị Kim Jong-un. Tương tự,

người Hàn Quốc cũng không muốn có phản ứng thái quá nào trong việc tái thống nhất. Chiến tranh nếu xảy ra sẽ rất nguy hiểm vì thủ đô Seoul nằm ngay trong tầm pháo của Triều Tiên. Nên cho dù Hàn Quốc có chiến thắng thì thủ đô cũng bị phá hủy cùng với một phần năm số dân cả nước sống ở đó. Nhưng viễn cảnh về sự thống nhất trong hòa bình cũng có thể không được người dân Hàn Quốc ủng hộ. Dù tái thống nhất là mục đích và mong mỏi bấy lâu nay thì người Hàn Quốc vẫn thấy rằng cái giá phải trả của nền kinh tế cho một bán đảo Triều Tiên thống nhất sẽ rất khủng khiếp đối với Hàn Quốc đến mức họ vẫn đang muốn trì hoãn nó. Vấn đề kinh tế họ gặp phải nếu thống nhất sẽ lớn hơn gấp hai, ba lần so với thời Đông Đức thống nhất với Tây Đức, đơn giản là vì tình trạng của Triều Tiên tệ hơn Đồng Đức rất nhiều. Và cũng cần lưu ý rằng đến nay nước Đức vẫn tiếp tục gánh hậu quả từ những năm tháng thống nhất đất nước. Tuyên bố "Hãy thống nhất lại" là một chuyện, còn tuyên bố "Tôi sẽ nuôi anh nhiều thập kỷ nữa cho đến khi anh đạt được mức sống của tôi" lại là chuyện khác.

Người Hàn Quốc sẽ muốn Triều Tiên mở cửa từ từ với thế giới, kéo dài thời gian — dài ra đến hàng thập kỷ - từ khi bắt đầu cải cách mở cửa cho tới khi thực sự thống nhất với Hàn Quốc.

Và lý do cuối cùng là Trung Quốc và Hoa Kỳ, hai cường quốc trên thế giới từng chiến đấu vì mỗi miền Triều Tiên những năm 1950, cũng không buồn rầu gì trước tình trạng hiện tại trên bán đảo Triều Tiên. Tình hình đã có thể tồi tệ hơn. Hoa Kỳ mãi đến gần đây mới rút chân ra được hai cuộc chiến tốn kém ở Iraq và Afghanistan và không hào hứng gì với việc tham chiến nữa. Mặc dù cam kết bảo vệ Hàn Quốc của họ là thật thì họ vẫn mong tình hình sẽ giữ nguyên trạng như vậy trong nhiều năm nữa.

Trung Quốc cũng không muốn thấy sự tái thống nhất xảy ra dù là bằng chiến tranh hay hòa bình. Trung Quốc coi Triều Tiên như một tấm lá chắn, nên nếu hai miền Triều Tiên thống nhất thì chắc chắn sẽ bị Hàn Quốc chi phối và quân đội Mỹ có thể được phép di chuyển áp sát sông Áp Lục ở

biên giới Trung Quốc - Triều Tiên. Việc để cho quân đội Mỹ tiến đến trước cửa nhà là một viễn cảnh không vui vẻ gi và đó cũng là điều đã kéo Trung Quốc vào chiến tranh Triều Tiên lúc trước. Và cho dù nếu - một chữ nếu viết hoa - người Mỹ đồng ý rời Triều Tiên sau khi tái thống nhất thì người Trung Quốc cũng không coi đây là tin tốt lành gì. Tại sao họ lại muốn một Triều Tiên hùng mạnh ở sát sườn mình? Nói chung, họ vẫn sống thoải mái hơn khi hàng xóm còn bị chia rẽ.

Và như thế, tình hình hiện nay có thể coi là ổn định. Mỗi bên đều hành động hết sức thận trọng. Vấn đề Triều Tiên có thể tiếp diễn mười, hai mươi năm nữa mà gắn như không thay đổi gi. Sớm hay muộn chế độ Triều Tiên sẽ sụp đổ vì hệ thống của họ rất bấp bênh. Nhưng gia tộc Kim sẽ làm đủ mọi cách để kéo dài, rất dài giai đoạn này Đột phá sẽ xảy ra khi người dân Triều Tiên có thể liên lạc với thế giới bên ngoài dễ dàng hơn.

Còn trong lúc này thì Triều Tiên đang biến mình thành một mối đe dọa quốc tế khi theo đuổi

vũ khí hạt nhân. Về vấn để này, Trung Quốc là bên duy nhất có thể tác động được lên Triều Tiên những người Trung Quốc vẫn chưa thành công trong việc thuyết phục họ từ bỏ vũ khí. Người Triều Tiên tin rằng vũ khí hạt nhân quyết định sự sống còn của chế độ. Họ không hoàn toàn tin vào người Trung Quốc vì họ đã thấy Trung Quốc nhanh lẹ quay về phía Hàn Quốc như thế nào khi muốn công nghệ và đầu tư của Hàn Quốc. Người Triều Tiên có thể tạm thời hạ con bài vũ khí hạt nhân xuống chừng nào họ vẫn còn nhận được viện trợ quốc tế mỗi khi cần. Nhưng còn từ bỏ hoàn toàn là chuyện bất khả. Nếu đặt mình vào vị trí của người Triều Tiên, tôi sẽ tính toán rằng: người Trung Quốc gây áp lực buộc ta phải từ bỏ vũ khí hạt nhân, nhưng nếu ta thất bại thì họ cũng chẳng được lợi lộc gì. Vậy hà cớ gì ta phải nghe lời người Trung Quốc? Kinh nghiệm của Libya đã cho họ thấy rằng tốt nhất hãy cứ níu chặt lấy vũ khí của mình. Tổng thống Muammar Gaddafi đã nhượng bộ phương Tây và từ bỏ vũ khí hạt nhân. Rốt cuộc khi nổi loạn xảy ra, ông ta không có gì để ngăn cản Pháp và Mỹ

lao vào ủng hộ phe nổi loạn khiến Gaddafi bị phe nổi loạn giết chết tháng 10 năm 2011, một sự kiện ắt hẳn khiến những người nhà họ Kim phải ớn lạnh. Trong khi Triều Tiên lung lay thì Hàn Quốc vẫn tiếp tục con đường tăng trưởng. Đất nước này đang làm tốt và sẽ tiếp tục phát triển trong nhiều năm tới nữa. Họ mở cửa với thế giới, nhất là với Trung Quốc, tận dụng thị trường và nguồn nhân lực của người láng giềng khổng lồ này Vài năm trước, khi tôi đến thăm Hàn Quốc, hầu như doanh nghiệp nào ở đây cũng đều quan tâm đến việc làm ăn ở Trung Quốc. Sinh viên người Hàn cũng đông nhất trong các nhóm lưu học sinh ở Trung Quốc, họ học ngôn ngữ và tạo những mối quan hệ quan trọng cho tương lai. Tinh thần sẵn sàng gắn kết với đất nước phát triển mạnh nhất trong thế kỷ này sẽ tạo cho Hàn Quốc một đà phát triển mạnh.

Hàn Quốc còn có nhiều sản phẩm dẫn đầu thế giới, trong đó có màn hình LED. Những tập đoàn lớn, hay các *chaebol* của họ như Samsung, LG và Hyundai nằm trong số những tập đoàn đa quốc gia thành công nhất thế giới, và người Hàn cũng mạnh

về nghiên cứu phát triển. Với một nền kinh tế mới nổi và dân số 50 triệu người thì những gì họ đạt được thật quá ấn tượng.

Người Triều Tiên là một trong những dân tộc ngoan cường nhất trong khu vực bởi vì đất nước Triều Tiên là nơi mà vó ngựa xâm lăng của quân Mông Cổ phải dừng bước. Họ không thể vượt biển để xâm lược Nhật Bản nên nhiều người đã dừng chân ở Triều Tiên và sinh sống nơi này. Vì thế, người Triều Tiên mang trong mình dòng máu của những chiến binh dũng mãnh nhất vùng Trung Á. Họ rất ngoan cường và bạn vẫn thấy phần tính cách ấy thể hiện trong họ ở một số mặt nào đấy. Hơn nữa, họ lại là một dân tộc có tri thức, siêng năng chăm chỉ và đề cao thi cử, nên họ sẽ vẫn giữ được những đức tính tốt này.

Nhưng thành công trong quá khứ không thể đảm bảo cho thành công trong tương lai. Hàn Quốc cần phải vượt qua một số trở ngại trong xã hội mới có thể phát triển.

Đầu tiên, nước này cần theo dõi chặt chẽ vấn

đề dân số. Tỷ lệ sinh đang ở mức thấp, nhưng Hàn Quốc cởi mở hơn Nhật Bản trong việc tiếp nhận người nước ngoài. Đây chính là lợi thế của họ. Họ phải tiếp tục tìm cách bù đắp cho sự thiếu hụt trẻ em để đảm bảo về lâu dài nền kinh tế vẫn phát triển đều. Thứ hai, đất nước sẽ được lợi hơn khi các đảng chính trị đồng tâm nhất trí về đường lối phát triển đất nước hơn là cứ tranh cãi những chuyện không giống ai chẳng hạn như vai trò của các chaebol và liệu chính phủ có nên bắt họ nộp thuế nhiều hơn để tái phân bổ của cải xã hội. Điều này chỉ khiến cho vài công ty phải tính tới việc chuyển hoạt động ra nước ngoài nhiều hơn. Những cãi vã này làm suy hao năng lượng và nguồn lực xã hội. Hàn Quốc đáng lẽ đã mạnh hơn nhiều nếu người dân đồng lòng hô vang: “Hãy cùng hợp sức tấn công thị trường toàn cầu.”

Hỏi: Ngài có dự đoán một cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân ở Đông Bắc Á hay không?

Đáp: Triều Tiên có thể đã có vũ khí hạt nhân rồi. Nên chỉ cần Hàn Quốc chế tạo vũ khí hạt nhân nữa thôi, mà tôi nghĩ họ có khả năng làm được. Cuộc chạy đua đó sẽ xảy ra nếu nền kinh tế Mỹ xuống dốc và mất khả năng phô diễn sức mạnh ở châu Á. Bởi vì khi đó Mỹ không còn có thể đảm bảo an ninh cho Hàn Quốc và Nhật Bản được nữa.

Hỏi: Vậy Nhật Bản liệu có muốn tham gia cuộc chạy đua nậy?

Đáp: Tôi nghĩ Nhật Bản khó có khả năng phát triển vũ khí hạt nhân bởi họ đã gánh chịu hậu quả của nó ở Hiroshima và Nagasaki rồi, hậu quả không chỉ ở những người chết mà còn là những người sống sót nhưng sau đó qua đời vì bạch cầu và nhiều bệnh tật khác, nên họ ác cảm với thứ vũ khí này.

Hỏi: Nhưng nếu cà Nhật Bản và Hàn Quốc đều có vũ khí hạt nhân thì vùng Đông Bắc Á sẽ trở nền an toàn hơn, chẳng phải vậy sao? Nước nào cũng có vũ khí hạt nhân thì đâu thể nào gây chiến với nhau được.

Đáp: Cũng còn tùy. Người ta đã đặt ra một vài giả thuyết về

vũ khí hạt nhân. Nếu anh tấn công bằng vũ khí hạt nhân trước và hạ được kẻ thù thì đống vũ khí hạt nhân của kẻ thù cũng chẳng làm gì được nữa trừ khi bọn họ là người ra tay trước. Còn nếu đồn phủ đầu của anh chưa đủ hạ gục kẻ thù và để họ phản công thì lúc đó mới xảy ra sự hủy diệt lẫn nhau.

Hỏi: Vậy theo ngài trong một vài thập kỷ tới chiến tranh sẽ không nổ ra trên bán đảo Triều Tiên?

Đáp: Đúng thế. Điều đó chẳng mang lại lợi ích cho ai.

Hỏi: Đối với giới lãnh đạo Triều Tiền, họ đã rút ra bài học từ Libya. Liệu họ có rút ra bài học nào từ Myanmar? Chế độ của Myanmar cũng đã thay đổi đây thôi.

Đáp: Các tướng lĩnh Myanmar thấy rằng đất nước họ đang đi vào ngõ cụt trong khi người Thái lại phát triển mạnh như thế. Do đó họ mới quyết định nếu cứ tiếp tục chế độ đó thì đất nước sẽ sụp đổ. Nhưng người Triều Tiên lại có một nền văn hóa khác. Anh đâu có thấy tướng lĩnh Myanmar mặc xà rông đẩu quấn khăn nào mà lại trông hung hăng và khó đăm đăm bằng người Triều Tiên đâu. Đây là một dân tộc hoàn toàn khác.

Hỏi: Từ thời chính sách Ánh Dương của Kim Dae-jung đến nay thì chính sách của Hàn Quốc đối với Triều Tiên đã

thay đổi đáng kể. Tổng thống Lee Myung Bak lựa chọn một đường lối cứng rắn không khoan nhượng. Đây liệu có phải là quyết định khôn ngoan?

Đáp: Đó là bởi vì cách làm của Kim Dae-jung không hiệu quả. Nếu hiệu quả thì nó đã được tiếp tục thực thi rồi, nhưng sự thực là chính sách này đã bị phía Triều Tiên lợi dụng. Chính sách hiện tại của Lee Myung-bak hợp lý hơn. Không có lý gì cứ cho người ta ăn cháo mà không những người ta không cảm ơn thì thôi lại còn đá cả bát của minh nữa.

Hỏi: Về Hàn Quốc, khoảng một thập kỷ trước ngài từng nói rằng họ đã chuyển đổi quá nhanh từ chế độ quân phiệt sang nền chính trị dân chủ toàn diện, rồi là các công đoàn đang gây ra nhiều vân để, vân vân... Còn nhìn vào Hàn Quốc ngày nay ngài có cho rằng họ đã chuyển đổi thành công?

Đáp: Tôi nghĩ họ đáng lẽ đã có thể chuyển đổi từ tốn hơn mà không gặp phải những công đoàn bạo động như vậy Những công đoàn này đến nay vẫn hung hăng. Anh thấy họ đình công và giơ nắm đấm lên trời, và biển Điều đó trở nên một phần của nền văn hóa.

Hỏi: Một số người, lại cho rằng đó mới là sức mạnh của hệ

thống, một dấu hiệu cho thầy họ hết sức mạnh mẽ.

Đáp: Người Nhật Bản cũng mạnh mẽ đấy thôi nhưng các công đoàn của họ có đình công bao giờ đâu, cùng lắm là đeo băng tay để bày tỏ thái độ. Họ đặt tương lai của công ty và của đất nước lên trên những khó khăn của chính mình. Về mặt này, người Hàn không được như vậy.

ẤN ĐỘ

KIM KẸP CỦA CHẾ ĐỘ ĐẲNG CẤP

Qua nhiều năm, tôi đã đi đến kết luận rằng không thể nào so sánh Trung Quốc với Ấn Độ. Người Trung Quốc tự tay kiến tạo đất nước mình và trở thành một dân tộc thống nhất. Nó không phải là một đất nước do người ngoài lập nên. Người Hán chiếm 90% dân số và gần như tất cả mọi người trong nước có thể nói cùng một ngôn ngữ. Trung Quốc có một sự gắn kết mà Ấn Độ thiếu vắng, ở Ấn Độ có hơn 400 ngôn ngữ bản địa *[3], và trước khi người Anh đến thống nhất họ bằng cách xây dựng một mạng lưới đường sắt, họ là nhiều nhóm người khác nhau nằm dưới quyền một

[3] * *Nguồn: Tạp chí The Economist, tháng 2 năm 20X2.*

vương công, một quốc vương Hồi giáo hay một lãnh đạo quý tộc. Vì có nhiều ngôn ngữ nên bạn không thể đứng ở Delhi mà nói chuyện với hơn 40% dân số cùng một thời điểm. (Delhi nằm trong khu vực nói tiếng Hindi của Ấn Độ; theo điều tra dân số năm 2011, 41% dân số Ấn Độ là người bản xứ nói tiếng Hindi. Người nói tiếng Hindi nhưng không phải bản xứ như người Punjab cũng hiểu tiếng Hindi). Nhiều ngôn ngữ như tiếng Tamil và tiếng Punjab không có mối liên kết lịch sử nào, và người nói thứ tiếng này sẽ không hiểu người nói thứ tiếng kia. Nếu bạn nói tiếng Anh, 200 triệu trong số 1,2 tỷ người Ấn Độ hiểu được bạn nói gì. Nếu nói tiếng Hindi, bạn sẽ được 500 triệu người chú ý lắng nghe. Nếu nói tiếng Tamil, bạn chỉ có khoảng 60 triệu người hiểu mình. Đó là một trở ngại lớn đối với bất kỳ một thủ tướng nào của Ấn Độ vì không một thủ tướng nào có thể nói được tất cả các ngôn ngữ.

Ấn Độ chưa bao giờ là một thực thể đồng nhất, đất nước này là do người Anh tập hợp các lãnh thổ mà thành. Và bất chấp những nỗ lực to lớn của

người Anh và những người theo chủ nghĩa dân tộc, một đất nước Ấn Độ đồng nhất vẫn chỉ là ước ao hơn là thực tế.

Do đó, so sánh hai nền văn minh Ấn Độ và Trung Quốc cũng giống như đem cam ra so với táo. Và hỏi liệu Ấn Độ có thể đạt được những gì Trung Quốc đạt được hay không cũng giống như hỏi xem liệu có biến cam ra thành táo được hay không. Rõ ràng là những khác biệt giữa hai bên mang lại những kết quả khác nhau. Một quốc gia quyết chí làm cho ra làm. Còn quốc gia kia suốt ngày chỉ biết nói chứ hiếm khi có ý chí hay khả năng bắt tay vào việc. Ấn Độ đơn giản là không có cùng động cơ, hay không có một mục đích thống nhất mà ta thấy ở Trung Quốc.

Sự rời rạc đó còn được phản ánh qua hệ thống chính trị của Ấn Độ. Thủ tướng ở Delhi không thể ra lệnh cho các thủ hiến bang làm những gì trung ương muốn. Những người này đâu có phụ thuộc vào thủ tướng để được bổ nhiệm vào chức vụ, mà họ phụ thuộc vào phiếu bầu cử tri nơi họ quản lý.

Còn ở Trung Quốc, anh tuân theo những chỉ dẫn của trung ương không thì anh sẽ bị gạt ra khỏi bộ máy. Cả đất nước là một thể thống nhất cùng tiến. Nhưng Ấn Độ không được cố kết dưới một hệ thống duy nhất như hệ thống của Trung Quốc là bởi sự khác người của nó.

Khi Trung Quốc có thể đăng cai thành công Olympic Bắc Kinh thì Bộ trưởng tài chính của Ấn Độ p. Chidambaram cũng đã đặt ra một thách thức cho quốc gia mình là phải đăng cai Olympic 2016, nếu không thì cũng phải đến 2020 với quy mô ngang ngửa Trung Quốc. Liệu điều đó có xảy ra? Bất kể bạn có phán xét gì về chính sách một con của Trung Quốc thì nó vẫn được triển khai ở Trung Quốc. Chỉ có người Trung Quốc mới có thể ép một phụ nữ ở Thiểm Tây phá thai bảy tháng vì chưa được phép của chính quyền, theo tin tức tháng 9 năm 2012. Hệ thống trung ương tập quyền vận hành như vậy. Cô phạm luật, cô phải phá thai. Người Ấn Độ đến luật lệ còn không đề ra, huống chi là thi hành chúng.

Hệ thống đẳng cấp là một trở ngại khác của Ấn Độ. Nó là một yếu tố then chốt khác gây trì trệ cho sự phát triển của quốc gia này. Theo luật của hệ thống đẳng cấp, khi kết hôn với người ở đẳng cấp thấp, bạn sẽ mất đi đẳng cấp cao của mình. Do đó, người thuộc đẳng cấp Brahmin sẽ thường kết hôn với Brahmin, Vaishya với Vaishya, Dalit với Dalit, v.v... Những người thuộc đẳng cấp Brahmin vốn gắn với giới tăng lữ và họ là những người thông minh, nhiều người tinh thông nhiều ngôn ngữ. Vậy tác động của hệ thống đẳng cấp lên Ấn Độ là gì? Những gì tôi sắp nói ra đây hơi lạ lẫm nhưng tôi tin nó là đúng. Về mặt vĩ mô, hệ thống đẳng cấp khóa chặt nguồn gene trong từng đẳng cấp khiến theo thời gian, trí tuệ người dân sẽ bị thu hẹp. Ở Trung Quốc cổ đại, một viên quan giỏi giang có thể cưới nhiều vợ và trải rộng nguồn gene ra khắp cả nước mỗi khi ông ta đến một địa phương mới làm việc. Còn nếu về hưu, ông ta cũng đến nơi phong cảnh hữu tình như Tô Châu để sống và cưới nhiều vợ. Trái lại, một Brahmin không thể cưới một người đẳng cấp thấp mà lại không bị tụt xuống trên

thang bậc xã hội. Giả sử hệ thống đẳng cấp không tồn tại thì hẳn các Brahmin đã trải rộng nguồn gene của minh và sẽ có thêm nhiều người mang nửa dòng máu Brahmin ở Ấn Độ. Cứ giả sử rằng xã hội của bạn đột nhiên đề ra luật cấm những người tốt nghiệp đại học kết hôn với những người chưa tốt nghiệp nếu không sẽ bị mất địa vị xã hội, thế thì xã hội đó rồi sẽ đi về đâu?

Lần đầu tiên tôi hiểu rõ quyền lực của hệ thống đẳng cấp là vào thập niên 1970. Tôi có một người thư ký riêng tên là A. Sankaran, một Brahmin gốc Ấn Độ. Cha của ông ấy là tăng lữ đền thờ Tank Road Hindu ở Singapore. Bạn có thể nhận ra Sankaran thuộc đẳng cấp Brahmin qua ngoại hình của ông ấy. Trong một chuyến đi tới Ấn Độ có Sankaran đi cùng và khi chúng tôi tới tòa nhà chính phủ Raj Bhavan thì một sự việc kỳ lạ xảy ra. Khi chúng tôi đến nơi, ông ấy nói chuyện với những người lính cần vụ ở đó và họ lập tức tuân lệnh ông. Họ nhận ra qua cách nói năng và cử chỉ rằng ông là một Brahmin nên tiếng nói của ông có sức nặng và những người phục vụ này tuân lệnh ông. Sankaran

giờ đã qua đời nhưng sự việc này khiến tôi mãi mãi không thể quên. Một Brahmin người Singapore đột nhiên xuất hiện và nói chuyện với một toán lính cắn vụ Ân Độ và được họ tôn trọng vì đẳng cấp của mình.

Một sự việc khác xảy ra gần đây hơn, khoảng hai mươi năm trước. Tôi lại đến Ấn Độ, và đi xe từ Agra đến Delhi. Quan chức cao cấp nhất ở Agra tháp tùng tôi và tôi tận dụng cơ hội này để hỏi về hệ thống đẳng cấp. Tôi hỏi ông ta: "Giả sử tôi nói với ông tôi là một Brahmin thi ông có tin không?" Ông ấy trả lời: "À, nếu ông có địa vị, của cải và cách hành xử của một Brahmin thì tôi có thể tin ông đấy. Nhưng nếu ông lại muốn kết hôn với con gái tôi thì lúc đấy tôi sẽ phải điều tra kỹ lưỡng." Thế là tôi liền hỏi ông làm sao có thể truy dấu một người trong một đô thị đông đúc như ở Delhi chẳng hạn. Ông ấy trả lời rằng Delhi đầu chỉ là những con người hỗn độn, anh. cũng phải cư trú ở đâu đó và do đó luôn có thể lần ra anh.

Những sự kiện này diễn ra cách đây đã vài thập

kỷ nhưng tình hình đến giờ cũng vẫn chưa có thay đổi gì đáng kể. Trong những đô thị đông đúc nhất của Ấn Độ, chẳng hạn như Mumbai, hệ thống đẳng cấp cũng đỡ nặng nề chút ít nhưng xét trên toàn đất nước, tư tưởng đẳng cấp cũng chẳng giảm được bao nhiêu. Còn phải nhiều thập kỷ nữa, thậm chí là nhiều thế kỷ thay đổi dần thì Ấn Độ mới có thể tuyên bố mình đã thoát khỏi ảnh hưởng của đẳng cấp.

Dưới tác động của những yếu tố trên, khoảng cách giữa Trung Quốc và Ấn Độ mỗi năm sẽ ngày một mở rộng. GDP đầu người của Ấn Độ (1.500 đô la Mỹ/ năm) còn chưa bằng một phần ba của Trung Quốc (5.400 đô la Mỹ/ năm). Ân Độ phát triển chỉ bằng 60, 70% tỷ lệ phát triển của Trung Quốc. Tôi nghĩ Ấn Độ sẽ không thể bắt kịp Trung Quốc. Một vài vùng ở Ấn Độ phát triển nhanh hơn những vùng khác do khu vực tư nhân phát triển tương đối rầm rộ. Mumbai là khu vực phát triển chính. Bangalore là một thành phố phát triển nhanh khác, một phần nhờ vào những công ty như Infosys, với những doanh nhân hàng đầu thế giới

như N.R. Narayana Murthy. Nhưng Infosys thì có thể tuyển dụng được bao nhiêu lao động? Sự năng động này không tồn tại ở mọi nơi trên Ấn Độ.

Có lẽ là do thiếu cơ hội việc làm, hoặc giận dữ với sự ì ạch của đất nước không phát triển mạnh do tệ quan liêu nên nhiều nhân tài của Ấn Độ đã rời bỏ quốc gia để tìm kiếm những vùng đất tốt hơn và không quay về nước nữa. Đây là một khác biệt quan trọng giữa người Ấn Độ và người Trung Quốc. Người Trung Quốc cũng đến Mỹ rất nhiều nhưng cũng có không ít người quay trở lại Trung Quốc làm ăn. Trung Quốc có những cơ hội mời gọi họ mà Ấn Độ không có. Nói cách khác, nạn chảy máu chất xám ở Trung Quốc không tệ như ở Ấn Độ, những người rời bỏ Ấn Độ là những cá nhân xuất chúng nhất, có người hành điều hành một số tập đoàn lớn trên thế giới như PepsiCo và Deutsche Bank.

Cơ sở hạ tầng là một lĩnh vực quan trọng khác thể hiện rõ bất lợi của Ấn Độ. Nơi này rất bất tiện để đầu tư vì thiếu thốn cơ sở hạ tầng như bãi container, đường ray xe lửa, sân bay, thông tin liên

lạc và những thành phố dễ sống. Nhiều nhà đầu tư Nhật Bản ở Trung Quốc muốn mở rộng đầu tư nên đã đến Ấn Độ hy vọng mở nhà máy hay mỏ khai khoáng tại đây nhưng rồi đã rất ngạc nhiên trước tình trạng cơ sở hạ tầng nghèo nàn. Làm sao để chuyển nguyên liệu vào? Làm sao để đưa sản phẩm ra? Đường sắt Trung Quốc kéo dài từ 1000km năm 1988 lên đến 74.000km năm 2OIO, đứng thứ hai trên thế giới chỉ sau Mỹ. Còn Ấn Độ chỉ vỏn vẹn có 700km. chính phủ Ấn Độ đang muốn chi một ngàn tỷ đô la Mỹ cho cơ sở hạ tầng trong vòng 5 năm tới. Nhưng ai sẽ xây chúng? Người Ấn Độ? Thế thì lâu lắm. Sẽ thực tế hơn nếu giao cho người Nhật Bản, Hàn Quốc, và Trung Quốc xây dựng. Nếu được vậy, công việc sẽ được hoàn thành chỉ trong bốn hay năm năm. Nhưng liệu Ấn Độ có chấp nhận điều đó? Tôi không chắc lắm.

Tôi rất buồn khi phải đưa ra những nhận xét này về Ấn Độ. Trước kia tôi ủng hộ Ấn Độ vì đây là một đất nước dân chủ còn Trung Quốc theo chế độ chuyên chế. Thế rồi khi già đi, tôi nhận ra hai điều. Một là nền dân chủ không phải thứ thuốc trị bách

bệnh. Nó không giải quyết được mọi vấn đề cho mọi dân tộc. Trung Quốc sẽ không đạt được vị thế hôm nay nếu nó đi theo nền dân chủ. Hai là, xã hội - nhất là những xã hội lâu đời - bị tác động bởi những lực lượng căn bản khó thay đổi. Ấn Độ bị mắc kẹt trong những lực lượng khó đổi dời đó - sự phức tạp trong thành phần dân cư và sự kiểm tỏa của hệ thống đẳng cấp.

Hỏi: Ngài nói về sự đa dạng thành phần ở Ấn Độ. Nhưng người Ấn Độ đã thống nhất với nhau dưới tư tưởng của Gandhi và Nehru dù cho có những khác biệt về ngôn ngữ và đẳng cấp.

Đáp: Không hẳ, khi anh nói rằng họ thống nhất, thì chỉ là thống nhất về lý tưởng mà thôi. Gandhi chống lại thuế muối, nên họ cảm thấy mình cũng có chung tư tưởng với ông và ông trở thành biểu tượng lãnh đạo. Nehru là nhà lãnh đạo xuất thân bình dân đầu tiên nên người ta cũng đặt nhiều kỳ vọng, Ông có nhiều bài phát biểu hùng hồn bằng tiếng Anh. Bài diễn văn ông đọc đêm 14 tháng 8 năm 1947 trước Ngày Quốc khánh của Ấn Độ có đoạn mở đầu thật đẹp: "Khi đồng hồ điểm thời khắc nửa đêm, khi cả thế giới say ngủ, Ấn Độ sẽ thức dậy cùng sự sống và tự do." Nhưng bài diễn văn đó chỉ đến được với một phần sáu dân số. Tiếng Hindi vùng Kashmir của ông không trôi chảy lắm và đó là điều mà ông lấy làm tiếc. Ông được đào tạo ở Harrow và Cambridge.

Hỏi: Nhưng hình ảnh Nehru ngày nay vẫn được sùng bái ở Ấn Độ, thậm chí giữa những người không nằm trong số một phần sáu dán số hiểu được ông.

Đáp: Đúng thể, nhưng đó chỉ là hoài niệm mà thôi, là khát

khao giá như Nehru vẫn còn sống và đổi thay Ấn Độ. Nhưng khi tôi càng lớn tuổi, tôi lại càng thấy buồn. Tôi không thấy Nehru - dù là vẫn còn trẻ khỏe đi chăng nữa - có thể làm được gì để thay đổi thành phần dân chúng Ấn Độ. Khi tôi còn trẻ tôi cứ nghĩ rằng nếu còn sống ông ấy có thể làm được nhiều hơn cho đất nước; nhưng giờ thì tôi tin rằng ông ấy không thể nào làm hơn được bởi vì ông ấy không thể thay đổi những thành kiến văn hóa cắm rễ sâu sắc, nhất là hệ thống đẳng cấp.

Hỏi: Trong quá khứ ngài có mô tả Indira Gandhi là một phụ nữ ý chí kiên cường.

Đáp: Đúng thế, đó là một phụ nữ rất mạnh mẽ.

Hỏi: Một mặt nào đó bà ấy cũng là nhà độc tài khi cai trị Ấn Độ. Liệu có nên tin rằng Ấn Độ hiện nay cần một mẩu người lãnh đạo như thê?

Đáp: Tôi nghĩ rằng Ấn Độ cần những người lãnh đạo mạnh mẽ hơn khi quốc gia này đang bị xô đẩy theo nhiều hướng.

Hỏi: Hệ thống Ấn Độ có điểm mạnh nào khiến ngài ngưỡng mộ mà Trung Quốc không có không?

Đáp: Điểm mạnh của họ cũng chính là điểm yếu. Họ quá đa

dạng và quá khác biệt. Cứ trải qua mỗi biến cố, họ lại càng xích lại gần nhau và không tách rời ra. Họ vẫn ở nguyên một chỗ. Tôi không nói rằng người Trung Quốc sẽ chia rẽ, mà là trong trường hợp Ấn Độ, họ có những chính quyền bang và thủ hiến bang khác nhau nên dù có biển đổi thì họ vẫn cố kết với nhau.

Hỏi: Thế còn lợi thế dân số mà Ấn Độ nhắc đến là gì? Dân số trong độ tuổi 15 đến 35 rất lớn. Liệu đó có là lợi thế kinh tê của họ?

Đáp: Điều đó giúp họ có một nguồn lực lao động trẻ trung hơn. Họ có tỷ lệ sinh ở mức 2,5, cao hơn Trung Quốc rất nhiều. Và Trung Quốc một ngày kia sẽ hối tiếc không xóa bỏ chính sách một con sớm hơn. Nhưng vấn đề của Ấn Độ là nhà cửa, giáo dục đào tạo và tiêu chuẩn sống cho người trẻ. Ở một vài địa phương không có trường học và người ta dạy học sinh dưới gốc cây to. Nên sự tăng trưởng về dân số rất có thể dẫn đến có thêm nhiều người thất học.

Hỏi: Ngài đã dự đoán Trung Quốc trở nên mạnh hơn và thống trị ở châu Á hơn so với Hoa Kỳ. Vậy ngài thấy Ấn Độ đang đóng vai trò gì?

Đáp: Ấn Độ sẽ đóng một vai trò mạnh mẽ trong khu vực Ấn

Độ Dương. Người Ấn Độ đã nâng cao tiêu chuẩn lực lượng quân đội và hải quân của mình - những lực lượng được người Anh tạo ra - cho dù họ là những đơn vị khác biệt. Tôi có lần xem buổi diễu binh ở Delhi vào ngày Hiến pháp tháng năm 1996. Thật ấn tượng. Tôi thấy những người lính cao to đầu đội khăn và nhiều người lính thuộc các sắc tộc khác, nhưng họ đều là một quân đội thống nhất dưới sự điều khiển của một tổng tư lệnh duy nhất. Ở lực lượng hải quân và không quân cũng thế. Họ đoàn kết với nhau và trở thành một lực lượng đáng gờm ở Ấn Độ Dương.

Hỏi: Vì sao họ có thể làm được điều đó khi xã hội họ chia rẽ như vậy?

Đáp: Môi trường quân đội là một môi trường đồng nhất, và khi tham gia quân đội, anh phục tùng mệnh lệnh. Nhưng ở trong chính phủ, các bang có khi không nghe theo trung ương. Hơn nữa, an ninh quốc gia là trên hết nên họ đổ nhiều công sức cho quốc phòng bao gồm việc bảo vệ quần đảo Andaman cách xa Delhi hàng ngàn hải lý nhưng vẫn thuộc lãnh thổ của họ.

Hỏi: Liệu người Ấn Độ có thể phô diễn sức mạnh ở Thái Bình Dương?

Đáp: Không, tôi không nghĩ sẽ xảy ra chuyện hải quân Ấn Độ đi vào khu vực Thái Bình Dương. Không có chuyện người Trung Quốc muốn có hải cảng ở Myanmar và cả Pakistan. Thực tế là người Trung Quốc đang xây các hải cảng để bảo vệ cho những tàu thuyền chở nguyên liệu thô từ châu Phi về lại Trung Quốc nhưng họ không thể thống trị khu vực Ấn Độ Dương được.

Hỏi: Thế còn mối quan hệ Hoa Kỳ - Ấn Độ? Ngài dự đoán mối quan hệ này sẽ phát triển ra sao?

Đáp: Mối quan hệ này sẽ luôn đóng vai trò quan trọng vì người Mỹ muốn có một đối trọng với Trung Quốc và đối trọng duy nhất cân bằng về mặt số dân với Trung Quốc chính là Ấn Độ. Tổng GDP của Ấn Độ vẫn nhỏ hơn nhiều so với Trung Quốc nhưng phần lớn trong GDP đó lại được đầu tư vào các lực lượng vũ trang. Nhưng ta phải nhìn nhận vấn để cho đúng. Trung Quốc vừa đưa được phụ nữ vào không gian, Người Ấn Độ vẫn chưa làm được điều đó. Tôi thừa nhận họ có khả năng làm được nhưng sẽ mất nhiều thời gian hơn, và nó sẽ lấy đi nhiều nguồn lực vốn dành cho phát triển, Nhưng người Trung Quốc lại sẵn sàng làm điều đó là đổ cho người Mỹ thấy rằng những gì Mỹ làm được thì Trung Quốc cũng làm được.

Hỏi: Tôi xin hỏi một câu hơi cá nhân đó là khi đến thăm Ấn Độ ngài thường thích thú điều gì?

Đáp: Cũng đã lâu tôi chưa đến Ấn Độ. Đầu tiên là tôi thích việc họ nói tiếng Anh nên rất dễ giao tiếp. Thứ hai nữa là đồ ăn, ăn rất ngon.

Hỏi: Ngài không sợ các món cay và cà ri sao?

Đáp: Anh có thể bảo đầu bếp nấu ít cay lại. Nhưng điều mà tôi không thích là những khu nhà tạm của người vô gia cư ở ngay gần các khách sạn lớn. Một cảnh tượng tương phản đập vào mắt tôi khi tôi đang ở trong khách sạn Sheraton mới xây trong một thành phố Ấn Độ và ngay phía bên đường là một khu nhà tạm bợ. Dân chủ là thế đấy. Chuyện này sẽ không bao giờ xảy ra ở Trung Quốc. Tôi không biết ở Trung Quốc người ta xử lý vấn đề người vô gia cư ra sao nhưng bọn họ sẽ không được phép sống tụm lại trong những khu nhà tồi tàn ngay tại thành phố.

5

ĐÔNG NAM Á

ĐÔNG NAM Á

MALAYSIA
MỘT LỐI ĐI RIÊNG

Malaysia và Singapore đều trải qua chế độ thực dân với những mức độ phát triển khá tương đồng và có những di sản khá giống nhau do người Anh để lại. Nhưng sau 1965, hai quốc gia đã phát triển theo hai hướng khác hẳn nhau. Malaysia thành nước nói tiếng Mã Lai còn Singapore chọn tiếng Anh và trở thành một quốc gia đa chủng tộc. Theo thời gian, ý niệm về một nước Malaysia nói toàn tiếng Mã Lai sẽ ngày càng vững chắc hơn khi người Mã Lai chiếm phần lớn dân số.

Trong gần hai năm khi Singapore vẫn còn là một phần của Malaysia, tôi đã hết sức cố gắng đối diện với vấn đề chủng tộc bằng cách lôi kéo mọi

người đứng vào cùng một liên minh duy nhất đại diện cho một nước Malaysia của người Malaysia, nhưng tôi đã vấp phải sự phản đối dữ dội. Nó dẫn tới việc Singapore phải rời khỏi liên bang ngày 9/8/1965.

Những người cùng thế hệ với tôi trước đó vẫn luôn tin rằng Singapore và bán đảo Malay là một thể thống nhất. Sau chiến tranh đế quốc Anh đã chia tách chúng tôi và chúng tôi đã chiến đấu để được sáp nhập lại. Những người lãnh đạo xứ Malay ban đầu không muốn chúng tôi sáp nhập vì sợ người Hoa đông đúc ở Singapore sẽ làm nghiêng cán cân chủng tộc. Cuối cùng người Anh cũng thuyết phục được Tunku Abdul Rahman, thủ tướng đầu tiên của Malaysia, rằng với phe cánh tả đang ngày một lớn mạnh ở các trường người Hoa, có nguy cơ cao Singapore sẽ đi theo cộng sản. Ông ấy cuối cùng cũng chịu nhận chúng tôi kèm với hai vùng Sabah và Sarawak, là nơi có tỷ lệ người Hoa ít hơn để cân bằng với chúng tôi.

Nhưng sau khi chúng tôi gia nhập, Tunku lại

bảo tôi: "Đảng của các ông không nên động đến người Mã Lai ở Malaysia nữa." Chúng tôi có ba khu vực bỏ phiếu có đông người Mã Lai ở Singapore là các khu Geylang, Kampong Kembangan và khu Nam Đảo, nhưng ông ấy không muốn chúng tôi mở rộng ra các khu vực bỏ phiếu trên bán đảo Malay vì ông coi những khu vực đó là lãnh địa riêng của người Mã Lai. Nhưng chúng tôi đâu thể nghe lời ông ấy được. Chúng tôi cứ làm theo hiến pháp trong đó không nói rằng đất nước Malaysia chỉ thuộc bán đảo Malay mà nó là nước Malaysia của người Malaysia. Chúng tôi vẫn tiếp tục tiến hành lập nên tổ chức Hiệp ước Thống nhất Malaysia để ủng hộ một quốc gia đa chủng tộc thực sự. Chúng tôi thuyết phục các đảng ở Sarawak, Penang và Ipoh tham gia vào và có khá nhiều đại diện là người Mã Lai. Khi tổ chức này ngày một lớn mạnh, Tunku thấy khó chịu và ra lệnh Singapore phải tách khỏi Malaysia ngay nếu không sẽ có đổ máu. Một số người trong nội các của tôi phản đối việc tách khỏi Malaysia, nổi bật là Toh Chin Chye lúc đó đang làm phó thủ tướng. Toh sinh ra ở Ipoh và đối với ông ấy

sự thoát ly này là chuyện ngược đời. Ông ấy muốn gặp Tunku để nói chuyện và tôi cũng khuyến khích ông ấy làm thế. Tunku từ chối gặp ông nhưng có viết một bức thư nói rằng ông không còn kiểm soát được tình hình nữa. "Hoàn toàn không có cách giải quyết nào khác," Tunku viết.

Giữa năm 1963 và 1965, với tư cách là thủ tướng Singapore, tôi phải tham dự các cuộc họp của Hội đồng Lãnh đạo ở Malaysia. Các nhà lãnh đạo tham dự buổi họp đều là người Mã Lai, tất cả đều mặc đồng phục và có người mang kiếm đi hầu theo. Tất cả các bộ trưởng ở đó đều mặc đồ truyền thống Mã Lai và tôi là người lạc lõng nhất. Đây không chỉ đơn thuần là hình thức. Nó nhằm nói lên một Điều: "Đây là đất nước của người Malay. Anh đừng bao giờ quên điều đó."

Sự chia tách đặt dấu chấm hết cho những nỗ lực của tôi hướng tới một cái nhìn khác đi cho Malaysia về vấn để chủng tộc. Mỗi khi nghĩ lại tôi lại tiếc nuối. Giá như Tunku cứng rắn hơn để trấn áp được những người Mã Lai cực hữu và xây dựng

được một Malaysia đa sắc tộc, cho phép người Hoa và người Ân chia sẻ quyền lực trong ngành cảnh sát, quân đội và hành chính thì hẳn nước Malaysia đã phồn thịnh và công bằng hơn. Những gì Singapore đạt được đều có thể được thực hiện ở Malaysia. Cả hai quốc gia đáng lẽ có thể cùng phát triển mạnh.

Lúc đó tôi có lẽ đã quá lạc quan trông đợi vào vai trò của Tunku và khả năng của ông với tư cách là một nhà lãnh đạo người Mã Lai. Ông thuộc một thế hệ khác, lớn lên dưới sự cai trị của Anh và nhìn nhận mọi người - gồm cả những người thuộc chủng tộc khác - như là thần dân Anh quốc. Bạn của ông là người Hoa. Bạn thân của ông tại Đại học Cambridge là Chua Sin Kah, người ông có thể gọi điện mà nói: "Đến đây nhắm rượu và khô bò với tôi nào." Tunku cũng chấp nhận rằng Singapore phát triển hơn và sẽ trở thành một New York của Malaysia còn Kuala Lumpur nơi ông lãnh đạo sẽ là Washington. Nhưng ngay từ đầu tôi đã không nhận ra rằng ông không thể ngăn chặn các phần tử cực hữu người Mã Lai tự tung tự tác. Đáng lẽ tôi

phải nhận ra điều này khi những người này khăng khăng đòi Sabah và Sarawak sáp nhập cùng để đảm bảo rằng người Hoa không chiếm quá đông. Người Mã Lai nắm quyền lực trên bán đảo Malay và họ muốn đảm bảo rằng Malaysia mãi mãi là đất nước của riêng họ.

Sự thay đổi dân số ở Malaysia sẽ củng cố thêm những đặc quyền của người Mã Lai. Trong vòng 40 năm qua - nghĩa là kể từ thời áp dụng Chính sách Kinh tế mới - tỷ lệ người Hoa và người Ân ở Malaysia đã giảm đáng kể. Hồi năm 1970, người Hoa chiếm 35,6% dân số, nhưng đến năm 2010 chỉ còn chiếm 24,6%. Và cùng giai đoạn đó, tỷ lệ người Ân giảm từ 10,8 xuống còn 7,3%.

Sự thay đổi trong nhóm sắc tộc là kết quả của nhiều yếu tố. Thứ nhất là tỷ lệ sinh của người Mã Lai cao hơn. Lượng người Philippines nhập cư sinh sống ở Sabah cũng nhiều hơn. Sau này người ta đã đổ lỗi cho chính phủ trong việc cấp quyền công dân hàng loạt - một vấn đề sau này bị đem ra điều tra. Rồi nhiều người Hoa và người Ân lựa chọn ra đi mà

đó lại là những người có học thức, những người hay nghe bố mẹ bảo: "Con hãy cầm lấy hộ chiếu mà đi học nước ngoài. Đừng có quay về nữa."

40% số người nhập cư vào nước chúng tôi đến từ Malaysia. Những người có điều kiện di cư thì đến những quốc gia xa hơn. Hồi trước Đài Loan là một trong những điểm đến ưa thích của những người Hoa có học thức. Còn trong những năm gần đây, người Hoa và người Ấn ở Malaysia di chuyển tới cả châu Âu, Mỹ và Australia. Một số người hết sức thành đạt như Penny Wong hiện đang làm bộ trưởng tài chính của Australia. Trong số những người chọn ở lại Malaysia thì do một số không có điều kiện để rời đi còn những người khác do đang làm ăn khấm khá - cho dù phải chịu những chính sách phân biệt đối xử. Nhiều người trong số những người thuộc kiểu thứ hai này thì làm ăn với những người Mã Lai có quan hệ quen biết. Họ cũng không khác với các *cukong* (chủ công) ở Indonesia - những người Hoa làm ăn với người Indonesia có giấy phép nhưng không biết làm ăn. Các *cukong* người Hoa được đưa vào để làm những công việc cần trí lực

nhất trong hệ thống kinh doanh và họ được chia lợi lộc. Nhưng cái quan trọng là họ làm vì con cái. Ở Malaysia, rất nhiều con cháu người Hoa đi học nước ngoài rồi sinh sống ở đấy luôn.

Các chính sách dựa trên sắc tộc đặt Malaysia vào tình thế bất lợi. Nó thu hẹp nguồn nhân tài cần thiết để xây dựng một xã hội biết tận dụng nhân tài từ mọi sắc tộc. Họ sẵn sàng chịu mất nhân tài để duy trì sự thống trị của một sắc tộc. Gần đầy chính phủ Malaysia đã phần nào thừa nhận nguồn nhân tài nước họ đang chảy vào những thành phố năng động khác, và chính phủ đang cố gắng chiêu dụ một số người Malaysia ở nước ngoài về nước. Nhưng thực tế là những nỗ lực này là quá ít ỏi và quá muộn màng. Trong một thế giới toàn cầu hóa nơi lợi thế cạnh tranh của một dân tộc ngày càng dựa vào kỹ năng, trí tuệ và nhiệt huyết, thì Malaysia đang mất điểm. Trong cuộc cạnh tranh này nó đang nhường cho các nước khác chạy trước.

Rồi sẽ đến một ngày lá phiếu người Hoa và người Ân ở Malaysia sẽ chẳng còn giá trị và khi

ngày đó đến, khi lá phiếu của họ mất tiếng nói, người Hoa và người Ân không thể hy vọng có thể mang đến một xã hội công bằng và bình đẳng cho bản thân mình.

Sau cuộc tổng tuyển cử 2008, ở một số khu vực Malaysia, người ta hừng hực khí thế rằng đất nước sắp thay đổi thực sự. Đảng đối lập trước đó hứa sẽ xóa bỏ những chính sách phân biệt sắc tộc đã đạt được một kết quả bầu cử khiến những người ủng hộ đảng đó cũng phải bất ngờ. Đây là lần đầu tiên đảng đối lập đạt được số phiếu cao như thể kể từ năm 1969 và số ghế trong quốc hội cao nhất từ trước đến giờ. Đảng cầm quyền mất đa số hai phần ba ghế ở quốc hội. Một năm sau cuộc bầu cử, Najib Tun Razak lên làm thủ tướng và đưa ra chủ trương một Malaysia để củng cố tinh thần hòa hợp dân tộc và thống nhất quốc gia.

Thủ tướng Najib đề xuất ra một Malaysia bởi vì ông muốn giành lại lá phiếu của những cử trí gốc Hoa và gốc Ân mà đảng của ông đã mất trong cuộc bầu cử 2008. Nhưng dân chúng có đổng tình với

ông không? Có người Mã Lai nào vỗ tay vang dội cổ vũ cho một Malaysia? Ông ấy đề ra phong trào này với những kế hoạch đầy tham vọng nhưng có vẻ như thực tế chính trị đã cản trở những kế hoạch đó. Ông không thể nào giành được phiếu bầu từ cử tri gốc Hoa và gốc Ân mà lại không để mất phiếu của những người ủng hộ chính cho Đảng của ông - người Mã Lai.

Câu khẩu hiệu một Malaysia đã không thực hiện được như kỳ vọng ban đầu. Khi tôi gặp gỡ các nhà báo gốc Hoa ở Malaysia không lâu sau chủ trương này, họ nói rằng lúc đầu họ đưa tin vê nó là một “Malaysia đa sắc tộc" nhưng rồi sau đó được chỉ đạo là rút gọn thành một Malaysia. Nói cách khác, mọi người dân cùng chia sẻ một nước Malaysia, nhưng các cộng đồng vẫn tách biệt nhau thành nhóm Mã Lai, Hoa, Ân. Liệu chủ trương này có giúp cân bằng quyền lợi cho những người không phải Mã Lai không, chúng ta còn phải chờ xem.

Những người tin rằng một Malaysia sẽ dẫn lối tới một kỷ nguyên mới hòa hợp sắc tộc là những

người không thực tế, còn những người tin rằng đảng đối lập sẽ có những chủ trương tương tự còn là những người phi thực tế hơn. Lý do đầu tiên, việc liên minh đối lập lên nắm quyền trong tương lai gần không phải là việc dễ xảy ra. Nhưng cho dù điều đó có xảy ra thì việc đảng đối lập đó có thể xóa bỏ những đặc quyền cho người Mã Lai là chuyện bất khả. Để hiểu được điều này chúng ta cần phải xét kỹ liên minh Pakatan Rakyat (PR). Đây là một liên minh lỏng lẻo, nó không đoàn kết dưới một hệ tư tưởng nào mà là dưới khao khát chiếm đa số ghế trong chính phủ. Chừng nào nó vẫn chưa nắm thực quyền trong chính phủ liên bang và do đó chưa phải thực thi những chính sách đa chủng tộc thì phe này vẫn còn giữ được sự thống nhất. Tuy nhiên, nếu có lên nắm quyền thì liên minh PR cũng sẽ không thể nào gạt bỏ đặc quyền của người Mã Lai được. Khi đến lúc phải ra quyết định và được trao toàn quyền thì liên minh này hoặc sẽ bị xâu xé từ phía trong hoặc sẽ tê liệt do thiếu dứt khoát. Nếu liên minh này muốn làm một việc có ý nghĩa nào đó thì đảng PAS của những người Mã Lai theo Hồi

giáo cũng sẽ kiếm được đủ, nếu không muốn nói là đa số ghế trong liên minh để họ có quyền phủ quyết và chặn hành động này ngay tức khắc. Khi làm việc đó là PAS đang phản ứng lại cùng một kiểu áp lực bầu cử mà chính đảng hiện tại UMNO từng phải đối mặt từ phía những người Mã Lai.

Do đó, nếu muốn hiểu vấn đề đặc quyền của người Mã Lai thì nguyên nhân quan trọng không nằm ở việc đảng UMNO hay Barisan Nasional lên nắm quyền. Thay vì nghĩ về UMNO như một thực thể vẫn mãi nắm quyền, tôi coi người Mã Lai như một khối mà sẽ luôn kiểm soát đa số ghế. Bất kỳ đảng nào lên thay thế UMNO và trở thành chính đảng đại diện cho lợi ích của người Mã Lai cũng sẽ không hành động khác với UMNO là bao.

Ngoài sắc tộc ra, Singapore và Malaysia còn khác nhau ở nhiều vấn đề khác nữa nhưng qua năm tháng chúng tôi đã học được cách sống và chấp nhận những khác biệt. Khi chúng tôi tách ra khỏi Malaysia năm 1965, tiếng Anh là ngôn ngữ chung ở cả hai nước. Vài năm sau, Malaysia quyết

định bỏ tiếng Anh và dạy tất cả các môn học bằng tiếng Mã Lai, biến tiếng Mã Lai thành ngôn ngữ công sở. Người Hoa thì tự bỏ tiền vào các trường học riêng của họ. Khi chính phủ kết luận bỏ tiếng Anh là đánh mất lợi thế, năm 2003 họ đã đưa tiếng Anh trở lại vào giảng dạy các môn toán và khoa học. Nhưng phía người Mã Lai phản đối, nhất là những người sống ở vùng nông thôn, thế là năm 2009 ngôn ngữ dùng để giảng dạy khoa học và toán học lại quay trở lại tiếng Mã Lai. Không dễ gì đưa tiếng Anh vào sử dụng lại một khi đã bỏ nó. Ở Singapore, chúng tôi còn giữ lại cả vị thế độc lập của ngành tư pháp mà người Anh để lại; còn tại Malaysia, năm 1988, chính phủ phản ứng với những phán quyết tòa án không đúng ý chính phủ bằng một loạt quyết định trong đó có cả sa thải một chánh án và nhiều thẩm phán cấp cao khác cũng như sửa đổi hiến pháp để làm suy yếu các cơ quan tư pháp. Hai mươi năm sau, chính phủ của thủ tướng Abdullah Badawi đã trả tiền bồi thường cho các thẩm phán bị sa thải hoặc gia đình của họ. Thủ tướng Abdullah Badawi thừa nhận sự kiện năm

1988 đã đánh dấu "một thời kỳ khủng hoảng mà đất nước không bao giờ có thể hồi phục hoàn toàn."

Singapore và Malaysia chọn hai con đường hoàn toàn khác nhau để tổ chức xã hội. Nhưng chúng tôi đã hiểu rằng bên này không nhất thiết phải áp đặt quan điểm của mình cho bên kia. Chúng tôi không thể thay đổi họ. Họ cũng không thể thay đổi chúng tôi. Chúng tôi chỉ đơn giản cùng tồn tại, riêng biệt nhưng hữu nghị.

Điều quan trọng đối với Singapore là chúng tôi phát triển và duy trì một lực lượng quân sự mạnh mẽ để bảo vệ chủ quyền của mình. Miễn là chúng tôi có một lực lượng vũ trang Singapore có khả năng chống đỡ kẻ thù xâm lược thì sẽ không có ai động đến chúng tôi cả.

Hỏi: *Khi nhìn lại, ngài có cho rằng mình đã hành xử quá quyết liệt trong vấn để một đất nước Malaysia của người Malaysia không?*

Đáp: Không, nếu lúc đó tôi không quyết liệt, thì giờ chúng ta đã là tù nhân rồi.

Hỏi: Trước đây ngài từng nói rằng những người thân đã cảnh báo việc sáp nhập sẽ không hiệu quả, cả bà Lý cũng nói thế. Ngài đã nói: "Vợ tôi bảo rằng chúng tôi sẽ không thành công (ở Malaysia) bởi các nhà lãnh đạo người Mã Lai của đảng UMNO cá lối sống quá khác biệt và bởi vì chính sách của họ dựa trên cộng đồng, sắc tộc và tôn giáo. Tôi trả lời rằng chúng tôi phải khiến cho nó thành công vì chúng tôi không còn lựa chọn nào tốt hơn. Nhưng bà ấy đã đúng. Chưa đầy hai nấm, chúng tôi đã bị yêu cầu phải rời khỏi Malaysia".

Đáp: Đúng thế. Nhưng tôi cũng phải cho khả năng sáp nhập đó một cơ hội chứ.

Hỏi: Lúc đó Singapore còn lựa chọn nào khác?

Đáp: Một Singapore độc lập, nhưng độc lập lúc bấy giờ là phải đối mặt với phong trào học sinh người Hoa đang muốn mở rộng sức mạnh của mình mà họ rất có thể

sẽ giành chiến thắng, Nhưng một khi đã sáp nhập vào Malaysia rồi thì người Hoa hiểu rằng họ đang nằm trong một khu vực của người Mã Lai và sẽ không có chuyên một Singapore của người Hoa. Chỉ có thể có một Singapore đa sắc tộc.

Hỏi: Điều đó cũng nằm trong tính toán của ngài khi muốn sáp nhập?

Đáp: Không, đó không phải tính toán của tôi. Đó là kết quả sau khi sáp nhập. Tính toán của tôi đó là chúng tôi phải kết nối lại với họ để có một tổng thể thống nhất. Về mặt lịch sử, Singapore và Malaysia từng là một nước duy nhất.

Hỏi: Chứ mục đích cụ thể của việc sáp nhập không phải là để vô hiệu hóa mối đe dọa của cộng sản Trung Quốc ở Singapore?

Đáp: Không, nếu thế thì chúng ta đã trả một cái giá quá lớn. Giả sử chúng ta cứ ở yên ở Malaysia, không đấu tranh đòi một Malaysia đa sắc tộc với Hiệp ước thống nhất Malaysia, thì bây giờ chúng ta cũng đã giống như vùng Penang hay Kuching hoặc Jesselton, giở là Kota Kinabalu rồi. Họ không phải người Mã Lai. Họ là người Dusun, Dayak và Kadazan.

Hỏi: Một vài người đưa ra quan điểm rằng ngài và đảng PAP đến Malaysia với tham vọng thống trị toàn bộ đất nước.

Đáp: Làm sao mà được. Nhìn thành phần dân số là biết không thể rồi. Những gì người Mã Lai muốn là những người không phải Mã Lai chỉ đóng vai trò thứ yếu thôi. Họ đã có các đối tác là Hiệp hội người Malaysia gốc Hoa lẫn Hội nghị người Malaysia gốc Ấn, để giữ lòng trung thành của các nhà lãnh đạo cấp cơ sở tại bán đảo Malay. Họ có thể thao túng hai vùng Sabah và Sarawak vì các nhà lãnh đạo ở đây còn trẻ và non kinh nghiệm. Trong bối cảnh kèn cựa giữa các bên như vậy Tunku đã đề nghị cho tôi làm đại diện của Malaysia ở Liên Hợp Quốc để tôi khỏi cản đường họ.

Hỏi: Khi hai đất nước chia tách, báo chí nói rằng có nhiều người Singapore vào thời điểm đó đã hoan nghênh sự kiện nậy. Tôi ngờ rằng nếu ta hỏi ý kiến những người dân Singapore ngày hôm nay thì họ vẫn nói rằng sự kiện đó là một trong những điều tốt đẹp nhất đã xảy đến với Singapore bởi vì chúng ta được độc lập, được nắm trong tay vận mệnh của mình. Ngày hôm nay, khi nhìn lại sự chia cắt này, ngài có nhìn nhận với con mắt tích cực không khi thấy Singapore đã phát triển như

vậy?

Đáp: Không, chúng ta đã làm hết sức có thể khi còn là một phần của Malaysia. Nhưng người ta đã không cho Singapore được góp phần vào đó. Họ trông mong chúng ta tuân theo những điều kiện của họ, chứ không phải những điều kiện họ đã thỏa thuận với chúng ta và với Anh quốc là chúng ta được hưởng những quyền và đặc quyền nhất định về cả giáo dục và lao động. Chúng ta là một khu vực riêng biệt chứ không phải là một bang bình thường của Malaysia.

Hỏi: Một số chuyên gia cho rằng mong muốn bảo vệ đặc quyền của người Mã Lai sinh ra từ cảm giác bất an khi thấy trong nước có nhiều người Hoa và người An. Theo cách nhìn nhận này nếu Malaysia trở nên đồng nhất hơn, với việc người Mã Lai là nhóm đa số áp đào, thì họ sẽ ít thấy bị đe dọa hơn và nhiều khả năng sẽ buông bỏ những đặc quyền của mình.

Đáp: Anh tin rằng nhóm đa số đó sẽ chịu ủng hộ các nhà lãnh đạo muốn họ phải từ bỏ những đặc quyền của mình sao?

Hỏi: Có nhiều quốc gia mà nhóm dân tộc thiểu số được lợi thế nhiều hơn là gặp bất lợi. Ví dụ như ở Trung Quốc,

những người, dân tộc thiểu số sẽ được cộng điểm khi thi vào đại học.

Đáp: Nhìn vào lịch sử, vào quá trình tiến hóa, người Trung Quốc là một nhóm người có lòng tự tin rất lớn, họ muốn vượt trội hơn các dân tộc thiểu số. Vì thế họ sẵn sàng cho phép chính sách một con khổng áp dụng với các dân tộc thiểu số và với các khu tự trị như Tân Cương và Tây Tạng. Đâu thể nào so sánh bối cảnh lịch sử của họ với Malaysia được?

Hỏi: Trong trường hợp của các nước khác ngài đã nhận định rằng nếu quốc gia đó có một tộc người áp đảo hay nói một ngôn ngữ chung thì quốc gia đó sẽ gắn kết hơn. Liệu có thể áp dụng lập luận đó cho Malaysia khi nó ngày càng trở thành một quốc gia của người Mã Lai? Liệu Malaysia sẽ tốt hơn?

Đáp: Nếu anh là một người Hoa hay một người Ân sống ở đó, liệu anh có nghĩ mình sẽ có một cuộc sống tốt hơn?

Hỏi: Có lẽ không. Nhưng Malaysia, với tư cách một quốc gia vả một xã hội, có thể phát triển hơn?

Đáp: Câu trả lời cho câu hỏi đó là: Anh nghĩ nguồn nhân lực tài năng ở đâu ra?

Hỏi: Vậy ý ngài là họ có tiềm năng, có người tài nhưng chưa được trọng dụng?

Đáp: Đúng thế, tất nhiên.

Hỏi: Hiện tại cùng với sự thay đổi trong các nhóm sắc tộc là việc Malaysia đang ngày càng đi theo Hồi giáo một cách chặt chẽ hơn.

Đáp: Điều đó một phần là do ảnh hưởng của Trung Đông.

Hỏi: Liệu nước này có thể trở thành một quốc gia Hồi giáo tiến bộ?

Đáp: Anh tin như thế sao? Theo ý anh một quốc gia Hồi giáo tiến bộ là như thế nào?

Hỏi: Mở cửa với thế giới, mở cửa với những tư tưởng mới.

Đáp: Rồi không đội khăn nữa, phụ nữ bắt tay và ngồi chung với đàn ông, rồi người phi Hồi giáo có thể uống bia và mời người Hồi giáo ngồi uống cà phê với mình?

Hỏi: Nhưng nó có thể giống với Thổ Nhĩ Kỳ hơn là giống với Ả rập Saudi chẳng hạn? Tương đối cởi mở, hấp thụ một số giá trị mang tính quốc tế hơn?

Đáp: Không, nó sẽ là một đất nước Hồi giáo của người Mã Lai. Đã có thời bọn họ sống thoải mái không khắt khe lắm. Còn bây giờ, dưới ảnh hưởng của các quốc gia

Trung Đông, họ nghiêng sang phía chính thống nghiêm ngặt hơn. Hồi trước họ cũng uống rượu lúc ăn tối và uống với bạn bè. Khi tôi còn ở đó, Tunku còn mời bạn bè của mình uống whiskey và rượu mạnh. Còn bây giờ, họ nâng cốc chúc mừng nhau bằng xi rô.

Hỏi: Bên cạnh chủng tộc và tôn giáo, người ta còn lo ngại nhất là tham nhũng và nền chính trị nặng tiền bạc. Ví dụ như chính sách giao hợp đồng cho các doanh nghiệp Mã Lai giúp người Mã Lai được hưởng lợi. Liệu ngài có thấy người Malaysia có thể giải quyết được vấn đề này?

Đáp: Tôi không thể nói chắc. Điều đó có thể nếu họ có được một nhóm những người trẻ Mã Lai được giáo dục tốt và muốn điều hành hệ thống một cách nghiêm chỉnh và sẵn sàng chống lại việc thu lợi cho bản thân. Trong mỗi đơn vị đảng UMNO, những người đứng đầu chiếm được nhiều lá phiếu và họ được hưởng đặc quyền vì điều đó. Vì vậy, tôi không; chắc rằng sẽ có thay đổi nào, trừ khi có sự chuyển biến toàn diện trên phạm vi toàn Malaysia.

Hỏi: Về quan hệ Singapore-Malaysia, ngài có thấy tiềm năng hợp tác kinh tế giữa hai nước? Một ví dụ là việc Singapore đầu tư vào khu kinh tế mới Iskandar của

Malaysia - cả hai bên đều rất thực tế và đây là cơ sở để chúng ta có thể làm ăn kinh tế.

Đáp: Chúng ta hãy chờ xem khu kinh tế Iskandar phát triển thế nào. Đây là lĩnh vực hợp tác kinh tế trong đó anh phải nhớ rằng chúng ta đang đầu tư trên đất Malaysia. Và họ chỉ cần quẹt vài nét bút là ta có thể mất đi việc làm ăn đó. Nhưng họ sẽ không chiếm lấy những cơ sở kinh doanh của ta bởi vì họ muốn có nhiều khoản đầu tư hơn. Nhưng khi chúng ta đến đó, chúng ta phải hiểu rằng bất kỳ nhà cửa hay bất động sản nào mà anh xây dựng trên mặt đất đều thuộc về người chủ sở hữu vùng đất đó.

INDONESIA

RỜI XA KHỎI TRUNG ƯƠNG

Các diễn biến trong chính trường Indonesia từ cuối thời kỳ Suharto là một chuỗi sự kiện không có gì đặc biệt, không có các cuộc biểu tình đường phố ồn ào kêu gọi thay đổi toàn diện hay chính phủ bạo dạn lên kế hoạch chuyển biến nền kinh tế của quốc gia. Bạn không thể làm một bộ phim bom tấn Hollywood hoành tráng ở quốc gia này được. Tuy nhiên, tôi tin chắc rằng các sử gia nhiều năm nữa nhìn lại sẽ nhận ra được bản chất quan trọng của thời kỳ này. Sự phát triển mà tôi đang để cập đến là quá trình phân quyền đến từng địa phương hay còn gọi là phi tập trung hóa.

Năm 1999, người kế nhiệm của Suharto, Tổng thống B.J. Habibie, đã lặng lẽ ký vào văn bản luật cho phép chuyển giao quyền lực từ Jakarta đến

khoảng 300 quận trên đất nước rộng lớn này. Các luật này có hiệu lực vào năm 2OOI và đã đạt được nhiều kết quả đáng kể. Khi khu vực tự chịu trách nhiệm về các vấn để riêng của mình và các quan chức địa phương cũng do người dân bầu nên thì đất nước như có được sức sống mới. Phát triển kinh tế trở nên đồng đều hơn. Quyền tự chủ của địa phương cũng làm giảm áp lực đòi ly khai trung ương và giúp đất nước được cố kết lại. Một đất nước Indonesia phi tập trung là một đất nước tốt đẹp hơn và có nhiều cơ hội để phát huy tiềm năng của mình.

Trước khi thực thi luật phi tập trung hóa, Indonesia là một trong những quốc gia có hệ thống chính trị mang tính tập quyển trung ương mạnh mẽ nhất thế giới. Tổng thống và nội các của ông chính là người đưa ra các quyết định quan trọng về kinh tế, còn các quan chức và người đại diện của chính quyền trung ương sẽ thực thi các quyết định đó trên khắp cả nước. Mọi thứ đều phải xếp hàng để đi qua Jakarta. Các nhà đầu tư nước ngoài, gồm cả các nhà đầu tư Singapore, đều hiểu luật chơi này

Họ biết rằng dù là đầu tư vào những vùng xa xôi ở Indonesia thì họ vẫn phải trả một cái phí (vào cửa) ở Jakarta. Đương nhiên, các khoản thu thuế và lợi nhuận từ việc khai thác nguồn tài nguyên dồi dào của đất nước sẽ chảy trở lại thủ đô, rồi sau đó thủ đô mới quyết định xem sẽ phân bổ nguồn lợi nhuận này cho các nơi khác như thế nào.

Trong nhiều năm liền, hệ thống này đã hoạt động trôi chảy dưới sự lãnh đạo của Suharto. Xuất thân quân đội, Suharto kế thừa Sukarno lên làm tổng thống năm 1968 và giữ chức vụ này trong ba thập kỷ. Thành tựu của ông phải nói là phi thường. Suharto thừa kế một đất nước với nền kinh tế điêu đứng và lạm phát phi mã nhưng ông đã cải biến được tình hình bằng cách tập trung mọi nguồn lực quốc gia cho việc phát triển. Trong khi người tiền nhiệm của ông - tổng thống Sukarno - chỉ biết đập bàn ầm ầm tại các hội nghị quốc tế để biến Indonesia - và mình - trở thành nhà lãnh đạo của các nước mới nổi thì Suharto hiểu rằng Indonesia sẽ không thể có tiếng nói trên trường quốc tế nếu không thành công trong việc giải quyết các vấn đề

nội bộ của mình. Khi Malaysia ra đời, Sukarno đã đưa ra khẩu hiệu Ganyang Malaysia, có nghĩa là Nghiền nát hay Nuốt chửng Malaysia. Còn Suharto, với quyết tâm ổn định các quan hệ quốc tế của đất nước, đã bỏ khẩu hiệu này, chấp nhận Malaysia như một nước láng giềng và thừa nhận rằng hai vùng Sabah và Sarawak thuộc về Malaysia.

Indonesia đã phát triển thực sự trong 30 năm dưới thời Suharto. Ông biết bổ nhiệm các quan chức có trình độ và các nhà kinh tế thực thụ để điều hành đất nước. Người ta phải so sánh Myanmar và Indonesia thì mới có thể nắm bắt được tầm cỡ sự đóng góp của Suharto. Cả hai nước đều bắt đầu cùng vạch xuất phát trên đường đua phát triển. Cả hai đều được trời phú cho nguồn tài nguyên dồi dào và có các tướng tá quân sự nắm quyền. Nhưng Tướng Ne Win của Myanmar, hay Miến Điện vào thời điểm đó, đã đi theo con đường của chủ nghĩa xã hội. Nếu như không nhờ vào các chính sách cứng rắn của Suharto để thúc đẩy phát triển, Indonesia cũng sẽ giống như Myanmar. Suharto có

thể dính vào tham nhũng và gia đình trị nhưng lịch sử cũng sẽ đánh giá ông về những thành tựu rõ ràng:ông giáo dục người dân, giúp tăng trưởng kinh tế, xây dựng đường giao thông và cơ sở hạ tầng.

Nhưng hệ thống tập quyền trung ương mà Suharto dựa vào không phải là hệ thống hiệu quả nhất để thống nhất một quốc gia đa dạng như vậy. Indonesia được tạo nên từ 17.500 hòn đảo trải dài trên 5.000 km và là nơi sinh sống của hơn 200 dân tộc khác nhau. Trong những năm 1960, Ngô Khánh Thụy*[4] nhận xét rằng sự tan rã của Indonesia là hầu như "không thể tránh khỏi". Ông này nhận ra các thế lực hiện tại trên quần đảo này không có tính thống nhất, bất kể là do nguyên nhân văn hóa hay lịch sử.

Ngôn ngữ là một yếu tố giúp ngăn chặn sự tan rã và Sukarno, dù có phạm bao nhiêu sai lầm đi

[4] ** Goh Keng Swee (6/10/1918 - 14/5/2010) Phó thủ tướng Singapore từ năm 1973 đến năm 1984, và là một nghị sĩ Quốc hội trong hơn 20 năm*

chăng nữa, vẫn là người có công trong chuyện này. Sukarno chọn Mã Lai là ngôn ngữ quốc gia chứ không phải tiếng Java. Giả sử nếu ông muốn chọn tiếng Java, ông không thiếu lý do làm vậy. Người Java là nhóm dân cư chiếm ưu thế ở Indonesia. Ngôn ngữ của họ mang theo cả một nền văn học lâu đời. Tự bản thân Sukarno là người Java; và Jakarta, thủ đô cũng như trung tâm kinh tế và văn hóa của đất nước, nằm trên đảo Java. Nhưng Sukarno hiểu rằng tiếng Java sẽ không giúp thống nhất đất nước bởi vì nó là thứ tiếng ngoại lai ở nhiều vùng Indonesia. Các đảo khác sẽ thấy ngôn ngữ đó là gánh nặng và điều này có thể gây chia cắt dân tộc. Tiếng Mã Lai mặt khác đã được sử dụng rộng rãi như một ngôn ngữ thứ hai vì nó là ngôn ngữ của các thương gia và thủy thủ, những người đi lại không chỉ khắp cả nước mà còn trên toàn khu vực Đông Nam Á. Ông đã chọn tiếng Mã Lai và quyết định rằng tất cả các trường học sẽ dạy thứ tiếng này là tiếng mẹ đẻ, còn tiếng địa phương hay phương ngữ là ngôn ngữ thứ hai. Kết quả là ngày nay, bất kỳ người nào phát biểu gì ở Jakarta thì mọi

người trên cả nước cũng đều hiểu được. Đó là một quyết định sáng suốt và là món quà tốt đẹp nhất Sukarno trao tặng cho Indonesia.

Tuy nhiên, một ngôn ngữ chung vẫn là chưa đủ. Suharto còn cố kết được quốc gia bằng cả vũ lực quân đội, thứ vũ khí mà ông dùng để hạ gục quân nổi dậy ở Aceh chẳng hạn. Và sự cố kết này chỉ duy trì được chừng nào sức mạnh quân đội còn được sử dụng đến. Nhưng vai trò của quân đội đang thay đổi. Trong những ngày cuối cùng của nhiệm kỳ tổng thống, Suharto muốn tổng tư lệnh Wiranto dùng quân đội để đàn áp một cuộc nổi dậy của sinh viên và công nhân nhưng Wiranto từ chối vì ông hiểu các hành vi quân sự cũng có giới hạn của nó. Khi Habibie lên kế nhiệm chức tổng thống của Suharto cũng là lúc người ta lo ngại các phong trào ly khai sẽ lợi dụng tình hình chính trị thay đổi để đưa ra yêu sách.

Thế nên chính phủ Habibie quyết định phải đi theo con đường phi tập trung hóa. Tuy nhiên, thay vì bàn giao quyền lực cho khoảng 30 tỉnh, một việc

dễ tạo ra nguy cơ các tỉnh này đòi độc lập về sau thì giới lãnh đạo Jakarta đã phòng ngừa bằng cách chia ra 300 đơn vị quản lý cấp quận và tỉnh. Sau đó, năm 2004, chính phủ thừa nhận rằng cách phân chia này cũng gặp nhiều khó khăn và họ thông qua một số luật giúp thiết lập lại mối quan hệ thứ bậc giữa các quận và tỉnh. Tuy nhiên, sau năm 2001, các địa phương đã lấy lại toàn quyền quyết định các vấn đề nội bộ chẳng hạn như y tế, giáo dục, dịch vụ công ích, nông nghiệp, giao thông vận tải, thương mại, môi trường, lao động, v.v... Quyền cấp giấy phép đầu tư cũng được giao lại cho chính quyền địa phương, ngoại trừ trường hợp đầu tư dầu lửa, khí đốt và chất phóng xạ. Việc Habibie không xuất thân từ Java mà là vùng Nam Sulawesi ắt hẳn đã góp phần tạo ra sự khác biệt. Nếu một người Java lên kế nhiệm Suharto thì guồng máy và hệ thống cũ vẫn sẽ vận hành y như cũ ít nhất là một thời gian nữa. Việc Habibie đã từng học hành và làm việc 20 năm ở Đức, một quốc gia liên bang chứ không phải một hệ thống đơn nhất, có lẽ cũng đóng vai trò nhất định. Dù sao đi nữa thì Abdurrahman Wahid,

người kế nhiệm chức tổng thống của Habibie cuối năm 1999 cũng đã tôn trọng các văn bản luật được Habibie thông qua và tạo điều kiện thực thi toàn diện các văn bản đó. Báo cáo của Ngân hàng thế giới về quá trình phi tập trung hóa của Indonesia đã cho thấy, sau năm 2001, hai phần ba số công chức trước đây từng làm việc cho chính phủ trung ương giờ chuyển qua phục vụ cho chính quyền địa phương, và có hơn 16.000 cơ sở dịch vụ gồm cả trường học và bệnh viện cũng đã được chuyển giao tương tự.

Sự chuyển giao này khá là liều lĩnh nhưng hóa ra lại thành công. Ngày nay, mỗi khu vực tự quản lý nguồn tài nguyên và trực tiếp làm ăn với các công ty nước ngoài. Lợi ích trải đều cho cả nước và bộ mặt của toàn bộ quần đảo đã tươi sáng hơn. Một số thủ tục được giải quyết nhanh hơn vì doanh nghiệp không còn phải lo đối phó với nhiều cửa hành chính. Các chính quyền địa phương cũng quen thuộc hơn với tình hình địa phương mình, điều này giúp họ phản ứng nhanh nếu tình hình có thay đổi. Các cuộc khảo sát tiến hành sau thời kỳ

phi tập trung hóa cũng cho thấy nhiều công dân Indonesia bình thường tin rằng các dịch vụ công cộng đã được cải thiện đáng kể từ năm 2001. Rõ ràng, kết quả này đạt được một phần chính là do các quan chức không phải báo cáo lên thủ đô Jakarta nữa mà là xuống phía dưới, với những người dân đã bầu họ và với các cơ quan lập pháp địa phương.

Quần đảo Riau là ví dụ về một khu vực đã hoạt động có hiệu quả kể từ sau những thay đổi. Trước đây, quần đảo này chịu sự kiểm soát của Jakarta nhưng bây giờ họ làm việc trực tiếp với các nhà đầu tư từ Singapore và Malaysia. Đây là một điều hết sức hợp lý vì thành phố lớn nhất trong vùng này, Batam, ở gắn với Singapore hơn Jakarta. Đầu tư nước ngoài đã tăng đáng kể, cơ hội việc làm cho người dân địa phương theo đó cũng tăng lên.

Nhưng quan trọng nhất là quá trình phi tập trung hóa đã giữ cho đất nước Indonesia đoàn kết. Không khu vực nào có thể nói rằng nó bị nhà nước áp bức hay đối xử bất công khi mà số phận của mỗi

khu vực giờ nằm trong tay chính người dân nơi đó. Lợi nhuận từ các nguồn tài nguyên thiên nhiên thuộc quyền quản lý của chính quyền địa phương. Dưới thời Suharto, các giải pháp quân sự để ngăn chặn ly khai đã khiến tình hình đất nước bị đè nén như trong nồi áp suất. Mối quan hệ giữa trung ương và các địa phương thường rất căng thẳng và người ta phải đảm bảo cái nắp nồi được đậy thật chặt nếu không cả cái nồi sẽ nổ tung. Giải pháp của Habibie về trao quyền tự chủ cho địa phương đã giúp cho hơi nóng trong nồi thoát bớt ra và làm cho tình hình dịu lại trong một thời gian dài.

Quá trình phi tập trung hóa là quá trình không thể đảo ngược. Một khi đã trao cho địa phương quyền sở hữu trực tiếp cộng đồng của mình, nhà nước không thể mong lấy lại quyền kiểm soát đó được nữa. Đương nhiên quốc gia này sẽ điều chỉnh để đạt được sự tự chủ cân bằng, có thể là giữa các tỉnh và các quận chẳng hạn, nhưng Indonesia sẽ không quay trở lại hệ thống tập quyền như dưới thời Suharto nữa.

Tuy có những phát triển tích cực, nhưng sẽ thật thiếu sót nếu tin rằng con đường phát triển của Indonesia không gặp phải khó khăn và bất trắc gì. Phi tập trung hóa là liều thuốc tốt cho đất nước nhưng nó không phải thuốc trị bách bệnh. Những thách thức truyền thống và hiện đại, gồm cả sự bế tắc chính trị tại trung ương, cơ sở hạ tầng yếu kém, tham nhũng tràn lan vẫn sẽ tiếp tục đe dọa Indonesia đi chệch hướng. Liệu Indonesia sẽ chấp nhận đối mặt với những thách thức này, khi nào và ra sao là những yếu tố quyết định số phận người dân nơi đây.

Singapore đã từng gặp vấn đề vì bế tắc chính trị khi chúng ta ký Hiệp ước dẫn độ và Hiệp định Hợp tác Quốc phòng với Indonesia. Tổng thống nước này rõ ràng đã nghĩ rằng các hiệp ước này có lợi cho quốc gia của ông ấy, nếu không ông ấy đã không ký nó. Tuy nhiên cơ quan lập pháp quốc gia Dewan Rakyat Perwakilan (DPR) đã chặn nó với lý do là nó xâm hại chủ quyền của Indonesia. Bất kỳ nhà phân tích chính trị nào cũng biết nguyên nhân thực sự mà DPR muốn ngừng thỏa thuận này lại:

Một cuộc bầu sẽ cử diễn ra năm 2009 và các nhà lập pháp, nhất là những người không thuộc đảng của tổng thống, muốn tàng cơ hội cho các đảng của mình bằng cách hạ thấp vị thế của tổng thống. Có thể nào mà ngài tổng thống, người từng là một vị tướng, một bộ trưởng quốc phòng, bộ trưởng ngoại giao và tổng chưởng lý, lại không hiểu gì về chủ quyền của Indonesia? Quân đội của Singapore đã đến Indonesia huấn luyện hơn 20 năm dưới thời Suharto mà cũng đâu có ai nói năng gì. Mà đó là do *wayang kulit - sự đấu đá chính trị* tiếp tục lan ra khắp Indonesia và nó là kết quả của việc tổ chức các thiết chế tại trung ương.

Hiến pháp Indonesia được sửa đổi năm 2002 nhằm để cho tổng thống được người dân bầu trực tiếp. Trước đó, tổng thống được bầu gián tiếp bởi các nhà lập pháp. Do đó, ông tự động có được sự hỗ trợ của các cơ quan lập pháp và không phải lo lắng về việc các chính sách của mình bị chặn lại nữa. Nhưng hệ thống mới có thể dẫn đến một khả năng đó là tổng thống sẽ đến từ một đảng khác không phải đảng đa số trong cơ quan lập pháp, và điều này

dễ gây ra bế tắc chính trị. Giá như những người sửa đổi hiến pháp của Indonesia chịu nghiên cứu hệ thống của Pháp, họ hẳn đã xem xét việc trao cho tổng thống quyền kêu gọi bầu cử lập pháp ngay sau khi được bầu lên hoặc ít nhất cũng là một thời gian không lâu sau đó, để tổng thống có thể thu hút cử tri và thể hiện quyền lực rõ ràng hơn.

Sự thay đổi hiển pháp năm 2002 này có khuynh hướng làm bế tắc thêm và cản trở việc ra quyết định tại trung ương. Hơn nữa, việc cải cách khó mà xảy ra bởi vì bất kỳ dự luật nào sẽ phải được DPR thông qua, mà DPR không có lý gì lại đi từ bỏ quyền lực của mình. DPR muốn bám vào khả năng ngăn chặn tổng thống hơn. Nhìn từ góc độ này, phi tập trung hóa là sự cứu rỗi cho quốc gia vì rất nhiều quyết định quan trọng đã được chuyển giao lại cho địa phương.

Thách thức lớn thứ hai của Indonesia là cơ sở hạ tầng. Khi nước này có 17.500 hòn đảo, khả năng kết nối các đảo này là vấn đề sống còn trong phát triển kinh tế, bởi vì các trung tâm dân cư chính cần

phải được kết nối với nhau sao cho sự tăng trưởng trong khu vực này có thể giúp đỡ cho một khu vực khác. Nếu có thêm nhiều chuyến phà nhanh và tuyến bay nội địa thì điều đó sẽ giúp ích đáng kể. Xây dựng cầu nối giữa các đảo là việc vô cùng có lợi. Nhưng không có công trình nào trên đây được tập trung đầu tư xây dựng. Đã nhiều năm liền người ta tính đến chuyện xây cầu qua eo biển Sunda, cây cầu dài nhất nước và giúp kết nối hai hòn đảo quan trọng nhất của Indonesia là Sumatra và Java. Nếu được xây dựng, cây cầu này sẽ biến hai hòn đảo thành một hòn đảo lớn, tạo ra nhiều tiềm năng kinh tế. Không may là lời nói vẫn chưa biển thành hành động.

Các nhà phân tích của Indonesia đã nhận định rằng tiến độ cải thiện cơ sở hạ tầng đã chậm lại hơn so với thời Suharto. Chính phủ hiện tại đã tổ chức một loạt các hội nghị cấp cao bàn về cơ sở hạ tầng và đã để ra các kế hoạch lớn để nâng cấp đường giao thông và các hình thức liên kết khác nhưng họ vẫn còn thiếu các dự án thực tế. Sự thất vọng càng lớn hơn khi nhiều người trong tầng lớp thế lực ở

Indonesia lại thích đi nghỉ cuối tuần ở Singapore và cứ sau mỗi đợt nghỉ dưỡng như vậy, họ lại có một ý thức mạnh mẽ rằng hết sức cần đầu tư và phát triển những con đường và sân bay của nước mình.

Và cuối cùng, quốc gia này cần phải xử lý được vấn nạn tham nhũng tràn lan. Quá trình phi tập trung hóa chưa làm được gì để giảm tình trạng này do các lãnh đạo địa phương cũng đang đòi được chia phần trong chiếc bánh lợi ích. Tham nhũng tạo ra sự rò rỉ của các nguồn vốn và lợi ích dọc từ địa phương đến trung ương. Một đô la được chi ra nhưng lại bị cắt xén IO xu ở chỗ này, 20 xu ở chỗ kia và cho đến lúc nó tới được với người công nhân bình thường hay tới được với các nhà đầu tư nước ngoài đang cố gắng kiếm lời thì đã chẳng còn lại bao nhiêu. Tổng thống Yudhoyono hiểu rằng tiêu diệt nạn tham nhũng khó khăn đến thế nào một khi nó đã ăn sâu vào hệ thống. Nó sẽ cần đến một hành động quyết đoán, lâu dài và phải được bắt đầu từ trung ương. Nếu có thể giảm đáng kể tham nhũng thì mới có thể tạo ra một tương lai mới, một đất nước Indonesia mới.

Indonesia vẫn phát triển không đến nỗi nào trong thập kỷ vừa qua khi liên tục tăng trưởng từ 4 đến 6%. Đất nước này gần như không bị tác động bởi cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu và đang thu hút những khoản đầu tư lớn từ Trung Quốc và Nhật Bản nhờ vào nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú. Nhưng trong vòng 20 đến 30 năm tới, tôi sẽ rất ngạc nhiên nếu nhìn thấy Indonesia chuyển minh, Malaysia mới là nước có thể có những bước tiến lớn hơn, vì Malaysia nhỏ gọn hơn về mặt địa lý. Ngoài ra, đất nước này còn có hệ thống giao thông tốt hơn và một lực lượng lao động có tinh thần làm việc.

Dù Indonesia vẫn phát triển tích cực, nhưng thực chất nó vẫn là một nền kinh tế dựa vào tài nguyên với lối suy nghĩ kiếm sống dựa trên những gì thiên nhiên ban tặng chứ không phải là tự tạo ra với hai bàn tay trắng. Người dân tin rằng nguồn tài nguyên sẽ còn mãi. Và cũng có thể họ đúng. Họ còn những dải đất dài chưa được khai phá. Họ có dầu lửa và khí đốt, khi hai nguồn này cạn kiệt thì họ lại có gỗ và dầu cọ, mà những thứ này không cạn kiệt

vì chủng là những sản phẩm nông nghiệp có thể được trông lại nhiều lần. Các nguồn tài nguyên thiên nhiên họ sở hữu có xu hướng tạo ra một nền văn hóa tận hưởng, một nền văn hóa mà mọi người nói rằng: "Đây là đất của tôi. Anh muốn những gì bên dưới? Thế thì trả tiền cho tôi." Theo thời gian, điều này tạo ra tính cách không muốn làm ăn kinh doanh gì cả, và không dễ gi vượt qua được lối suy nghĩ này.

Hỏi: Indonesia tiếp tục có tham vọng trở thành nước lớn, và vì sự phát triển tốt trong vài năm qua nên đất nước này đã cải thiện được hình ảnh của mình trong mắt thế giới. Ngài nghĩ gì về tham vọng; này và những tác động của nó đối với ASEAN cũng như đối với một người hàng xóm nhỏ như Singapore?

Đáp: Nói chung, Indonesia hy vọng Singapore sẽ ủng hộ mình trên chính trường quốc tế. Tôi cho rằng nếu điều đó không đi ngược lại lợi ích của chúng ta, chúng ta sẽ ủng hộ họ. Trong ASEAN, họ mặc nhiên là người lãnh đạo vì họ có đến 240 triệu dân. Tất nhiên, nếu họ là 240 triệu người trên một hòn đảo lớn thì mọi chuyện lại khác. Nhưng dù gì đi nữa, họ vẫn là quốc gia rộng lớn nhất.

Hỏi: Người ta vẫn nói rằng Indonesia của ngày xưa đã giúp ASEAN phát triển bằng cách cho phép các quốc gia khác như Singapore và Malaysia cũng được hưởng lợi ích chung. Họ không hống hách giống Ấn Độ trong tổ chức SAARC (Hiệp hội. hợp tác khu vực Nam Á). Liệu một nước Indonesia tự tin hơn sẽ luôn muốn chiếm Vị trí trung tâm mọi lúc mọi nơi Ở ASEAN?

Đáp: Chúng ta sẽ phải chờ xem. Nhưng kể cả khi họ có làm điều đó, tôi vẫn không thấy làm thế nào họ có thể làm

suy giảm vị thế mà chúng ta đã xây dựng cho mình, đó là một trung tâm thông tin liên lạc, một trung tâm logistics, thương mại và đầu tư.

Hỏi: Khi ngài còn làm thủ tướng, một đặc trưng trong mối. quan hệ Singapore - Indonesia đã là quan hệ gần gũi giữa ngài và Suharto. hai nước đã có sự hiểu biết lẫn nhau. Bây giờ khi không còn mốt quan hệ giữa ngài và Suharto nữa, liệu mối quan hệ giữa hai quốc gia có gặp trở ngại nào?

Đáp: Tuy không còn có sự kết nối thân thuộc như trước nhưng thủ tướng Lý Hiển Long vẫn có những cuộc hội đàm với tổng thống Yudhoyono. Việc giao thương vẫn diễn ra thông qua những người Indonesia gốc Hoa. Điều này cũng cho thấy rằng Singapore cần phát triển một nhóm người không phải gốc Mã Lai nhưng có thể nói tiếng Mã Lai lưu loát để gìn giữ các mối quan hệ này. Điều này rất quan trọng trong việc xây dựng mối quan hệ với cả Malaysia và Indonesia.

Hỏi: Với sự thống trị của Trung Quốc trong khu vực này của thế giới, ngài có cho rằng mối quan hệ Indonesia - Trung Quốc sẽ phát triển?

Đáp: Người Trung Quốc sẽ đối xử với họ rất tôn trọng và

lịch sự. Họ muốn các tài nguyên thiên nhiên mà Indonesia có và tôi thấy mối quan hệ đó sẽ nảy nở. Indonesia đã dỡ bỏ lệnh cấm giảng dạy tiếng Trung và cấm tổ chức lễ hội Trung Quốc dưới thời Suharto. Vì vậy, sự tương tác với người Trung Quốc sẽ phát triển. Họ đang khuyến khích người Indonesia gốc Hoa đi đến Trung Quốc để đặt mối làm ăn.

Hỏi: Một vấn đề mà các nhà đầu tư nước ngoài nhắc đến, bao gồm cả những người đến từ Singapore, là chủ nghĩa dân tộc trong kinh tê đang gia tăng ở Indonesia. Các công ty chịu áp lực phải tăng cổ phần mà địa phương sở hữu trong công ty đó. Ngài nghĩ rằng tình trạng này sẽ diễn ra nhiều hơn hay ít đi?

Đáp: Theo tôi là nhiều hơn. Địa phương muốn hưởng nhiều hơn trong phần lợi nhuận mà công ty kiếm được.

Hỏi: Ngài có thấy Indonesia vẫn là nơi ươm mầm cho chủ nghĩa khủng bố? Và liệu sự gia tăng của lực lượng dân quân Hồi giáo có đe dọa đến sự ổn định của Indonesia?

Đáp: Nếu đọc các báo cáo thì anh sẽ thấy lực lượng Jemaah Islamiyad đã chiêu mộ được một số tân binh ở Indonesia và đã tổ chức các vụ đánh bom Bali và đánh

bom khách sạn Marriott. Nhưng trong mắt tôi, Indonesia khác với Malaysia. Malaysia là một xã hội Hồi giáo cởi mở hơn. Có thể những thay đổi nhỏ đang diễn ra ở Indonesia là do ảnh hưởng của Ả Rập Saudi. Hình thức đạo Hồi của họ hiện đang được xem như tiêu chuẩn vàng cho Hồi giáo bởi vì họ đã tổ chức được những cuộc họp đa quốc gia và chi trả các chi phí để những người Hồi giáo từ nhiều khu vực khác trên thế giới đến tham dự. Điều này đã dẫn đến sự gia tăng của các nhóm áp lực Hồi giáo ở Indonesia. Nhưng những điều này không thể thay đổi một ngày một đêm được, nhất là khi chúng đã ăn sâu vào văn hóa người dân.

THÁI LAN

THƯỜNG DÂN KHUẤY ĐẢO

Sự xuất hiện của Thaksin Shinawatra đã vĩnh viễn thay đổi nền chính trị Thái Lan. Trước khi ông bước vào chính trường, giới chính trị Bangkok kiểm soát mọi mặt trong quá trình cạnh tranh chính trị và hướng đến việc làm lợi cho giới chức thủ đô. Nếu trước đó có sự bất đổng nào trong tầng lớp nắm quyền Bangkok thì chúng cũng sẽ không mãnh liệt như những bất đồng về sau này; cũng như không có cuộc tranh cãi nào lại gay gắt như những cuộc tranh cãi nảy sinh trong và sau nhiệm kỳ của Thaksin. Những gì Thaksin đã làm là chọc giận những người nắm quyền trong nền chính trị Thái bằng cách chuyển những nguồn lực quốc gia trước đây bị Bangkok và giới trung lưu thượng lưu nắm giữ sang cho các khu vực nghèo

hơn. Thaksin cho phép người dân nghèo từ phía bắc và đông bắc được phép dự phần vào sự phát triển kinh tế của đất nước. Trước khi ông xuất hiện, cái hố ngăn cách giàu nghèo đã có đó, nó được tạo ra từ các chính sách của những người tiền nhiệm vốn chỉ lưu tâm đến trung ương, đến Bangkok. Tất cả những gì ông làm là đánh thức để mọi người nhìn thấy được cái hố ngăn cách đó cùng sự bất công của nó, rồi đề ra các giải pháp chính sách để khắc phục nó. Nếu ông không làm như vậy thì tôi vẫn tin sẽ xuất hiện một người khác làm điều tương tự.

Khi lên nắm quyền thủ tướng vào năm 2001, Thaksin là một doanh nhân thành đạt và là một tỷ phú. Nhưng nếu những người giàu có ở Thái Lan muốn trông cậy vào ông để thể hiện sự đoàn kết giai cấp thì họ sẽ sớm thất vọng. Ông thực hiện các chính sách ưu đãi cho người nghèo nông thôn ở một mức độ chưa từng thấy. Ông mở rộng cho vay đối với nông dân, trao học bổng du học nước ngoài cho sinh viên xuất thân từ các gia đình nông thôn và trao nhà ở do chính phủ trợ cấp cho người nghèo

đến thành phố kiếm việc làm mà chỉ có thể sống trong các khu ổ chuột. Chương trình y tế của ông nhắm tới những người dân không thể chi trả bảo hiểm y tế cho chính mình, giúp họ chỉ phải trả 30 bạt (khoảng một đô la Mỹ) cho mỗi lần đi khám bệnh.

Trong mắt các đối thủ của Thaksin, ông đang làm đảo lộn đất nước. lọ sẽ không để yên cho ông làm việc đó. Họ gọi ông là kẻ mị dân và rêu rao các chính sách của ông sẽ làm cho nhà nước phá sản. (Nhưng lạ thay điều này không ngăn cản họ tiếp tục thực hiện nhiều chính sách của ông và đưa ra thêm nhiều chính sách tương tự khi họ nắm quyền từ tháng 12 năm 2008 đến tháng 8 năm 2OII.) Họ cáo buộc ông tham nhũng, ưu đãi doanh nghiệp gia đình và ông đã bác bỏ các cáo buộc này. Họ cũng không hài lòng với cách ông xử lý mạnh tay - một số người cho là độc tài - đối với giới truyền thông và cuộc chiến chống ma túy đẩy tranh cãi ở miền Nam Thái Lan, một cuộc chiến trong đó nhiều vấn đề nhân quyền bị xem nhẹ. Tuy nhiên, người nông dân vốn áp đảo về số lượng đã bỏ qua những lời chỉ

trích và tiếp tục bầu ông làm thủ tướng năm 2005. Giới quyền lực Bangkok cuối cùng cũng không chịu đựng nổi người đàn ông này. Ông bị lật đổ trong một cuộc đảo chính quân sự năm 2006.

Thủ đô Thái Lan kể từ đó đã trải qua nhiều biến động. Kể từ 2008, cảnh hỗn loạn liên tục nổ ra trên các đường phố Bangkok với các cuộc biểu tình liên quan đến hoặc là phe Áo Vàng, phe phản đối ông Thaksin viện cớ bảo vệ chế độ quân chủ, hoặc phe Áo Đỏ gồm những người ủng hộ nhiệt thành với Thaksin. Nhưng cuộc tổng tuyển cử mới nhất tổ chức năm 2011 với việc bà Yingluck em gái Thaksin giành được chức thủ tướng là bằng chứng rõ ràng cho thấy các cử tri Thái muốn đi theo con đường mới mà Thaksin đã chọn cho Thái Lan. Những người nông dân ở phía bắc và đông bắc của đất nước, sau khi đã biết được lợi ích khi tiếp cận được nguồn vốn, sẽ không chịu từ bô lợi ích này. Thaksin và các đồng minh của ông đã thắng liên tiếp năm cuộc tổng tuyển cử vào các năm 2001, 2005, 2006, 2007 và 2011. Đối với các đối thủ của Thaksin, cố gắng chống lại xu thế là điều vô ích.

Mặc dù trong xã hội Thái gần đây có nhiều xáo động nhưng về lâu về dài vẫn có lý do-để lạc quan. Phe Áo Đỏ tiếp tục đông hơn phe Áo Vàng bởi vì những người tham gia phe Áo Vàng đến từ khu vực cử tri đang thu hẹp lại. Thể hệ trẻ ngày càng ít tôn kính hơn đối với hoàng gia. Hơn nữa, dù vua Bhumibol Adulyadej là một hình tượng đáng kinh thì hình ảnh đó cũng sẽ mai một dần khi ngài qua đời.

Quân đội luôn đóng một vai trò trung tâm trong chính trường Thái Lan. Nó bảo đảm rằng không một phong trào chống lại chế độ quân chủ nào có thể ngóc đầu dậy được. Tuy nhiên, quân đội cũng không còn lựa chọn nào khác ngoài việc phải chấp nhận và thích nghi với tình hình thay đổi. Dù gì đi nữa quân đội cũng không thể chống lại ý muốn của cử tri trong một thời gian dài được. Theo thời gian, các hàng ngũ trong quân đội cũng sẽ được thay thế bởi những binh lính thuộc thế hệ trẻ hơn, ít nhiệt tình với chế độ quân chủ hơn. Các lãnh đạo quân đội sẽ tiếp tục bám chặt vào đặc quyền chính trị của mình và sẽ không hài lòng với việc rút

về thành một quân đội bình thường nhưng họ cũng sẽ học cách sống với một chính phủ gồm toàn các đồng minh của Thaksin. Biết đâu cuối cùng quân đội sẽ chấp nhận cho Thaksin trở về Thái Lan, nếu ông chịu hứa sẽ chung sống hòa hợp với họ và không có ý định trả thù.

Thái Lan sẽ không thể quay về nền chính trị cũ, nền chính trị trước thời Thaksin với giới giàu có Bangkok độc chiếm quyền lực. Thái Lan sẽ tiếp tục đi theo con đường mà Thaksin là người đầu tiên đã lèo lái quốc gia theo hướng đi đó. Sự chênh lệch về mức sống trên cả nước sẽ thu hẹp. Nhiều nông dân sẽ gia nhập tầng lớp trung lưu và sẽ giúp thúc đẩy tiêu thụ nội địa của nước này. Thái Lan sẽ làm tốt.

Hỏi: Một số nhà phân tích ít lạc quan về những thay đổi trong chính trường Thái Lan kể từ khi Thaksin xuất hiện. Họ phân tích rằng hối thập niên 1990, các thủ tướng có thể phát triển nền kinh tế Thái Lan với những chính sách dài hạn nhưng kể từ khi Thaksin lên cầm quyền năm 2001, chính phủ lại dựa vào những biện pháp dân túy ngắn hạn và trợ cấp cho người nghèo.

Đáp: Giông, đó là một cái nhìn rất phiến diện. Thaksin lanh lợi và thông minh hơn những người chỉ trích ông. Đó là lý do tại sao ông quan tâm tới vùng đông bắc để vượt qua sự kháng cự từ họ.

Hỏi: Nhưng tôi cho rằng ông ấy quan tâm tới việc đua tranh giành sự ủng hộ của dân nghèo để cố gắng dành càng nhiều phiếu bầu của vùng nông thôn càng tốt.

Đáp: Thế anh lấy tiền đâu để phát đồ miễn phí cho người dân?

Hỏi: Vấn đề là ở chỗ đấy.

Đáp: Không, trước khi có thể phát đồ miễn phí, anh phải có nguồn lực. Nó chỉ có thể đến từ ngân sách. Và nếu anh muốn cho nhiều hơn khi nguồn thu chi đã bằng nhau thì anh sẽ phải tăng thuế thì mới có thể chi nhiều hơn được.

Hỏi: Hoặc ông ấy có thể đi vay.

Đáp: Ai sẽ cho vay? Lấy tài sản gì để thế chấp?

Hỏi: Thế ngài không nghĩ rằng có khả năng Thái Lan sẽ trải qua thời kỳ tê liệt kéo dài khi sa vào nền chính trị dân túy sao?

Đáp: Rồi nghi ngờ điều đó. Tại sao họ lại quá bận tâm tới những người nghèo để làm gì?

Hỏi: Ấn tượng của ngài về Thaksin là gì?

Đáp: Ông là một lãnh đạo thực tế, người tích cực làm việc để mau chóng đạt kết quả. Ông tin tưởng vào kinh nghiêm kinh doanh và bản năng hơn lý thuyết kinh tế. Ông ấy có lần kể với tôi rằng ông ấy từng đi xe đò từ Bangkok đến Singapore và nói rằng mình đã hiểu điều gì khiến cho Singapore trở nên thành công như vậy và ông sẽ làm theo cách tương tự. Tôi không biết liệu chỉ một chuyến đi có thể giúp ông ấy hiểu được bí quyết của chúng ta không vì nó còn liên quan tới giáo dục, đào tạo, kỹ năng và một xã hội tạo ra những cơ hội bình đẳng cho tất cả mọi người. Anh không được quên rằng ở phía đông bắc có nhiều người dân tộc Lào hơn là người Thái.

Hỏi: Cớ một thời gian, ít nhất là một thập kỷ trước, khi các

nhà lãnh đạo Singapore coi Thái Lan là một đối thủ cạnh tranh nghiêm túc với Singapore, coi nước này là trung tâm giao thông, sản xuất và du lịch y tế. Liệu điều đó vẫn còn đúng?

Đáp: Nhìn vào vị trí địa lý của họ, anh có thể thấy bằng đường biển, anh có thể đi tắt và bỏ qua Bangkok chứ không thể bỏ qua Singapore được.

Hỏi: Thế còn bằng đường hàng không thì sao?

Đáp: Kỹ năng và trình độ học vấn của họ cao tới đâu? Họ phải có trình độ cao hơn chúng ta mới được.

Hỏi: Liệu họ có tiềm năng để giỏi hơn chúng ta?

Đáp: Đầu tiên, chúng ta có lợi thế là nói tiếng Anh. Thứ hai là chúng ta có một cơ sở hạ tầng về giáo dục đã đào tạo ra được những sinh viên tốt nghiệp chất lượng cao từ các trường bách khoa và viện giáo dục kỹ thuật. Không ai tốt nghiệp mà lại không nắm vững kỹ năng nào đó. Liệu họ có thể phát triển 60 triệu người sống rải rác khắp các vùng nông thôn?

Hỏi: Chúng ta có thể thảo luận về địa chính trị của khu vực này? Thái Lan đã là một đồng minh của Mỹ và từng là một căn cứ của Mỹ trong chiến tranh Việt Nam. Liệu hai nước sẽ tiếp tục là đồng minh?

Đáp: Diều này không tạo ra khác biệt nào cả. Câu hỏi thực sự là: Liệu lợi ích của họ vẫn còn giống nhau? Đồng minh chỉ có í lợi khi ta và họ có cùng lợi ích. Giống như khối NATO vậy. Họ chỉ thống nhất với nhau thời còn Liên Xô. Khi Liên Xô sụp đổ, NATO liền hoạt động chệch choạc.

Hỏi: Một quan điểm, cho rằng bước ngoặt của Thái Lan là khi nước này gặp các vấn đề trong cuộc khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997 và người ta nhận ra rằng Hoa Kỳ không ở đó để giải cứu họ. Và họ quyết định rằng có lẽ Trung Quốc mới là người bạn đáng tin cậy hơn nhiều.

Đáp: Bởi vì sau chiến tranh Việt Nam, giá trị của Thái Lan với Mỹ đã giảm xuống.

Hỏi: Ngài nhìn nhận người Thái sẽ phản ứng ra sao với sự thống trị và tầm ảnh hưởng ngày càng tăng của Trung Quốc lên khu vực này?

Đáp: Anh biết lịch sử của người Thái rồi đó. Khi quần Nhật mạnh lên và chuẩn bị tấn công Đông Nam Á, người Thái đã cho phép quân đội Nhật tiến vào nước mình, giúp người Nhật dễ dàng đưa quân sang Malaysia và Singapore. Thể nên, bất cứ phe nào đang thắng thế,

bất cứ phe nào mạnh mẽ hơn, đó là phe mà Thái Lan sẽ liên minh.

VIỆT NAM
TƯ DUY CỐ HỮU

Rất nhiều người đã đặt kỳ vọng vào Việt Nam khi quốc gia này quyết định mở cửa thị trường đầu những năm 1980, chỉ vài năm sau khi Trung Quốc mở cửa. Chương trình cải cách mang tên Đổi Mới này khi vừa bắt đầu đã giúp khích lệ lòng người. Một trong những bước đi đầu tiên là trao trả lại ruộng đất hợp tác xã cho cá nhân người nông dân. Chỉ trong vài năm điều này đã giúp sản lượng nông nghiệp gia tăng đáng kể. Các giới trong lẫn ngoài nước đều ngỡ Việt Nam đang đi đúng hướng. Nhất là khi cả thế giới đều thấy công cuộc mở cửa của Trung Quốc đem lại một thành tựu kinh tế phi thường thì những người nào không theo sát tình hình Việt Nam dễ cho rằng chương trình cải cách của quốc gia này cũng sẽ đi theo quỹ đạo đó.

Nhưng nghĩ kỹ lại thì lại khác. Từ chỗ lạc quan sau những lần đến thăm Việt Nam những năm 1990 thì đến giờ quan điểm riêng của tôi ve những chương trình cải cách của họ đã thay đổi nhiều. Giờ đây tôi tin rằng thế hệ những người lớn tuổi đang lãnh đạo Việt Nam sẽ không thể nào thoát ra khỏi cái tư duy cố hữu của họ được. Ban đầu họ có thể thuận theo con đường cải cách vì lúc đó họ thấy rằng nếu không làm thể thì đất nước sẽ đi vào ngõ cụt. Nhưng sau đó thì họ lại không quyết liệt trong việc đại tu cả hệ thống. Chỉ khi chuyển giao thế hệ thì Việt Nam mới có thể đột phá theo hướng hiện đại hóa được.

Trong một lần đến thăm Việt Nam gần đây, tôi đã tận mắt chứng kiến một trong những thách thức mà nước này phải đối mặt. Lần đó tôi gặp mặt nhiều vị giới chức cấp cao và tôi đã kể cho họ nghe vấn đề mà một công ty Singapore gặp phải khi xây dựng dự án khách sạn ở Hồ Tây, Hà Nội. Khi công ty bắt đầu đóng cọc thì hàng ngàn người dân ùa tới đòi bồi thường vì tiếng ồn công trình gây ra. Để tránh phát sinh thêm chi phí, công ty này đã quyết

định thay đổi cách làm móng sang khoan xoay, cách làm này đỡ ồn hơn nhiều so với đóng cọc. Lúc này thì chính vị quan chức phê duyệt dự án lại đến công ty và nói: "Tôi đâu có cấp phép cho các anh làm chuyện đó." Tôi đã giải thích cho các nhà lãnh đạo Việt Nam có mặt trong buổi họp rằng việc làm của vị quan chức này là lợi bất cập hại. Họ không hiểu một điều rằng một nhà đầu tư phải hài lòng thì mới giúp thu hút thêm nhiều nhà đầu tư khác được.

Điều Việt Nam không giống Trung Quốc đó là họ thiếu một vị lãnh tụ giống Đặng Tiểu Bình, một người vừa có chỗ đứng vững chắc trong hệ thống đảng vừa có niềm tin sắt đá rằng cải cách triệt để là lối thoát duy nhất cho đất nước. Lý do Việt Nam thiếu vắng một nhân vật như vậy là vì cuộc kháng chiến chống Mỹ. Khi người Trung Quốc có hàng thập kỷ hòa bình để ghi chép lại kinh nghiệm quản lý, lấy thực tiễn làm kim chỉ nam để điều chỉnh niềm tin và ý thức hệ của mình, thì người Việt Nam bị mắc kẹt trong cuộc chiến tranh du kích khốc liệt với người Mỹ và không học hỏi được gì về quản lý

quốc gia. Hơn nữa, hầu hết các doanh nhân thành đạt trong miền Nam Việt Nam, những người thông thạo cách thức hoạt động của chủ nghĩa tư bản, đều đã rời đất nước trong những năm 1970.

Người Việt Nam là dân tộc giỏi giang và năng động ở Đông Nam Á. Sinh viên Việt Nam đến Singapore du học theo diện học bổng ASEAN học hành rất nghiêm túc và thường đạt điểm số cao nhất. Với những người thông minh như vậy, thật đáng tiếc khi họ không phát huy được hết tiềm năng của mình. Hy vọng rằng khi nhóm trẻ hơn lên nắm quyền, họ sẽ học hỏi cách thức Thái Lan làm kinh tế và tin vào tầm quan trọng của thị trường tự do.

Hỏi: Việt Nam có bất đồng lớn với Trung Quốc về lãnh thổ trong khu vực Biển Đông. Và tại một Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN năm 2012 khi lần đầu tiên trong 45 năm qua các nước không thể ra được một thông cáo chung thì Việt Nam chính là một trong những quốc gia tham gia nhiều vào những tranh cãi liên quan tới Trung Quốc.

Đáp: Người Việt Nam không thể có được sự đồng thuận của ASEAN để ủng hộ vị thế của mình vì người Trung Quốc đã dàn xếp riêng rẽ với phía Brunei và Malaysia về những cáo buộc nhỏ hơn liên quan đến tranh chấp chủ quyền. Nhưng cáo buộc chính - rắc rối nhất - là của Việt Nam nói về việc Trung Quốc vi phạm vùng đặc quyền kinh tế.

Hỏi: Điều đó cho thấy Trung Quốc có thể chia rẽ các nước ASEAN về vấn để này?

Đáp: Nó cho thấy sự khéo léo của người Trung Quốc. Họ đã đương đầu với ngoại bang, với các bộ lạc man di hàng ngàn năm nay và họ biết cách chia để trị, biết cách ngăn cản kẻ thù hợp tác với nhau để họ không phải đối đầu với cả một nhóm và dần dần mua chuộc từng bên một.

Hỏi: Việt Nam đang tìm cách mở rộng quan hệ với Mỹ để có thể đối phó với Trung Quốc tốt hơn.

Đáp: Đúng thế. Năm 2012, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Leon Panetta đã đến vịnh Cam Ranh. Điều này hàm ý rằng Việt Nam có thể cho phép Mỹ sử dụng cảng này. Việc kết thân với người Mỹ sẽ có lợi nếu như tranh chấp trên quần đảo Hoàng Sa xảy ra, nhưng tôi không cho rằng người Mỹ sẽ đối đầu trực tiếp với Trung Quốc. Giải pháp tốt nhất mà người Việt Nam có thể hy vọng là áp dụng Công ước Liên Hợp Quốc về Luật Biển trong tranh chấp.

Hói: Cũng có người nói rằng Việt Nam sẽ mua vũ khí của Mỹ.

Đáp: Cũng không có gì ngạc nhiên vì hiện nay người Mỹ gắn gùi với họ hơn là người Trung Quốc và người Mỹ cũng có những vũ khí tối tân hơn Trung Quốc.

Hói: Ông có nghĩ ASEAN sẽ tránh vấn đề tranh chấp biển Đông trong các cuộc họp thượng đỉnh tới đây của họ?

Đáp: Hàng ngũ của họ đã xáo trộn rồi. Đáng lẽ họ cũng có bộ quy tắc ứng xử cho các bên đấy nhưng giờ nó đã bị phá vỡ.

MYANMAR

KHI TƯỚNG LĨNH BẺ GHI

Khi lâm vào ngõ cụt thì hành động hợp lý duy nhất là quay người lại và đi thẳng ra khỏi ngõ cụt đó. Đây là một cách so sánh hay để hiểu được sự thay đổi tư duy trong quản lý quốc gia của chính quyền quân sự Myanmar năm 2011. Sự thay đổi này diễn ra chẳng phải do các tướng lĩnh tự vấn lương tâm hay tỉnh ngộ gì cả. Nó cũng chẳng phải hành động do tuyệt vọng nhằm vớt vát lấy chế độ độc tài đang trên bờ vực sụp đổ. Lời giải thích, thật ra, hết sức giản dị. Các vị tướng có thể thấy rằng đất nước họ đang lâm vào ngõ cụt. Họ không còn sự lựa chọn nào khác.

Việc nhìn sang biên giới thấy một Thái Lan phồn thịnh đã giúp họ mau chóng quyết định phải thay đổi. Xét về tài nguyên thiên nhiên, Myanmar

không thua kém gì Thái Lan nếu không muốn nói là phong phú hơn. Nhưng nếu phải so sánh chẳng hạn như bưởi Thái Lan và bưởi Myanmar, hẳn người ta sẽ nói bưởi Thái quả to hơn và ngọt hơn vì Thái Lan chịu tập trung nghiên cứu khoa học và công nghệ. Người Thái cũng đã tự nâng mình lên thành nước xuất khẩu lớn nhất khu vực vê hoa lan và nhiều loại trái cây, cây trồng khác. Về lý thuyết, Myanmar đáng lẽ cũng làm được như vậy vì nước này được thiên nhiên ưu đãi, có cùng khí hậu và đất đai tương tự như Thái Lan. Nhưng trong thực tế, không có gì xảy ra cả. Và buồn nhất trong sự so sánh này đó là việc trong thực tế, người dân Miến Điện phải vượt qua biên giới Thái Lan để dùng đá quý trao đổi lấy thuốc men. Đất nước này đã tụt hậu ngày càng xa.

Cơn bão Nargis là hồi chuông cảnh tỉnh cho cả chế độ lẫn con người Myanmar. Thảm họa năm 2008 này đã khiến cho hàng triệu người lâm vào cảnh vô gia cư khi chính phủ bất lực trong việc cung cấp viện trợ cho chính người dân của mình nhưng lại không chấp nhận sự giúp đỡ từ nước

ngoài như Mỹ và Pháp. Nó hoàn toàn tương phản với phản ứng của chính phủ Trung Quốc khi trận động đất Tứ Xuyên với mức độ hủy hoại tương đương xảy ra: quân đội nhanh chóng được triển khai để cứu hộ, các lãnh đạo Trung Quốc trong đó có thủ tướng Ôn Gia Bảo theo sát tình hình và cả đất nước đoàn kết lại. Các chuyên gia về Myanmar tin rằng cơn bão này là cú hích cuối cùng để đẩy đất nước vượt qua điểm tới hạn, từ đó gieo vào nó những hạt giống của cải cách. Họ cũng không nói sai sự thật đâu.

Không có gì ồn ào, đất nước bắt đầu cải cách nghiêm túc từ năm 2OII. Các tù nhân chính trị được trả tự do gồm cả Aung San Suu Kyi và hàng trăm người khác. Người phụ nữ đoạt giải thưởng Nobel Hòa bình này được cho phép tranh cử vào quốc hội năm 2012 và đã đắc cử. Chế độ này nhanh chóng hướng đến các cuộc bầu cử và giải phóng tù nhân một phần vì họ muốn thuyết phục phương Tây dỡ bỏ các lệnh cấm vận, và một phần do họ tin rằng điều này sẽ giúp xoay chuyển tình hình kinh tế đáng kể. Ban đầu phương Tây phản ứng rất thận

trọng nhưng về sau thì tin tưởng và cuối cùng sự trở lại của Myanmar trên chính trường quốc tế được hoàn tất với chuyến viếng thăm của Tổng thống Barack Obama tháng II năm 2012. Năm 2015, cả nước dự kiến sẽ tổ chức cuộc tổng tuyển cử tự do và công bằng đầu tiên kể từ cuộc tổng tuyển cử đáng xấu hổ năm 1990 khi Aung San Suu Kyi đã giành chiến thắng vang dội nhưng chính quyền quân sự từ chối công nhận chiến thắng đó. Chậm mà chắc, Myanmar sẽ dần trở lại là một đất nước bình thường.

Trong những năm 1960, lãnh đạo Miến Điện Tướng Ne Win đã chọn đi theo con đường chủ nghĩa xã hội. Ông trục xuất người Ấn Độ từng được người Anh đưa vào để phục vụ nền kinh tế bởi họ là thương nhân, là doanh nghiệp và kết quả là đất nước chỉ toàn người Miến Điện với một nền kinh tế đóng cửa. Cả đất nước trì trệ suốt 40 năm.

Khoảng một thập niên trước, có thời gian tôi liên lạc với Khin Nyunt, vị tướng sáng giá nhất và là người duy nhất nghiêng về phía cải cách. Tôi hối

thúc ông ấy học hỏi từ Suharto - cởi bỏ bộ quân phục, thành lập đảng chính trị và chiến thắng các cuộc bầu cử, sau đó giành lấy sự ủng hộ của mọi người để rồi mở cửa đất nước. Nhưng ngay sau đó, Khin Nyunt bị quản thúc tại gia. Tôi mất kết nối với chế độ này và thấy không cần phải đến Myanmar thuyết phục họ về sự cần thiết phải thay đổi khi nhiều người đã thử và thất bại, và chuyện này cũng không mang lại lợi ích gì cho Singapore cả. Đó gần như chẳng phải việc của tôi.

Trong hai năm qua, Myanmar đã có những bước tiến quan trọng hướng tới việc mở cửa. Tôi không tin rằng các vị tướng lĩnh lần này sẽ quay lưng lại với các cuộc cải cách. Câu hỏi duy nhất ở đây là: Họ sẽ tiến tới nhanh hay chậm?

Một nhân vật mà nhiều người đặt hy vọng vào là bà Aung San Suu Kyi. Bà là nhân vật biểu tượng, là người đã tập hợp lại các lực lượng phi quân sự trên cả nước. Một số trông đợi bà sẽ đóng vai trò hàng đầu trong chính phủ tương lai. Nhưng tôi nghi ngờ điều này. Bà kết hôn với một người Anh,

con cái mang nửa dòng máu Anh, nên cho dù bà là con gái của người giải phóng Miến Điện Aung San thì một số người vẫn không chịu chấp nhận bà là một người Miến Điện thực sự. Có những quy định trong Hiến pháp hiện tại ngăn trở việc bà trở thành tổng thống. Ở tuổi 68, bà cũng chẳng còn mấy năm nữa để giúp đất nước. Nhưng kể cả khi bà có thể lãnh đạo, bà sẽ phải vật lộn với nhiều cuộc nổi dậy từ bắc chí nam. Liệu bà có thể dập tắt những cuộc nổi dậy này?

Người Miến Điện ở nước ngoài là một nhóm khác có thể khuyến khích quốc gia này mở cửa nhanh hơn. Họ là những con người ưu tú của Myanmar mà trước đây phải sống lưu vong. Con cái của họ không còn cảm thấy có bất kỳ nghĩa vụ nào với đất nước nữa, nhưng những người rời Myanmar khi còn trẻ hoặc khi đã trưởng thành đều vẫn giữ mối dây tình cảm. Với tình hình chính trị đang thay đổi, nếu có thể thuyết phục họ quay về lập doanh nghiệp làm ăn thì điều này chắc chắn sẽ giúp thúc đẩy nền kinh tế.

Hỏi: Trong một cuốn sách của ngài, Những sự thật khó nghe để giúp Singapore tiến bước, ngài đã nói cả đời mình không bận tâm đến các tướng lĩnh Miến Điện, rằng họ là những con người mù quáng không chịu nhận ra họ cần làm gì.

Đáp: Họ rất cứng đầu. Nhưng kể cả những người như họ cũng biết nghĩ lại và thừa nhận rằng mình đã đụng phải bức tường gạch.

Hỏi: Người ta cũng bàn rằng có thể cái gọi là sự can thiệp mang tính xây dựng của ASEAN hoặc các lệnh cấm vận của phương Tây là thứ đã thúc đẩy Miến Điện quyết định cải cách và mở cửa. Quan điểm của ngài là gì?

Đáp: Bên nào cũng không quan trọng. Quan trọng là họ đã quyết định phải nắm lấy một tương lai khác.

Hỏi: Nêu cải cách vẫn tiếp tục diễn ra, và Myanmar mở cửa, liệu chúng ta có ti ép tục thây sự chi phối và ảnh hưởng của Trung Quốc gia tăng ở Myanmar?

Đáp: Có chứ, vì Trung Quốc đã giúp họ xây dựng một đường cao tốc. Và họ đã giúp Myanmar suốt những năm dài bị cô lập. Nên người Trung Quốc đã kết thân được với Myanmar và biết rằng tình bằng hữu này sẽ kéo dài. Người Ấn Độ cũng đang cố gắng để tham gia vào bức

tranh này bằng cách cung cấp viện trợ nhưng tôi thấy họ không có khả năng cạnh tranh với Trung Quốc.

Hỏi: Liệu người Mỹ có thể tạo được chỗ đứng ở đây khi họ đang nỗ lực cạnh tranh giành ảnh hưởng trong khu vực này?

Đáp: Họ ở quá xa. Sự phô diễn sức mạnh quân sự của họ ở quá xa trong khi Myanmar lại có chung biên giới với tỉnh Vân Nam của Trung Quốc.

6

SINGAPORE

Giữa ngã ba đường

SINGAPORE

CHÍNH TRỊ

Sớm hay muộn thì một cuộc tổng tuyển cử có kết quả như hồi tháng 5/2011 cũng sẽ xảy ra. Đảng Hành động Nhân dân (PAP) chỉ đạt được 60,1% số phiếu bầu toàn quốc và mất sáu ghế trong quốc hội - kết quả xấu nhất kể từ khi đất nước Singapore giành độc lập năm 1965. Về lâu dài, PAP khó mà giữ vững được sự áp đảo gần như tuyệt đối của mình tại các cuộc bầu cử trước đó. Điều đó có thể là do các thế hệ lớn lên trong thời kỳ độc lập của Singapore đã chứng kiến đời sống từ mức thấp đã được cải thiện đáng kể. Nhưng sẽ đến lúc những cải thiện ấy chậm lại và ít thể hiện rõ. Một thế hệ người Singapore mới với những trải nghiệm cuộc sống khác thì khi đi bầu họ cũng sẽ phải cân nhắc những yếu tố khác với cha mẹ và ông bà mình. Trong cuộc bầu cử tháng 5/2011, có những yếu tố ngắn hạn khiển cho tình hình không có lợi cho PAE chẳng hạn

như tổng thư ký đảng công nhân Lưu Trình Cường quyết định rời khỏi khu vực bầu cử một đại diện Hougang và tranh cử tại Khu vực bầu cử Đại diện Nhóm (GRC) Aljunied, cộng thêm sự bất bình của người dân với một số chính sách của chính phủ. Dù gì đi nữa, việc để mất một Khu vực bầu cử Đại diện Nhóm (GRC [5]) cho phe đối lập là điều không thể tránh khỏi.

Do đó, câu hỏi quan trọng hơn sẽ là: Chúng tôi rồi sẽ đi về đâu? Câu trả lời phụ thuộc vào sự lựa chọn của PAP - phản ứng của đảng này trước tình hình thay đổi - cũng như vào sự lựa chọn của cử tri. Có vô số yếu tố không lường trước được. Tuy nhiên, tôi chắc chắn một điều. Nếu cuối cùng Singapore quyết định chuyển sang hệ thống hai đảng thì chúng tôi chắc chắn sẽ trở nên tầm thường. Chúng tôi sẽ mất đi vẻ đẹp của mình và trở thành một cái

[5] *Ở Singapore, một số ghế trong quốc hội được nhóm lại với nhau thành GRC. Các đảng phái khi tranh cử các khu vực nhiều ghế này sẽ đưa ra một danh sách các ứng cử viên, nếu thắng sẽ thắng cả nhóm và thua cũng thế. Trước năm 2011, PAP từng mất các ghế đơn lè trong quốc hội, nhưng chưa mất GRC nào.*

chấm đỏ nhỏ bé buồn bã, nếu như chúng tôi tự bảo mình rằng: "Này, không sao đâu. Chúng ta hãy cứ là một thành phố bình thường thôi. Việc gì phải tốt hơn các thành phố khác hay các quốc gia khác cơ chứ?" Tôi sẽ rất tiếc cho Singapore nếu chúng tôi đi theo con đường đó.

Vào ngày 22/8/2012, tôi nhận được một tấm thiệp cảm ơn từ một người Singapore tên là James Ow'Yeong Keen Hoy Từ nét chữ uốn lượn thanh lịch, tôi đoán người viết cũng phải ít nhất 50 tuổi. Người trẻ ngày nay thích đánh máy hơn và khi họ viết cũng không đẹp được như thể. Ông ấy viết: "Gia đình tôi biết ơn sâu sắc vì đã được hưởng lợi từ sự lãnh đạo và đóng góp của ngài để giúp cho đất nước chúng ta đạt được hòa bình, hạnh phúc, tiến bộ, thịnh vượng, đoàn kết và an ninh trong suốt những năm tháng tươi đẹp vừa qua. Chân thành cảm ơn ngài! Mong rằng chúng tôi có vinh dự để cầu chúc ngài an khang thịnh vượng và mọi thứ tốt đẹp nhất trong những năm tới. Và mong rằng đất nước thân yêu của chúng ta sẽ mãi hạnh phúc, giàu có, bình yên bây giờ và mãi mãi. Cầu Chúa phù hộ ngài."

Tôi trích dẫn nguyên văn tấm thiệp này để làm nổi bật lên sự thay đổi tư duy to lớn từ một thế hệ lớn tuổi, gồm cả người viết tấm thiệp này, bạn bè đồng liêu cũng như cao niên của ông, sang một thế hệ trẻ hơn coi sự sung túc của Singapore là đương nhiên. Những người như ông Ow-Yeong đã thấy Singapore phát triển từ những năm 1960 bất ổn khi khó khăn và nghèo đói vẫn là quy luật hơn là ngoại lệ, cho tới một Singapore sôi động và hội nhập, tạo ra được công việc lương cao cho những người dân có học vấn cao. Nhiều người Singapore lớn tuổi từng ở trong các túp lều tồi tàn sau đó chuyển tới những tòa chung cư cao tầng đầy đủ tiện ích trong khu phố an ninh. Họ hiểu rõ những yêu cầu của đất nước - những gì đã phải làm để giúp chúng tôi có được như ngày hôm nay và những gì cần tiếp tục làm để giữ vững sự thành công này - cũng như những yếu tố dễ bị tác động của nó. Các cử tri trẻ không có cùng những quan điểm này. Sinh ra trong một đất nước Singapore đã phát triển, họ nhìn xung quanh và thấy một hệ thống tạo ra sự ổn định và giàu có, và họ tự nhủ: “Tôi chẳng thấy sự thần kỳ ở đâu cả”.

Ở những cuộc bầu cử liên tiếp trong vài thập kỷ vừa qua, PAP có thể đảm bảo sự chiếm lĩnh hoàn toàn hoặc gần như hoàn toàn số ghế trong quốc hội bởi phần lớn cử tri là những người từ thế hệ cũ. Khi tôi làm thủ tướng từ 1959 đến 1990, nước lên thuyền lên, đất nước phát triển và mỗi người dân thấy mình đều được hưởng lợi đáng kể. Người dân Singapore liên tục trao cho PAP quyền lực với đa số phiếu áp đảo. Điều tương tự cũng xảy ra sau khi Ngô Tác Đống (Goh Chok Tong) nối gót tôi từ 1990 đến 2004. Nhưng cũng đến lúc con nước đạt đỉnh và sẽ rất khó tìm được cách vượt đỉnh đó mà lại vừa được cử tri đánh giá cao. Rất nhiều người Singapore lớn tuổi tiếp tục ủng hộ chúng tôi bởi vì họ vẫn giữ ký ức về những năm tháng cũ và hiểu rằng việc quản lý quốc gia sau khi nền kinh tế đã phát triển cũng quan trọng không kém gì trước đó - nếu như không muốn nói là quan trọng hơn. Nhưng những cử tri trẻ không hiểu điều đó, bởi họ tin rằng những gì chúng tôi đạt được sẽ luôn an toàn như vậy.

Sự chênh lệch tỷ lệ giữa số cử tri già và trẻ này không ngừng tác động đến PAP. Trong cuộc tổng

tuyển cử năm 2001, cũng là tổng tuyển cử cuối cùng dưới thời Ngô Tác Đống, PAP đã thắng áp đảo, chiếm 75% phiếu bầu và chỉ mất hai ghế. Trong số các cử tri năm đó, số người sinh trước Độc lập lấn át những người sinh sau Độc lập với tỷ lệ 2:1. Còn trong năm 2011, tỷ lệ này đảo ngược. Tỷ lệ cử tri sinh sau 1965 so với trước 1965 là 51:49. Tỷ lệ phiếu bầu cho PAP giảm xuống còn 60% và phe đối lập giành 6 ghế.

Dĩ nhiên chúng ta cũng phải tính đến các tình huống cụ thể trong mỗi cuộc bầu cử. Những tình huống cụ thể này đóng vai trò rất quan trọng với hai cuộc bầu cử nói trên. Năm 2001, các cuộc tấn công khủng bố 11/9 ở Mỹ diễn ra và bầu không khí bất an toàn cầu ắt hẳn đã khiến cử tri gắn bó với một chính đảng đã có lịch sử hành động vì lợi ích của nhân dân. Trong năm 2011, có ít nhất hai yếu tố tác động đáng kể đến việc mất ghế của PAP.

Nhân tố đầu tiên là việc tổng thư ký đảng công nhân Lưu Trình Cường có thể đưa ra một ứng cử viên sáng giá là Chen Show Mao. Người đàn ông trong ngành luật doanh nghiệp quốc tế này dường

như là một người tài năng. Lưu đã quyết định ra tranh cử ở GRC Aljunied, cùng với Chen và chủ tịch đảng Sylvia Lim. Thông điệp ngụ ý ở đây rất rõ ràng: "Chúng tôi đang đặt tất cả trứng vào rổ này. Hãy cho chúng tôi thắng được một GRC." Và họ đã giành được một GRC.

Tuy nhiên, cuối cùng Chen hóa ra không phải người kiệt xuất lắm. Ở quốc hội, ông ấy cầm giấy đọc những bài phát biểu đã chuẩn bị sẵn nhưng khi vào người thật việc thật, ông ấy ăn nói lung tung hết cả. Công việc này chỉ đơn giản là không hợp với ông ấy. Nếu đúng là ông ấy đã nghĩ thông suốt vấn đề, vậy thì ông ấy đã giỏi che giấu suy nghĩ đó trước mặt mọi người. Đây không chỉ là quan điểm của tôi. Các nhà báo đưa tin chính trị và cả những cử tri ngồi trong khu vực dành cho công chúng trong quốc hội có lẽ cũng cảm thấy như vậy. Sức nặng của kỳ vọng công chúng đặt lên người đàn ông khi thấy lý lịch khá ấn tượng của ông có lẽ đã làm tăng thêm sự thất vọng.

Một yếu tố khác ảnh hưởng đáng kể đến kết quả cuộc bầu cử năm 2011 là sự bất bình của người dân

với số lượng lớn người nước ngoài. Thật không may, chúng tôi không có nhiều phương án thay thế để giải quyết vấn đề này bởi vì chúng tôi không sinh đẻ đủ lượng người thay thế. Nếu chúng tôi không nhận người nhập cư và lao động nước ngoài thi đất nước sẽ suy yếu. Chính phủ đã và đang điều tiết dòng người nhập cư tới một mức độ ít gây khó chịu hơn. Nhưng sự bất bình vẫn sẽ tiếp diễn một thời gian, vì dù cho các công ty vận tải cố gắng gia tăng dịch vụ xe buýt và tàu điện, thì cứ mỗi ngày người đi làm phải chịu đựng một chuyến đi đông đúc là một ngày họ thấy khó chịu.

Tuy nhiên, muốn nhìn ra được những xu thế lớn thì phải gạt qua một bên những yếu tố ngắn hạn. Bạn phải tự hỏi bản thân, nếu bạn lấy những yếu tố trên ra khỏi cuộc bầu cử sắp tới hay những lần sau đó, liệu tình hình sẽ trở lại bình thường như trước 2011 không? Tôi tin rằng câu trả lời dứt khoát là không. Vấn đề không nằm ở chỗ một ứng viên cụ thể hay một chính sách cụ thể. Mà đó là mong muốn của cử tri trẻ tuổi muốn có sự cạnh tranh chính trị nhiều hơn.

Những gì xảy ra từ giờ trở đi sẽ được phần nào xác định dựa trên hành động của cả PAP và phe đối lập. Liệu phe đối lập có thể đáp ứng được những kỳ vọng mà họ đã cố gắng hết sức để tạo nên cho bản thân và trở thành Phe Đối lập Hàng đầu? Liệu họ có thể thuyết phục được đủ người tài - bằng với số đại biểu của PAP - tham gia cùng họ? Tôi nghi ngờ điều đó. Rất ít người thành công trong kinh doanh hay giới trí thức hoặc các ngành nghề chuyên môn khác chịu làm đại biểu cho phe đối lập đến bốn năm nhiệm kỳ rồi mới có thể thành lập chính phủ. Nếu muốn làm chính trị, tốt hơn bạn nên tham gia PAP. Nó là một tổ chức hoàn chỉnh với thành tích tốt.

PAP cũng sẽ không đứng yên một chỗ. Đảng sẽ tiếp tục tiến cử những người trẻ nghiêm túc và đáng tin, những người sẽ tiếp cận với thế hệ cử tri mới và phấn đấu để chiếm được lòng tin của họ. Trong năm 2011, chúng tôi đã đưa ra một số ứng cử viên xuất sắc nhất, và sau đó họ đã làm việc cho chính phủ. Heng Swee Keat, bây giờ là Bộ trưởng Giáo dục, là người thư ký riêng tốt nhất tôi từng có. Điều đáng tiếc duy nhất là ông ấy không to con lắm, chứ không

đi tuần hành là nổi lắm đây. Nhưng ông ấy có một trong những bộ óc tuyệt vời nhất trong số các công chức tôi từng làm việc cùng. Có những người khác chúng tôi tiến cử giờ cũng đang làm trong nội các: Chan Chun Sing, Tan Chuan- Jin và Lawrence Wong. Chúng tôi đang nói với các cử tri: "Đây là chất lượng của những người chúng tôi đã thu nạp được. Chúng tôi sẽ không ngồi chơi xơi nước cho đến khi chúng tôi chết." Liệu phe đối lập có thể đưa ra những người giống với thế hệ bộ trưởng trẻ của PAP không, chứ đừng nói đến những người giống với Thủ tướng Lý Hiển Long hay phó thủ tướng Teo Chee Hean và Tharman Shanmugaratnam?

Tuy nhiên vẫn có khả năng là đến cuối cùng những người Singapore trẻ tuổi, bất chấp những nỗ lực nhiệt thành nhất của PAP, vẫn không vừa lòng với một nền chính trị nhiều sự cạnh tranh hơn mà muốn cả một hệ thống hai đảng đầy đủ. Họ có quyền lựa chọn. Sau tất cả vẫn là mỗi thế hệ người dân Singapore tự quyết định cho mình họ muốn xây dựng kiểu nhà nước nào và tổ chức xã hội ra sao. Nhưng tôi hy vọng giới trẻ sẽ không xem nhẹ quyết

định của mình mà họ sẽ chọn lựa cẩn thận những gì được mất. Họ chính là người sẽ phải chung sống với hậu quả chứ không phải tôi hay những người cùng thế hệ với tôi. Chúng tôi sẽ chẳng còn sống để mà chịu hậu quả.

Vấn đề lớn nhất với hệ thống hai đảng là một khi nó đã hình thành, những người giỏi nhất sẽ chọn không tham gia vào chính trị. Việc thắng cử trở thành trò chơi may rủi. Các chiến dịch tranh cử cũng sẽ có xu hướng trở nên hằn học không cần thiết, thậm chí mang tính gây hấn. Nếu bạn là người tài năng và đang có sự nghiệp tốt, liệu bạn có liều hy sinh không chỉ những lợi ích của mình mà cả của gia đình mình khi tham gia tranh cử? Nhiều khả năng là bạn sẽ muốn tránh xa cái lò lửa nóng hừng hực ấy và cứ ở yên trong cuộc sống thoải mái của mình hơn.

Hiện tại, một nhiệm vụ hết sức nặng nề của chúng tôi tại mỗi đợt tổng tuyển cử là thuyết phục những người giỏi nhất, tận tâm nhất tham gia tranh cử. Khi đất nước đang phát triển như vậy, thật khó để tìm được người sẵn sàng từ bỏ sự nghiệp ngoài

chính trị đang tốt đẹp của mình. Sẽ còn khó khăn hơn biết bao nhiêu nếu chúng ta biến thành một hệ thống hai đảng! Điều đó không chỉ có nghĩa là đội hình A đẹp nhất của chúng ta sẽ bị chia cắt thành hai, hoặc là có đội A lên nắm quyền một nửa thời gian, nửa thời gian còn lại là của đội B kém tài hơn một chút. Không, tình hình còn tồi tệ hơn nhiều so với hai kịch bản trên. Đơn giản là đội A - và rất có thể là đội B nữa - sẽ hết hứng thú với chính trị và sẽ tập trung vào các lĩnh vực khác. Bạn sẽ chỉ còn đội C, D hoặc E yếu kém hơn đảm đương công việc.

Nếu như chúng tôi còn nghi ngờ không chắc có thể đưa Lim Kim San trúng cử chẳng hạn thì tôi hẳn đã gặp nhiều khó khăn thuyết phục ông ấy đi làm chính trị. Một khi tương lai chính trị trở nên không chắc chắn thì phản ứng bình thường là cứ để cho người khác làm điều đó. Nhưng trong thực tế, chúng tôi đã tiến cử cho ông ấy một vị trí mà chúng tôi tự tin là ông ấy sẽ giành chiến thắng. Nếu ông ấy không tham gia, Singapore hẳn đã chịu một mất mát lớn. Đây là người đàn ông đã xây dựng nên Ban Nhà ở và Phát triển (HDB) và chính sách nhà công

mà nếu thiếu nó đất nước này đã trở nên rất khác. Nếu Singapore cho phép những người tầm thường điếu hành chính phủ, nó sẽ chìm nghỉm và trở thành một thành phố tầm thường.

Nếu nhìn vào các nước khác cũng đang vận hành một hệ thống hai đảng, bạn sẽ đi đến kết luận tương tự. Tại Anh, nếu nhìn vào danh sách những sinh viên tốt nghiệp xuất sắc Oxford hay Cambridge và lần theo sự nghiệp của họ, bạn sẽ thấy rằng những người này sau đó không đi theo chính trị mà làm trong ngành ngân hàng, tài chính và các nghề chuyên môn khác. Các đại biểu quốc hội không xuất thân từ những người xuất sắc nhất. Họ không xuất thân từ lớp luật sư hay bác sĩ phẫu thuật giỏi nhất. Tình hình ở Mỹ cũng tương tự như thể. Giám đốc điều hành của một công ty nằm trong danh sách giàu nhất thế giới Fortune 500 có một cuộc sống tốt hơn nhiều, và vị trí này tự nhiên sẽ thu hút các ứng cử viên có khả năng hơn là những người muốn trở thành tổng thống Hoa Kỳ. Nhưng sự khác biệt giữa Singapore và các quốc gia đó - ở đây là Mỹ và Anh - là nước họ sẽ tiếp tục phát triển

bất kể một chính phủ trung bình, còn chúng tôi thì không. Đây là một đất nước nhỏ không có tài nguyên thiên nhiên gì và lại ở giữa một khu vực nhiều biến động lịch sử. Nơi này yêu cầu có một sự lãnh đạo đặc biệt.

Ngay cả khi mọi thứ ổn định, chúng tôi vẫn tiếc nuối khi đã giảm lương bộ trưởng, điều này làm giảm mức độ thu hút những người tài giỏi nhất vào làm nhà nước. Nếu tôi là một bộ trưởng nội các tại thời điểm mọi người tính đến việc thay đổi lương, thì có lẽ tôi vẫn tiếp tục đảm nhiệm chức vụ. Nhưng thế hệ các bộ trưởng trẻ hơn sẽ quyết định đi theo xu hướng. Đúng là không có quốc gia nào trên thế giới trả lương bộ trưởng cao như chúng tôi. Nhưng cũng đúng là không có quốc gia nào có thể phát triển được như Singapore: lấp lánh, sạch sẽ, an toàn, không tham nhũng và tỷ lệ tội phạm thấp. Bạn có thể yên tâm đi bộ trên phố ban đêm. Phụ nữ không bị cướp giật. Cảnh sát không nhận hối lộ, và nếu có người định hối lộ họ, người đó sẽ phải chịu hậu quả. Không có điều gì trong số này tự nhiên mà có. Nó cần đến cả quá trình xây dựng nên hệ thống hoàn

chỉnh và quá trình đó đòi hỏi các bộ trưởng được trả lương cao.

Mỗi lần giảm lương là mỗi lần bộ trưởng phải chịu hy sinh lớn hơn - từ bỏ nghề chuyên môn hay công việc ngân hàng của mình. Cuối cùng sẽ có một số người tự nhủ: "Tôi không ngại đảm nhận chức vụ này khoảng nửa nhiệm kỳ, hai năm rưỡi, coi như là một hình thức nghĩa vụ với quốc gia. Nhưng còn lâu hơn thì thôi, tôi không dám nhận." Kết quả cuối cùng sẽ là một chính phủ kiểu cửa xoay, liên tục kẻ vào người ra, không tránh khỏi thiếu hiểu biết sâu sắc về các vấn đề hay thiếu tầm nhìn dài hạn.

Trong vòng 100 năm nữa, liệu Singapore còn tồn tại? Tôi không chắc lắm. Mỹ, Trung, Anh, úc - các nước này vẫn còn tồn tại cả trăm năm nữa. Nhưng Singapore mới chỉ thành hình quốc gia gần đây thôi. Thể hệ trước của Singapore đã xây dựng nơi đây từ con số không - và chúng tôi đã thực hiện được tốt biết bao. Khi tôi dẫn dắt đất nước, tôi đã làm hết sức có thể để củng cố lợi ích quốc gia. Ngô Tác Đông cũng làm như thế. Và bây giờ, dưới thời Lý Hiển Long và đội ngũ của minh, đất nước sẽ phát

triển tốt ít nhất là trong 10, 15 năm nữa. Nhưng sau đó, quỹ đạo mà chúng tôi đi theo sẽ phụ thuộc vào thế hệ trẻ của Singapore. Dù những lựa chọn này là gì thì tôi vẫn hoàn toàn chắc chắn rằng nếu Singapore có một chính phủ kém năng lực, chúng tôi sẽ tiêu đời. Đất nước này sẽ chìm vào hư vô.

Hỏi: Liệu chúng ta có đang chứng kiến một chính phủ đi theo hướng chiếu lòng người dân hơn sau cuộc bầu cử năm 2011?

Đáp: Không tôi không nghĩ vậy. Chúng tôi đã mất một GRC, sáu ghế trong Quốc hội. Đó không phải thảm họa.

Hỏi: Ngài nói PAP đã đưa ra được những ứng cử viên giỏi, những người sau đó được tiến cử vào nội các, chẳng hạn như Heng Swee Keat. Nhưng một số người thuộc thế hệ trẻ dường như muốn có nhiều nghị sĩ phe đối lập hơn, bất kể chất lượng của họ ra sao.

Đáp: Tôi không thể dự đoán hay phủ nhận là cuối cùng họ sẽ chọn lựa điều gì.

Hỏi: Nhưng đây có phải là một xu hướng mà ngài lo lắng?

Đáp: Không, công việc của tôi đã xong rồi. Tôi đã 89 tuổi. Liệu tôi còn phải lo thế giới sẽ diệt vong? Nhiệm vụ của tôi đã hoàn thành. Tôi đã xây dựng được một hệ thống trong sạch, trọng người tài và cởi mở.

Hỏi: Nhưng ngài có tin rằng nếu họ quyết định biến nó thành hệ thống: hai đảng, Singapore sẽ không tránh khỏi việc trở nên tầm thường?

Đáp: Điều đó là tất yếu. Và như tôi đã nói, nếu giới trẻ vẫn giữ quan điểm cho rằng chúng ta chỉ cần trở thành một

thành phố hay một quốc gia bình thường thì viễn cảnh trên rồi cũng sẽ xảy ra.

Hỏi: Liệu PAP có mất đi quyền lực của mình trước thời điểm đó?

Đáp: Tôi không chắc PAP có còn nắm quyền không trong ba, bốn hay năm cuộc bầu cử nữa.

Hỏi: Nhưng nếu như PAP có thể thay đổi và đáp ứng được sự kỳ vọng của người dân.

Đáp: Anh cho tôi biết họ nên thay đổi thế nào và những kỳ vọng kia là gì đã.

Hỏi: Chẳng hạn, nhiều người vẫn sẽ muốn các giá trị cốt lõi của PAP nhưng phải đi kèm điều gì- đó nhiệt tình hơn.

Đáp: Nhiệt tình hơn? Anh nói rõ ra đi.

Hỏi: Một là, bộ trưởng không tỏ vẻ kể cả. Hai là, chi tiêu nhiều hơn cho các vấn đề xã hội. Dĩ nhiên, điều này đòi hỏi sự thay đổi về tài chính. Đây là hai yêu cầu cốt lõi mà mọi người mong muốn.

Đáp: Anh nói 'kẻ cả là có ý gì?

Hỏi: Ít rao giảng hơn, có lẽ là chịu tiếp thu nhiều góp ý hơn trong việc hình thành chính sách.

Đáp: Những điều đó anh đã nhận được từ Teo Chee Hean và

Tharman Shanmugaratnam rồi đấy thôi.

Hỏi: Trong và sau cuộc tổng tuyển cử, người ta có nói đến việc PAP cần phải tự biến đổi.

Đáp: Tôi không nghe nói gì, mà ai nói thế?

Hỏi: George Yeo là một trong những người đưa ra nhận xét nậy.

Đáp: Không không. George Yeo đã thua rồi. Và sau thất bại thì người ta phải thay đổi tư duy triệt để. Nhưng điều đó không có nghĩa là phải thay đổi những giá trị cốt lõi và các chính sách căn bản.

Hỏi: Về vấn đề lương của các Bộ trưởng, liệu ngài tin rằng chính phủ vẫn đang lưu tâm quá mức đến việc làm hài lòng tâm lý người dân?

Đáp: Không, tôi không nói rằng họ cố làm hài lòng tâm lý mọi người. Họ đang cố gắng đáp ứng sự thay đổi trong tâm trạng của người dân.

Hỏi: Nhưng theo quan điểm của ngài, việc đáp ứng này sẽ phải trả giá.

Đáp: Chắc chắn.

Hỏi: Nhưng ngay cả với mức lương Bộ trưởng cao, nhiều nghị sĩ PAP cũng xuất thân từ khu vực công chứ không

phải khu vực tư nhân.

Đáp: Không, không. Tôi đã có Lim Kim San đấy thôi. Và nhiều người giỏi khác nữa.

Hỏi: Nhưng đó là ở một thời kỳ khác, khi tiền lương không giống như hôm nay.

Đáp: Không, anh không được nói thể. Mức lương quan trọng chứ. Nếu như làm chức bộ trưởng mà lại phải hy sinh quá lớn thì ắt làm xong một nhiệm kỳ là ông ấy sẽ bỏ. Nhưng rồi sau đó ông ấy đã ở lại, đã xây dựng nên chính sách nhà công và bây giờ mọi người đều có nhà. Sau một nhiệm kỳ ông ấy cảm thấy công việc này là đáng làm.

Hỏi: Mối lo lớn nhất của ngài về Singapore là gì?

Đáp: Tôi không còn lo lắng gì cả. Tôi đã làm xong phần việc của mình. Tôi đã tìm được người kế nhiệm và giao lại trọng trách cho một thế hệ khác. Tôi không thể làm gì hơn được nữa, tôi đâu thể sống mãi như một người đàn ông trung niên 40, 50 tuổi trẻ trung tràn sinh lực mãi được.

Hỏi: Nhưng có khi nào ngài thấy buồn khi nhìn vào con đường phía trước Singapore?

Đáp: Nói thật với anh, tôi không còn muốn biết chuyện gì sẽ

xảy ra nữa. Không cần phải buồn. Nó phụ thuộc vào thể hệ đang lớn lên bây giờ. Họ sẽ làm gì, họ có chia sẻ cùng các giá trị với thế hệ cha mẹ mình?

Hỏi: Liệu chúng ta có khả năng đạt tới một trạng thái cân bằng không có sự thống trị áp đảo cửa PAP trong quá khứ cũng không phải một hệ thống hai đảng, mà nằm đâu đó ở giữa? Chẳng hạn như một phần ba quyền lực trao cho phe đối lập, hai phần ba cho đảng cầm quyền.

Đáp: Anh nghĩ rằng điều đó có thể xảy ra ư? Nếu anh có ba đứa con, liệu anh có thể thuyết phục hai đứa bầu cho PAP còn : đứa còn lại bầu cho phe đối lập không?

DÂN SỐ

Nếu tôi vẫn còn dẫn dắt Singapore ngày nay, tôi sẽ đưa ra chương trình tiền thưởng sinh con có giá trị bằng hai năm tiền lương bình quân của một người Singapore. Số tiền này đủ để nuôi dạy đứa trẻ ít nhất là đến khi bắt đầu học tiểu học. Liệu tôi có nên trông chờ số trẻ em sẽ tăng lên đáng kể? Không, tôi tin chắc rằng những khoản tiền thưởng siêu lớn cũng chỉ tác động được đôi chút đến tỷ lệ sinh mà thôi. Nhưng tôi vẫn sẽ thưởng, ít nhất cũng thực thi chính sách này trong một năm, chỉ để chứng minh với mọi người rằng tỷ lệ sinh thấp chẳng liên quan gì tới các lý do kinh tế hay tài chính cả, chẳng hạn như chi phí sinh hoạt cao hay các bậc phụ huynh thiếu sự giúp đỡ của chính phủ. Mà tỷ lệ sinh thấp là kết quả của lối sống và tư duy thay đổi. Và nếu dùng tiền thưởng mà cũng không khuyến khích được người Singapore có

thêm con, thì lúc đó chúng tôi phải thực tế và tự hỏi bản thân rằng chúng tôi còn phương án nào nữa để có thể ngăn không cho xã hội này biến mất trong vòng vài thế hệ hay không.

Năm 1959, năm đầu tiên tôi trở thành Thủ tướng, 62.000 trẻ em sinh ra tại Singapore. Trong vòng năm thập kỷ sau đó, tình hình đảo ngược. Dân số tăng gấp đôi nhưng số trẻ em sinh ra lại sụt giảm. Năm 2011, chỉ 39.654 trẻ được sinh ra. Tỷ lệ sinh trên mỗi phụ nữ đã xuống đến mức thấp từ 2,0 cuối thập niên 1980 tới mức 1,15 năm 2010, trong khi mức sinh cần thiết để thay thế dân số là 2,1. Cứ mỗi năm Thìn tới thì số ca sinh tàng lên đôi chút nhưng lượng tăng này cũng giảm dần đều theo xu hướng giảm chung.

Bất kể có phân chia dân số theo kiểu nào thì những con số cũng đang giảm dần bởi vì tỷ lệ sinh giảm trong tất cả các nhóm dân số. Tổng tỷ lệ sinh hiện nay là 1,18 (con số sơ bộ năm 2012) đối với người Hoa, 1,14 với người Ân và 1,69 với người Mã Lai. Điều đó có nghĩa là nếu không có giải pháp nào được đề ra thì người Hoa và người Ấn sẽ giảm một

nửa trong thế hệ kế tiếp còn người Mã Lai sẽ giảm một phần năm. Ngày càng có nhiều người Singapore chọn không kết hôn hoặc kết hôn muộn hoặc có ít con hơn thậm chí không có con. Trong số những phụ nữ đã từng kết hôn ở độ tuổi 30'39, số con trung bình mà họ sinh ra đã giảm từ 1,74 xuống 1,48 trong một thập kỷ. Với những người trong độ tuổi từ 40 đến 49, tỷ lệ này giảm từ 2,17 xuống 1,99. Tỷ lệ những người còn sống độc thân đã tăng lên đến 45,6% đối với nam tuổi từ 30 đến 34 và 32,3% với nữ ở cùng độ tuổi.

Với mức sinh hiện tại cộng với không đón nhận người nhập cư, chỉ trong vòng một thế hệ nữa thôi, thế hệ trẻ sẽ không thể nào chịu nổi gánh nặng của dân số lão hóa. Số người trong độ tuổi lao động có thể hỗ trợ cho một người lớn từ *65* tuổi trở lên sẽ giảm từ 5,9 năm 2012 xuống chỉ còn có 2,1 trong năm 2030. Chỉ có loài gấu trúc mới lâm vào tình hình sinh sản tương tự - mà đấy là chúng không phải lo lắng về việc liệu có đủ nguồn lực để đảm bảo những con già trong loài được chăm lo đầy đủ.

Một số người cho rằng chương trình "Chỉ hai là

đủ" triển khai những năm 1970 quá thành công của chính phủ phải chịu trách nhiệm cho những vấn để khó khăn về tỷ lệ sinh hiện tại của Singapore. Đậy là một ý kiến vô lý. Với vấn đề này, Singapore không phải là ngoại lệ. Lối sống thay đổi xảy ra ở khắp các xã hội phát triển trên thế giới, từ Nhật Bản đến châu Âu. Khi phụ nữ có học vấn và cơ hội việc làm bình đẳng, họ không còn coi vai trò chính của mình là sinh con hay chăm sóc gia đình nữa. Họ muốn được toàn tâm toàn ý theo đuổi sự nghiệp giống như đàn ông từ trước đến giờ. Họ muốn có nhiều thời gian rảnh rỗi hơn. Họ muốn đi du lịch và khám phá thế giới mà không nặng gánh con cái. Họ có những kỳ vọng khác về việc có nên cưới chồng hay không, vì giờ đây họ đã được độc lập về tài chính. Không thể đảo chiều kim đồng hồ, trừ khi chúng ta muốn ngừng lại việc giáo dục phụ nữ, mà đó là chuyện phi lý.

Ở nhiều nước phương Tây lại nổi lên một nền văn hóa mới trong đó xã hội không chỉ bao dung với vấn đề sống thử mà còn với việc nuôi con ngoài giá thú. Điều này đã cải thiện tốt tỷ lệ sinh, tạo điều

kiện cho nhiều trẻ em được sinh ra. Những người phụ nữ không chồng ở đây ít chịu sự kỳ thị hơn ở châu Á. Thật vậy, một số xã hội này còn phụ giúp cho các bà mẹ đơn thân rất hiệu quả và vô hình trung khuyến khích quyết định không kết hôn. Về vấn đề này, Singapore vẫn là một xã hội mang tính truyền thống châu Á hơn. Dù một số chấp nhận ý tưởng chung sống trước hôn nhân, nhưng vẫn rất ít người chấp nhận việc phụ nữ chưa chồng có con bởi vì yếu tố cấm kỵ này vẫn còn tồn tại mạnh mẽ. Nếu các chuẩn mực xã hội có thể thay đổi đáng kể thì đây có thể là một cách khả thi giúp tỷ lệ sinh tăng lên. Nhưng tôi hy vọng là các chuẩn mực xã hội sẽ thay đổi từ từ, còn chính phủ không thể đi nhanh hơn dân số được. Hơn nữa, sự gia tăng số trẻ em ngoài giá thú còn làm nảy sinh những thách thức và vấn đề xã hội khác như đã được minh chứng trong các xã hội có tỷ lệ cha mẹ đơn thân cao.

Người Singapore còn rất dè dặt về việc chấp nhận người nhập cư nhưng chúng tôi phải chấp nhận họ bởi không còn lựa chọn nào khác. Chúng ta thường không thoải mái với những người có bề

ngoài, ăn nói và cư xử khác biệt với chúng ta, đó là chuyện bình thường. Ai cũng muốn nhìn thấy các khuôn mặt quen thuộc. Nhưng chúng tôi có sinh đủ con cái để thay thế chính mình hay không? Chúng tôi sẽ đối diện với thực tế và chấp nhận rằng người nhập cư là cần thiết, hay chúng tôi chỉ đơn giản cho phép Singapore thu hẹp lại, già đi và mất đi sức sống?

Giải pháp nhận người nhập cư có ba hạn chế.

Đầu tiên, họ phải đến đất nước tôi với một tốc độ vừa phải về mặt chính trị hoặc sẽ có sự phản ứng dữ dội của người dân, điều đó sẽ phản tác dụng. Là một xã hội, chúng tôi cần phải đi đến một sự đồng thuận lượng người nhập cư bao nhiêu là hợp lý. Hiện tại, chúng tôi có thể thoải mái ở mức 15.000 đến 25.000 người nhập cư một năm. Dưới mức này và với mức sinh hiện tại sẽ không thể ngăn được dân số thu hẹp lại. Nhưng nếu chính phủ thành công trong việc giúp người dân hiểu tính nghiêm trọng của tình hình, khiến người Singapore cùng quyết tâm hành động, thì chúng tôi sẽ nâng con số này lên, nhất là trong những năm tới khi vấn đề dân số

lão hóa tác động mạnh hơn đến chúng tôi.

Thứ hai, ngay cả khi người Singapore cuối cùng cũng khoan dung hơn thì vẫn còn một cấp độ mà chúng tôi không mong muốn người nhập cư vượt qua, bởi vì chúng tôi không muốn nền văn hóa hoặc các đặc tính địa phương bị thay đổi lớn bởi một nền văn hóa nước ngoài. Khi người nhập cư hiểu rằng họ là một nhóm nhỏ hơn nhiều so với người dân địa phương, họ có xu hướng muốn đồng hóa với người dân địa phương và hòa nhập với văn hóa hiện có. Nếu quá trình hội nhập không được hoàn thành trong thể hệ đầu tiên, nó sẽ được hoàn thành ở thế hệ con cái của họ. Nhưng một khi số lượng người nhập cư đạt đến con số đáng kể, thường họ lại muốn khẳng định bản thân và giữ nguyên bản sắc. Quả thực, nếu số lượng đủ lớn, họ thậm chí còn có thể áp đặt những thay đổi lên văn hóa địa phương. Nói cho công bằng, một số những thay đổi này cũng mang tính tích cực, dù nó khiến cho nhiều người bối rối. Nhưng nếu chúng tôi cho phép minh đạt tới ngưỡng đó thì chúng tôi sẽ không kiểm soát được bộ phận văn hóa nhập cư nào mình muốn kết hợp, bộ phận

nào không. Chúng tôi đã chứng kiến những ví dụ về các yếu tố tiêu cực này thể hiện trong nền văn hóa. Ví dụ, những người nhập cư có thể đến từ một quốc gia có thành phần dân tộc đồng nhất hơn và không quen với việc sống chung với những người từ các sắc tộc khác. Hoặc các mối quan hệ giữa các tầng lớp xã hội khác nhau nơi họ ở có thể khác với Singapore này, nơi mọi người bình đẳng hơn. Thái độ xã hội mà họ mang theo có thể vổ tình không phù hợp với các chuẩn mực và tập quán xã hội ở Singapore và có thể dẫn đến xích mích. Chúng tôi cần phải cảnh giác trước những thái độ như vậy vì chúng có thể xâm phạm đến lối sống của mình.

Cuối cùng, các bằng chứng cho thấy những người nhập cư cũng không làm tăng tỷ lệ sinh của chúng tôi được bởi vì họ cũng đẻ ít con giống người Singapore vậy. Họ giúp thay thế số lượng thanh niên mà chúng tôi thiếu chứ cũng không đủ trẻ em để tự thay thế mình. Do đó, mỗi thế hệ những người người nhập cư không phải là cách thức giải quyết được vĩnh viễn vấn đề, mà đó chỉ là sự cứu trợ tạm thời. Chúng tôi liên tục đòi hỏi dòng người nhập cư.

Do đó những gì chúng tôi thực sự cần để thay đổi tình hình là một tinh thần sẵn sàng cân nhắc đến một lối sống khác và sẵn sàng sinh nhiều con hơn.

Nhưng ngay cả khi nhận ra những giới hạn mà vấn đề nhập cư mang lại, chúng tôi cũng phải hiểu rằng trong ngắn hạn không còn giải pháp nào khác. Chúng tôi phải mở cửa đón nhận sự đa dạng mà những con người mới đem đến đất nước. Nếu được tận dụng một cách hiệu quả, sự đa dạng trong các trường học và nơi làm việc sẽ giúp mở rộng tầm nhìn và tạo thuận lợi cho việc trao đổi các ý tưởng mang tính xây dựng. Các cư dân định cư lâu dài là những công dân tiềm năng; hoặc là chúng tôi hoặc chính họ vẫn chưa đưa ra quyết định về vấn đề làm công dân Singapore chính thức. Chúng tôi chỉ nên nhận người nhập cư ở một tốc độ mà chúng tôi có thể hòa nhập được họ, và để họ thích nghi với các giá trị và chuẩn mực của chúng tôi, để họ trở thành một tập hợp người có thể trở thành công dân chính thức. Đối với các trường hợp lao động tạm thời, chúng tôi thừa nhận vai trò tích cực của họ trong việc giúp xây dựng và cải thiện Singapore, nhưng

sau khi làm ở đây vài năm họ sẽ rời đi, và Điều đó sẽ không làm tăng thêm dân số đang già đi của chúng tôi.

Tôi có bảy đứa cháu ở độ tuổi hai mươi và chưa có đứa nào lập gia đình. Tôi cho là chẳng có đứa nào có ý định kết hôn cho đến lúc ngoài ba mươi tuổi, mà đến lúc đó đã quá muộn để sinh nhiều con. Các lựa chọn của chúng cũng không khác lắm so với lựa chọn của bạn bè đồng lứa. Đó là một thế hệ khác, có những kỳ vọng khác về cuộc sống. Thật không may, khi mỗi người ra quyết định dựa vào những tính toán riêng hay thế giới quan riêng thì toàn thể xã hội đang hướng tới một nơi nguy hiểm. Các tác động đối với Singapore là khá rõ rệt. Có quốc gia nào trong thế giới này có thể thịnh vượng khi dân số giảm? Nếu tôi phải xác định một vấn để đe dọa nhiều nhất đến sự sống còn của Singapore, đó sẽ là vấn đề này. Tôi không thể giải quyết vấn đề này và tôi đã từ bỏ. Tôi từ bỏ nhiệm vụ này và giao nó lại cho một thế hệ lãnh đạo khác. Hy vọng rằng họ hoặc những người kê nhiệm họ cuối cùng sẽ tìm được một giải pháp.

Hỏi: Ngài có nghĩ rằng thế hệ lãnh đạo hiện tại có thể giải quyết vấn đề dân số?

Đáp: Cái đó thì anh phải đi hôi họ. Họ có thể làm gì khác? Phó thủ tướng Teo Chee Hean đã đưa ra Sách Trắng, một lộ trình để giải quyết các vấn đề dân số của Singapore. Hãy chờ một vài năm cho lộ trình này được thực hiện để xem các giải pháp có hiệu quả không. Mọi người hãy cho chúng tôi những ý tưởng. Nếu ý tưởng đó thực tế, chúng tôi sẽ tiếp thu chúng. Đây là sự thay đổi bản chất, thay đổi lối sống. Người Đức không sinh đủ con để thay thế chính mình vì vậy người Thổ đến nước họ để làm việc này Không có con hổ châu Á nào sinh đủ con để tự thay thế. Chỉ có người Mỹ là có thể: tự thay thế nhưng tôi nghĩ đó là do người Latinh sinh sản nhanh hơn so với người da trắng. Còn người Trung Quốc với chính sách một con sẽ phải hối hận khi thấy một đứa trẻ phải nuôi đến bốn ông bà.

Hỏi: Chúng ta có nên cân nhắc mô hình xã hội Bắc Âu, đó ai hỗ trợ rộng rãi ở cấp mầm non, ở cơ sở chăm sóc trẻ, như vậy sẽ làm vơi đi phần nào gánh nặng cho các gia đình có trẻ nhỏ?

Đáp: Không. Như tôi đã nói, các xã hội Bắc Âu hoạt động như các bộ lạc. Họ sẵn lòng chia sẻ với nhau. Tôi không tin

rằng chúng ta nên áp đặt mức đánh thuế nặng lên người dân để có tiền trợ cấp. Rất có thể là với những dịch vụ chăm sóc trẻ được trợ cấp hoặc miễn phí thì tỷ lệ sinh vẫn không tăng.

Hỏi: Một vấn để khác thường gắn với trẻ nhỏ là nhà ở. Nhiều người lập luận rằng giá nhà đất quá cao. Nó lạm vào thu nhập và làm cho: việc nuôi một gia đình trở nên khó khăn hơn. Hơn nữa, diện tích căn hộ càng ngày càng nhô lại.

Đáp: Đất đai có hạn. Như tôi đã nói, vấn đề gắn với những thay đổi trong lối sống chứ không phải yếu tố vật chất. Trước đây người Singapore sống trong những nơi đông đúc hơn mà vẫn có nhiều con hơn.

Hỏi: Ngài có thể xây dựng tòa nhà cao đến 50 tầng.

Đáp: Anh đã đọc bài viết của Khaw Boon Wan rồi đấy. Ông ấy phụ trách vấn để này. Ông ấy nói sẽ giải quyết vấn đề trong vài năm tới. Nhưng điều đó không có nghĩa là xây dựng những căn hộ lớn hơn. Anh nói rằng hãy xây cao lên. Nhưng nếu xây cao lên, anh sẽ phải lắp những thang máy đắt đỏ hơn, chi phí lắp đặt và bảo trì cao hơn.

Hỏi: Chúng ta phải tìm cách giảm giá nhà xuống.

Đáp: Không, tôi nói rằng chúng ta phải tìm cách để làm cho

các gia đình muốn sinh thêm con. Chắc chắn là họ sẽ hạnh phúc hơn trong một căn hộ lớn hơn hoặc ít tốn kém hơn, nhưng họ sẽ vẫn chỉ sinh một con. Vấn đề nằm ở phong cách sống. Hiện tại các cặp vợ chồng không sinh đủ con để thay thế chính mình. Mức sinh đến gần nhưng không đạt mức thay thế 2,1. Và với một trong ba phụ nữ ở tuổi 30 vẫn chưa kết hôn, vậy thì ta sẽ cần những cặp kết hôn phải sinh ba con, chứ không phải hai - để bù vào phần của những người độc thần.

Hỏi: Tôi nghĩ rằng phần lớn những người chưa lập gia đình thực chất cũng muốn kết hôn. Chỉ là họ, vì một lý do nào đó, không thể tìm được đối tượng phù hợp.

Đáp: Cái "lý do nào đó" là họ có một cuộc sống thoải mái. Họ có thể nuôi sống bản thân và đủ khả năng để chờ đợi người đàn ông lý tưởng - tốt nhất là một người có thu nhập cao hơn họ. Khi người đó chưa xuất hiện, họ vẫn chưa lập gia đình.

Hỏi: Bây giờ có một số biện pháp hỗ trợ các ca thụ tinh ống nghiệm. Chúng ta có nên xem xét việc tăng các khoản trợ cấp cho hình thức nậy, nhất là khi ngày càng nhiều người kết hôn muộn hơn và có thể cần sự giúp đỡ của công nghệ học tiên tiến nhất?

Đáp: Đây là một hướng đi nguy hiểm. Anh sẽ hứng chịu mọi

loại biến chứng - tỷ lệ đa thai cao, và khi người mẹ lớn tuổi, tỷ lệ sinh non cũng cao hơn. Ngoài ra, chúng ta cần có sự dung hòa. Anh không muốn khuyến khích mọi người trì hoãn hôn nhân vì tin một cách sai lầm rằng thụ tinh ống nghiệm sẽ giải quyết vấn đề con cái

Hỏi: Giả sử xã hội Singapore thay đổi dưới tác động của người nhập cư, có thay đời nào khiến ngài lo ngại?

Đáp: Điều đó còn phụ thuộc vào những người nhập cư là ai.

Hỏi: Nếu một lượng lớn những người nhập cư là từ Trung Quốc?

Đáp: Không chỉ từ Trung Quốc, mà từ những vùng khác nhau của Trung Quốc, nên anh sẽ có một cộng đồng nhiều thứ tiếng. Đúng là họ sẽ nói tiếng phổ thông nhưng tất cả đều có nguồn gốc khác nhau và họ sẽ phải thích nghi với lối sống Singapore. Nhưng nếu họ chiếm đa số, họ có thể thay đổi chúng ta.

Hỏi: Liệu có hiệu quả không nếu chúng ta đối xử theo hướng có lợi với những người đến từ các tỉnh phía Nam Trung Quốc, vì hầu hết những người Trung Quốc ở Singapore có nguồn gốc từ miền Nam? Một số đã nhận định rằng những người nhập cư mới đến từ Phúc Kiến chẳng hạn có xu hướng hòa nhập tốt hơn so với người Trung Quốc từ phía Bắc.

Đáp: Không, chúng ta không chia theo tỉnh. Khả năng đồng hóa, sự đóng góp kinh tế và bằng cấp học thức mới là những yếu tố cân nhắc chính. Họ sẽ thay đổi trong một thế hệ. Con cái họ sẽ trở thành người Singapore. Chúng ta muốn những người thông minh và có khả năng chứ không phải là người Phúc Kiến hay Quảng Đông.

Hỏi: Giải pháp nhập cư cũng cớ tác động lên sự pha trộn sắc tộc.

Đáp: Đúng thế, chúng ta đang cố gắng duy trì cân bằng giữa các sắc tộc bởi vì chúng ta muốn có cảm giác mình phải sống hòa hợp với nhau; và nếu có một dòng người làm thay đổi cán cân này, chúng ta sẽ gặp vấn đề. Trong thực tế, đây là một trong những vấn đề đang diễn ra vì xét về mặt số lượng, người Ấn đang bắt kịp với người Mã Lai - không chỉ tính số công dân chính thức, mà tính cả những lao động thường trú nữa bởi vì chúng ta đã thuê những người làm trong lĩnh vực công nghệ cao và có cả bốn trường học của người Ấn ở đây nữa. Điều này đang gây ra nhiều băn khoăn lo lắng.

Hỏi: Liệu lượng người Ấn sẽ vượt qua người Mã Lai?

Đáp: Không, họ sẽ không vượt đâu. Chúng ta sẽ không cho phép điều đó xảy ra.

KINH TẾ

Singapore có một nền kinh tế cởi mở. Từ lúc tách khỏi Malaysia và chỉ là một thành phố cảng bị cắt đứt với khu vực nội địa, chúng tôi không còn cách nào khác để phát triển hơn là tạo ra các liên kết rất rộng với phần còn lại của thế giới. Chúng tôi đã khởi sắc từ những kết nối này để cưỡi trên làn sóng phát triển vũ bão diễn ra trên toàn cầu sau Thế chiến thứ hai. Ngày nay theo số liệu của Tổ chức Thương mại Thế giới, tỷ lệ thương mại trên GDP của chúng tôi (416%) vượt xa các nước láng giềng như Malaysia (167%) và Indonesia (47%), cũng như vượt các nền kinh tế châu Á đang theo đuổi một định hướng xuất khẩu chiến lược ngay từ những ngày đầu trong nỗ lực hiện đại hóa của họ, chẳng hạn như Đài Loan (135%), Hàn Quốc (107%) và Thái Lan (138%). Chỉ có Hông Kông (393%) là có một nền kinh tế mở như Singapore - đó là nếu tính

cả việc làm án với Trung Quốc của họ là ngoại thương.

Do sự phụ thuộc vào những kết nối này, chúng tôi sẽ luôn dễ bị tác động bởi những yếu tố nằm ngoài tầm kiểm soát - đó là những gì xảy ra ở những khu vực khác của thế giới. Chúng tôi cố gắng hết sức bảo vệ thành quả của mình để không phải chịu ảnh hưởng từ bất kỳ lực lượng bên ngoài nào. Nhưng khi sự suy thoái tác động đến các nền kinh tế trên thế giới thì thật phi lý khi trông mong Singapore không bị ảnh hưởng. Và do đó, nếu các nền kinh tế phát triển của phương Tây có thể tăng trưởng ở mức 2'3% một năm, Trung Quốc 7'8%, thì chúng tôi chỉ cần tăng trưởng với tốc độ trung bình 2-4% là đủ.

Nếu có bất ổn trong khu vực Đông Nam Á, chúng tôi cũng sẽ chịu tác động. Các tập đoàn đa quốc gia có thể coi cả khu vực này như một vùng bất ổn và họ có thể rút vốn hoặc không đầu tư thêm vào nơi này. Hiện nay, khả năng một kết cục như vậy xảy ra, may sao vẫn còn mờ nhạt. Malaysia có vẻ yên bình. Indonesia từ lâu đã bỏ đi những lời lẽ tự cao và gây hấn của thời Sukarno. Myanmar đang bắt đầu

mở cửa. Thái Lan vẫn luôn là một thị trường tự do. Cho đến giờ, khu vực này vẫn yên tĩnh và Singapore sẽ hưởng lợi nếu mọi thứ tiếp tục như vậy.

Tình hình trong nước cũng cần phải được giữ cho ổn định. Nếu Singapore trở lại những năm 1950, khi công nhân và học sinh gốc Hoa bãi khóa đình công và treo biểu ngữ khắp nơi như muốn nhắc nhở liên tục về bất ổn chính trị và tính chất chia rẽ của xã hội, thì các nguồn đầu tư sẽ đi đâu? Tại sao các nhà đầu tư nên đến đây? Các mối quan hệ công nghiệp hiện nay là tương đối tốt đẹp giống hiện trạng nhiều thập kỷ qua, nhờ sự nỗ lực của các công đoàn viên thế hệ đầu tiên như Devan Nair, những người tận tâm không chỉ vì lợi ích của công nhân mà còn hướng đến lợi ích của cả cộng đồng. Họ tìm cách dàn xếp tranh chấp lặng lẽ nhưng hiệu quả mà không làm tổn hại đến đất nước hoặc làm gián đoạn các dịch vụ thiết yếu. Đối với các công ty nước ngoài, sự yên ổn trong các mối quan hệ công nghiệp là một trong những điểm thu hút họ đến Singapore. Để tăng cường hệ thống ba bên, chúng tôi luôn có một đại diện của công đoàn trong Nội

các. Nếu sự thấu hiểu giữa chính phủ, công nhân và nhà quản lý bị phá vỡ, Singapore sẽ rơi vào vùng nguy hiểm.

Cuối cùng, chúng tôi phải bắt kịp với tình hình cạnh tranh, luôn luôn nhanh nhẹn và nhanh chóng chấp nhận thực tế mới. Trong hai đến ba thập kỷ tới, những thực tế mới này là gì, tôi không thể nói trước. Nhưng chúng tôi sẽ có lợi nếu củng cố những lợi thế mà minh đã xây dựng được trong suốt những năm qua: một lực lượng lao động có học, nói tiếng Anh như tiếng mẹ đẻ, nói tiếng Trung như ngôn ngữ thứ hai, nhà nước pháp quyền, thái độ tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ, tâm lý háo hức đón nhận công nghệ mới trong mọi lĩnh vực, tính minh bạch và không tham nhũng trong chính phủ cũng như sự dễ dàng trong làm ăn kinh doanh.

Thật không may, khi tiếp tục phát triển, chúng tôi sẽ phải đối mặt với khoảng cách thu nhập mở rộng, vấn đề này không chỉ của riêng Singapore. Trong một thế giới toàn cầu hóa, bản chất của cạnh tranh nằm ở chỗ tiền lương của những người dưới đáy bị bắt chẹt còn những người cấp cao nhất,

những người có thể đi đến nhiều nơi để làm việc và được nhiều công ty săn tìm, lại được hưởng những mức lương lớn hơn rất nhiều. Nhưng chúng tôi đang thực sự làm tốt hơn rất nhiều dù các nhà phê bình không chịu thừa nhận hết. Và dù châu Âu nổi tiếng với chế độ phúc lợi, liệu có thành phố châu Âu nào có thể cung cấp nhà ở cho hơn 80% dân số trong các tòa nhà công, và phần lớn trong số đó lại còn được sở hữu nhà riêng như chúng tôi?

Dĩ nhiên tôi không ngụ ý rằng chúng tôi có thể tự mãn về vấn đề này. Chính phủ phải giải quyết vấn đề khoảng cách thu nhập, nếu không Singapore sẽ không còn đoàn kết như một dân tộc duy nhất. Câu hỏi đặt ra ở đây là: Làm sao chúng tôi có thể giải quyết vấn đề này mà không làm tổn hại đến khả năng cạnh tranh tổng thể?

Tôi phản đối việc can thiệp quá nhiều vào thị trường tự do. Điều này làm biến dạng động cơ làm việc, tạo ra tình trạng thiếu hiệu quả mà sau này khó nhổ bỏ. Áp mức lương tối thiểu là một ví dụ của việc can thiệp này. Một giải pháp tốt hơn sẽ là cho phép thị trường tự do tự vận hành và đạt được kết

quả tối ưu nhất về tổng sản lượng kinh tế trước khi chính phủ can thiệp vào cuối quá trình đó để đánh thuế người giàu chia cho người nghèo. Singapore đang làm được điều đó ở một chừng mực nhất định. Cho đến nay, những người giàu chịu phần thuế lớn hơn rất nhiều - thuế thu nhập cá nhân, thuê hàng hóa, dịch vụ, thuế tài sản, v.v...; việc tăng mức ngân sách thu được từ thuế được dùng để giúp người nghèo thông qua việc hoàn thuế hàng hóa và dịch vụ, các khoản tiết kiệm chi tiêu điện nước, trợ cấp mua nhà công, trợ cấp lao động, đó là một trong số những chương trình mà bản chất là tái phân phối thu nhập. Nhưng chúng ta phải cẩn thận không tầng thuế quá nhiều kẻo người giàu và có điều kiện sẽ rời khỏi Singapore. Chúng ta có thể giữ lại được những người từ thế hệ cũ vi gốc gác họ đã bám trụ nơi đây. Nhưng nếu họ trẻ, tài năng và thế giới đang vẫy gọi, sự cám dỗ sẽ trở nên khó cưỡng.

Một số người cho rằng dòng người lao động nước ngoài trong thập kỷ vừa qua đã nới rộng khoảng cách thu nhập ở chỗ những người Singapore có tay nghề thấp mãi không được tăng

lương. Tôi không phủ nhận điều này đúng ở một mức độ nhất định. Tuy nhiên, thực tế của Singapore là giả sử như ngày xưa chúng tôi ngăn cản những người lao động đến đây, thì khu vực doanh nghiệp vừa và nhỏ, chiếm gần một nửa GDP của đất nước và cung cấp 70% công ăn việc làm, hẳn đã sụp đổ và để lại hậu quả thậm chí còn nặng nề hơn lên người dân địa phương có thu nhập thấp. Tất nhiên, trong hiện tại chúng ta đang đạt đến giới hạn về số lượng lao động nước ngoài vì cả hai lý do là sự khó chịu của người Singapore và khó khăn trong việc kiếm nhà ở cho họ, đó là lý do tại sao chính phủ đã chuyển sang việc cắt giảm số lượng lao động nhập cư trong vài năm qua. Những sự đánh đổi luôn xảy ra - cắt giảm quá nhiều sẽ dẫn đến suy thoái kinh tế lớn. Sự cân bằng mà chúng ta cố gắng đạt được trong vấn đề này có thể không được công chúng đánh giá cao, vi công chúng có xu hướng ủng hộ những giải pháp vừa lòng họ hơn, nhưng đã là chính phủ thì phải có trách nhiệm cảnh giác trong việc quản lý sự ổn định lâu dài của nền kinh tế.

Hỏi: Chúng ta có nên cẩn nhắc sự thay đổi chiến lược nào không khi nói đến tăng trưởng kinh tê?

Đáp: Một sự thay đổi trong chiến lược có thể làm tăng tiêu thụ trong nước, nhưng khi có một dân số nhỏ như vậy thì điều đó không có ý nghĩa gì. Trung Quốc và Ấn Độ có thể thúc đẩy tiêu dùng trong nước. Chúng ta thì không thể.

Hỏi: Có hướng đi nào trong tương lai dành cho việc phát hiện và nuôi dưỡng các ngành công nghiệp nhất định giống như những gì chúng ta đã làm với các ngành chăm sóc sức khỏe?

Đáp: Có thể có. Nhưng anh phải biết chính xác và tự tin rằng đó là ngành tăng trưởng trong đó chúng ta có thể phát triển liên tục, và chúng ta có người tài làm trong lĩnh vực đó.

Hỏi: Liệu chúng ta đã khá tự tin về các lĩnh vực chăm sóc sức khỏe khi tiến hành bước nhảy vọt?

Đáp: Không, tôi e là chúng ta chưa hẳn đã thực hiện được bước nhảy đó. Chúng ta đã đào tạo nhiều tiến sĩ để làm nghiên cứu phát triển trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, nhưng đó là một chặng đường dài từ xây dựng nghiên cứu tốt tới lúc gặt hái thành quả kinh tế.

Hỏi: Về vấn đề tăng năng suất, chúng ta tụt hậu sau nhiều

nước phát triển. Trong lĩnh vực sản xuất và dịch vụ, năng suất của Singapore chỉ bằng 55 tới 65% của Nhật Bản và Hoa Kỳ.

Đáp: Bởi vì chúng ta có số lượng lớn người nhập cư không dễ dàng hòa nhập được với lực lượng lao động trong nước và họ cũng không nói được tiếng Anh. Một số có giấy phép lao động cũng không ở lại lâu - họ rời đi sau vài năm, sau khi đã phát triển kỹ năng.

Hỏi: Chuyển sang vấn đề bất bình đẳng thu nhập. Trong quá khứ, đảng lý chúng ta có thể thực hiện nhiều biện pháp hơn để nâng cao tiền lương của những người ở phía dưới, bất chấp những khó khăn Singapore phải đối mặt có đúng không?

Đáp: Sự bất bình đẳng tồn tại bởi vì ở cấp thấp có một nguồn cung rất lớn các công nhân Trung Quốc và Ấn Độ, không phải là ở đây mà là ở Trung Quốc và Ấn Độ. Vì thế trừ khi anh có kỹ năng, nếu không khoảng cách đó sẽ mở rộng theo hướng bất lợi cho anh. Nhưng hãy tự hỏi bản thân sẽ có bao nhiêu công ty vừa và nhỏ sẽ phá sản nếu chúng ta cắt nguồn lao động nước ngoài?

Hỏi: Nhưng chẳng phải đây là tình huống luẩn quẩn con gà và quả trứng sao? Chính là bởi quả dễ dàng và rẻ tiền khi thuê người nước ngoài nên các công ty vừa và nhỏ

cứ tiếp tục dựa vào họ. Nếu ta khóa chặt vòi nước, khóa nguồn cung lao động, các công ty này sẽ tìm cách hoạt động mới. Một số công ty sẽ đóng cửa, nhưng đây là mức độ rối loạn cần thiết để từ đó nền kinh tế mới có thể tiếp tục hoạt động hiệu quả hơn.

Đáp: Anh cắt nguồn lao động nước ngoài thì anh sẽ thấy các công ty vừa và nhỏ rút lui.

Hỏi: Đó là điều xấu hay chỉ là một sự chuyển đổi cần thiết?

Đáp: Nếu các công ty vừa và nhỏ của chúng ta sụp đổ, chúng ta sẽ mất hơn một nửa nền kinh tế.

Hỏi: Theo một cách nào đó, đó là những gì chính phủ đang cố gắng làm. Họ đang cố gắng làm chậm quá trình tăng lực lượng lao động nước ngoài.

Đáp: Đúng thế, bởi vì công chúng Singapore cảm thấy không thoải mái với quá nhiều lao động nhập cư. Không phải vì lý do kinh tế. Nếu vi quan điểm kinh tế, chúng ta phải phát triển mới đúng.

Hỏi: Vậy việc này sẽ kết thúc ra sao khi chúng ta đã bất đấu thất chặt việc nhập cư lao động? Liệu nó có nghĩa là chúng ta sẽ mất đi một nửa nền kinh tê?

Đáp: Khi chúng ta dùng giấy phép lao động hạn chế lượng nhân công, nền kinh tế sẽ co lại. Nhưng chúng ta đang

giữ vững số lượng và chỉ làm chậm lại đầu vào lao động mới chứ không phải chặn đứng họ. Anh ngăn chặn họ, anh sẽ gặp rắc rối.

Hỏi: Thuế của chúng ta cũng đánh rất thấp so với nhiều nước phát triển khác. Liệu có khả năng tăng thuê?

Đáp: Nếu anh tăng thuế quá nhiều, những người giỏi nhất sẽ rời đất nước. Hiện tại chúng ta đang mất đi những người này. Nhiều sinh viên giỏi nhất của chúng ta đến Mỹ, các em được các công ty lớn săn đón và không quay trở lại. Chỉ có những người ở tuổi trung niên và già hơn mới ở lại. Họ không có sự lựa chọn. Những người nào tính cách linh hoạt cộng với dưới độ tuổi trung niên sẽ rời đi với số lượng lớn. Và nếu không có những con người Singapore chất lượng cao, nơi này sẽ không còn được như ngày nay. Nếu không có thế' hệ của tôi, sẽ không có Singapore như hiện tại. Những người như Ngô Khánh Thụy, s. Rajaratnam, Lim Kim San đã giúp xây dựng nơi đây. Nhưng trong thế giới ngày nay, họ có lẽ sẽ tới Mỹ kiếm việc làm ở Microsoft và không quay trở lại.

Hỏi: Nhưng ngài và thế hệ của ngài đã quyết định quay trở lại Singapore sau khi được đào tạo tại các trường đại học tốt nhất trên thế giới. Như vậy cũng có khả năng là

thế hệ trẻ Singapore sẽ quay trở lại nếu các em cảm thấy mình cần trở về nhà, có mục tiêu ở quê nhà?

Đáp: Thế hệ của tôi - chúng tôi không được phép ở lại Mỹ hay Anh sau khi tốt nghiệp.

Hỏi: Ngài không thể ở lại làm luật sư ở Anh?

Đáp: Không. Nếu ở lại hẳn tôi không sống nổi. Tôi không mở văn phòng luật sư ở Anh. Tôi trở lại và bắt đầu làm việc ở đây

Hỏi: Thế còn về thế hệ của Thủ tướng Lý Hiển Long? Ý tôi là, có thể quyết định trở lại không chỉ đơn thuần là vì cơ hội kinh tế.

Đáp: Không, lý do duy nhất mang người trẻ trở lại là cha mẹ của họ.

Hỏi: Đó là một lý do to tát. Nhưng còn về thì sao, cảm giác có thứ gì đó mình có thể đóng góp cho đất nước?

Đáp: Anh đang nói về một thế giới toàn cầu hóa. Thế giới mới là nơi họ kiếm sống và hưởng thụ.

Hỏi: Và có lẽ Singapore là một phần đặc biệt trong thế giới đó?

Đáp: Không. Ngày trước thế giới này chưa toàn cầu hóa. Nhưng giờ nó đã toàn cầu hóa rồi, Singapore không còn gì đặc biệt.

Hỏi: Ngài có theo dõi cuộc tranh luận khởi xướng bởi những bình luận của Giáo sư Lim Chong Yah về sự cần thiết của một cuộc cách mạng lương khác?

Đáp: Lim Chong Yah là một học giả. Ông ấy muốn khiêu khích. Giá mà ông ấy có thể đề ra một kế hoạch cụ thể kiểu như: "Nếu các ngài nghiêm túc, các ngài sẽ thực thi, và các ngài sẽ thực thi như thế này đây" Ngài thủ tướng và các bộ trưởng không coi trọng ông ấy vì một bộ trưởng đã đáp lời ông ấy và ông ấy thừa nhận rằng mình chỉ là người đá quả bóng cho người khác chạy theo thôi - chứ không phải ông ấy sẽ rê quả bóng cho đến tận khung thành.

Hỏi: Ông ấy đâu rê bóng được - ở một vị trí nhỏ như thế.

Đáp: Sao lại không, nếu ông ấy có kế hoạch, ông ấy có thể đề ra: Bước, Bước 2, Bước 3, Bước 4, Bước 5, đạt mục tiêu.

Hỏi: Khi chúng ta ngày càng trở nên một nền kinh tế tri thức, liệu có khả năng chúng ta sẽ ngày càng sống dựa vào những ý tưởng và những công nghệ thực sự sáng tạo làm biến đổi toàn cầu như Twitter và Facebook không?

Đáp: Không. Khi nào chúng ta mới sinh ra được một người như Bill Gates chứ? Chúng ta là 3 triệu người Singapore. Người Trung Quốc là 1,3 tỷ người nhưng họ

còn không sáng tạo được như người Mỹ. Ấn Độ cũng vậy. Tại sao? Nước Mỹ có những con người giỏi giang di cư đến từ thời các nhà truyền giáo, sau đó là đến những người tài ở các lĩnh vực khác.

9

TRUNG ĐÔNG

Xuân qua mà hè chưa đến

TRUNG
ĐÔNG

Khi những xôn xao của Mùa xuân Ả rập qua đi, thế giới có lẽ sẽ nhận thức rõ ràng bộ máy điều hành trong khu vực này cũng vẫn chưa có gì chuyển biến. Dù những thay đổi này có vẻ lớn lao và giật gân như báo chí đưa tin thì nhiều thập kỷ sau nhìn lại, người ta vẫn ngờ rằng liệu có thay đổi nào là thực chất, là bền vững và trở thành xu thế chung trong khu vực. Mà cái chắc chắn hơn đó là những thử nghiệm của nền dân chủ này sẽ không kéo dài được lâu. Tôi cho rằng chẳng bao lâu nữa nhiều quốc gia bước chập chững theo hướng phổ thông đầu phiếu rồi sẽ quay lại với chế độ một người cai trị hoặc độc đảng. Nói cách khác, khi xuân

đã qua thì hạ lại về, thu qua đông tới. Cuộc sống sẽ lại tiếp diễn như nó vẫn thế từ hàng nghìn năm qua.

Khu vực Trung Đông không có lịch sử bầu cử bằng phiếu bầu hay ra quyết định dựa trên cách thức đó. Họ không có truyền thống dân chủ dù là trong thời Hồi giáo cổ đại, trong lịch sử thuộc địa của thực dân gần đây, hay cả thời chủ nghĩa dân tộc hậu thuộc địa. Khi sự bảo hộ của Anh và Pháp kết thúc và khu vực này tách thành nhiều quốc gia thì tất cả các nước đều quay về chế độ một người cai trị, đây chẳng phải trùng hợp ngẫu nhiên mà nó bắt nguồn từ những lý do văn hóa và xã hội sâu sắc. Dĩ nhiên, người ta có thể lập luận rằng dù nếu dân chủ là một hiện tượng tương đối mới trong lịch sử loài người, thì nó vẫn phải khởi nguồn *ở một nơi nào đó* trong từng khu vực, và nó hẳn đã bắt rễ ở nhiều quốc gia châu Á cho dù nơi đó không thể hiện ra truyền thống dân chủ. Nhưng ở Trung Đông có một sự khác biệt quan trọng. Bên cạnh việc thiếu kinh nghiệm về hình thức chính trị có người đại diện, Trung Đông còn thiếu các yếu tố xã hội quan trọng

để hình thành nên nền tảng của nền dân chủ.

Đầu tiên là một cảm giác về quyền bình đẳng của công dân. Đó là tư tưởng mà bạn và tôi, bất chấp tất cả sự khác biệt của chúng ta về của cải, địa vị xã hội, thành tích, đặc điểm thể chất và tinh thần, v.v... đều ngang hàng nhau ở một mức độ nào đó vì một lý do không gì khác hơn đó là chúng ta đều là công dân của một quốc gia cụ thể. Chúng ta có những quyền lợi và nghĩa vụ giống nhau mà quốc gia trao cho từng công dân của mình. Chúng ta đều bình đẳng về mặt pháp lý và đạo đức. Khái niệm này nhất thiết phải đi trước sự phát triển của các hoạt động và thiết chế dân chủ. Nó phải được chấp nhận không chỉ trong giới trí thức cấp tiến mà cả trong toàn xã hội.

Nhưng những gì chúng ta thấy ở nhiều nơi vùng Trung Đông lại là hệ thống bộ lạc hoặc phong kiến. Tại Ả Rập Saudi, lãnh đạo bộ tộc dâng quà đến nhà vua mỗi năm một lần. Cũng giống như ở Trung Quốc cổ đại, nhà vua tặng lại cho họ những món quà còn giá trị hơn. Sự trung thành nằm ở những con

người bình thường đối với bộ tộc - chứ không phải trung với đất nước vì đất nước là khái niệm không tồn tại và chắc chắn cũng không phải trung thành với người dân xứ mình. Vài năm trước tôi có nói chuyện với một nhà ngoại giao Mỹ sau khi ông rời vị trí ở Ả Rập Saudi và ông cũng đồng ý với quan điểm này. Ông nói người Ả rập Saudi có hệ thống quản lý kiểu phong kiến. Tương tự như vậy, người Libya cũng khổng có một quốc gia thống nhất, cái mà họ có là sự kết hợp của nhiều bộ lạc với từng bộ lạc lại mang nặng chủ nghĩa địa phương. Trong các quốc gia dạng bộ lạc này, khi một chế độ sụp đổ, người ta sẽ chỉnh đốn lại các quy tắc tổ chức chính trị - ai được quyền quyết định điều gì và như thế nào - nhưng nền dân chủ sẽ không xuất hiện vì các đơn vị cơ bản trong chính thể không phải là công dân mà là bộ lạc.

Các nhà quan sát đã chỉ ra rằng một số nước Ả rập trở thành quốc gia theo cách hiểu hiện đại ngày nay - đáng chú ý nhất là Ai Cập, Morocco và Tunisia. Tuy nhiên, ngay cả trong những trường hợp này, có

một thành phần thứ hai không kém quan trọng mà họ còn thiếu nhưng nó lại cần thiết để nền dân chủ trưởng thành và để nhân dân chấp nhận kết quả không chỉ của cuộc bầu cử đầu tiên sau cách mạng mà còn cả các cuộc bầu cử tiếp theo. Tôi gọi thành phần này là khả năng kiếm đủ tiền để tạo ra tiến bộ kinh tế thực sự.

Họ thiếu đi khả năng này đơn giản là vì họ luôn kìm hãm người phụ nữ. Xã hội Ả rập nói chung là do nam giới thống trị. Họ không cho phép phụ nữ được đến trường, được làm việc bình đẳng như đàn ông - điều cần thiết để giải phóng tiềm năng con người và để hiện đại hóa nền kinh tế. Họ viện hết cớ này đến cớ khác để kìm hãm người phụ nữ. Vấn đề này kéo dài từ thế hệ này sang thế khác vì những phụ nữ ít học sẽ nuôi dạy nên những đứa con ít học do đứa con ở với mẹ nhiều hơn ở với cha. Trái lại, một thế hệ những người mẹ có học thức chắc chắn sẽ nuôi dạy nên một thế hệ trẻ có nhân sinh quan và thế giới quan khác biệt.

Ngay cả ở những nước Trung Đông mà phụ nữ

được đi học đại học theo tỷ lệ gần bằng với nam giới, thì họ lại bị ngăn cản theo những cách khác và không phát triển đầy đủ tiềm năng của mình. Thường là họ bị từ chối không cho theo các khóa học có uy tín như các ngành khoa học, kỹ thuật hoặc pháp luật, mà thay vào đó người ta mong họ học những nghề truyền thống "nữ tính" hơn như giảng dạy. Ngay cả khi họ tốt nghiệp hệ thống giáo dục một cách bình đẳng thì tỷ lệ tham gia lực lượng lao động đối với nữ ở nhiều quốc gia Trung Đông vẫn thua xa nam giới vì những lý do khác nhau. Một số phải chịu sự phân biệt đối xử trong công việc từ lương bổng cho đến quấy rối tinh dục. Những người khác đơn giản chỉ thấy không bõ công hằng ngày phải chiến đấu với những yếu tố bất tiện như hạn chế phụ nữ không được đi một mình ở nơi công cộng hay với những yếu tố kỳ thị của xã hội đối với những phụ nữ đã lập gia đình nhưng lại không ở nhà chăm lo nội trợ.

Các chế độ dân chủ mới không thể tồn tại lâu dài nếu thiếu sự phát triển kinh tế thực sự. Suy cho

cùng, nền dân chủ thì có nghĩa lý gì với một dân thường trên đường nếu như nó không mang lại cho anh ta những kết quả tai nghe mắt thấy? Họ cần một kết quả rõ ràng hơn việc cứ vài năm lại phải xếp hàng đi bầu, chờ đợi để đánh dấu một mảnh giấy chỉ trong vòng một, hai kỳ bầu cử, sẽ không tránh khỏi sự vỡ mộng về hệ thống, sau đó là sự trở lại một số hình thức cai trị độc tài nào đó. Tại Ai Cập, Tổ chức Anh em Hồi giáo - lần đầu lên nắm quyền[6] - dường như hiểu được sự cấp bách của nhiệm vụ trước mắt và đã gửi các đoàn đại biểu tới các nước khác để học hỏi những gì có thể giúp họ phát triển, Đó là dấu hiệu cho thấy sự nghiêm túc của họ. Nhưng liệu họ có thể thành công? Những yếu tố cần thay đổi đã bám rễ quá lâu còn thời gian để tiến hành lại quá ngắn. Trong khi tìm cách để tạo ra những cải cách sâu rộng, họ cũng sẽ phải đối mặt với những trở

[6] ** Tổng thống Mohamed Morsi đã bị quân đội Ai Cập truất quyền ngày 3 tháng 7 năm 2013.*

ngại lớn là các yếu tố mà chế độ cũ để lại. Ví dụ như khu vực hành chính sẽ đầy những người được cựu Tổng thống Hosni Mubarak bổ nhiệm trước đây. Họ vẫn là một phần không thể thiếu của hệ thống chỉ đơn giản bởi vì hệ thống sẽ không hoạt động được nếu bị tháo dỡ hoàn toàn và phải xây dựng lại từ đầu.

Khi thế giới trở nên toàn cầu hóa, các chính phủ ở Trung Đông biết họ phải phát triển cùng thời đại, dù có chậm chạp. Tại Ả rập Saudi, một nơi có những cấu trúc xã hội nặng tính Hồi giáo, phụ nữ vẫn bị bắt phải ăn mặc che kín người nơi công cộng và không được phép lái xe. Nhiều khu vực công cộng bị tách thành những khu riêng cho nam và nữ. Nhưng ngay cả trong xã hội cổ xưa này, mọi thứ cũng đang thay đổi. Chẳng hạn, Đại học Khoa học và Công nghệ Quốc vương Abdullah (KAUST) thành lập năm 2009 với mục đích trở thành một vùng đất tự do trong một quốc gia bảo thủ sâu sắc. Trường đại học này thuê Giáo sư Shih Choon Fong, người từng làm phó hiệu trưởng của Đại học Quốc gia Singapore (NUS),

làm hiệu trưởng. Trong phạm vi của nhà trường, nam và nữ được đối xử bình, đẳng và sinh viên có cuộc sống giống như trong các xã hội phương Tây. Đây là một bước tiến nhưng tôi không trông đợi các sinh viên tốt nghiệp KAUST lại có thể thay đổi được đất nước. Bạn không thể thay đổi một hệ thống phong kiến chỉ với vài người đàn ông và phụ nữ sáng láng và có học thức. Bạn đang đối phó với các giáo sĩ, các wahhabi, nhóm người mạnh nhất và bảo thủ nhất trong số các giáo sĩ ở thế giới Ả rập. Sức mạnh của họ được cố kết bởi mối quan hệ cộng sinh của họ với hoàng gia: hoàng gia được toàn quyền sử dụng nguồn của cải của đất nước trong khi các giáo sĩ có toàn quyền xử lý mọi vấn đề tôn giáo. Nhưng sau khi đã gặp Quốc vương Abdullah, tôi tin rằng hoàng gia ở Ả Rập Saudi hiểu rằng không thể nào giữ đất nước đóng băng mãi được. Họ sẽ cho phép phát triển diễn ra. Thay đổi là không thể tránh khỏi nhưng sự thay đổi đó sẽ diễn ra ở tốc độ nhanh hay chậm thì tôi không thể nói chắc. Có lẽ các chuẩn mực xã hội ở KAUST cuối cùng sẽ được mở rộng đến

toàn bộ khu vực lân cận, sau đó đến toàn bộ các thành phố.

Nhưng hiện tại, con đường dài trước mặt Trung Đông có vẻ như đầy biến động. Sau khi những thử nghiệm về quyền biểu quyết và bầu cử lắng xuống, sẽ đến vấn đề duy trì tăng trưởng bền vững và công ăn việc làm tốt cho khoảng 350 triệu người. Đó quả là vấn đề trớ trêu trong một khu vực mà nguồn tài nguyên thiên nhiên vô cùng phong phú. Tuy nhiên, nhiều nơi trong khu vực vẫn còn lờ đờ trì trệ.

Thách thức thực sự cho các nước trong khu vực này là làm thế nào để kết nối với thế giới khi các nguồn năng lượng hữu hạn của họ cạn kiệt. Họ cần phải chuyển đổi nền kinh tế giàu dầu mỏ thành các nền kinh tế có thể tự duy trì trong thời gian dài, và họ chỉ còn vài thập kỷ để làm điều đó. Họ sẽ phải nỗ lực để thay đổi nền kinh tế và tìm ra lợi thế cạnh tranh của mình trong các ngành công nghiệp không khai thác tài nguyên, có thể là trong các lĩnh vực như ngân hàng, hàng không, du lịch, sản phẩm tiêu dùng, hoặc kết hợp giữa các ngành trên. Một

cách để họ có thể làm điều này là gửi các tài năng trẻ của mình đến làm việc trong các ngành công nghiệp này ở các thành phố Mỹ và châu Âu, sau đó trở về để xây dựng tiềm lực kinh tế tương tự ở nước mình. Thật không may, sự giàu có dựa trên dầu mỏ có xu hướng sản sinh ra những người dân tin rằng thế giới phải trả tiền cho họ. Chính phủ phải làm công việc không ai muốn đó là vận động nhân dân thoát khỏi quan niệm ỷ lại bạc nhược này. Họ phải thuyết phục người dân rằng sự giàu có bằng dầu mỏ sẽ không kéo dài mãi mãi, cho dù tất cả số tiền kiếm được được cất trong một quỹ đặc biệt và được đầu tư cẩn thận. Đây là nhiệm vụ khó khăn nhất.

Vài năm trở lại đây, một quốc gia Trung Đông đã gửi một số sinh viên tới học tập tại Singapore, mong rằng thế hệ trẻ này sẽ thay đổi tư duy. Điều đó đã không xảy ra. Các sinh viên đó không tới đậy để hấp thụ nền văn hóa hay cách thức làm việc của chúng tôi. Họ chỉ tới thăm thú vui chơi. Singapore là một nơi lạ lẫm đối với họ. Họ tự nhủ: “Hãy vui chơi ở đây rồi sau đó quay về.” Tại sao còn cần làm

việc khi sự giàu có đã nằm sẵn dưới chân?

Trung Đông là một nơi tuyệt vời để tham quan với một nền văn hóa phong phú và một lịch sử lâu đời đầy hấp dẫn. Một số quốc gia nằm gần phía nam châu Âu, chẳng hạn như Morocco và Tunisia, là nơi người dân có trình độ cao và ít khép kín hơn các quốc gia Trung Đông khác.

Khi tôi tới Iran theo lời mời của Shah Mohammad Reza Pahlavi trước khi ông bị lật đổ, tôi được sắp xếp ở một trong những cung điện của Shah. Tôi vẫn còn nhớ những tấm thảm - chúng đẹp tới nổi nếu tôi có một cái, tôi sẽ đem treo lên tường để ngắm chứ chẳng dám lót chân. Nhưng ở trong cung điện, bạn cứ thế bước lên chúng. Họ có nhiều thợ dệt. Khi Shah qua thăm Singapore, ông ấy đã tặng Tổng thống Benjamin Sheares một tấm thảm lớn và tặng tôi một tấm thảm nhỏ - cả hai đều có họa tiết giống nhau và dệt bằng lụa. Tấm của tôi giờ để ở nhà con trai, dùng để trải sàn. Nhưng mọi người khi đi lên nó cũng chỉ đi chân không, và sàn nhà luôn được lau sạch.

Quốc gia ở Trung Đông mà tôi biết rõ nhất là Ai Cập. Tôi từng ở một trong các cung điện của vua Farouk khi Tổng thống Gamal Abdel Nasser Hussein mời tôi đến thăm. Nasser là một nhà hiện đại hóa sống một cuộc sống khiêm tốn, mặc dù ông đã không thành công trong việc giải phóng nhân dân mình. Ông xây dựng đập Aswan với sự giúp đỡ của Nga, đó là một thành tựu tuyệt vời vì nó kiểm soát lũ lụt và tạo ra điện năng. Họ chở tôi đi thăm đập bằng máy bay riêng và tôi ở lại đó vài ngày - một nơi hoàn toàn khô ráo và yên tĩnh. Tôi cho rằng nếu bạn đi đến sa mạc Gobi hay Grand Canyon, bạn cũng sẻ có cảm xúc giống như vậy. Sự khác biệt duy nhất là khi rời khỏi sa mạc Gobi, bạn sẽ thấy một xã hội nhộn nhịp sống và làm việc, còn khi rời khỏi Grand Canyon thì giấc mơ Mỹ đang hiển hiện trước mặt.

Hỏi: Ngài có vẻ bi quan về Trưng Đông. Nhưng còn chuyện Thổ Nhĩ Kỳ là một mô hình quốc gia theo Hồi giáo nhưng vẫn dân chủ và mở cửa với thế giới thì sao?

Đáp: Không, tôi không nói rằng các nước Hồi giáo không có khả năng điều hành quốc gia của họ. Để chế Ottoman đã rất thành công và họ là người Hồi giáo. Thổ Nhĩ Kỳ không thực sự là một phần của thế giới Ả Rập. Họ là người Thổ, là con cháu của những người Ottoman tự coi mình là những người chinh phục người Ả rập. Họ phát triển đất nước tốt hơn những nước khác chỉ bởi vì họ là những người được giáo dục cao hơn.

Hỏi: Giờ chuyển sang vấn đề Mùa xuân Ả rập với nghĩa địa chính trị của nó, một số người tin rằng người Mỹ quá vội vàng bỏ rơi Tổng thống Hosni Mubarak của Ai cập, người vốn duy trì quan hệ chặt chẽ với Mỹ. Các nhà phê bình nhìn nhận sự việc này chỉ là một dấu hiệu khác cho thấy không nên quá dựa vào Mỹ làm bạn hay đồng minh.

Đáp: Làm thế nào họ có thể cứu được Mubarak? Họ có thể gửi quân đội không? Đây là một cuộc nổi loạn trong nước. Họ sẽ đốt cờ Mỹ nếu Mỹ cố can thiệp. Vì thể điều đó không có nghĩa là người Mỹ ủng hộ anh thì anh sẽ được an toàn. Trường hợp ngoại lệ là Đài Loan, lãnh

thổ mà Trung Quốc muốn thu hồi. Hạm đội 7 Hoa Kỳ đang đứng ở Eo biển Đài Loan giữa đảo này và lục địa Trung Quốc. Nhưng ngay cả điều đó cũng sẽ không kéo dài mãi mãi.

Hỏi: Xét chung lại thì ngài thấy rằng Mỹ là người thắng hay thua sau Mùa xuân Ả rập, xét về địa chính trị?

Đáp: Tôi không thể nói là thắng hay thua được. Dù gì thì ảnh hưởng của Hoa Kỳ cũng đang suy giảm vì các chế độ chính phủ mà họ ủng hộ đã mất đi cơ sở quyền lực. Nhưng những lãnh đạo độc tài mới lên sau một thời gian sẽ lại cần hàng tỷ đô la viện trợ của Mỹ để điều hành đất nước, thế nên sức ảnh hưởng của Mỹ có thể quay trở lại. Suy cho cùng, tiền viện trợ là phần rất quan trọng trong nguồn tài chính các nước này.

Hỏi: Vậy ngài nhận thấy tác động của các cường quốc lên khu vực này là gì? Liệu Trung Đông có thể trở thành một đấu trường cạnh tranh giữa Trung Quốc và Mỹ giống như châu Á trước đây?

Đáp: Những cường quốc liên quan là ai chứ? Thế lực địa phương duy nhất muốn và có thể thống trị khu vực là Iran. Người Trung Quốc không thể đến đó vì họ ở quá xa. Còn người Mỹ sẽ chứng kiến quốc kỳ bị đốt, đại sứ bị giết chết như những gì vừa xảy ra ở Libya.

Hỏi: Vậy ngài thấy rằng Hoa Kỳ đang mất đi mối quan tâm lẫn sức ảnh hưởng của nó trong khu vực này?

Đáp: Không, Hoa Kỳ sẽ luôn quan tâm đến khu vực này vì nơi đây có nhiều tài nguyên. Người Mỹ nói rằng họ đã tìm thấy dầu đá phiến ở trong nước, và họ sẽ trở thành quốc gia độc lập về nguồn năng lượng. Nhưng vẫn còn nhiều nước không có dầu đá phiến nên dầu mỏ vẫn sẽ tiếp tục là một mặt hàng quan trọng. Anh cần dầu cho máy bay tàu biển, cho hầu hết các hình thức vận tải.

Hỏi: Người Trung Quốc hẳn cũng muốn dự phần vào nơi đáy.

Đáp: Đúng thế, nhưng họ ở quá xa khu vực này. Họ sẽ không thể phô diễn sức mạnh của mình ở đó được. Họ sẽ đến, đầu tư và khai thác tài nguyên. Đó là những gì họ đang làm ở châu Phi. Họ giúp xây dựng các hội trường và cung điện để tạo ra thiện chí từ đó họ có thể mua được thêm dầu và các nguồn tài nguyên chính yếu khác.

Hỏi: Ngài cho rằng chính sách dài hạn của Mỹ ở Trung Đông là gì?

Đáp: Mỹ sẽ chờ xem ai là người nắm quyền rồi kết thân với người đó.

Hỏi: Ngay cả khi đó là các đảng phái Hồi giáo?

Đáp: Sau một thời gian thì đúng là như thế.



Xung đột giữa Israel và Palestine là vấn đề gây rắc rối lớn nhất ở Trung Đông, một vết thương đau nhức lúc nào cũng rỉ mủ. Để kết thúc xung đột này cần phải có một giải pháp hai nhà nước: một nhà nước cho người Israel và một cho người Palestine. Phía nhà nước Palestine cũng phải có nền kinh tế và chính trị khả thi. Người dân phải cảm thấy rằng họ có cơ hội để biến nước mình thành một quốc gia thành công - chỉ khi đó họ mới quan tâm đến việc gìn giữ hòa bình trong khu vực rối ren này.

Do các chính sách ủng hộ Israel mà giới vận động hành lang người Do Thái áp lên Mỹ thành công nên giới lãnh đạo Israel luôn giữ một lập trường cứng rắn. Điều này có thể gây ra những tác dụng ngược, không thể đảo ngược được bằng tiến trình hòa bình. Ví dụ như bằng cách xây dựng các khu định cư trong các vùng lãnh thổ bị chiếm đóng,

Israel đang chậm rãi và chắc chắn thôn tính vùng đất đáng lẽ sẽ được bàn giao cho người Palestine nếu như hai bên đạt được bất kỳ thỏa thuận nào. Giới lãnh đạo bảo thủ cố chấp ở Israel tin rằng các khu định cư giúp Israel tiến lại gần hơn đường biên giới chính đáng của mình như đã được nêu trong Kinh thánh Hebrew. Họ tin rằng việc thu hồi đất là ý muốn của Chúa trời. Những khu định cư làm rối ren thêm cho hiện trạng vốn đã phức tạp. Những khu này đã khiến cho triển vọng của một thỏa thuận hòa bình trong tương lai trở nên xa xôi hơn bao giờ hết.

Trong những ngày đầu của phong trào phục quốc Do Thái, Anh quốc mới là người tích cực ủng hộ lý tưởng của người Do Thái. Họ ủng hộ việc thành lập một khu định cư cho người Do Thái ở Palestine với quan điểm là cuối cùng sẽ cho phép thành lập một nhà nước Do Thái. Tuyên bố Balfour năm 1917 đã chính thức nêu rõ sự chấp thuận của người Anh. Tuyên bố nói như sau: “Chính phủ của nhà vua đồng ý việc thành lập ở Palestine một nhà

nước cho người Do Thái và sẽ nỗ lực hết sức mình để hỗ trợ thực hiện mục tiêu này.. ” Trước khi người Do Thái đổ xô vào Palestine, số lượng người Do Thái sống ở khu vực này không đáng kể. Sau nạn diệt chủng khiến sáu triệu người Do Thái bị giết hại, sự cảm thông của châu Âu với người Do Thái lên đến mức cao nhất và các chính sách của chính phủ đều nghiêng về phía họ. Tuy nhiên, với sự xuống dốc của đế quốc Anh, người Mỹ đã nhảy vào lấp chỗ trống và nhà nước Israel thành lập năm 1948 đã xoay sang Mỹ và coi đây là đồng minh chính. Từ đó trở đi, Mỹ liên tục ủng hộ Israel.

Với mỗi ngày trôi qua, một giải pháp dài hạn cho cuộc xung đột ngày càng trở nên xa vời. Liên Hiệp Quốc đã tuyên bố các khu định cư của Israel vi phạm luật pháp quốc tế và mô tả chúng như là một âm mưu thôn tính dần dần”. Tuy nhiên, người Israel biết rằng các tuyên bố đó là vô dụng trừ khi chúng được người Mỹ nghe theo. Chẳng hạn như nếu người Mỹ chịu cắt viện trợ tài chính cho Israel - con số này đã lên tới 115 tỷ đô tính từ năm 1949 -

cũng như cắt hỗ trợ chính trị và quân sự cho tới khi việc xây dựng các khu định cư ngừng lại, thì lúc đó Israel mới không có sự lựa chọn nào khác và buộc phải nghe theo. Nếu người Mỹ không gây áp lực lên Israel thì sẽ mâu thuẫn này sẽ không thể chấm dứt.

Về lâu về dài tất cả những điều này không giúp gì cho Mỹ. Nó làm xói mòn uy tín chung của siêu cường này và khiến cho toàn bộ thế giới Ả rập thù ghét Mỹ. Kết quả là họ sẽ gặp khó khăn hơn nếu muốn đạt được mục tiêu ngoại giao trong khu vực này. Xung đột này còn là lý do muôn thuở mà những kẻ tham gia thánh chiến khai thác để tuyên truyền thu hút những chiến binh trẻ. Trên khắp Trung Đông cũng như ở những nơi khác ở châu Á, ai cũng sẽ đổ lỗi cho Mỹ và Israel khi những hình ảnh truyền hình luôn trình chiếu cảnh đau thương của người Palestine.

Xung đột Israël Palestine là trung tâm của một mạng lưới phức tạp đầy bạo lực và bất ổn ở Trung Đông. Nó giống như một căn bệnh ung thư trong hệ thống quốc tế mà nếu loại bỏ được sẽ mở đường cho

việc giải quyết nhiều vấn đề khác. Nó sẽ thay đổi bầu không khí chính trị của khu vực. Hòa bình giữa Palestine và Israel là một điều kiện cần thiết, dù chưa đủ, để mang lại một nền hòa bình rộng lớn hơn ở Trung Đông.

Nếu Mỹ có thể thể hiện thái độ trung lập mạnh hơn và sự nghiêm túc trong việc tìm kiếm giải pháp hai nhà nước thì chính phủ của nhiều quốc gia Ả rập khác - nhất là các quốc gia có đa số là người Sunni - sẽ sẵn sàng công khai hỗ trợ những chính sách của Mỹ trong khu vực này. Đây nên là ưu tiên hàng đầu của Mỹ trong khu vực.

Một quốc gia có khả năng gây nguy hiểm cho thỏa thuận hòa bình là Iran. Chính phủ Iran đã nhiều lần khẳng định quyết tâm phá hủy nhà nước Israel. Các quốc gia có đa số là người Shiite coi xung đột Israel - Palestine là cần thiết cho cuộc chiến với các nước Ả rập dòng Sunni để đảm bảo vị trí lãnh đạo tại Trung Đông của họ. Sự ly giáo giữa người Shiite và người Sunni đã kéo dài hơn một thiên niên

kỷ. Các quốc gia Ả Rập dòng Sunni đang rất nghi ngờ Iran vì ảnh hưởng của nước này lên các nhóm người Shiite thiểu số sinh sống trên khắp khu vực này. Như cựu Tổng thống Ai Cập Hosni Mubarak đã từng nói: "Người Shiite gần như luôn luôn trung thành với Iran chứ không phải với các quốc gia nơi họ sinh sống." Nước Iraq của Saddam Hussein từng là một đối trọng quan trọng với Iran trong khu vực, nhưng khi đối trọng này đã mất đi, Mỹ trở thành rào cản chính trong nỗ lực thống trị khu vực của Iran.

Các tham vọng của Iran một phần bắt nguồn từ cách nhìn nhận bản thần của họ - tự cho mình là một nền văn minh riêng biệt, hoàn toàn tách biệt với thế giới Ả rập. Người Iran rất tự hào về lịch sử dân tộc. Tôi ấn tượng trước câu trả lời của một bộ trưởng Iran trước một câu hỏi đặt ra trong một chương trình của BBC vài năm trước. Ông ấy nói: "Thực sự chỉ có hai nền văn minh ở châu Á đáng nói: Trung Quốc và Ba Tư." Điều đó phản ánh cách nghĩ của người Iran. Họ khao khát có lại những năm tháng vinh quang của đế chế xưa.

Cuộc đấu tranh địa chính trị này tác động rất lớn lên hòa bình thế giới, vì Iran tỏ vẻ rất mong muốn phát triển vũ khí hạt nhân và rất có thể sẽ gây ra một cuộc chiến tranh hạt nhân, không thì ít nhất cũng là một cuộc chạy đua vũ khí hạt nhân. Nếu Iran có một quả bom hạt nhân, Ai Cập cũng sẽ muốn có một quả - và họ có thể nhận được một quả từ người Pakistan. Điều đó sẽ dẫn đến tình hình rất bấp bênh ở Trung Đông, với bốn cường quốc hạt nhân - Ai Cập, Ả rập Saudi, Israel và Iran. Nó cũng sẽ làm tăng khả năng các nguyên liệu hạt nhân và sức mạnh hạt nhân được bán cho các nước ở những nơi khác trên thế giới, hay thậm chí là những vùng lãnh thổ chứ không phải quốc gia.

Tôi không tin rằng Israel có thể ngăn chặn Iran sở hữu vũ khí hạt nhân. Người Mỹ có thể làm công việc này, những chỉ khi họ sẵn sàng tấn công trên mặt đất, một khả năng khó xảy ra khi mới gần đây họ lại rút quân ra khỏi Iraq. Điều này đồng nghĩa với việc thế giới trở nên thiếu ổn định hơn khi một tính toán sai lầm nào đó có thể dẫn đến viễn cảnh đáng

sợ. Chúng ta rất có thể sẽ thấy việc tái sử dụng vũ khí hạt nhân sau Thế chiến thứ hai ngay tại khu vực này.

Có lẽ điều an ủi duy nhất đó là nếu như vũ khí hạt nhân được dùng đến, các đám mây phóng xạ của nó sẽ không kéo tới được khu vực Đông Nam Á này. chúng sẽ bao phủ phần lớn Trung Đông và có thể kéo tới châu Âu. Còn chúng ta nếu có cũng chỉ vài giọt mưa mây.

Hỏi: Tổng thống Obama đã nói rằng ông muốn sửa đổi luật quyền góp chính trị để hạn chế sức mạnh của các nhóm vận động hành lang nhiều tiền. Liệu điều đó có thể phần nào thay đổi tình hình?

Đáp: Điều đó sẽ không xảy ra. Cho dù ông ấy muốn làm điều đó thì cũng sẽ rất khó khăn để nó được Thượng viện và Hạ viện thông qua.

Hỏi: Sự đồng cảm của cháu Âu đối với người Palestine đang tăng lên, Điều đó có ý nghĩa gì không?

Đáp: Cảm thông thì có nghĩa lý gì? Cứ mỗi ngày đất đai của họ lại bị lấy đi. Cảm thông có giúp gì được cho họ không?

Hỏi: Về vấn đề Iran và bom hạt nhân, ngài sẽ không loại trừ khả năng là người Iran khi đã sở hữu bom sẽ dùng nó tấn công Israel?

Đáp: Tôi sẽ không loại trừ khả năng đó.

Hỏi: Nhưng cũng có một quan điểm khác cho rằng một nước Iran sở hữu bom hạt nhân tính ra lại an toàn hơn, dễ đối phó hơn một Iran không có bom, và nếu Iran vượt qua ngưỡng cửa hạt nhân này, biết đâu đó lại không phải điều xấu với khu vực này. Ngài nhìn nhận ra sao về điều này?

Đáp: Giả thiết này chỉ mang tính trấn an thôi. Nhưng tôi có thể nói rằng người Iran khổng có cùng suy nghĩ giống người Mỹ và người Nga. Ở đó, họ có thể tính toán như thế này, tôi đánh anh, anh đánh tôi, tôi lại đánh anh, rồi anh sẽ đánh lại tôi. Lần tấn công đầu tiên, rồi lần thứ hai, thứ ba... cho đến lúc cả hai chúng ta sẽ bị xóa sổ và kéo theo là cả phần lớn châu Âu. Chúng ta có hiểu được kiểu suy nghĩ lạnh lùng đó của các nước Israel, Iran và Ai Cập không? Đó mới là câu cần hỏi. Chúng ta đang nói về một hệ thống đẻ ra những kẻ đánh bom tự sát, những kẻ nói rằng: "Phải, tôi muốn chết và tôi muốn nhiều người khác cùng chết với tôi." Tôi nghĩ bất kỳ điều gì cũng có thể xảy ra.

Hỏi: Đó là một trong những lập luận Israel sẽ dùng để biện minh nếu họ tấn công phủ đầu Iran - để ngăn chặn Iran không phát triển uranium được làm giàu và không để họ phát triển thêm tiềm lực hạt nhân, Họ sẽ cho rằng tốt hơn hết là đánh phủ đầu và trì hoãn quả bom.

Đáp: Người ta cũng có vận động hành lang để ủng hộ điều này nhưng như thể cũng không giải quyết được vấn đề. Liệu anh có thể xóa sổ toàn bộ Iran? Nếu không thể thì chẳng bao lâu sau họ sẽ lại phát triển một quả bom thứ hai và anh sẽ phải tấn công lần nữa. Nhưng lần này cơ sở của họ sẽ nằm rất sâu dưới lòng đất.

Hỏi: Vậy ngài không tin rằng Israel có thể ngăn chặn Iran phát triển bom hạt nhân?

Đáp: Không. Ai cũng hiểu điều này.

Hỏi: Vậy đâu là cách tốt nhất để giải quyết vấn để này?

Đáp: Đây là câu hỏi mà 2.000 người Do Thái ở Mỹ phải trả lời. Giải pháp tốt nhất là tìm ra được cách giải quyết lâu dài cho cuộc xung đột Israel Palestine. Nhưng ngày hôm nay nó vẫn là một vấn đề nan giải.

•

Ngoài những tác động đối với hòa bình thế giới, những gì xảy ra ở Trung Đông cũng tác động lên các doanh nghiệp trong đó có cả doanh nghiệp Singapore. Các công ty Singapore vốn bản tính thận trọng nhưng cũng đang bắt đầu xâm nhập vào Trung Đông. Đây là thị trường mới với các doanh nghiệp Singapore và họ cũng đã đến trễ. Họ cảm thấy thoải mái hơn khi làm ăn ở các khu vực khác ở châu Á - Trung Quốc, Ấn Độ và Đông Nam Á, nơi họ có lợi thế cạnh tranh rõ ràng. Sự xa cách về mặt văn hóa, ngôn ngữ và địa lý với Trung Đông đã khiến các doanh nghiệp lần lữa. Nhưng họ cũng đang tìm cách tiếp cận nơi đây, một phần bằng cách làm ăn với những người An nói tiếng Ả Rập, nên nếu chúng tôi có thể làm sống lại tiếng Ả rập giữa những người Ả rập sống ở Singapore thì đây là một điều rất có lợi. Trung Đông là một thị trường đầy hứa hẹn, một thị trường mà Singapore không nên bỏ lỡ. Thà muộn còn hơn không.

Trong nhiều thị trưởng mới nổi, bạn phải đầu tư tiền và chăm sóc các khoản đầu tư đó trong nhiều năm trước khi bắt đầu kiếm được lợi nhuận. So với các thị trường này thì Trung Đông trở nên hấp dẫn vì đây là thị trường giàu có và có tiềm năng rút ngắn thời gian thu lợi. Cái khó là tìm được những cơ hội phù hợp với chuyên môn và năng lực, cũng như có các mối quan hệ giúp mang lại các mối làm ăn. Các công ty Singapore đang ăn nên làm ra ở các quốc gia Trung Đông nhỏ như Qatar và Abu Dhabi, nơi sự phân biệt đẳng cấp rõ rệt hơn. Ả rập Saudi sẽ khiến các doanh nghiệp mới gặp khó khăn hơn bởi vì cấu trúc phức tạp gồm hàng trăm hoàng tử và công chúa. Dù vậy, khi người Ả rập Saudi muốn phát triển Thành phố Kinh tế Quốc vương Abdullah rộng 168 triệu mét vuông, họ cũng đã mồi chúng tôi làm đối tác trong giai đoạn lên kế' hoạch và để tham gia vào các dự án trong ngành tài chính. Trong nhiều năm họ đã lặng lẽ đến thăm Singapore và ấn tượng trước những gì chúng tôi đã xây dựng nơi đây - một thành phố sạch sẽ, an toàn và hiệu quả.

Nhưng Trung Đông cũng là một đối thủ cạnh tranh trên trường quốc tế. Đặc biệt Dubai đang chứng minh nó là đối thủ cạnh tranh mạnh mẽ với Singapore trong các ngành công nghiệp như hàng không, du lịch, tài chính và tổ chức hội nghị. Dưới sự lãnh đạo của Sheikh Mohammed Rashid Atmaktoum, thành phố đã chuyển mình. Rõ ràng là Các tiểu vương quốc Ả rập thống nhất sẵn sàng chi tiêu rất nhiều tiền để phát triển thành phố thành một trung tâm cạnh tranh với những gì chúng tôi đang cố gắng làm ở Singapore.

Hãng hàng không của họ nổi tiếng là cố tình đưa ra giá vé rẻ hơn so với Singapore Airlines (SIA). Giữa cuộc khủng hoảng tài chính mà Emirates Airlines vẫn đặt hàng 32 máy bay Airbus A380 cho thấy hãng này giàu có đến cỡ nào. Khi hàng được giao, Emirates sẽ có hơn 90 chiếc A380 trong phi đội của minh trong khi SIA hiện tại chỉ có 19 chiếc A380 và đang đặt thêm 5 chiếc nữa.

Khi đấu thầu hợp đồng phát triển cảng London, Dubai đã chào giá thấp hơn Singapore. Chúng tôi đã

tính toán và ngừng tăng rủi ro sau một mức giá nhất định. Còn họ thể hiện quyết tâm dám đón nhận rủi ro cao hơn để thắng thầu. Nhưng chúng tôi quyết định rằng thế giới đủ lớn cho cả hai và còn nhiều cơ hội khác cho chúng tôi khám phá.

Các thị trường như Trung Đông và Nga có tầm quan trọng chiến lược đối với Singapore. Với một quốc gia mở cửa rộng với thế giới, chúng tôi phải dàn vốn ra để đảm bảo luôn thu được lợi nhuận đều đặn. Bằng cách đầu tư vào cả các nền kinh tế giàu dầu mỏ lẫn ít dầu mỏ, chúng tôi bảo vệ mình chống tại sự trồi sụt tự nhiên của thị trường quốc tế.

8

KINH TẾ TOÀN CẦU

Tiếp theo là gì?

KINH TẾ TOÀN CẦU

Hệ thống tư bản không tự nó có khiếm khuyết. Dù người ta có nói này nói kia thì cũng không nhất thiết phải lật đổ hay xây dựng lại hệ thống đó.

Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu đã giáng một cú mạnh lên nền kinh tế thế giới, vi thể không có gì ngạc nhiên khi sau đó người ta ngồi suy ngẫm lại về nguyên nhân của nó và phải làm gì để thế giới có thể tránh được một cuộc khủng hoảng như vậy tái diễn. Sau khi thoát ra khỏi một thảm họa như vậy thì cách nghĩ đó là tự nhiên và dễ hiểu.

Tuy nhiên, chúng ta không nên phản ứng thái quá. Chúng ta thường có khuynh hướng làm trầm trọng hóa những sự kiện diễn ra gần đây nhất là khi những sự kiện đó gây sốc hay đau thương, chẳng hạn như cuộc khủng hoảng 2008. Việc từ chối hệ thống tư bản viện cớ những gì đã xảy ra hay việc áp đặt những biện pháp kiểm soát nghiêm ngặt lên thị

trường tự do là những ví dụ cho thấy đây là những kết luận sai lầm, thậm chí là nguy hiểm. Như thế là vơ đũa cả nắm.

Những thay đổi bất thường của chủ nghĩa tư bản không phải Điều gi xa lạ. Chúng đã được dẫn chứng kĩ càng từ thời Karl Marx. Dựa vào bản chất của các chu kỳ kinh doanh, chúng ta chấp nhận khuynh hướng của chủ nghĩa tư bản dễ dẫn đến cực đoan vì người ta luôn đặt nặng lợi ích hơn cái giá phải trả để đạt được lợi ích đó. Hoặc điều ngược lại là nền kinh tế bị kiểm tỏa chặt chẽ như các hệ thống xã hội chủ nghĩa đã học được bài học này và ở một mức độ nào đó cả các nước kiểu dân chủ xã hội cũng thế.

Những gì chúng ta trải qua trong suốt cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008 không phải do chúng ta hiểu sai về thị trường tự do mà nó là do sự mất cân bằng gia tăng trong thị trường thế chấp dưới chuẩn. Sự thất bại của Mỹ tạo ra cơn dư chấn lan rộng khắp châu Âu và châu Á do sự liên kết toàn cầu giữa các nền kinh tế. Nhưng nước Mỹ đã hồi phục trở lại và cả nền kinh tế thế giới cũng phục

hồi cùng nó. Cuộc khủng hoảng đã làm lộ ra nhiều vấn đề ở châu Âu, khu vực mất nhiều thời gian hơn để phục hồi. Những vấn này liên quan tới sự thống nhất tiền tệ của châu lục này cũng như liên quan tới chi tiêu xã hội chứ nó không liên quan gì tới chủ nghĩa tư bản cả. Về lâu dài, thế giới sẽ tốt đẹp hơn và tăng trưởng nhanh hơn dưới chủ nghĩa tư bản vì thị trường tự do là cách thức hiệu quả nhất để tổ chức các lực lượng sản xuất trong bất kỳ xã hội nào, lịch sử đã chứng minh rõ ràng điều đó.

Một yếu tố quan trọng khiến cuộc khủng hoảng kinh tế và tài chính kéo dài và sâu sắc thêm ở Mỹ là nợ công chất chồng nhưng yếu tố đó không liên quan gì tới thị trường, hay nói cách khác là liên quan tới hệ thống tư bản cả. Vì chính phủ Mỹ cho phép nợ công cứ tăng dần đều suốt nhiều năm nên sau cuộc khủng hoảng, người ta mất hết niềm tin vào thị trường. Thái độ cẩu thả, thậm chí bất chấp đối với vấn đề nợ công và chi tiêu công là lỗi của đường lối chính trị chứ không phải lỗi của thị trường tự do.

Người ta hay chỉ trích hệ thống tư bản chủ

nghĩa ở hiện tượng "doanh nghiệp quá lớn không thể cho phá sản." Liệu các tập đoàn lớn, nhất là các ngân hàng, có thể nắm thóp được chính phủ nước sở tại bởi vì chính phủ của họ sợ rằng sự sụp đổ của các tập đoàn hay các ngân hàng lớn này sẽ ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế? Những người chỉ trích gọi điều này là ỷ thế làm liều - đó là việc các công ty lớn đầu tư những khoản rủi ro lớn vì họ tin rằng nếu vỡ nợ sẽ được nhà nước lấy tiền thuế ra bù lỗ còn nếu thành công họ sẽ thu về được khoản lợi nhuận khổng lồ.

Cho dù cách lập luận này có phần đúng nhưng cuộc khủng hoảng tài chính 2008 đã chứng minh rằng không có doanh nghiệp "đại gia" nào lại không chết. Lehman Brothers phá sản cho dù nó là ngân hàng đầu tư lớn thứ tư của Mỹ vào thời điểm đó. Đúng là nhà nước có bảo hiểm tiền gửi trong các tài khoản cá nhân, nhưng điều đó không đảm bảo rằng mọi ngân hàng đều sẽ được cứu trợ.

Liệu một ngân hàng lớn hơn với một vai trò quan trọng hơn trong hệ thống tài chính sẽ được cứu để không phá sản? Nếu như không phải

Lehman Brothers bị nạn, mà là Citibank thì sao? Tôi không tin rằng bất kỳ ngân hàng nào - ngay cả Citibank - lại được quyền tự tung tự tác khi đầu tư rủi ro cao. Liệu một ngân hàng như Citibank có được chính phủ giúp đỡ hay không còn phụ thuộc vào mức độ nghiêm trọng mà những sai lầm của họ gây ra, phụ thuộc vào tình trạng của các ngân hàng khác cũng như phụ thuộc vào bầu không khí chính trị tại thời điểm đó. Chính sự bấp bênh không chắc liệu mình có được giải cứu khi vỡ nợ có lẽ là lý do chính trong hầu hết các trường hợp khiến cho các giám đốc ngân hàng phải cân nhắc các quyết định làm ăn của mình.

Điều đó không có nghĩa là chính phủ không nên đóng vai trò gì. Có đôi khi, một số chủ doanh nghiệp là người hám lợi và điều đó khiến họ muốn hệ thống nghiêng về phía có lợi cho mình. Thách thức đối với chính phủ nằm ở việc xác định những trường hợp hám lợi này và có hành động kiên quyết chống lại chúng. Vai trò của chính phủ là tạo sân chơi càng công bằng càng tốt để tạo điều kiện cho cạnh tranh tự do và lan li mạnh. Vụ bê bối xung quanh việc điều

chỉnh Lãi suất liên ngân hàng Anh Libor là một ví dụ tương đối gần đây. Nó liên quan tới việc các ngân hàng thao túng lãi suất, làm suy giảm độ tin cậy của hệ thống ngân hàng và gây thiệt hại cho các đối tượng tham gia thị trường khác. Chủ tịch và tổng giám đốc của Ngân hàng Barclays bị buộc phải từ chức và ngân hàng này bị phạt hàng trăm triệu đô la ở cả Mỹ và Anh. Trường hợp này đã chứng minh rõ ràng các chính phủ và cơ quan quản lý không thể lơi lỏng việc quản lý hoặc giả định rằng các tổng giám đốc công ty sẽ hành xử có đạo đức khi không ai trông coi khi mà các khoản lợi nhuận khổng lồ có sức cám dỗ lớn.

Nhiều chính phủ cũng đang xem xét lại quy định của các ngân hàng thương mại và đầu tư sau cuộc khủng hoảng tài chính. Về vấn đề này tôi đồng ý với cựu chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Mỹ Paul Volcker, một người đàn ông rất sâu sắc và kinh nghiệm về tài chính và ngân hàng khi ông đưa ra quy tắc: đó là nếu chúng ta biết đặt ra giới hạn giữa các hoạt động ngân hàng mang tính thương mại bình thường với các hình thức giao dịch ngân hàng

mang tính đầu cơ và nguy hiểm thì chúng ta sẽ có được một hệ thống ngân hàng an toàn hơn. Điều này được biết đến với tên gọi là Luật Volcker. Tuy nhiên, rất khó để áp dụng luật này vào thực tế. Các ngân hàng có thể sẽ chuyển hoạt động sang các nước khác và dòng tiền sẽ chảy từ nước áp dụng Luật Volcker sang nước không có luật này. Nước Anh chẳng hạn chắc chắn sẽ không muốn siết chặt quy định lên các ngân hàng do nước này phụ thuộc rất lớn vào trung tâm tài chính London của mình. Liệu các nước khác có muốn làm giảm khả năng cạnh tranh của họ so với Anh? Tôi nghi ngờ điều đó.

Tuy nhiên, khi nói đến việc ổn định toàn bộ hệ thống kinh tế, người ta cần có sự can thiệp của chính phủ và đó cũng là điều hợp lý. Người Mỹ cố gắng ngăn chặn sức ép suy thoái bằng cách bơm thanh khoản vào nền kinh tế của mình, về cơ bản là in thêm tiền. Một cách thức tiêu chuẩn để chống lại suy thoái là nới lỏng hơn chính sách tiền tệ, dù người Mỹ cũng sử dụng một số phương pháp phi truyền thống khác, và khoản cứu trợ tài chính của Mỹ lần này phải nói là rất lớn trong lịch sử.

Tuy nhiên không phải ai cũng ủng hộ biện pháp này. Các nhà phê bình nào tán thành với quan điểm của nhà kinh tế học người Áo Friedrich Hayek tin rằng những chính sách như vậy sẽ ngăn cản việc loại bỏ những công ty làm ăn không hiệu quả, kéo dài đời sống của các công ty và ngành công nghiệp yếu kém, và rốt cuộc họ chẳng làm gì hơn là ngồi chờ đợi. Họ nói rằng đến cuối cùng nền kinh tế sẻ có sự điều chỉnh tự nhiên của nó và việc ngàn cản những điều chỉnh tự nhiên đó thông qua việc nới lỏng định lượng sẽ đem lại hai kết cục: nếu thực hiện tốt, nó cũng chỉ kéo dài quá trình điều chỉnh cần thiết này, còn không thì nó tạo ra những thiếu sót trong hệ thống và cuối cùng dẫn đến tình trạng trì trệ lâu dài, nếu không muốn nói là sau này sẽ dẫn đến một cuộc suy thoái trầm trọng hơn.

Tôi tin rằng việc có các chính sách hỗ trợ dù là về tài khóa hay chính sách kiểu Keynes về quản lý nhà nước để đối phó với cuộc khủng hoảng là cách thức đỡ gây hại nhất. Nhiều quốc gia đã thử nghe theo quan điểm của nhà kinh tế học Hayek là nhà nước không can thiệp gì vào thị trường tự do, kết

quả là hứng lấy những hậu quả tai hại trong thời kỳ Đại suy thoái. Nhờ vào hệ thống thương mại toàn cầu mang tính hội nhập cao ngày nay nên nguy cơ của việc siết chặt giao thương theo dây chuyền lan ra toàn cẩu là một viễn cảnh đáng sợ cho tất cả. Do đó, không ai muốn Mỹ xuống dốc sâu cả.

Mỹ có thể thực hiện nới lỏng định lượng vì đồng đô la là đồng tiền dự trữ của thế giới. Họ được phép nhập siêu mà không phải đối mặt với nhiều hậu quả. Còn nếu các nước khác mà nhập siêu, họ sẽ chịu rủi ro vốn chảy ra nước ngoài và tỷ giá hối đoái sụp đổ. Cái giá phải trả đối với người Mỹ là thấp vi rủi ro đáng lý họ phải chịu đã được chuyển một phần cho toàn bộ thế giới. Người Mỹ có thể đi vay với lãi suất ưu đãi hơn bởi vì các nước khác sẵn sàng dự trữ tiền mặt và tài sản bằng đô la Mỹ. Đó là lợi thế của đồng tiền dự trữ.

Người Anh trước đây cũng được hưởng những ưu đãi này vì đồng bảng một thời đã từng là tiền tệ dùng trong thương mại quốc tế, nhưng người Anh đã mất đi vị trí đó. Có lẽ một ngày kia người Mỹ cũng sẽ mất đi vị trí này. Tôi nghĩ rằng tình huống đó rất

khó xảy ra, nhưng không phải là không thể. Còn hiện tại, không có đồng tiền nào có thể thay cho đồng đô la Mỹ làm đơn vị tiền tệ dự trữ của thế giới. Đồng euro vẫn đang trong tình trạng nguy hiểm còn đồng nhân dân tệ chưa sẵn sàng.

Tôi không tin rằng Trung Quốc có thể thay thế người Mỹ. Họ có những mối bận tâm lớn hơn. Nếu để mở hoạt động chuyển khoản vốn, điều có nghĩa là bạn cho phép dòng tiền lưu chuyển tự do. Như vậy, một sự đầu tư tiền vào hoặc rút tiền ra đột ngột sẽ gây bất ổn cho nền kinh tế. Nền kinh tế Mỹ đã đủ mạnh để chống chọi được với tình trạng đó nhưng không chắc Trung Quốc sẽ muốn chịu nguy cơ rủi ro như vậy.

Để làm gì cơ chứ? Họ đang phát triển khá tốt mà không cần phải trở thành đồng tiền dự trữ. Những lợi thế đạt được không đủ lớn để biện minh cho một hành động liều lĩnh như vậy. Nếu tôi là họ, tôi sẽ không làm điều đó.

Nhà kinh tế học người Pháp Jacques Rueff đã từng là một người ủng hộ mạnh mẽ của việc quay

trở lại bản vị vàng vì ông có thể nhìn thấy những bất công của một hệ thống dựa trên đồng đô la Mỹ. Người Mỹ từ chối hợp tác và tuyên bố: "Hoặc là anh chấp nhận đồng đô la, không thì đừng có dùng nó." Vì nước Mỹ vẫn là nền kinh tế mạnh nhất nên người ta vẫn chấp nhận nó, tin tưởng rằng tình hình hiện tại sẽ kéo dài và tạo được sự ổn định chắc chắn cho hệ thống thương mại quốc tế. Bất kỳ sự thay đổi nào trong đơn vị tiền tệ dự trữ đều tạo ra một giai đoạn hỗn loạn ít nhất là trong một thời gian ngắn kể cả nếu — một chữ nếu viết hoa - vấn đề đã được giải quyết một cách hữu nghị giữa các nhà lãnh đạo của các nền kinh tế lớn.

Còn hiện tại, mối đe dọa ngắn hạn hơn nhưng to lớn hơn với tình hình kinh tế toàn cầu là sự kìm hãm tự do thương mại. Nếu cứ đi theo chủ trưởng bảo hộ công nghiệp trong nước thì sẽ không tránh khỏi suy thoái. Chúng ta không được quên rằng cuộc Đại suy thoái những năm 1930 đã trở nên trầm trọng hơn bởi khuynh hướng biệt lập không quan hệ chính trị hay kinh tế giữa một vài quốc gia. Giả dụ các chính trị gia của Mỹ, vì những toan tính bầu

cử, quyết định đánh thuế cao nhằm không cho người Trung Quốc bán phá giá thì Trung Quốc chắc chắn sẽ trả đũa lại. Một khi đi theo con đường đó thì chẳng bao lâu các đối tác thương mại khác gồm cả châu Âu và Nhật Bản sẽ bị lôi kéo vào mâu thuẫn này và cũng phải tính đến các biện pháp tương tự. Như thế toàn bộ hệ thống thương mại sẽ lung lay. Thế giới cuối cùng sẽ nghèo đi. Trong nhiều trường hợp, các nước nghèo sẽ chịu thiệt thòi nhất. Vi họ bắt đầu từ nền tảng thấp hơn nên chỉ có làm thương mại mới có thể giúp họ thành công hơn.

Các thỏa thuận thương mại tự do là con đường để tiến lên phía trước. Miễn là các nước có thể đạt được thỏa thuận thi các bên ký kết đều được lợi. Vòng đàm phán thương mại Doha sẽ mang lại lợi ích rất lớn cho tất cả các nước kể cả Singapore nếu cuối cùng các bên đạt được một thỏa thuận. Thật không may, các cuộc đàm phán không đem lại kết quả nào trong hơn một thập kỷ kể từ khi chúng bắt đầu, với trở ngại lớn nhất chính là những khoản trợ cấp nông nghiệp. Ý chí chính trị cần thiết để có thể chịu nhượng bộ trên bàn đàm phán đã không được thể

hiện ở Doha, khiến nó không thể thành công. Một số công nhân Mỹ mất việc vì công việc của họ bị chuyển sang nước ngoài và các chính trị gia thấy khó có thể giải thích được với họ rằng những điều chỉnh khác sẽ có lợi cho họ. Tuy nhiên, nếu các công ty Mỹ không chuyển hoạt động hay văn phòng đại diện ra nước ngoài thì người Đức, Pháp, Anh và Nhật sẽ làm điều đó và khiến các công ty Mỹ lâm vào thế bất lợi.

Trong khi đó, hầu hết các quốc gia đều bận rộn chuẩn bị cho các thỏa thuận về tự do thương mại song phương - đây chỉ là giải pháp thứ hai nhưng vẫn là giải pháp tốt. Cho đến nay, Singapore đã ký kết 19 hiệp định thương mại tự do FTA gồm với khu vực và song phương, bao gồm cả các FTA với các nền kinh tế lớn như Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ và Úc. Và hóa ra là chính các FTA này là yếu tố thúc đẩy tự do hóa thương mại khi mà đàm phán Doha bế tắc. Chiến lược của chúng ta đã thành công.

Hiệp định đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương (TPP), một hiệp định thương mại cấp cao giữa các nước xung quanh Thái Bình Dương cũng là

một bước phát triển đáng hoan nghênh. Nếu 12 quốc gia hiện đang tham gia đàm phán nghiêm túc thực thi cam kết mở cửa thị trường nội địa thì hiệp định này sẽ đưa thương mại của các nước này lên một tầm cao mới, nâng cao lợi ích cho hàng ngàn công ty và hàng triệu người tiêu dùng. Với việc người Mỹ đồng ý tham gia, TPP chắc chắn sẽ là một hướng đi có lợi cho mọi quốc gia liên quan.

Hỏi: Liệu có chính xác khi nói rằng ngài chấp nhận những gì đã xảy ra trong thời kỳ khủng hoảng tài chính toàn cầu là một phần tất yếu trong cách thức hoạt động của hệ thống tư bản chủ nghĩa?

Đáp: Nó là một phần tất yếu trong cách thức hoạt động của hệ thống tư bản Mỹ. Các hệ thống tư bản châu Âu lại khác bởi vì họ có nền kinh tế dựa nên phúc lợi xã hội của mình - an sinh xã hội nhiều hơn do đó ít năng động hơn. Người Anh có hệ thống chăm sóc y tế miễn phí. Giỏi nhất trong số các nước là người Đức, nhưng thậm chí người Đức cũng mang gánh nặng về phúc lợi y tế và trợ cấp thất nghiệp. Tôi không tin rằng người châu Âu có tính cạnh tranh cao như người Mỹ. Vì vậy nếu hệ thống đi đến cực đoan thì thất bại xảy ra nhưng sau đó nó sẽ hồi phục lại. Điều ngược lại là nó không đĩ đến cực đoan nhưng nó thiếu lợi thế cạnh tranh đó.

Hỏi: Nhưng bây giờ có những nhà kinh tế đang đặt ra những câu hỏi về toàn thể hệ thống tư bản chủ nghĩa. Với một số người, họ thấy rằng các chu kỳ kinh doanh đang rút ngắn lại và suy thoái đang sâu dần, điều đó chỉ ra khả năng rằng hệ thống đang cần một sự cải tổ căn bản. Nền kinh tế Mỹ đã không phục hồi hoàn toàn trong năm năm kể từ 2007 - tạo ra một trong những thời- kỳ

suy thoái dài nhất trong thời, gian gần đây.

Đáp: Tôi không thể nói được hệ thống Mỹ nên làm gì. Nhưng tôi không tin rằng phần lớn người Mỹ sẽ ủng hộ kiểu nhà nước phúc lợi của người Anh. Đó chính là lựa chọn ngược lại. Bạn không thành công. Tôi cho bạn nhà cửa, tôi cho bạn dịch vụ y tế miễn phí, bạn trả tiền học phí đại học rất thấp. Điều này đã không tạo ra được những kết quả sáng sủa lắm cho người Anh. Nhưng hiện tại họ không thể thoát ra khỏi tình hình này.

Hỏi: Cứ cho rằng đồng đô la Mỹ sẽ vẫn là đồng tiền dự trữ của thế giới trong tương lai gần, không bị thách thức bởi đồng nhân dân tệ, vậy chiến lược của Singapore trong đầu tư dự trữ là gì?

Đáp: Chúng ta sẽ tiếp tục dự trữ bằng đồng đô la Mỹ. Và nếu nhu cầu về tài nguyên thiên nhiên vẫn còn cao, chúng ta sẽ giữ một phần dự trữ bằng đồng đô la úc. Miễn là người Trung Quốc vẫn còn cần những nguồn tài nguyên khổng lồ - sắt, than đá và các tài nguyên khác - để giữ cho nền kinh tế của họ phát triển, thi điều đó sẽ đẩy giá đồng đô la úc bởi vì người Úc còn rất nhiều đất chưa khai phá, nhiều tài nguyên và dân số ít. Còn quốc gia nào khác có nguồn tài nguyên mà Trung Quốc cần? Brazil, nước sản xuất đậu nành lớn. Người Trung Quốc

cần nhiều đậu nành tới nỗi họ phải đến Brazil để nhập về. Do Brazil không giáp Thái Bình Dương nên người Trung Quốc đã thu xếp chuyển hàng qua Colombia rồi xuất sang Trung Quốc chứ không đi theo đường kênh đào Panama. Đất nước tiêu thụ các nguồn tài nguyên lớn nhất trong vài thập kỷ tới sẽ là Trung Quốc vi quốc gia này đang phát triển. Trung Quốc có dân số khổng lồ và thu nhập bình quân đầu người còn rất thấp. Nó phải đi mua những nguồn tài nguyên này vì bản thân nó không có đủ. Trung Quốc có những vùng đất vô vùng rộng lớn ở Tân Cương và Tây Tạng nhưng phần lớn rất cằn cỗi.

Hỏi: Chuyển sang vấn đề về điều tiết luồng tiền ra vào đất nước. Quan điểm của ngài vấn để này như thế nào?

Đáp: Vì là một quốc gia nhỏ nên chúng ta càng ít quy định càng tốt. Nhưng đồng thời chúng ta cũng phải duy trì một lượng dự trữ cao đề phòng trường hợp đầu cơ trục lợi thao túng thị trường như kiểu George Soros tấn công đồng tiền. Trong quá khứ ông ấy không tấn công đồng tiền của chúng ta, nhưng có lẽ đó là bởi ông ấy biết chúng ta có quá nhiều dự trữ và ông ấy có thể thua trận này.

Hỏi: Tại sao một hệ thống kinh tế tự do hơn lại có lợi cho

một đất nước nhỏ bé? Liệu không nguy hiểm sao khi chúng ta là nước nhỏ như vậy nên để bị ngập trong dòng vốn chảy vào?

Đáp: Dòng vốn chảy vào dù lớn cũng không áp đảo được. Khi người ta đầu tư vào các công ty của chúng ta và các khu xây dựng mới, đó là một dấu hiệu của sự tin tưởng.

Hỏi: Thế còn nguy cơ vỡ bong bóng tài sản thì sao?

Đáp: Họ sẽ có nguy cơ bị mất nếu họ đi quá xa, đặc biệt là nếu quá 1 nhiều người trong số họ không mua bất động sản để ở mà để đầu tư kiếm lời.

Hỏi: Nghĩa là ông đang nói rằng sẽ xuất hiện một cơ chế tự điều chỉnh?

Đáp: Về lâu về dài, đúng như thế. Mặc dù có thể có trục trặc.

Hỏi: Từ góc độ chính trị, chẳng phải điều đó sẽ gây mất ổn định trong thời gian ngắn sao?

Đáp: Đối với chúng ta sự lựa chọn là hoặc toàn cầu hóa hoặc tự cô lập. Chúng ta không phải Trung Quốc. Trung Quốc có thể giữ thế cô lập vì cơ sở quốc nội khổng lồ của nó còn chúng ta thì không thể. GDP bình quân đầu người của chúng ta là 500 USD vào năm 1965. Hiện tại là khoảng 52.000 USD. Chúng ta đâu thể đạt đến con số đó trong vòng năm thập kỷ vừa qua nếu chúng ta đã

không mở cửa. Nếu chúng ta cắt mối quan hệ với nền kinh tế quốc tế, chúng ta sẽ co lại.

Hỏi: Trong trường hợp của Malaysia, thủ tướng Mahathir Mohamad lúc đó đã đưa ra các biện pháp kiểm soát vốn trong suốt cuộc khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997. Thời điểm đó thì đây là một quyết định gây tranh cãi, nhưng bây giờ nhìn lại có nhiều học giả cho rằng đây là một quyết định cần thiết để ổn định hệ thống.

Đáp: Tôi không muốn dính vào một cuộc tranh cãi với người Malaysia về việc liệu họ có quyết định đúng hay không. Chúng ta mở cửa hệ thống kinh tế và giữ chế độ tỷ giá hối đoái thả nổi nhưng có kiểm soát. Chúng ta đã thành công. Dựa trên tình hình riêng của đất nước mình, mỗi quốc gia đều có quyền quyết định liệu việc cho phép dòng vốn và đầu tư tự do chảy vào và ra khỏi quốc gia có phải là điều có lợi cho họ hay không. Ở một số nước có hệ thống ngân hàng tài chính chưa mạnh, điều này có thể gây ra vấn đề. Trong trường hợp của Singapore, chúng ta tin rằng điều này có lợi cho đất nước. Khi nhìn vào hệ thống tài chính chưa phát triển mạnh của mình, Trung Quốc đã quyết định rằng còn quá sớm để cho phép vốn luân chuyển tự do, bởi vì họ tin rằng nó sẽ gây bất ổn cho nền kinh tế. Cho dù Trung Quốc phát

triển kinh tế tốt nhưng về lâu về dài họ sẽ phải trả giá để có được sự ổn định này, cái giá đó là việc không tận dụng được hết tiềm năng kinh tế của mình, bởi vì một khi anh đóng lại tài khoản vốn và kiểm soát dòng vốn và đầu tư chảy vào và ra, tức là anh đang làm giảm sự năng động. Sẽ có ít khoản đầu tư chảy vào hơn.

Hỏi: Người ta lo ngại rằng dòng tiền nóng chảy vào tài sản có thể hất văng người Singapore ra khỏi thị trường.

Đáp: Chúng ta hoặc mở cửa hoặc đóng cửa. Trong vòng mười năm nữa, liệu ai có thể đoán được rằng các tài sản mà người nước ngoài mua là được định giá quá cao hay quá thấp? Chúng ta để cho thị trường quyết định điều đó. Họ đầu tư vì họ tin rằng đó là nơi an toàn, nhưng trong thực tế vẫn có những rủi ro. Nếu có chuyện xảy ra thì giá nhà sẽ tụt xuống. Bất động sản không mang tính thanh khoản cao. Anh không thể trong chớp mắt mua vào bán ra được. Tiền trong ngân hàng mới có tính thanh khoản cao. Anh có thể gõ vài phím máy tính và ra lệnh "Đổi tiền của tôi sang đồng bảng hay euro" nhưng anh không thể làm điều đó với bất động sản. Trong bất kỳ trường hợp nào, chúng ta cũng đã đưa ra các quy tắc để người nước ngoài không thể dễ dàng mua bất động sản mà không cần sự chấp

thuận trước. Chúng ta cũng đã áp một mức Thuế tài sản gia tăng đối với người mua cao hơn đối với người nước ngoài.

Hỏi: Người ta trước đây thường tranh cãi rằng giá bất động sản không nên vượt quá xa so với mức tăng lương, nếu không những người lao động trung bình sẽ không thể đủ sức mua bất động sản đó. Điều đó là đúng nếu thị trường gồm chủ yếu là người dân trong nước. Nhưng khi ngài mở cửa thị trường bất động sản cho người nước ngoài là ngài đang tách rời giá bất động sản với tiền lương, và giá bất động sản thì có xu hướng tăng nhanh hơn nhiều so với tiền lương. Có nguy hiểm không nếu điều đó xảy ra?

Đáp: Nhưng người Singapore cũng thu được lợi lớn từ tài sản của mình. Nếu họ tin rằng tài sản của minh đang được định giá quá cao và rồi sẽ đến lúc giá nhà tụt xuống, vậy thì họ có thể sẽ chọn cách bán đi. Anh có thể bán nhà, thuê nhà ở tạm và chờ giá giảm. Còn nếu anh tin giá nhà sẽ tăng lên thì anh sẽ giữ lại nhà mình. Nói cho cùng đây là vấn đề tin tưởng vào một quốc gia cụ thể hay tin vào một hệ thống chính trị cụ thể.

Hỏi: Nhưng ngài chỉ có thể thanh lý tài sản khi đã sở hữu tài sản rồi. Những người mua nhà ở mới ở địa phương

không có được lựa chọn như vậy. (Lưu ý: "thanh lý" nghĩa là bán tài sản để lấy tiền, "người mua nhà ở mới ở địa thương" nói đến những người Singapore chưa sở hữu bất động sản nào.)

Đáp: Đối với những người Singapore chưa sở hữu nhà ở, họ có thể mua căn hộ diện HDB do nhà nước trợ giá, nếu họ đáp ứng các tiêu chí của HDB.

Trọng tâm của nền kinh tế thế giới đã thay đổi hẳn từ Đại Tây Dương sang Thái Bình Dương. Khu vực Thái Bình Dương ngày nay là nơi diễn ra mạng lưới thương mại lớn nhất thế giới. Không lâu trước đây nước Đức của Adolf Hitler là cường quốc thống trị thế giới về cả chính trị và công nghiệp nhưng họ đã bị đánh bại trong chiến tranh và người Mỹ trở thành cường quốc trong nhiều thập kỷ. Trong 30 năm tới, nền kinh tế lớn nhất có lẽ sẽ là Trung Quốc. Toàn bộ châu Âu kết hợp lại có thể đứng thứ hai, nhưng một châu Âu chia tách sẽ là 27 nền kinh tế riêng lẻ không thể tự định đoạt được số phận của mình. Đến lúc đó, Trung Quốc và Mỹ sẽ là những cường quốc kinh tế đưa ra những quyết định quan trọng nhất. Các nước khác sẽ theo dõi chặt chẽ xem những biến động nào trong hai nền kinh tế này có khả năng lan xa và rộng.

Bên bờ châu Á của Thái Bình Dương, mặc dù tốc độ tăng trưởng vẫn sẽ mạnh mẽ nhưng sẽ vẫn mất nhiều thập kỷ cho đến khi sức tiêu thụ ở đây tiến gần với sức tiêu thụ tại Hoa Kỳ. Lý do nằm ở văn hóa khu vực. Người Trung Quốc đã trải qua thiên tai,

chiến tranh và nhiều bấp bênh lớn khi từng cá nhân hay gia đình phải tự lực cánh sinh, sống dựa vào những di tích cóp được trong thời bình. Không dễ dàng gì thuyết phục họ trở thành những con người chi tiêu thoải mái. Tương tự, người Singapore cũng tích trữ một khoản tiền lớn vì thói quen hay đề phòng bất trắc của mình.

Tuy nhiên, châu Á là guồng máy chính tạo động lực cho GDP toàn thế giới tăng trưởng, cho dù phần lớn những gì người lao động châu Á kiếm được họ đều để dành lại cho con cho cháu. Càng về sau, chúng ta càng ít theo dõi sự lên xuống của thị trường chứng khoán và tin tức kinh tế ngân hàng ở Mỹ và châu Âu nữa mà chuyển sang theo dõi những thông tin đó ở Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật và Hàn Quốc. Hoạt động kinh tế sôi động của Trung Quốc, nhờ vào thị trường quốc nội phát triển của mình, được cho là đã giúp châu Á hồi phục nhanh trong sau cuộc suy thoái năm 2008, 2009; và đây cũng là điều báo hiệu cho những gì sắp đến. Châu Á không hẳn sẽ nhanh chóng tách rời với nền kinh tế Mỹ. Một phần lớn hàng xuất khẩu châu Á vẫn cập bến bờ

biển Mỹ. Nhưng mối quan hệ giữa châu Á và Hoa Kỳ sẽ phát triển thành một mối quan hệ cân bằng hơn, khi các chính phủ châu Á tự tin rằng họ có thể tạo ra tốc độ tăng trưởng khá ngay cả khi nền kinh tế Mỹ không bùng nổ,

Ngay cả khi sự dịch chuyển về phía Thái Bình dương diễn ra, các tiến bộ công nghệ trong truyền thông và giao thông vận tải sẽ tiếp tục thay đổi bản chất của thế giới và cách chúng ta sống và làm việc. Bây giờ chúng ta có thể liên lạc với bất cứ ai ở bất cứ đâu trên thế giới. Nhà vào internet, bạn không nhất thiết phải là người có điều kiện mới có thể cập nhật được đầy đủ các kiến thức chính xác và sâu rộng về những gì đang diễn ra ở những nơi khác trên thế giới.

Khi còn là một đứa trẻ những năm 1920, tôi mất một giờ đi xe bò từ Bedok ở phía đông của Singapore mới đến được đồn điền cao su của ông nội tôi ở Chai chee chỉ cách đó chưa đầy một cây số. Trong những năm 1930, hôi còn là sinh viên, tôi thường đứng đợi tàu đến vào các ngày thứ năm hoặc thứ sáu. Những con tàu đó phải đi mất năm đến sáu

tuần từ nước Anh đến đây, mang theo những tạp chí dành cho con trai mà tôi rất yêu thích. Hồi đó tôi phải mất ba tuần mới tới được London học đại học trên chiếc Britannic, một tàu chở hàng xuyên Đại Tây Dương mang quân đội từ Viễn Đông trở lại Anh. Khi đã ở Anh rồi, cách nhanh nhất và hiệu quả nhất để tôi có thể liên lạc với gia đình mình là thông qua thư tín mất khoảng 50 xu Singapore hay một shilling Anh. Các bức thư đó là những tấm giấy mỏng màu xanh có các mép gấp lại mà người ta có thể viết trên cả hai mặt của tờ giấy.

Còn ngày nay, một chuyến bay giữa London và Singapore chỉ mất 12 giờ chứ không phải là bốn đến năm ngày như một chiếc thủy phi cơ hồi đầu những năm 1950, phải hạ cánh ở Cairo, Karachi và Colombo trước khi đến Singapore. Nhưng nếu là máy bay siêu thanh thì chỉ mất sáu giờ. Máy bay phản lực Concorde có thể đưa hành khách từ London đến Singapore ăn trưa và trở lại London ăn tối. Đó là máy bay siêu thanh.

Không một máy bay dân sự nào hiện nay vượt qua được tốc độ của âm thanh. Tuy nhiên, những

tiến bộ công nghệ đã mang lại sự thay đổi sâu sắc. Ngày nay chúng ta có thể di chuyển từ nơi này đến nơi khác tương đối an toàn và dễ dàng. Thư tín gửi buổi sáng thi buổi tối người thân đã nhận được. Nhưng ít ai gửi thư nữa. Người ta thích gửi email hay tin nhắn điện thoại hơn với tốc độ ánh sáng. Ngay cả ở châu Phi, nông dân cũng sử dụng iPhone để cập nhật thông tin về giá ngô.

Với sự tiến bộ của công nghệ, mọi người biết được người khác đang sống ra sao. Những người nghèo nhất ở châu Á và châu Phi nhận thức rất rõ họ nghèo ra sao khi so với với người Mỹ, châu Âu cũng như với những người châu Á và châu Phi giàu có. Điều này khiến cho những người nhập cư cả hợp pháp lẫn bất hợp pháp cố gắng vượt biên giới để kiếm được việc làm tốt hơn, điều kiện sống tốt hơn ở những quốc gia giàu có hơn và cho họ nhiều cơ hội kinh tế. Dòng người di cư không ngừng chảy với những kẻ trung chuyển chuyên nghiệp giúp họ lên qua biên giới bằng đủ mọi cách và đôi khi những chuyến đi đó kết thúc một cách bi thảm - người nhập cư bị nhồi nhét trong một chiếc công-ten-nơ

có thể chết vì ngộp thở. Mong muốn di dân rất mạnh mẽ. Nó giống như nước chảy về vùng trũng, nơi mọi thứ xanh tươi, màu mỡ hơn. Nó sẽ tạo ra một thách thức rất lớn cho tương lai đường biên giới giữa các quốc gia.

Tất cả những thay đổi này mở ra những cơ hội chưa từng có cho các nền kinh tế mới nổi, đặc biệt là ở châu A. Nước nào tổ chức tốt - thông qua các chính sách thân thiện với thị trường, giáo dục, lao động chăm chỉ và pháp quyển - có thể phát triển rất nhanh nhờ vào những cơ hội dành cho họ trong một thế giới toàn cầu hóa. Mặt khác, tốc độ phát triển chóng mặt này không phải không có những khía cạnh tiêu cực.

Chúng ta nhận ra được khả năng đáng sợ của toàn cầu hóa có thể gây tổn hại nghiêm trọng tới các quốc gia là qua cuộc khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997. Yếu tố khơi ngòi là chế độ tỷ giá không bền của Thái Lan và ở một mức độ thấp hơn là của Indonesia và Hàn Quốc. Thái Lan vay ngắn hạn bằng đồng đô la và các đồng tiền khác còn đầu tư dài hạn vào nhà xưởng và bất động sản. Khi các thị

trường nhận ra rằng kim ngạch xuất khẩu của Thái Lan không đủ để trả nợ, đồng baht liền bị tấn công đầu cơ. Ngân hàng Trung ương Thái Lan đã dũng cảm chống lại thị trưởng nhưng mau chóng thấy rằng mình thiểu lượng dự trữ.

Khi người Thái kêu gọi sự giúp đỡ, Hoa Kỳ đã không đáp ứng dứt khoát. Đây là một sai lầm, vì nó đã gửi một tín hiệu đến các thị trưởng rằng người Mỹ không sẵn lòng ngăn chặn cuộc khủng hoảng vì sợ ảnh hưởng đến uy tín của mình. Điều này đã khởi đầu cho cuộc khủng hoảng tín dụng. Cuộc khủng hoảng này chỉ trong vài ngày đã lây lan sang các nước châu Á khác và nhiều ngân hàng trung ương, gồm cả ngân hàng Singapore, nhận thấy đồng tiền của họ đang bị tấn công. Các nhà quản lý tiền tệ quốc tế đã gom các nền kinh tế châu Á vào cùng một nhóm - "mới nổi" - và thậm chí cả các nước có nền tảng kinh tế vững cũng bị lung lay

Một trong những bài học kinh nghiệm của các nước châu Á rút ra từ cuộc khủng hoảng đó là việc tự do hóa nguồn vốn không nên được thực hiện vội vàng, đặc biệt là nếu hệ thống tài chính vẫn còn

mong manh hoặc sự giám sát của ngân hàng trung ương vẫn còn bất cập. Việc mở cửa với thế giới chỉ nên xảy ra sau khi nền kinh tế đã ổn định và phát triển tương đối mạnh mẽ. Ngoài ra, khi mở cửa nền kinh tế, bạn cần có lượng dự trữ tiền tệ lớn. Trong cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008, các quốc gia châu Á xoay sở để thoát ra nguyên vẹn bởi vì những nỗi sợ năm 1997 đã dạy cho họ bài học, thúc đẩy họ nhấn mạnh nhu cầu xây dựng nền tảng kinh tế mạnh mẽ, lượng dự trữ lớn, hạn chế nợ và hệ thống ngân hàng lành mạnh.

Một nhược điểm của toàn cầu hóa là nó sinh ra xu hướng bất bình đẳng. Các cá nhân xuất sắc nhất đều di cư và có thể tạo ra một cuộc sống tốt ở nhiều nơi trên thế giới. Các công ty do đó không tránh khỏi việc phải trả lương cao cho các cá nhân này nếu muốn giữ chân họ. Ngược lại, những người làm các công việc không đòi hỏi kỹ năng cao và lương thấp lại thấy mình phải cạnh tranh với hàng đống nhân công đói khát ở Trung Quốc, Ấn Độ và các nền kinh tế mới nổi khác, những người sẵn sàng làm việc chỉ để nhận một đồng lương bằng một phần nhố lương

của họ. Tiền lương trong phân khúc lao động này đương nhiên sẽ trở thành một vấn đề nhạy cảm. Một số thậm chí còn mất việc bởi vì những công việc họ đảm nhận giờ đã chuyển sang các nước có giá nhân công rẻ hơn.

Những lực lượng này đặt ra những thách thức rất nghiêm trọng đối với chính phủ của các nước.

Dù việc đối phó với vấn đề bất bình đẳng là chuyện quan trọng thì vẫn cần thừa nhận rằng sự bất bình đẳng sẽ luôn là một phần tất yếu của hệ thống tư bản chủ nghĩa đang trong quá trình toàn cầu hóa. Sự chênh lệch sẽ diễn ra, một phần vì có sự chênh lệch trong trí tuệ, nỗ lực và may mắn của người lao động, và một phần do tính cạnh tranh xuyên biên giới trong thời đại này. Nếu bạn muốn sự chênh lệch này nhỏ lại, bạn phải chuyển sang chủ nghĩa xã hội hoặc cố gắng xây tường ngăn cách xã hội của mình với phần còn lại của thế giới, và không có cách nào trên đây có thể đưa đến kết cục hạnh phúc. Khoản lương khổng lồ của các giám đốc và khoản tiền thưởng lễ tết nghe thật bất công. Nhưng nếu không có tài năng của các giám đốc đó,

liệu công ty có làm ăn thành công để đủ tiền trả cho họ khoản lương đó không? Nếu không có tài năng đó mà công ty vẫn làm ăn tốt, hay có một người giỏi không kém sẵn sàng nhận việc với một mức lương thấp hơn, đương nhiên các cổ đông sẽ không chịu trả mức lương cao như thể. Nhưng các cổ đông thấy rằng với sự điều hành hiện tại, giá cổ phiếu của họ đã tăng, vậy sao họ phải liều?

Đồng thời, xã hội cần phải duy trì sự nhận thức đúng đắn. Chủ nghĩa tư bản thuần túy không có sự quản lý sẽ rất nguy hiểm vì nó sẽ dẫn đến bạo loạn và sự sụp đổ trong khế ước xã hội. Cần phải có sự cân bằng khéo léo. Người ta cần phải tìm cách để đảm bảo rằng những người sống dưới đáy xã hội cũng phải đủ ăn đủ mặc và có cảm giác gần gũi với cộng đồng mình.

Khi tôi còn là chủ tịch của Công ty đầu tư chính phủ Singapore (GIC), đã có những nhà quản lý đầu tư trong tổ chức được trả lương cao gấp năm lần tôi. Điều đó nghe có hợp lý không? Nhưng nếu không trả cho họ mức lương đó, họ sẽ dễ dàng bỏ việc ngay hôm sau để tìm một ngân hàng đầu tư trả lương cao

hơn, bởi vì họ có trí tuệ và kỹ năng. Giả sử tôi nói với bản thân mình "Xem nào, nếu họ nhận được mức lương đó thì lương tôi đáng lẽ phải cao hơn chứ bởi vì tôi điều hành cả hệ thống cơ mà" thì sự ganh đua sẽ không kết thúc. Để gắn kết xã hội, chúng ta cần đảm bảo có sự bình đẳng và công bằng. Singapore đã thực hiện điều này khi hỗ trợ người nghèo bằng cách giảm giá dịch vụ công cộng và trợ cấp khó khăn - trong chương trình Trợ cấp Lao động - và trợ cấp khi họ mua nhà công, và nhiều việc khác nữa.

Thế giới không thể nào bước lại con đường cũ trong lịch sử. Bạn không thể nào xóa đi những phát minh về máy bay, Internet, iPhone và iPad. Bạn chấp nhận thế giới như nó đang tồn tại hiện nay và tìm cách tốt nhất để tối đa hóa của cải trong xã hội, nếu không bạn sẽ bị bỏ lại đằng sau khi mọi nơi đang thay đổi không ngừng. Thế giới không thể nào ngừng quay vì lợi ích của riêng bạn được.

Hỏi: Với các hoạt động kinh tế chuyển hướng về phía châu Á liệu ngài, trong vòng 30 năm. có chịu chấp nhận một người Trung Quốc làm chủ tịch Quỹ Tiền tệ Quốc tế hay Ngân hàng Thế giới?

Đáp: Có thể, nhưng người Trung Quốc không vội vã thúc ép gì chuyện đó. Họ đang phát triển tự tin và nhanh chóng dưới chế độ hiện tại và họ cũng không chịu thua thiệt gì khi có một phụ nữ Pháp đứng đầu IMF hay một người Mỹ nắm giữ Ngân hàng Thế giới.

Hỏi: Nếu họ thúc ép đòi quyền lực, ngài nghĩ rằng phản ứng của phương Tây là gì?

Đáp: Đến lúc muốn đòi thi Trung Quốc cũng đã đứng ở vị trí chủ nợ với các cường quốc phương Tây rồi. Các cường quốc này sẽ trở thành con nợ và tôi không nghĩ rằng họ đủ sức ngăn chặn Trung Quốc.

Hỏi: Liệu có đến một ngày Trung Quốc mệt mỏi với việc đầu tư tiền dự trữ bằng đồng đô la và kiếm được ít hơn khoản lợi nhuận bình thường.

Đáp: Cũng có thể. Họ có thể dần dần thoái vốn một cách kín đáo. Nhưng tôi không nghĩ họ sẽ cố gắng thay thế đồng đô la Mỹ.

Hỏi: Ngài nói vấn đề bất bình đẳng là một trong những vấn

để gây ra bởi quá trình toàn cầu hóa. Liệu các quốc gia nên tự thân giải quyết vấn để này?

Đáp: Trong một nền kinh tế, mỗi quốc gia phải tái cân bằng nguồn lợi giữa tầng lớp thu nhập thấp và cao bằng cách đánh thuế và trợ cấp để gắn kết xã hội lại với nhau. Nhưng nếu tính đến việc tái cân bằng nguồn lợi giữa các quốc gia thì vấn để này phức tạp hơn một chút. Anh phải có một chính phủ chung cho toàn thế giới, với các quốc gia đồng ý chuyển giao một phần thặng dư của họ cho một kho bạc thế giới hoặc một ngân hàng trung ương để hỗ trợ các nước nghèo hơn. Dĩ nhiên Điều đó sẽ không xảy ra. Người Trung Quốc với lượng tiền tiết kiệm khổng lồ của minh sẽ không nói: "Họ cũng nghèo như chúng ta hồi trước đấy, giờ chúng ta nên giúp đỡ họ" vì họ đã làm việc chăm chỉ mới tích cóp được lượng tiền đó. Và như thế, người ta đang đặt ra câu hỏi về việc gửi các khoản viện trợ sang những nước nghèo khi chính phủ các nước này yếu kém, thậm chí là tham nhũng, và tiền không được đầu tư vào các dự án cơ bản để cải thiện cuộc sống mà chảy vào túi của các chính trị gia.

Hỏi: Nhưng về mặt lý tưởng, ngài có tin là cẩn khen ngợi các quốc gia giúp nhau theo cách này không?

Đáp: Lý tưởng đối với Singapore ư? Thu nhập bình quân đầu người của chúng ta sẽ giảm từ 52.000 xuống còn 30.000 đô la Mỹ. Vậy thì tại sao chúng ta nên làm vậy? Tại sao chúng ta cần trợ cấp các nước khác? Chắc chắn những cử tri Singapore sẽ không đồng tình với chính phủ về chuyện đó.

Hỏi: Nhưng đối với sự ổn định của khu vực và thế giới?

Đáp: Không, chúng ta phải tự lo các vấn đề của mình trước. Sự ổn định phải được tạo ra bởi một lực lượng quân đội mạnh mẽ để đảm bảo rằng không ai dám đụng đến chúng ta. Nếu không, sẽ không có gì ngăn chặn được đám người đổ xô qua cây cầu nối giữa Malaysia và Singapore. Trong hai năm khi chúng ta còn là một phần của Malaysia thì toàn bộ tuyến đường sắt tràn ngập những người Malaysia. Họ xây lên những túp lều tồi tàn để ở lại đây vì đây là một khu vực đô thị và cơ sở vật chất rất tốt. Vì vậy khi chúng ta không còn thuộc về Malaysia nữa, chúng ta đã đuổi hết người Malaysia ra khỏi lãnh thổ. Bọn họ không còn là gánh nặng của chúng ta nữa.

9

NĂNG LƯỢNG & BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Chuẩn bị cho viễn cảnh xấu nhất

NĂNG LƯỢNG & BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Tôi tin chắc rằng Trái đất đang dần nóng lên vì các hoạt động của con người. Điều này dường như cũng nhận được sự đồng thuận rộng rãi của các nhà khoa học nghiên cứu vấn đề này.

Nhưng cũng có những quan điểm bất đồng, trong đó có một lập luận cho rằng sự gia tăng nhiệt độ là một phần trong chu kỳ bình thường mà trái đất thỉnh thoảng vẫn trải qua trong lịch sử 4,5 tỷ năm của nó và do đó không liên quan gì tới việc phát thải khí các bon của con người. Nếu điều đó là đúng, chúng ta cứ việc ngồi đó và chờ cho nhiệt độ giảm xuống theo chu kỳ này. Nhưng nói chung tôi tin rằng có những bằng chứng mạnh mẽ cho thấy rằng không có gì là "bình thường" trong những hiện tượng chúng ta đang trải qua ngày hôm nay. Quá trình nóng lên đang xảy ra quá nhanh. Các chỏm băng đang tan chảy trước mắt chúng ta. Tuyến

đường biển Tây Bắc dọc theo bờ biển Canada, Alaska và Nga trước đây bị băng chặn, giờ đang mở ra cho lưu thông hàng hải trong những tháng hè. Điều này chưa bao giờ xảy ra trước kia.

Hiện tượng nóng lên toàn cầu và biến đổi khí hậu đe dọa sự sống còn của con người. Điều này đòi hỏi các chính phủ phải hành động cùng nhau để cắt giảm đáng kể lượng khí thải. Thật không may, điều này khó mà xảy ra. Trong năm 2009, Hội nghị biến đổi khí hậu của Liên Hợp Quốc tại Copenhagen đã kết thúc mà không có được một thỏa thuận ràng buộc nào, bất chấp sự tập hợp các nhà lãnh đạo của tất cả các quốc gia quan trọng. Các hội nghị tiếp theo cũng không đạt được kết quả gì ngoạn mục, và tôi cũng không trông chờ các hội nghị tiếp theo sẽ có kết quả gì.

Trọng tâm của vấn đề là sự đánh đổi giữa cắt giảm lượng khí thải và phát triển nền kinh tế. Khi một chính phủ ngồi vào bàn đàm phán, họ để tính đến vấn đề tâm lý người dân trong nước trước khi chịu nhượng bộ điều gì đó. Nếu tác động lên thu nhập và việc làm là quá lớn, chính phủ đó sẽ bị hất ra khỏi vị

trí cầm quyền của mình.

Một số xã hội quan ngại hơn các xã hội khác về tác động của sự nóng lên toàn cầu và họ sẵn sàng trả cái giá cao để bảo vệ môi trường. Người châu Âu có xu hướng thuộc kiểu này. Sau Thế chiến thứ hai, tôi đã sống ở Anh bốn năm. Nơi đây có khí hậu tương đối đều đặn, ít biển đổi, cũng giống như phần châu Âu lục địa vậy. Nhưng điều đó đã thay đổi. Từ Địa Trung Hải đến Bắc Âu, những người đã quen với khí hậu ôn hòa bây giờ phải đối mặt với lũ lụt, bão táp, gió mạnh và những đợt nắng nóng gây tử vong và hủy hoại tài sản. Người châu Âu do đó hiểu rõ hơn tính cấp thiết trong việc giải quyết vấn đề khí hậu.

Người Mỹ thì lại ít bị thời tiết xấu đe dọa hơn. Đúng là họ luôn gặp lốc xoáy và bão lớn, và trong những năm gần đây các hiện tượng này ngày càng gia tăng nhưng chúng không phải vấn đề lớn đối với họ. Họ chỉ tuyên bố khu vực bị tàn phá là khu vực thảm họa, gửi đồ cứu trợ tới, các công ty bảo hiểm chi trả tiền thiệt hại, và người dân mua nhà mới, thể là xong. Việc Mỹ tiếp tục không phê chuẩn nghị định thư Kyoto khiến nhiều người nghi ngờ. Tổng

thống Barack Obama đã tuyên bố rằng biến đổi khí hậu là vấn đề ưu tiên cần giải quyết nhưng chính quyền của ông không thúc đẩy việc đề ra một bộ luật toàn diện về biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, tôi cảm nhận được là người Mỹ đang từ từ thay đổi. Sẽ mất một thời gian dài họ mới có thể thay đổi tâm lý được giống người châu Âu, nhưng họ cũng đang dần dần đi theo hướng đó. Các cuộc cách mạng khí đá phiến ở Mỹ đang khuyến khích một sự chuyển đổi từ than đá, nhiên liệu hóa thạch gây ô nhiễm nhất, sang khí đá phiến. Người Mỹ là một trong những dân tộc tiêu thụ năng lượng nhiều nhất thế giới và điều đó khiến các nước khác kỳ vọng họ sẽ phải gánh một trọng trách nào đó. Họ phải làm gương cho các nước khác.

Người Trung Quốc, Ấn Độ và các nền kinh tế mới nổi khác đã lập luận rằng lượng khí các bon mà họ thải ra trong thực tế thấp hơn so với các nước công nghiệp nếu tính trên đầu người chứ không phải tính chung cho cả nước. Các nước này cũng khao khát tăng trưởng, và họ chỉ ra rằng thật bất công khi các nước giàu có đạt được mức độ phát triển hiện nay

bằng những cách gây hại cho môi trường, vậy mà còn tìm cách áp đặt giới hạn khí thải lên các quốc gia khác đang muốn bắt kịp họ. Họ chỉ ra rằng hầu hết sự ô nhiễm tính đến thời điểm hiện tại đã được tích lũy thông qua các hoạt động của các nước phát triển chứ không phải của các nước đang phát triển. Với những lập luận như thế, tôi không hy vọng rằng vấn đề này có thể được giải quyết rốt ráo.

Và một yếu tố khiến cho vấn để này trầm trọng hơn là tổng dân số của thế giới tiếp tục tăng cao đều đặn. Dân số thế giới đã vượt mốc 7 tỷ người năm 2012 và dự kiến sẽ đạt 9 tỷ người năm 2050. Cho dù đúng là các tiến bộ công nghệ có thể cải thiện khả năng sản xuất thực phẩm và khả năng chứa đựng nhiều người trong những không gian nhỏ hơn thì đến một lúc nào đó chúng ta cũng phải đạt đến giới hạn của nó. Trái đất chỉ có thể chứa một số lượng người nhất định nào đó để không gây hại nghiêm trọng cho môi trường sống và đa dạng sinh học. Làm sao chúng ta có thể chấm dứt sự gia tăng dân số không ngừng này? Chìa khóa, theo quan điểm của tôi, nằm ở việc giáo dục phụ nữ, khiến họ muốn

có ít con hơn. Chúng ta càng sớm làm được điều này, chúng ta sẽ càng sớm có được một thế giới ít đông đúc.

Và trong lúc chờ đợi điều này xảy ra chúng ta sẽ phải làm gì?

Đầu tiên, các quốc gia cần khôn khéo đầu tư thời gian và năng lượng để chuẩn bị cho một thảm họa nhân đạo có thể xảy ra trong vài thập kỷ tới thay vì kêu gọi các nước khác cắt giảm khí thải. Họ đã có kế hoạch gì để đối mặt với việc mực nước biển tăng, thời tiết khắc nghiệt, thực phẩm khan hiếm và các vấn đề khác? Lấy ví dụ như nếu các sông băng ở Trung Á và Trung Quốc tan ra thì các thành phố ở hạ lưu sẽ là những nơi đầu tiên bị ngập lụt, sau đó là hạn hán khi nguồn cung cấp nước giảm vì không còn băng để mà tan chảy nữa. Các khu lưu vực sông sẽ không còn có thể nuôi được nhiều người như hiện nay nữa.

Hơn nữa, khi mực nước biển dâng cao, người dân sống ở các vùng trũng sẽ không còn lựa chọn nào khác ngoài việc di cư. Một nghiên cứu đã cho thấy nước dâng thêm một mét có thể làm thay đổi nơi

sinh sống của 145 triệu người trên thế giới và làm ô nhiễm nguồn nước uống của hàng triệu người khác. Những vùng đất rộng lớn hay toàn bộ một thành phố có thể bị nhấn chìm dưới nước. Sinh kế của người dân bị đe dọa bởi trong nhiều trường hợp việc di chuyển đến địa hình cao hơn đồng nghĩa với việc từ bỏ những vùng đất phù sa cần để canh tác.

Các nước giàu sẽ tìm cách đối phó điều này. Tại London, người ta đã xây nên đập chắn lũ Thames Barrier để chặn nước lại khi thủy triều dâng cao, và họ sẽ không gặp khó khăn mấy khi nâng cao đập chắn lũ. Nhưng đối với các thành phố ven biển hoặc các hòn đảo như Singapore và Maldives, giải pháp sẽ không đơn giản như thế. Di cư trong phạm vi quốc gia cũng ít rắc rối hơn di cư xuyên biên giới. Chẳng hạn như nếu các vùng ven biển của Trung Quốc bị ảnh hưởng, mọi người có thể di cư vào vùng nội địa. Các hậu quả kinh tế sẽ xảy ra nhưng hậu quả chính trị sẽ ít nghiêm trọng hơn. Tuy nhiên, trong trường hợp của Bangladesh, đất nước ở khu vực đất trũng, người dân có thể buộc phải di cư vào Ấn Độ. Đường biên giới dài và nhiều kẽ hở giữa hai nước đồng

nghĩa với việc không thể nào chặn được dòng người này. Dù gì đi nữa cũng không ai ngăn được dòng người tháo chạy để bảo vệ mạng sống của mình. Như thế, các tác động mà điều này gây ra là rất lớn. Nếu người dân di cư thành những làn sóng lớn, nguy cơ xung đột sẽ tăng đáng kể.

Thứ hai, cần chú ý rằng dù các nước do dự tại các hội nghị quốc tế, nhưng vẫn có khả năng họ sẽ có hành động bảo vệ môi trường, vì xu hướng bảo vệ môi trường không phải luôn luôn là chịu thiệt vì lợi ích của người khác. Việc giảm ô nhiễm sẽ giúp cải thiện môi trường địa phương và cuộc sống của người dân thường trong chính đất nước bạn. Việc cắt giảm lượng khí thải các bon cũng là giải pháp hợp lý trong một số trường hợp, đặc biệt là khi lượng khí thải sinh ra từ việc sử dụng năng lượng bất hợp lý hay lãng phí. Người Nhật dành nhiều thời gian nghiên cứu cách giảm thiểu năng lượng cần dùng khi chế tạo từng sản phẩm bởi vì họ hiểu rằng điều đó sẽ giúp tiết kiệm chi phí. Một ví dụ khác là việc trợ cấp nhiên liệu. Khi bạn trợ cấp, người dân có xu hướng tiêu thụ nhiều hơn là tiết kiệm. Sẽ có

lãng phí. Việc loại bỏ các khoản trợ cấp - và thậm chí có thể đánh thuế sử dụng nhiên liệu để phản ánh chi phí thực sự của nó trong xã hội - do đó sẽ là một việc làm đúng đắn cả về kinh tế lẫn vì lợi ích của môi trường.

Vì những lý do này, nhiều quốc gia đã hành động đơn phương. Điều đó giải thích sự gia tăng nhận thức về môi trường ở Trung Quốc. Họ biết rằng nếu tiếp tục sản xuất ở mức hiệu suất năng lượng hiện tại, họ sẽ không bao giờ đạt GDP bình quân đầu người của Mỹ vì đơn giản là họ không sở hữu nhiều nguồn năng lượng sẵn có. Hơn nữa, họ có thể thấy chính người dân của mình chịu đựng ô nhiễm nước và không khí còn môi trường nước họ đang thay đổi theo chiều hướng đáng sợ. Các bệnh đường hô hấp đang tăng lên. Bão cát xảy ra thường xuyên hơn. Các núi băng của cao nguyên Tây Tạng sụt xuống mỗi năm. Trong thời gian Thế vận hội Olympic vào năm 2008, họ giảm một nửa số lượng xe trên đường và đóng cửa một số nhà máy xung quanh, và kết quả là rất rõ ràng. Khi mọi người nhìn thấy kết quả đạt được thì theo thời gian, khi tiêu chuẩn sống đi lên,

chính phủ sẽ phải chịu áp lực để thực hiện các thay đổi cần thiết để cải thiện môi trường.

Ấn Độ có thể phát triển một phong trào xanh chậm hơn một chút vi nước này ít đô thị hóa và công nghiệp hóa hơn Trung Quốc và họ có ít vấn đề với môi trường hơn - nhưng họ cũng sẽ không tụt xa ở phía sau. Nhưng đối với mỗi quốc gia, nước nào rồi cũng sẽ phải hành động khi người dân đã tự thấy được hậu quả của hiện tượng nóng lên toàn cầu và cảm thấy một mối đe dọa thực sự đối với lối sống của họ - cũng giống như châu Âu. Cho đến khi hậu quả nhân tiền thì nó vẫn chỉ là một vấn đề lý thuyết.

Trong khi đó, những phát triển trong khai thác năng lượng có thể cho chúng ta thêm chút ít thời gian. Công nghệ mới cho phép khai thác khí đá phiến đã mở ra những nguồn dự trữ năng lượng khổng lồ ở Mỹ và các nơi khác. Điều này được mô tả chính xác là một cuộc cách mạng và đã thay đổi cục diện đáng kể ở nhiều mặt.

Khí đá phiến là một hình thức năng lượng sạch hơn than đá và có thể giúp giảm đáng kể lượng khí thải ra. Tổng trữ lượng năng lượng hóa thạch trên

thế giới cũng đã được tăng lên đủ cho nhiều thập kỷ, thậm chí có thể lâu hơn. Đặc biệt, khí đá phiến hứa hẹn sẽ giúp người Bắc Mỹ trở nên độc lập về năng lượng - một thành công chưa từng có. Hoa Kỳ đang xây dựng các bể chứa và cảng vận chuyển khí thiên nhiên hóa lỏng với mong muốn là thay vì phải nhập khẩu, giờ họ có thể xuất khẩu loại năng lượng này. Khí đá phiến sẽ không thể thay thế được dầu mỏ trong mọi lĩnh vực. Chẳng hạn như bạn vẫn sẽ cần dầu để chạy máy bay. Nhưng nhu cầu về dầu sẽ giảm xuống khi người ta phần nào chuyển sang khí đá phiến. Kết quả là Trung Đông sẽ trở nên ít quan trọng hơn trong vai trò nhà sản xuất dầu và sẽ mất đi quyền lực. Mối đe dọa của một cuộc suy thoái toàn cầu gây ra bởi giá dầu biến động mà thế giới phải đối mặt nhiều lần trong quá khứ thì ngày hôm nay đã giảm nhiều.

Nhưng các nhóm hoạt động môi trường cũng khó mà hoan nghênh điều này Họ muốn thế giới ngưng sử dụng nguồn năng lượng hóa thạch và thay thế bằng việc phát triển các nguồn năng lượng có thể tái tạo. Tuy nhiên, tôi không tin là bất kỳ quốc gia nào

trong thực tế có thể phụ thuộc vào các nguồn năng lượng tái tạo để đáp ứng tất cả hoặc thậm chí hầu hết các nhu cầu năng lượng của mình. Có những khu vực mà xăng dầu sẽ tiếp tục cần thiết trong thời gian dài, chẳng hạn như vận tải đường không và đường bộ. Bạn có thể chuyển sang xe điện, nhưng bạn sẽ không chuyển nếu như phải đi một quãng đường dài, và chắc chắn các xe tải hạng nặng cũng sẽ không chuyển sang dùng điện.

Tôi nằm trong Hội đồng Tư vấn Quốc tế của công ty dầu khí Total của Pháp. Công ty này thường xuyên đánh giá các nguồn năng lượng thay thế: gió, mặt trời, thủy triều và các nguồn khác. Và lần nào thì người ta cũng rút ra kết luận giống nhau: dù nhiều khu vực trên thế giới thấy rằng họ có điều kiện kinh tế thích hợp để tận dụng một nguồn năng lượng thay thế cụ thể nào đó thì sự đóng góp tổng thế của nguồn năng lượng đó cũng sẽ không đáng kể. Những nguồn này có thể đóng vai trò bổ sung nhưng chúng sẽ không bao giờ có thể thay thế các nguồn năng lượng truyền thống bởi vì chúng quá ít và không chắc chắn.

Vài năm trước, một người bạn ở Trung Quốc có kể cho tôi việc các hộ gia đình ở Trung Quốc ngày càng sử dụng phổ biến các tấm pin mặt trời, nhất là để làm nóng nước tắm. Tôi đã gửi một bức thư ngắn tới Bộ Tài nguyên nước và Môi trường để hỏi tại sao Singapore không cân nhắc việc mua các tấm pin này từ Trung Quốc nếu thực sự chúng có giá rẻ như thế. Câu trả lời tôi nhận được đó là công nghệ này chưa mang lại hiệu quả kinh tế. Chính phủ Trung Quốc trợ cấp cho việc lắp đặt các tấm pin năng lượng mặt trời và bơm tiền cho việc nghiên cứu chúng bởi vì họ quyết tâm sẽ trở thành quốc gia đi đầu thế giới trong sản xuất các tấm pin đó. Là một nước lớn, họ có đủ khả năng để làm điều đó. Trái lại, Singapore phải chờ cho giá thành hạ xuống - chúng tôi phải chọn bất cứ điều gì tốt nhất khi phân tích chi phí lợi ích.

Điều đó nghĩa là chúng ta chỉ còn năng lượng hạt nhân, một lựa chọn thay thế cho dầu mỏ và khí đốt mà lại không làm nóng trái đất. Sau sự cố hạt nhân Fukushima ở Nhật Bản, một số quốc gia trong đó có Đức đã quyết định đóng cửa các nhà máy hạt nhân

hoặc trì hoãn kế hoạch xây dựng các nhà máy mới. Những nước khác như Trung Quốc và Hàn Quốc vẫn tiếp tục chương trình hạt nhân. Còn chính Nhật Bản dường như đã đưa ra quyết định khó khăn là vẫn tiếp tục con đường hạt nhân. Trong một thế giới lý tưởng, tất cả các nước có lẽ đều muốn phi hạt nhân vì những rủi ro liên quan và những vấn đề chưa giải quyết được về xử lý chất thải phóng xạ. Nhưng trong thực tế, lựa chọn của chúng ta rất hạn chế. Về lâu dài, tôi tin rằng nhiều quốc gia sẽ từ từ nhận thấy sự hấp dẫn của nàng lượng hạt nhân. Cuộc cách mạng năng lượng đá phiến có thể đẩy năng lượng hạt nhân lùi ra xa nhưng phần đóng góp của năng lượng hạt nhân trong tổng sản lượng điện thế giới lại có khả năng tăng dần.

Tuy vậy, đến cuối cùng, mọi quốc gia phải nhận ra rằng mọi nguồn năng lượng trên thế giới đều hữu hạn. Chúng ta phải biết chấp nhận những giới hạn đó mới có thể thoải mái tinh thần để sống tiếp. Chúng ta ở trên cùng một hành tinh, số phận được ràng buộc với nhau. Do đó, việc ai chiến thắng cuộc tranh luận chẳng có gì quan trọng vì nếu thế giới

này bị hủy diệt, tất cả chúng ta đều sẽ gặp nguy nan. Tất nhiên, đến lúc mà những hậu quả hủy diệt của hiện tượng nóng lên toàn cầu thể hiện ra, có thể là trong khoảng từ 50 đến 150 năm nữa, tôi cũng như nhiều người đang sống ngày hôm nay sẽ chẳng còn trên cõi đời này. Tuy nhiên, chúng ta có trách nhiệm truyền lại cho con cháu một thế giới tràn đầy hy vọng và sức sống như lúc ta kể thừa nó.

Hỏi: Liệu các tiến bộ khoa học có thể làm giảm bớt một số tác động xấu nhất của hiện tượng nóng lên toàn cầu hay không - những tiến bộ khoa học mà chúng ta thậm chí chưa nghe nói đến?

Đáp: Cũng có thể. Các nhà khoa học có thể tìm ra cách chặn nhiệt mặt trời, chẳng hạn như xây một mái vòm lớn có thể giữ nhiệt lại trong đó rồi phản xạ nó trở lại vào bầu trời. Nhưng làm điều đó trên mặt đất thì dễ chứ còn trên sông, trên biển thì xây thế nào?

Hỏi: Ngài có dự đoán sẽ có những hoạt động quyết liệt hơn trên vùng biển Hoa Đông liên quan tới dầu và khí đốt không?

Đáp: Việc khoan dầu vẫn chưa bắt đầu nên không ai thực sự biết có gì bên dưới mặt biển. Nhưng tôi không cho xung đột về đảo Điếu Ngư hay Senkaku là về dầu. Vấn để này thiên về chủ quyền và danh dự quốc gia nhiều hơn. Tôi tin rằng tranh chấp đó sẽ không được giải quyết triệt để vì cả hai bên không có lý nào lại để tranh chấp đó ảnh hưởng tới các quan hệ kinh tế của mình. Từ quan điểm của Nhật Bản, đây là vấn đề không đáng để họ phải rút vốn ra khỏi các khoản đầu tư ở Trung Quốc. Còn người Trung Quốc cần những khoản đầu tư dù cho họ có làm ầm ĩ lên vé' tranh chấp này. Hai nước sẽ không đi đến chiến tranh. Nhưng giả sử người ta tìm

thấy dầu và khí ở vùng đặc quyền kinh tế thuộc đảo này thì điều đó có thể gây ra chuyện lớn vì Trung Quốc đang đói năng lượng.

Hỏi: Liệu Singapore có gặp vấn để là người dân từ các nước khác đổ xô đến bờ biển nước ta khi mực nước biển xứ họ đang dâng cao không?

Đáp: Đúng ra là chúng ta sẽ đổ xô tới bờ biển nước khác. Anh cứ thử tàng mực nước biển lên một hai mét thử xem là sẽ thấy ngay chúng ta mất đi nhiều đất đai thế nào. Ngay cả nơi cao ráo như Bukit Timah Hill cũng sẽ chẳng còn lại bao nhiêu đất đai.

Hỏi: Singapore xem xét ý tưởng xây dựng một bức tường ngăn biển ra sao?

Đáp: Khi tình hình trầm trọng, chúng ta sẽ phải xây tường. Thực ra chúng ta cũng đã mời các chuyên gia từ Hà Lan đến xem xét tình hình và họ nói đê chắn nước sẽ không hiệu quả. Chúng ta buộc phải xây tường biển. Ở Hà Lan họ có vùng đất trũng còn ở đây đất đai chúng ta vẫn nằm trên mực nước biển. Vấn đề đối với chúng ta làm tìm cách giữ được một cảng biển bên ngoài bức tường đó.

Hỏi: Một số người cho rằng Singapore đang tiến triển quá chậm trong vấn đề bảo vệ môi trường. Tất nhiên là

chúng ta phải cân nhắc các chi phí khi áp dụng một số biện pháp bảo vệ nhưng ngài có cảm thấy là Singapore có thể tiến triển nhanh hơn trên mặt trận này?

Đáp: Chúng ta chỉ là một đầu thủ nhỏ trong đấu trường quốc tế mà bất cứ điều gì chúng ta làm sẽ chẳng tạo ra được sự khác biệt là bao với sự nóng lên toàn cầu. Chúng ta chỉ thải ra 0,2% tổng lượng khí thải trên thế giới. Tuy thế, Singapore cũng đã có những bước đi đầy tham vọng và có ý nghĩa trong nước chẳng hạn như chuyển sang dùng khí thiên nhiên để phát điện, đặt ra giới hạn cho số lượng xe cộ gia tăng và thu phí sử dụng xe cộ, áp dụng các biện pháp sử dụng năng lượng hiệu quả,

Hỏi: Nhưng nếu ngài vẫn còn làm trong chính phủ, liệu ngài sẽ thúc đẩy vấn đề này mạnh mẽ hơn?

Đáp: Tôi sẽ cho tiến hành nghiên cứu và tính toán cẩn thận các lựa chọn đưa ra. Nhưng chúng ta phải tính đến việc người Singapore luôn để ý đến chi phí. Họ không quan tâm năng lượng đến từ đâu, họ chỉ muốn biết nguồn năng lượng nào rẻ nhất. Chúng ta đã từng thử thuyết phục họ chuyển sang lái xe lai chạy bằng xăng lẫn điện nhưng loại xe này lại tốn chi phí nhiều hơn dù đã được giảm thuế, nên mọi người lại quay về lái những chiếc xe chạy xăng truyền thống. Chính phủ chỉ có thể làm một việc là ban hành luật. Ví dụ như nếu có một loại xe

lai hiệu năng nào đó xuất hiện, chúng ta có thể yêu cầu tất cả mọi người chuyển sang đi xe lai hay đi xe điện.

Hỏi: Ngài có thấy vấn đề môi trường đang trở thành một vấn đề chính trị quan trọng ở Singapore, đặc biệt là trong cộng đồng những người Singapore trẻ?

Đáp: Không. Tại sao nó lại trở thành một vấn đề chính trị chứ?

Hỏi: Thế còn tư tưởng muốn bảo tồn không gian xanh và muốn bảo vệ môi trường? Ngài có tiên đoán sự xuất hiện của nhiều nhóm vận động và lợi dụng vấn đề này làm lý tưởng chính trị?

Đáp: Không, không có khả năng đó. Chính phủ nước ta giữ gìn không gian xanh và những khoảng không mở cũng cẩn thận không kém bất kỳ tổ chức phi chính phủ nào.

Hỏi: Năm 2012, dân chúng có phần đối về việc di dời các ngôi mộ ra khỏi nghĩa trang Bukit Brown để xây dựng đường giao thông.

Đáp: Đó chỉ là vấn để tình cảm thôi.

Hỏi: Một trong những lập luận mà những người phản đối đưa ra là về hệ động thực vật nơi, này.

Đáp: Không, không. Nó không chỉ là về môi trường sống mà là về những ngôi mộ và những lý do đều là cảm tính -

tổ tiên của anh được chôn cất ở đây, tên tuổi của những người quá cố lẫn con cháu của họ, cũng như nơi đây gợi nhớ về quá khứ của chúng ta. Nhưng chúng ta cũng đã đào nghĩa trang Bidadari lên và xây dựng trên nó khi chúng ta cần đấy thôi. Thế nên nếu cần đất, và phải xới tung toàn bộ Bukit Brown để xây dựng, và đặt tro cốt nơi nhà lưu tro cốt, thì chúng ta cũng sẽ làm điều đó.

10

ĐỜI SỐNG RIÊNG

Trước lúc ra đi

ĐỜI SỐNG RIÊNG

Lịch trình hằng ngày của tôi là: thức dậy kiểm tra email, đọc báo, tập thể dục rồi ăn trưa. Sau đó tôi đến văn phòng ở Istana, giải quyết giấy tờ, viết báo hoặc soạn các bài phát biểu. Vào các buổi chiều và tối, đôi khi tôi có các cuộc phỏng vấn với báo chí, sau đó tôi học tiếng Trung với giáo viên khoảng một hai giờ.

Tôi có thói quen tập thể dục hằng ngày. Ở tuổi 89, tôi vẫn ngồi dậy được và đi đứng mà không cần chống gậy. Khi còn ở tuổi 30, tôi thích hút thuốc và uống rượu bia. Rồi tôi bỏ hút thuốc vì nó khiến tôi bị mất giọng khi đi vận động bầu cử. Đó là trước khi y học phát hiện ra thuốc lá gây ra ung thư phổi, ung thư vòm họng và nhiều bệnh khác. Và kỳ lạ là sau

khi bỏ xong tôi lại đâm ra dị ứng với khói thuốc lá. Còn việc uống bia rượu đã cho tôi một cái bụng bia lộ rõ trong những bức ảnh đăng trên báo. Tôi bắt đầu chơi gôn nhiều hơn để giữ dáng nhưng sau đó chuyển sang chạy bộ và bơi lội vì hai môn này đỡ tốn thời gian hơn. Bây giờ thi tôi đi bộ trên máy ba lần một ngày - 12 phút vào buổi sáng, 15 phút sau bữa trưa và 15 phút sau bữa tối. Trước khi ăn tối, tôi thường bơi từ 20 đến 25 phút. Nếu không tập luyện như vậy, tôi sẽ không thể khỏe mạnh được như thế này. Thể dục cũng phải có tính kỷ luật.

Tôi cũng thu xếp các cuộc hẹn với nhiều người. Bạn phải gặp gỡ mọi người thì mới có thể mở mang tầm nhìn. Bên cạnh việc gặp gỡ những người ở Singapore, tôi còn gặp những người từ Malaysia, Indonesia và đôi khi là từ Trung Quốc, châu Âu và Hoa Kỳ. Tôi cố gắng không chỉ gặp bạn cũ hay các nhà lãnh đạo chính trị mà còn gặp nhiều người ở nhiều lĩnh vực khác nhau như các học giả, doanh nhân, nhà báo và người dân thường.

Tôi giảm nhiều chuyến đi nước ngoài vì tôi hay mệt mỏi do chênh múi giờ, nhất là khi sang Mỹ. Cho

đến năm 2012, tôi vẫn đến Nhật Bản mỗi năm một lần để nói chuyện tại Hội nghị Tương lai của châu Á - bây giờ đã vào năm thứ 19, do tập đoàn truyền thông Nhật Bản, Nihon Keizai Shimbun (Nikkei) tổ chức. Ngày xưa có lúc gần như mỗi năm một lần tôi lại đi Trung Quốc, nhưng giờ thi họa hoằn lắm tôi mới đến Bắc Kinh vì thành phố này giờ ô nhiễm quá. Nhưng các nhà lãnh đạo đều ở đó nên tôi phải đi đến đó mới gặp được họ. Hội đồng quốc tế của tập đoàn JP Morgan, nơi mà tôi làm việc, đã dành cho tôi vinh dự khi tổ chức cuộc họp thường niên năm 2012 của họ ở Singapore, và cả Ban Cố vấn quốc tế của hãng Total cũng họp nơi này. Tôi vẫn đi đến Pháp được. Chỉ mất một chuyến bay thẳng 12 tiếng trên một chiếc Airbus 380 là có thể đến Pháp hoặc ngược lại. Nhưng đến New York thì mệt hơn, nhất là do sự thay đổi về thời gian, từ đêm thành ngày và từ ngày thành đêm. Đi du lịch nước ngoài giúp tôi mở mang tầm nhìn. Tôi thấy các nước khác đang phát triển ra sao. Không một quốc gia hay thành phố nào có thể đứng yên một chỗ. Tôi đã thấy London và Paris thay đổi hết lần này đến lần khác.

Nhưng việc không còn tại nhiệm nữa khiến tôi ít nắm được thông tin hơn về tình hình hiện tại và những áp lực khiến đất nước cần phải thay đổi. Do đó, nói chung tôi tán đồng với quyết định của các bộ trưởng. Tôi hiếm khi thể hiện quan điểm trái chiều - ít nhất cũng ít khi hơn so với hồi còn tại nhiệm và hôi còn tham gia các cuộc họp nội các để có thể dự phần vào các cuộc tranh luận.

Thỉnh thoảng, khi tôi thực sự không đồng ý với một điều gì đó, tôi sẽ thể hiện quan điểm của mình cho Thủ tướng biết, chẳng hạn như khi chính phủ tìm cách phát sóng trở lại những chương trình nói tiếng Trung giọng địa phương trên cách kênh phát sóng miễn phí. Người ta đề xuất thế này: "Tiếng Quan thoại giờ đã phổ biến trong quần chúng. Giờ chúng ta hãy phát những chương trình tiếng địa phương để người già có thể coi những bộ phim bằng tiếng địa phương của họ." Tôi phản đối. Tôi chỉ ra cho họ rằng lúc còn làm thủ tướng, tôi đã trả một cái giá đắt khi ngưng phát sóng các chương trình tiếng địa phương này để khuyến khích tất cả mọi người cùng nói tiếng phổ thông. Vậy tại sao lại bước lùi?

Tôi đã phải chống lại cả một thế hệ người Hoa bị cắt mất những chương trình tiếng địa phương yêu thích của họ. Có một người đọc truyện trên đài phát thanh Rediffusion rất được yêu mến tên là Lee Dai Sor, thế mà chúng tôi còn ngang nhiên cắt chương trình của ông ấy được. Vậy tại sao tôi lại cho phép tiếng Quảng Đông hay Phúc Kiến ảnh hưởng sang các thế hệ sau cơ chứ? Nếu đưa các thứ tiếng địa phương trở lại, bạn sẽ thấy những người thể hệ trước bắt đẩu nói tiếng địa phương với con cháu họ. Tiếng địa phương sẽ len lỏi vào lại cuộc sống, từ từ nhưng chắc chắn.

Mỗi quốc gia cần một ngôn ngữ mà mọi người đều hiểu được. Chỉ riêng việc hợp nhất bốn ngôn ngữ mà người Anh để lại cho chúng tôi đã khó khăn lắm rồi. Các trường người Hoa, nơi phần lớn học sinh theo họ là người Trung Quốc, rất tự hào về thứ tiếng của mình, nhất là với sự nổi lên của một Trung Quốc cộng sản mới từ năm 1949. Tôi đã phải chiến đấu trên nhiều mặt trận để biển tiếng Anh thành ngôn ngữ của tất cả các trường học còn tiếng mẹ đẻ của họ là ngôn ngữ thứ hai. Những người đề cao

tiếng Trung đã kịch liệt chống lại chính sách này của tôi. Giới báo chí và trường người Hoa muốn tăng lượng học sinh và độc giả của họ. Do tiếng Trung của tôi ngày ấy chưa giỏi nên Li Vei Chen, thư ký báo chí người Hoa của tôi lúc đó là người kiểm soát chặt chẽ giới báo chí tiếng Trung, các trường người Hoa cũng như đại học Nanyang, nhân viên và những người ủng hộ các nơi này, để giảm thiểu hoặc ngăn chặn những cuộc biểu tình, bãi khóa và đình công của họ.

Cuối cùng, chính nhờ nền giáo dục tiếng Anh thể hiện được giá trị của nó trên thị trường lao động mới có thể giải quyết êm đẹp vấn đề này Nhờ nó mà chúng tôi mới có được Singapore ngày hôm nay, khi tiếng Anh kết nối chúng tôi với thế giới và giúp thu hút các tập đoàn đa quốc gia, còn tiếng mẹ đẻ của từng dân tộc với tư cách là ngôn ngữ thứ hai lại giúp chúng tôi kết nối với Trung Quốc, Ấn Độ và Indonesia. Đây là một bước ngoặt quan trọng, Nếu lúc đó người dân chọn một con đường khác thì giờ đây Singapore sẽ chỉ là một nơi ao tù nước đọng.

Vì những lý do tình cảm và giao thương kinh tế

với Trung Quốc nên chúng tôi mới cần tiếng Trung làm ngôn ngữ thứ hai. Nhưng chúng tôi chắc chắn không cần các phương ngữ. Xóa bỏ những gì mà chúng tôi đã dành quá nhiều thời gian, công sức và nỗ lực chính trị để đạt được - xóa bỏ phương ngữ khỏi các phương tiện truyền thông đại chúng - là một việc làm ngớ ngẩn.

Sống vẫn tốt hơn chết. Nhưng cái chết cuối cùng vẫn tìm đến tất cả mọi người. Nó là thứ mà nhiều người khi còn ở thời sung mãn không muốn nghĩ đến. Nhưng ở tuổi 89, tôi thấy không còn lý gì để trốn tránh vấn đề này nữa cả. Nhưng điều mà tôi lo lắng là: Tôi sẽ ra đi như thế nào? Liệu tôi có ra đi nhanh chóng với một cơn nhồi máu cơ tim? Hay là bị bất tỉnh rồi phải nằm mê man trên giường bệnh hàng tháng trời? Trong hai kết cục đó, tôi thích cách ra đi nhanh chóng hơn.

Cách đây một thời gian tôi đã lập một Di chúc Y khoa nói rằng nếu đến lúc phải đặt ống để nuôi ăn tôi, và tôi khó có khả năng hồi phục được nữa thì các bác sĩ sẽ phải gỡ ống truyền và để tôi ra đi nhanh chóng. Tôi đã nhờ một người bạn luật sư và một bác

sĩ ký vào đó.

Vì nếu như bạn không ký giấy này các bác sĩ sẽ phải làm hết sức để giữ mạng sống cho bạn. Tôi đã chứng kiến rất nhiều trường hợp như thế. Anh rể tôi Yong Nyuk Lin phải đặt ống truyền. Anh ấy nằm ở nhà, còn bà vợ cũng ốm liệt giường. Anh ấy chẳng còn nhận thức được gì nữa. Giờ thì anh ấy đã qua đời rồi nhưng họ cũng đã đặt ống cho anh ấy như vậy đến vài năm. Để làm gì cơ chứ? thường là các bác sĩ và người thân tin rằng họ nên kéo dài cuộc sống cho bệnh nhân. Tôi không đồng ý. Ai cũng phải đến lúc ra đi và tôi muốn được ra đi nhanh chóng và càng ít đau đớn càng tốt, không phải trong tình trạng liệt giường, nằm hôn mê và phải nuôi ăn qua ống thông mũi dạ dày. Trong những trường hợp đó, con người ta chẳng khác gì một cái xác không hồn.

Tôi không thiên về việc tìm ra ý nghĩa cuộc sống - hay viết cuộc đời thành một câu chuyện hấp dẫn - mà tôi chỉ đo cuộc sống này ở những điều bạn nghĩ mình muốn thực hiện trong đời. Đối với tôi, tôi đã hoàn thành những công việc mình muốn bằng hết sức mình và hài lòng với điều đó.

Những xã hội khác nhau quan niệm khác nhau về cuộc sống và kiếp sau. Nếu đến Mỹ, bạn sẽ thấy những người rất sùng đạo Ki-tô, nhất là ở khu Vành đai Thánh Kinh thuộc phần lớn miền Nam nước Mỹ. Ở Trung Quốc, dù trải qua nhiều thập kỷ đi theo chủ nghĩa Marx và tư tưởng Mao Trạch Đông thì việc thờ cúng tổ tiên và những phong tục tín ngưỡng dựa trên Phật giáo và Lão giáo truyền thống vẫn còn rất phổ biến. Ở Ấn Độ, người ta vẫn tin vào sự đầu thai.

Tôi không cho rằng mình là người vô thần. Tôi cũng không phủ nhận hay thừa nhận rằng có Chúa. Các nhà khoa học cho rằng vũ trụ sinh ra từ vụ nổ Big Bang nhưng loài người trên thế giới này mới phát triển được hơn 20.000 năm qua trở thành giống loài biết suy nghĩ, nghĩ rộng ra ngoài bản thân và nghĩ suy về chính bản thân mình. Đó có phải là kết quả của thuyết tiến hóa Darwin? Hay đó là do Chúa? Tôi cũng không biết nữa. Thế nên tôi không cười cợt những người tin Chúa, nhưng tôi không tin mà cũng không phủ nhận rằng Chúa tồn tại.

Tôi có một người bạn rất thân, Hon Sui Sen, ông

ấy là một tín đồ Công giáo La mã ngoan đạo. Khi ông ấy hấp hối có cha xứ ở cạnh bên. Ở tuổi 68, ông ấy mất khá trẻ nhưng không hề tỏ ra sợ hãi. Là người Công giáo La mã, ông ấy tin rằng mình sẽ gặp lại vợ ở thế giới bên kia. Tôi ước rằng tôi cũng có thể gặp lại vợ mình ở thế giới bên kia nhưng tôi thực sự không tin vào điều đó. Tôi đơn giản là không tồn tại nữa cũng giống như vợ tôi không còn tồn tại nữa - nếu không thì hẳn thế giới bên kia sẽ quá tải dân số mất. Liệu thiên đường có phải là khoảng không lớn vô biên chứa đựng được tất cả những con người ở thế giới này hàng ngàn năm qua không? Tôi đặt dấu chấm hỏi về điều đó. Nhưng Sui Sen lại tin vào điều đó và nó giúp tâm trí ông ấy bình yên trong những thời khắc cuối cùng bên cạnh cha xứ. Vợ ông ấy, bà qua đời tháng 11/2012, cũng tin rằng họ sẽ gặp lại nhau.

Những người từng thuyết phục tôi theo tôn giáo của họ giờ không còn làm điều đó nữa vì họ biết là vô ích. Vợ tôi có một người bạn quen thời còn đi học rất sùng đạo và cứ cố truyền đạo cho bà ấy. Nhưng cuối cùng, vợ tôi đã tránh xa khỏi người bạn

đó và nói rằng: “Thật kỳ cục. Cứ mỗi lần gặp lại, cô ta lại muốn em đi theo Ki-tô giáo.” Vợ tôi không tin vào thế giới bên kia, mặc dù đúng là sẽ dễ chịu hơn nếu bạn tin vào điều đó kể cả khi nó không tồn tại.

Cứ mỗi ngày trôi qua tôi càng thấy mệt mỏi thêm và ít năng động hơn. Nếu bạn bảo tôi ra ngoài trời nắng nóng lúc hai giờ chiều để gặp gỡ người dân, bắt tay họ và ôm hôn các em bé, tôi sẽ không thể nào làm được. 20, 30 năm trước tôi còn làm được chứ giờ thi không thể. Cuộc sống thế nào thì chấp nhận nó thế ấy, kể cả khi nó đến cùng thể xác suy yếu theo năm tháng. Có đôi lần thư ký riêng của tôi trông thấy tôi nghỉ ngơi trong phòng và hỏi tôi có muốn hủy cuộc hẹn tiếp theo hay không. Đôi khi tôi sẽ nói: “Không cần, cứ tiếp tục đi ” Tôi cần 15 phút để chợp mắt thì sau đó đầu óc mới tập trung được. Nhưng nếu không được tôi sẽ trả lời: “Thôi được, hoãn lại đi. Để tôi chợp mắt một lát.” Bạn không thể đoán trước được sức khỏe bạn rồi sẽ thế nào. Dù tôi có kiêng khem và tập luyện kĩ tới đâu thì sức khỏe cũng vẫn xuống dốc.

Đến cuối cùng, điều tôi hài lòng nhất trong đời

là tôi đã dành nhiều năm tháng kêu gọi sự hỗ trợ để quyết tâm biến đất nước này trở thành nơi trọng người tài, không có tham nhũng và mọi sắc tộc bình đẳng với nhau, và điều đó đang và sẽ tồn tại sau khi tôi ra đi. Tình hình không được như vậy khi tôi mới nhậm chức. Chính phủ Lim Yew Hock đã tham nhũng rồi. Những người Singapore trẻ bây giờ có lẽ không biết đến cái tên Mak Pak Shee, một thành viên trong chính phủ đó. Ông ta là người Quảng Đông gốc Ấn, để ria mép, nổi tiếng là người dàn xếp, chuyên chạy chọt hộ bạn những lợi ích nào đó với một khoản phí đi kèm.

Singapore hiện nay là quốc gia duy nhất không có tham nhũng trong một khu vực mà tham nhũng là vấn nạn cố hữu. Các thể chế được lập ra là để giữ cho được ưu điểm này, có cả phòng chuyên trách chống tham nhũng. Công chức được đề bạt dựa trên năng lực chứ không phải sắc tộc, ngôn ngữ hay tôn giáo. Nếu giữ vững được những thể chế này, chúng tôi sẽ tiếp tục tiến bộ. Đó là hy vọng lớn nhất của tôi.

Hỏi: Lúc trước ngài có nói rằng ngài coi mình như một Phật tử. Bây giờ ngài còn nghĩ vậy không?

Đáp: Đúng thế. Tôi vẫn nghĩ thể. Tôi vẫn thực hiện nghi lễ này nọ. Tôi không theo Ki-tô giáo. Tôi không theo Lão giáo. Tôi không thuộc về bất kỳ giáo phái cụ thể nào.

Hỏi: Ngài nói "nghi lễ" nghĩa là thế nào?

Đáp: Thì vào một số ngày nhất định anh phải cúng kiếng tổ tiên - như cúng đồ ăn chẳng hạn. Tôi cúng những gì mà người phụ việc trong nhà chuẩn bị. Nhưng từ thế hệ của tôi trở đi, phong tục này rồi sẽ phai nhạt dần. Nó cũng giống như đi tảo mộ tiết Thanh Minh vậy Cứ mỗi thế hệ trôi qua lại càng ít người đi hơn. Đó cũng là một nghi lễ.

Hỏi: Vậy ngài tìm thấy sự thanh thản từ đâu nếu không phải từ tôn giáo?

Đáp: Thanh thản là không phải chịu đựng đau đớn hay nhức nhối gì. Thế nên, tôi hy vọng mình sẽ ra đi nhanh chóng. Ở tuổi 89, tôi nhìn vào các trang cáo phó và thấy rất ít người sống lâu hơn mình. Và tôi tự hỏi: Họ đã sống ra sao? Đã ra đi thể nào? Sau khi bị bệnh rất lâu chăng? Già yếu bất lực? Khi anh 89 tuổi, anh sẽ suy nghĩ về những điều này Tôi sẽ khuyên rằng, nếu anh không

muốn trải qua cảnh nằm hôn mê trên giường với một cái ống truyền thức ăn, hãy lập một di chúc y khoa. Mọi người đừng can thiệp để cứu mạng sống của tôi. Hãy để tôi ra đi một cách tự nhiên.

Hỏi: Số lượng người lập di chúc này ở Singapore vẫn còn rất thấp vì nhiều lý do.

Đáp: Đúng thế, bởi vì họ không muốn đối mặt với nó.

Hỏi: Ngài có ủng hộ vấn để cái chết nhân đạo mà một số quốc gia đã hợp pháp hóa?

Đáp: Tôi nghĩ rằng trong những điều kiện nhất định khi mục đích của nó không phải là để giảm bớt số người già mà nó là một quyết định cá nhân của một người lúc tỉnh táo muốn giải thoát bản thân khỏi phải chịu đựng đau đớn thì tôi sẽ đồng ý, giống người Hà Lan vậy. Vì thế, trong di chúc y khoa của mình, tôi đã nói rằng: "Hãy để tôi ra đi."

Hỏi: Nếu một đứa cháu đến hỏi ngài xem một cuộc sống tốt đẹp là gì thì ngài sẽ trả lời ra sao?

Đáp: Tôi có mấy đứa cháu ở độ tuổi hai mươi. Chẳng thấy đứa nào hỏi tôi xem một cuộc sống tốt đẹp là thế nào. Tụi nó đã biết rõ cả rồi. Đã có nhiều thay đổi trong thế giới vật chất mà chúng đang sống, trong con người

chúng gặp gỡ, thay đổi giữa các thế hệ và những mục tiêu sống khác nhau.

Hỏi: Ngài đang nói rằng ngày nay không điều gì có thể ảnh hưởng đến người trẻ nữa sao?

Đáp: Không, anh có thể tác động đến thái độ của chúng từ lúc mới sinh cho đến tầm 16, 17 tuổi. Sau đó - đôi khi sớm hơn - thì chúng đã có tư duy riêng và chỉ bị tác động bởi những gì chúng nhìn thấy xung quanh và bởi bạn bè đồng lứa với mình.

Hỏi: Ngài đã nói rằng mình không tin chuyện có thể gặp lại vợ ở thế giới bên kia. Ngài không giữ hy vọng đó sao, kể cả trong những khoảnh khắc riêng tư nhất? Hy vọng như vậy không đúng ư?

Đáp: Chông, điều đó không logic. Giả sử ai cũng có một cuộc sống khác sau khi chết thì cõi đó nằm ở đâu?

Hỏi: Thế giới siêu hình chăng?

Đáp: Vậy chúng ta sẽ có hình dạng như những bóng ma sao? Không, tôi không nghĩ vậy đâu.

Hỏi: Ngài có hay nghĩ về bà Lý không?

Đáp: Tôi có một chiếc bình đựng tro cốt của bà ấy và tôi cũng đã dặn con cháu hãy để tro cốt của tôi gần bà ấy ở nhà

lưu tro cốt cho tình cảm.

Hỏi: Và ngài hy vọng?

Đáp: Cũng không hẳn là hy vọng gì. Bà ấy đã ra đi rồi. Tất cả những gì còn lại là tro cốt của bà ấy. Tôi sẽ tan biến đi và tất cả những gì còn lại của tôi cũng sẽ là tro cốt. Tôi muốn đặt tro gần nhau cho tình cảm. Nhưng còn gặp lại nhau ở thế giới bên kia ư? Điều đó quá tuyệt vời tới mức không thể có thật được. Nhưng người Hindu tin vào đầu thai đúng không?

Hỏi: Điều đó có trong tín ngưỡng Hindu, đúng thế.

Đáp: Nếu anh sống thiện thì ở kiếp sau sẽ có hình dạng đẹp đẽ. Nếu ở ác thì kiếp sau sẽ phải làm súc sinh.

Hỏi: Cả những người theo đạo Phật cũng tin như thế.

Đáp: Nhưng không quá khắt khe trong quan niệm về thế giới bên kia.

Hỏi: Thói quen của ngài trong những ngày này có quá khác so với lúc ngài vẫn còn làm trong nội các không?

Đáp: Dĩ nhiên là khác rồi. Bây giờ không áp lực như hồi đó.

Hỏi: Nhưng ngài là người luôn thích ứng rất tốt với áp lực.

Đáp: À, áp lực của công việc nằm ở chỗ phải ra được quyết định. Và khi nhiều vấn để cần phải được quyết cùng

một lúc, anh phải xem xét vấn đề cẩn thận để ra quyết định. Một khi đã ra quyết định, anh không thể rút lại nó. Đó là một kiểu áp lực khác.

Hỏi: Ngài có nhớ cảm giác áp lực đó không?

Đáp: Không, không. Tại sao tôi phải nhớ chứ? Tôi đã làm xong phần việc của mình.

Hỏi: Thế ngài có nhớ việc tham dự các cuộc họp nội các, nhớ cơ hội tương tác với các bộ trưởng trẻ tuổi?

Đáp: Không, tôi nghĩ đã đến lúc mình phải bước tiếp rồi. Tôi đã 89 tuổi. So với thế giới của tôi và những địa điểm quan trọng mà tôi nghĩ đến trong đầu thì bản đồ của Singapore trong tâm trí tôi đã thay đổi. Tôi từng hay tới thăm các khu dân cư. Tôi từng biết rõ những người làm trong các ủy ban nhân dân. Tôi trò chuyện và lắng nghe họ. Tôi tự tin vì mình nắm tình hình dân chúng. Giờ thì tôi không còn làm được điều đó. Tôi phải nắm thông tin qua các bản báo cáo, thế thì đâu nắm chắc tình hình được. Vì vậy tôi đành phải nhường lại công việc đó cho những người phụ trách, những người sâu sát tình hình cơ sở.

Hỏi: Ngài có hối hận quyết định bước ra khỏi chính phủ ngay sau cuộc tổng tuyển cử năm 2011?

Đáp: Không. Làm sao tôi còn có thể tiếp tục ra quyết định khi tôi không còn sức để đi sâu đi sát cơ sở? Điều đó đòi hỏi sức khỏe thể chất phải tốt. Sức khỏe tinh thần thì tôi không lo bởi vì tôi không bị đột quỵ cũng chưa bị lẫn. Nhưng tôi không còn khỏe như xưa. Trước cuộc phỏng vấn này, tôi phải ăn nhẹ, chạy bộ trên máy rồi nghỉ ngơi 15 phút. Hồi trước tôi không cần phải tuân thủ như thế.

Hỏi: Vậy là ngài không còn công việc dang dở nào mà ngài muốn làm...

Đáp: Không, tôi đã làm được những gì mình muốn. Tôi đã giao lại trách nhiệm thủ tướng của mình cho Ngô Tác Đống. Tôi trợ giúp ông ấy. Ông ấy lại trao chức vụ cho Lý Hiển Long. Đó là một thế hệ khác rồi nên những đóng góp của tôi không còn mang nhiều ý nghĩa nữa - ngoại trừ lúc họ muốn đưa tiếng địa phương trở lại thì tôi phải can thiệp.

Hỏi: Nếu không phiền, liệu tôi có thể hỏi thăm sức khỏe của ngài thế nào rồi?

Đáp: Gần đây tôi đã phải nhập viện sau khi bị choáng vì thiếu máu, các bác sĩ nói thế. Nhưng tôi đã hoàn toàn bình phục và đã trở lại làm việc. Nếu anh tính đến việc tôi đã ở năm 90 của cuộc đời... các bác sĩ nói rằng ở tuổi

này thì chẳng còn tiêu chuẩn gì để đánh giá nữa.

Hỏi: Bản thân ngài tự thiết lập các tiêu chuẩn. Thế nên ngài khá hài lòng với tình trạng thể chất và tinh thần của mình lúc này?

Đáp: Không, anh phải chấp nhận sự suy giảm sức khỏe dần dần. Cho đến nay đầu óc tôi vẫn chưa lẫn, mấy người bạn của tôi khi già đã bị thế. Tôi mừng vì mình còn được thể này. Tôi nghĩ rằng được như vậy phần lớn là do gen di truyền. Nhưng sự lão hóa vật lý - anh không thể ngăn chặn nó được.

Hỏi: Nhưng đầu óc minh mẫn của ngài cũng có thể là kết quả của những thói quen làm việc đầu óc chứ? Ngài là người luôn giữ đầu óc bận rộn và quan tâm tới những sự kiện hiện thời.

Đáp: Đúng thế, tất nhiên. Tôi vẫn tiếp tục học từ tiếng Trung mới, để buộc đầu óc phải làm việc. Nó cũng giống như chơi mạt chược.

Hỏi: Thói quen ăn uống của ngài có thay đổi trong những năm qua?

Đáp: À, tôi không còn ăn cho thỏa thích nữa. Tôi ngừng lại trước khi no. Tôi cũng cố gắng ăn nhiều rau hơn và ít protein.

Hỏi: Trong một cuộc phỏng vấn với tờ The Straits Times năm ngài 80 tuổi, ngài nói rằng một nỗi lo mà mình và những người già khác hay gặp phải là ô cửa sổ nhìn đời đang hẹp lại, và nếu ô cửa sổ đó ngày càng thu nhỏ lại, đó sẽ là điểm kết thúc của sự tồn tại. Ngài vẫn còn suy nghĩ về điều đó chứ - việc giữ cho ô cửa sổ này mở rộng?

Đáp: Đúng thế. Nếu không thì giờ tôi đã ngồi một mình nghỉ ngơi rồi chứ đâu có gặp gỡ và nói chuyện với anh nữa.

Hỏi: Có khi nào ngài thấy cô đơn?

Đáp: Anh phải phân biệt giữa cô đơn và cô độc. Tôi có một người bạn từng là một trong những sinh viên xuất sắc ở Cambridge. Giờ thì ông ấy đã mất rồi. Ông ấy tên là Percy Cradock. Ông ấy có vợ người Đan Mạch và bà ấy bị tiểu đường. Bà ấy đã mất hai chân. Percy thường nói: "Tôi thích sự cô độc của mình." Và tôi nói với ông ấy: "Hãy mở máy tính và lên Google. Ông có thể tìm thấy những bài thơ mà ngày xưa ông yêu thích, những đoạn văn hoa mỹ trong các tác phẩm văn học. Ông chỉ cần nhập từ khóa là tất cả sẽ hiện ra." Và ông ấy đã làm thế.

Hỏi: Ngài có thường xuyên đọc báo hay trang mạng nào không?

Đáp: Tôi đọc tờ *The Straits Times* và *Lianhe Zaobao.* Hồi trước tôi còn đọc tờ *Berita Harian* tiếng Mã Lai nhưng giờ thì không đọc nữa. Hồi trước tôi rất khá tiếng Mã Lai nhưng giờ thì không cần thiết phải vậy nữa vì hầu hết những người Mã Lai ở Singapore đều nói được tiếng Anh. Trên Internet, tôi theo sát tin tức về Singapore, khu vực Đông Nam Á, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ, Ấn Độ và châu Âu. Tin về Trung Đông thì chỉ thỉnh thoảng. Còn Mỹ Latinh thì gần như bằng không bởi khu vực này không liên quan đến chúng ta. Quá xa.

Hỏi: Là những trang mạng cụ thể nào?

Đáp: Google. Tôi đã cài đặt sẵn để những tin tức từ các khu vực khác nhau được tự động hiện ra.

Hỏi: Gần đây ngài có đọc sách hay xem phim gì không?

Đáp: Tôi không xem phim.

Hỏi: Còn sách?

Đáp: Thường thì tôi đọc tiểu sử của những nhân vật thú vị. Tôi không thích tiểu thuyết lắm, chúng chỉ là những tác phẩm giả tưởng hoặc chỉ mang tính giải trí mà các tác giả gắn lên cuộc sống.

Hỏi: Cuốn sách gần đây nhất mà ngài thích?

Đáp: Là tiểu sử của Charles de Gaulle. Nước Pháp thua trận. Ông ấy chẳng là ai. Thế mà ông ấy dám đến London mà nói: "Tôi chính là nước Pháp." Và ông ấy đã đến Angeria mà bảo với thống chế Juin (Alphonse Juin), người quy thuận chính phủ Vichy và đang lãnh đạo nơi này rằng: "Là một thống chế của Pháp, ông nên thấy hổ thẹn cho bản thân." Đó là một người đàn ông khá táo bạo. Và rồi ông ấy trở lại Paris, dĩ nhiên lúc này đã được quân Đồng minh dọn đường.

Hỏi: Những ngày này, đâu là mối quan tâm hàng đầu của ngài? Những thứ gì khiến ngài tỉnh giấc?

Đáp: Tôi cho rằng đó là vấn để dân số thay đổi của chúng ta. Với tỷ suất sinh là 1,2, chúng ta không có sự lựa chọn nào khác là nhận người nhập cư vì rất khó để khiển người Singapore thay đổi tư duy Phụ nữ đã được ăn học. Họ muốn một cuộc sống khác đi, không phải lập gia đình sớm và nặng gánh con cái. Họ muốn trước đó mình được đi du lịch, được nhìn ngắm thế giới, tận hưởng cuộc sống rồi sau đó mới kết hôn, nhưng đến lúc đó thì họ đã lớn tuổi và sẽ khó có con.

Hỏi: Vậy còn hy vọng nào cho Singapore không?

Đáp: À, hy vọng rằng đất nước sẽ giữ vững hướng đi và duy trì mọi thiết chế hiện tại đang giúp nó tạo ra sự khác

biệt với phần còn lại của khu vực.

11

TRÒ CHUYỆN

với cố nhân

TRÒ CHUYỆN

Tháng 5/2012, khi tôi đang viết quyển sách này thì Helmut Schmidt, thủ tướng Tây Đức từ 1974 đến 1982, đến Singapore thăm tôi. Ông lớn hơn tôi sáu tuổi và chúng tôi là bạn thân. Hai người vợ của chúng tôi Ngọc Chi và Loki cũng là bạn bè của nhau. Tôi luôn biết đến Helmut như là một nhà lãnh đạo cứng rắn và thông minh, người có thể nhận định được những rắc rối chính yếu trong bất kỳ một tình huống phức tạp nào. Và qua năm tháng, sự kính trọng của tôi với trí tuệ của ông ngày càng tăng. Trong vòng ba ngày, Helmut và tôi đã ngồi đàm luận về một loạt các vấn đề. Một người điều phối (NĐP) – Matthias Nass của báo *Die Zeit* của Đức đã hỗ trợ cuộc thảo luận của chúng tôi bằng cách thỉnh thoảng đưa ra các câu hỏi. Sau đó chúng tôi đã đồng ý đưa vào quyển sách này những đoạn trích từ

cuộc nói chuyện của mình - đoạn đầu là "Những bài học về lãnh đạo," đoạn thứ hai là về "Tầm nhìn châu Âu" và đoạn cuối là "Từ biệt".



NHỮNG BÀI HỌC VỀ LÃNH ĐẠO

HS (Helmut Schmidt): Nếu phải tổng kết lại cuộc đời nhiệm sở của mình, ông sẽ nói gì hả Harry [7]?

LQD (Lý Quang Diệu): À, đầu tiên tôi sẽ nói rằng mình may mắn hơn những người khác nhiều. Ờ những thời điểm quyết định, vận may đã mỉm cười với tôi. Vùng đất này đáng lẽ đã sụp đổ nhưng sự hội nhập thế giới và toàn cầu hóa đã giúp chúng tôi có chỗ đứng của mình. Chúng tôi đã mất đi phần đất nội địa khi bị đẩy ra khỏi Malaysia.

HS: Có bao nhiêu người đang sinh sống ở Singapore khi ông lên nắm quyền?

LQD: Hai triệu. Bây giờ dân số đã là năm triệu người.

HS: Nếu một công dân Singapore được hỏi "Anh quê ở đâu"

---

7 * Tên riêng tiếng Anh của Lý Quang Diệu

hay "Anh mang quốc tịch gì" thì câu trả lời sẽ là gì?

LQD: Tôi là người Singapore.

HS: Vậy ư, từ lúc nào thế?

LQD: Khoảng 20, 30 năm về trước.

HS: Chứ không phải từ lúc hình thành vùng đất này?

LQD: Không, nhưng nó còn ngoặc đơn nữa, tôi là một người Singapore (gốc Hoa), (gốc Ấn), (gốc Mã Lai), vân vân. Chúng tôi không thể xóa bỏ nguồn gốc dân tộc. Đó là thực tế. Cũng có một số dân cư là người lai giữa các sắc tộc, nhưng họ chỉ là thiểu số.

HS: Đâu là những sự kiện đáng nhớ nhất trong cuộc đời ông?

LQD: À, đầu tiên là việc Nhật chiếm đóng Singapore, rồi sự sụp đổ của Đế quốc Anh. Trong vòng chưa đầy ba tháng, một đế quốc tưởng chừng kéo dài ngàn năm đã sụp đổ. Thứ hai là cú sốc khi phải biến một hòn đảo thành một quốc gia thực sự mà không có vùng nội địa hỗ trợ. Chúng tôi bị đẩy ra khỏi Malaysia vi chúng tôi gây khó chịu cho sự cân bằng sắc tộc của họ.

HS: Họ đẩy các ông ra ngoài vì ở Singapore phần đông là người Trung Quốc?

LQD: Đúng thể. Vì vậy, chúng tôi lâm vào thế sống còn, và

may sao quá trình toàn cầu hóa đã giúp chúng tôi. Thế giới trở thành vùng đất nội địa chống lưng cho chúng tôi.

HS: Trong cuộc đời tôi có hai sự kiện quan trọng nhất. Một là, gần cuối năm 1944, đâu đó khoảng tháng 9, lần đầu tiên tôi hiểu ra rằng mình đang phục vụ cho một chính phủ tội phạm. Tôi đi lính từ năm 1937 nhưng phải mất tám năm thì tôi mới hiểu ra mình đang phục vụ cho một chính phủ tội phạm. Khoảnh khắc đó là khoảng nửa năm trước khi kết thúc chiến tranh. Và từ giây phút đó, cuộc sống của tôi đã thay đổi. Tôi chưa từng là một tên phát xít, tôi chống lại Đức quốc xã nhưng tôi chưa làm được điều gì để thể hiện điều đó. Sự kiện lớn thứ hai là vào năm 1989, khi cơ hội tái thống nhất đất nước đã đến. Lúc đó thì tôi đã nghỉ hưu. Trong suốt thời gian tại chức, tôi chưa từng trải qua bất kỳ khoảnh khắc nào quan trọng hơn thế nữa.

LQD: Đó là những bước ngoặt lớn, đặc biệt là việc tái thống nhất nước Đức bởi vì lúc đó có rất nhiều người lo ngại sự hồi sinh sức mạnh Đức ở trung tâm châu Âu.

HS: Ý họ là về một mối nguy hiểm đã kéo dài trên ngàn năm - sự nguy hiểm của một quốc gia nằm tại trung tâm của lục địa nhỏ bé này nơi người ngoài trung tâm đó hoặc

là bị đe dọa trước một trung tâm mạnh mẽ hoặc là muốn liều lĩnh xông vào khi trung tâm này yếu đi. Những tình huống đó đã dẫn đến hàng loạt cuộc chiến tranh suốt ngàn năm nay. Không có một lục địa nào trên thế giới này mà lại trải qua nhiều cuộc chiến tranh hơn châu Âu.

LQD: Quả đúng là kỳ lạ vì tất cả các nước này đều theo Ki-tô giáo vậy mà lại có những tham vọng quốc gia quá khác biệt nhau.

HS: Tôi hoàn toàn đồng ý. A, trong thời gian tại chức của mình, có điểm sáng nổi bật nào khiến ông thực sự tự hào chưa?

LQD: Có chứ, tôi đã giúp cho mọi người cảm thấy được họ bình đẳng. Tôi không biến đảo quốc này thành một thành phố của người Hoa. Tôi khước từ yêu cầu của những người sùng bái Trung Quốc muốn biến tiếng Trung thành ngôn ngữ chính. Tôi bảo họ: "Không, chúng ta sẽ dùng tiếng Anh, một ngôn ngữ trung lập cho tất cả mọi người." Và điều đó đã giúp đoàn kết các dân tộc. Chúng tôi không phân biệt đối xử chống lại bất cứ ai vì lý do sắc tộc, ngôn ngữ hay tôn giáo.

HS: Nếu một người Singapore muốn tham gia giao thông ở Singapore thì ông ta sẽ hỏi mua vé tàu xe bằng ngôn

ngữ nào?

LQD: Bằng tiếng Anh.

HS: Đúng vậy ư?

LQD: Đúng thế, tài xế taxi cũng biết nói tiếng Anh. Nó ăn sâu khắp cả đất nước bởi vì chúng tôi dạy tiếng Anh như tiếng mẹ đẻ trong nhà trưởng.

HS: Nếu tôi hiểu đúng thì đẩy chính là yếu tố quan trọng nhất?

LQD: Đúng thế, giả sử ngày xưa chúng tôi chọn cách mỗi tộc người sử dụng ngôn ngữ riêng thì mọi người hẳn đã bị chia rẽ. Rồi xung đột sẽ xảy ra triền miên, đất nước không phát triển.

HS: Người Anh có nhận ra thành tựu này của các ông không?

LQD: Không, nhưng tôi nghĩ chúng tôi rất may mắn khi những người chủ thực dân ở nước tôi lại là họ. Việt Nam trải qua thời kỳ thực dân Pháp và giờ người Việt phải rất khó khăn để đẩy tiếng Pháp ra và học tiếng Anh vì cả thế giới nói tiếng Anh.

NĐP: Liệu đây có phải là lợi thế mà Hồng Kông đang mất đi? Tôi có cảm giác đúng là thế bởi vì tiếng Anh đã là...

LQD: Đúng thế, bởi vì giờ đây nó đã là một phần của Trung

Quốc, và mỗi ngày lại có hàng chục ngàn, hay có khi là cả trăm ngàn người di chuyển qua biên giới hai nước. Và rất nhiều người Hoa ở Hồng Kông có nhà ở Trung Quốc lục địa, bên kia biên giới, vì đất đai ở lục địa rẻ hơn. Thể nên theo năm tháng, họ sẽ bị đồng hóa lại thành người Trung Quốc.

NĐP: Trong 50, 60 năm phục vụ cộng đồng, ngài có rút ra bài học cá nhân nào hay tiêu chuẩn đạo đức nào của các chính trị gia?

LQD: Tôi nghĩ rằng làm chính trị mà muốn có thành tựu thì trước hết phải lấy được lòng tin của người dân, anh không chỉ hứa suông với họ mà đã nói là phải làm. Bất kể thành công hay thất bại, miễn là anh cố gắng thực hiện những gì mình đã nói. Và đó là lý do vì sao tôi thành công, vi trong phần lớn các trường hợp, những gì tôi đã hứa là tôi làm, bất chấp sự phản đối. Điều đó tạo sự tin tưởng cho người dân và về sau, mọi thứ dễ dàng hơn. Nếu anh là một chính trị gia bình thường chỉ biết hứa suông và cứ bốn năm năm sau lại có một chính trị gia khác lên, giống như ở Nhật mỗi năm lại có thủ tướng mới, thì anh không thể tạo ra được sự tin tưởng và không thể dẫn dắt đất nước được.

NĐP[8]:Vậy cốt lõi của lãnh đạo chính trị là gì? Đẩu là tố chất cần có để trở thành một nhà lãnh đạo, so với một chính trị gia bình thường? Hay nói đúng hơn, ta coi người lãnh đạo là các nguyên thủ quốc gia, vậy điều gì cần thiết để đảm đương vị trí nậy? Vì chính trị gia và nguyên thủ quốc gia là hai đối tượng khác nhau.

LQD: À, giữa một chính trị gia và một nguyên thủ quốc gia cũng có nhiều điểm khác. Một chính trị gia chỉ muốn quảng bá mình để vào được một chức vụ nào đó và tự hào với chức vụ đó. Còn một nhà lãnh đạo lại có một sứ mệnh. Nhà lãnh đạo tìm đến quyền lực bởi quyền lực giúp họ thực hiện được sứ mệnh của mình. Và một nguyên thủ quốc gia giỏi không chỉ nắm quyền lực, thực thi công việc mà còn biết chuyển giao quyền lực đó cho một người cũng giỏi không kém. Đó là cách hiểu của tôi.

HS: Tính ngoài Singapore, ai là người lãnh đạo vĩ đại nhất thời của ông?

LQD: Đặng Tiểu Bình.

HS: Tôi đồng ý nhưng tôi sẽ đặt Winston Churchill ở vị trí đầu tiên.

---

[8] Người điều phổi.

LQD: À, ông ấy là một nhà hùng biện vĩ đại, ông đã lên tinh thần cho toàn thể người dân Anh khi quốc gia họ một mình phải đối mặt với tình hình khó khăn. Và ông đã nói một câu nổi tiếng: "Chúng ta sẽ chiến đấu trên bãi biển, chúng ta sẽ chiến đấu trên mặt đất, chúng ta sẽ chiến đấu trên ruộng đồng và trên đường phố, chúng ta sẽ chiến đấu trên các ngọn đồi. Chúng ta sẽ không bao giờ đầu hàng." (Franklin) Roosevelt hỏi thư ký của ông tại sao các bài phát biểu của mình không được như của Churchill và người thư ký đã trả lời: "Thưa ông, đến thuốc lá của mình ông ấy cũng tự cuộn nữa." Ý muốn nói Churchill tự viết bài diễn văn và đặt mọi tâm huyết của mình vào đó. Và điều đó đã truyền cảm hứng cho nhân dân Anh chiến đấu. Nó giúp ông ấy kéo dài thời gian chờ tới lúc người Mỹ tham chiến.

HS: Các cường quốc phương Tây sẽ không thắng Thế chiến thứ hai mà không có Winston Churchill.

LQD: Đúng thế, ông ấy đã chiến đấu bất chấp khó khăn. Nếu là người nào khác như Neville Chamberlain9 chẳng hạn thi ắt họ đã dàn hòa.

---

9 * Thủ tướng Anh từ 1937-1940.

HS: Và lúc đó không có người Pháp nào được như thế.

LQD: Đúng thế.

NĐP: Thế còn Charles de Gaulle?

HS: De Gaulle chỉ nổi bật sau chiến tranh. Khoảnh khắc vĩ đại của ông đến sau chiến tranh.

LQD: Không, nhưng trong suốt thời chiến, cho dù ông ấy chẳng thay mặt cho ai thì ông ấy vẫn tin tưởng rằng ông ấy đại diện cho nước Pháp và ở London ông đã hành xử như thể mình đại diện cho Pháp, trở thành một người khó chịu khi vẫn phụ thuộc vào Anh và Mỹ nhưng vẫn khăng khăng cho rằng ông là người Pháp và ông đại diện cho linh hồn Pháp. Nên về mặt đó ông ấy là một người vĩ đại.

HS: *Ông ấy chắc chắn là một con người vĩ đại, cụ thể là từ đầu thập niên 1960, ông đã dang tay ra với người Đức.*

NĐP: Hai người mà ngài để cập đến, Đặng Tiểu Bình và Winston Churchill - họ định hình thế giới, có thể nói là giúp nó tốt đẹp hơn. Nhưng cũng có thể nói rằng còn có cả những con người tiêu cực nữa, hay là những con người xấu xa, những người mà trong thế kỷ vừa qua đã định hình thế giới còn nhiều hơn những lãnh đạo tốt tính nữa.

LQD: Ở châu Á, tôi cho rằng có một người như vậy. Mao Trạch Đông hẳn sẽ là một thảm họa nếu ông ấy còn sống đến giờ bởi vì ông ấy tin tưởng vào việc làm cách mạng liên tục. Ông ấy ngây thơ cho rằng nếu anh có sự ổn định, anh sẽ trở nên quan liêu và mất đi ý chí làm cải cách, mất ý chí thay đổi thế giới. Nên tôi coi ông ấy là một con người nguy hiểm. Nếu ông ấy vẫn còn sống và Đặng Tiểu Bình không lên kế nhiệm, Trung Quốc hẳn đã sụp đổ và nó sẽ kéo theo thảm họa cho toàn khu vực Viễn Đông. Còn đối với châu Âu, (Adolf) Hitler ắt hẳn cũng sẽ là thảm họa. Nếu ông ta thành công thi tôi nghĩ rằng người Anh và người Mỹ hẳn đã gặp rất nhiều khó khăn phá vỡ được bức tường ông ta xây nên ở phía tây nước Pháp. Nhưng điều đó đã là lịch sử. Người Mỹ can dự vào không phải bởi vì dân chủ hay nhân quyền mà bởi họ không muốn thấy một châu Âu nằm dưới hệ tư tưởng mạnh có thể đe dọa họ. Đúng là Churchill là người bạn tốt của Roosevelt nhưng tình bạn không thể xen vào những toan tính riêng. Mối quan tầm của Hoa Kỳ nằm ở chỗ nó không muốn châu Âu rơi vào tay một người như Hitler.

HS: Tôi đồng ý với ông khi nói đến cá tính nổi bật của Đặng Tiểu Bình. Tôi nghĩ trong số những người tôi từng tiếp xúc ở thời kỳ đó, ông ấy là người vĩ đại nhất.

LQD: Tôi từng viết về ông ấy. Ông ấy chi cao mét rưỡi nhưng là một lãnh đạo vĩ đại.

HS: Ông ấy cũng hút thuốc nữa đấy

LQD: Đúng thế, vậy mà ông ấy lại không bị viêm phế quản.

HS: Và cả việc cái ống nhổ cách xa ông ấy đến gần cả mét nhưng ông ấy vẫn sử dụng thường xuyên và không bao giờ trượt.

LQD: Khi ông ấy đến thăm Singapore trước khi Việt Nam đưa quân sang Campuchia, ông ấy muốn huy động chúng tôi chống lại họ. Ông ấy phát biểu mà không cần cắm giấy tờ gì bởi vì ông ấy đã tập luyện những gì mình muốn nói ở Bangkok và Kuala Lumpur trước khi đến Singapore nên lời lẽ của ông trôi chảy và chau chuốt. Thế là tôi từ tốn nói: “Ngài muốn chúng ta dùng bữa tối trước hay thảo luận luôn?" Ông ấy trả lời:“ Chúng ta hãy dùng bữa trước.” Thể là chúng tôi ăn tối. Hôm sau tôi nói: “Ngài bảo tôi cùng đoàn kết chống lại con gấu Nga, nhưng hàng xóm của tôi lại muốn đoàn kết chống lại con rồng Trung Quốc vì con gấu không đe dọa họ. Đài phát thanh của các ngài, tiền các ngài hỗ trợ cho du kích ở Thái Lan, ở Malaysia và những nơi khác mới là thứ đe dọa họ.” Tôi cứ ngỡ ông ấy sẽ nổi giận nhưng không. Ông ấy chỉ ngừng lại và nói: “Thế ông muốn tôi làm gì?" Tôi bảo họ:

"Hãy ngừng đe dọa." Thế là ông ấy đáp lời: "Cho tôi thời gian đã." Và trong vòng một năm, Trung Quốc không đe dọa nước khác nữa. Ông ấy biết giữ lời.

HS: Đó là lúc nào vậy?

LQD: Tháng 11 năm 1978.

HS: Tôi lại có một cuộc trò chuyện khác với ông ấy năm 1983. Đó là dịp quốc khánh nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Chúng tôi ngồi lại nói chuyện, tôi, ông ấy và một người phiên dịch, và lúc đó chúng tôi đã biết nhau được khoảng mười năm nên nói chuyện rất cởi mở. Và tôi chọc ông ấy: "Nếu xét kỹ các số liệu thì các ông không phải một dân tộc thật thà lắm. Các ông tự nhận mình đi theo cộng sản, nhưng thực ra các ông theo Khổng giáo nhiều hơn." Và ông ấy có vẻ hơi sốc. Ông ấy phải mất vài giây mới trả lời lại, chỉ vài từ thôi: "Thì có sao?" và tôi thực sự đồng ý rằng đó là một con người vĩ đại.

LQD: Nó nằm ở chỗ ông ấy dám đối mặt với thực tế, bởi vì với tôi, nhà lãnh đạo của một hòn đảo nhỏ mà dám nói rằng nước tôi và các nước láng giềng sợ Trung Quốc của ông ấy chứ không phải sợ con gấu Nga, tôi đã nghĩ ông ấy sẽ nạt nộ lại. Nhưng thay vào đó, ông ấy ngừng lại và hỏi khẻ: "Thế ông muốn tôi làm gì?" Ông ấy là một người vĩ đại. Buổi ăn tối hôm đó, vì ông ấy nổi tiếng với việc sử

dụng ống nhổ, nên tôi đã đặt một cái ống nhổ gần ông ấy.

HS: Ông dám đặt một cái ống nhổ trước mặt ông ấy.

LQD: Một chiếc bình sứ xanh thời nhà Minh. Nhưng ông ấy không hề dùng nó. Ngoài ra, ông ấy cũng biết rằng tôi có nói với nhằn viên tháp tùng ông rằng tôi đã đặt một máy điều hòa hút khói đặc biệt trong phòng nhưng ông ấy cũng không hút thuốc luôn.

HS: Vì phép lịch sự với ông thôi.

LQD: Thật ra cũng không cần lịch sự vậy bởi vì trong những buổi tiếp đón như vậy tôi luôn có chuẩn bị sẵn.

HS: Tiện thể tôi hỏi, làm thế nào Đặng có thể vượt qua được tâm lý lãnh đạo do dự đặc trưng của Trung Quốc thời đó?

LQD: À, ông ấy được nhiều tướng lĩnh kỳ cựu bảo vệ, những người từng tham gia vào Vạn lý Trường chinh. Thể nên, lúc Mao qua đời, rồi Hoa Quốc Phong lên nắm quyền nhưng Hoa Quốc Phong không có được sự hậu thuẫn của quân đội vì quân đội chỉ trung thành với Đặng Tiểu Bình, người mà họ tin cậy, thế nên Hoa Quốc Phong...

HS: Vì sao sự trung thành của quân đội lại chuyển từ Mao sang Đặng?

LQD: Bởi vì Đặng từng tham gia Vạn lý Trường chinh, quân đội biết đến ông và họ biết rằng Đặng là một con người vĩ đại, một người đàn ông thực thà mà Trung Quốc cần đến và họ tin tưởng ông. Thế rồi Hoa Quốc Phong bị gạt ra khỏi chức chủ tịch nước một cách nhẹ nhàng. Thế nên, khi tôi đến gặp Đặng Tiểu Bình, người ta sắp xếp tôi gặp Hoa Quốc Phong trước rồi mới đến gặp Đặng Tiểu Bình - theo đúng thủ tục.

HS: Lúc đó, ông ấy không có một chức vụ chính thức nào ngoại trừ chủ tịch ủy ban quân sự.

LQD: Nhưng chức tước không phải điều gì quan trọng. Vì ông ấy là Đặng Tiểu Bình. Quân đội và phần lớn chính quyển tin rằng ông ấy có thể cứu được đất nước Trung Quốc.

HS: *Và từ ngoài quan sát, tôi thấy rất thú vị khi chứng kiến ông ấy dần bồi đắp quyền lực và cuối cùng lên nắm quyền.*

LQD: Và ông ấy luôn có tinh thần học hỏi.

HS: Ông ấy có tinh thần tiếp thu, đúng thế đấy.

LQD: Ông ấy đến Singapore, nhận thấy hòn đảo nhỏ không có tài nguyên này lại có thể phồn thịnh và dồi dào nguồn hàng hóa. Người dân có tiền có của. Ông ấy quan sát, đặt câu hỏi, và kết luận rằng chúng tôi đã mở cửa nhận đầu tư, từ đó tiếp nhận công nghệ, cách thức quản lý và

nhiều thị trường làm ăn mới. Ông ấy trở về nước, mở sáu đặc khu kinh tế bắt chước theo mô hình Singapore. Mô hình đặc khu kinh tế thành công đã giúp Trung Quốc dẩn mở cửa. Rồi Chu Dung Cơ đưa Trung Quốc gia nhập WTO, mở cửa toàn bộ Trung Quốc, cả đất nước sống lại.

HS: *Lúc đó tôi cũng có nói chuyện với các lãnh đạo Liên Xô vào thời của (Mikhail) Gorbachev, bảo họ hãy làm điều tương tự với những nơi như Odessa, Petersburg, Kaliningrad và vùng dọc theo bờ biển Baltic của Lithuania, nhưng họ không hiểu được vấn đề. Không phải là họ từ chối đề nghị này, chỉ là họ không hiểu được nó.*

LQD: Cũng không phải vì họ không có tẩm nhìn sâu sắc. Chỉ là nơi họ sống là một xã hội khép kín, họ tin vào nền kinh tế kế hoạch hóa và không cởi mở trước những ý tưởng mới. Đặng biết Trung Quốc sẽ không phát triển vì lúc đó họ đang theo mô hình Liên Xô và khi nhìn thấy Singapore, ông thốt lên: “À! Đây mới là cách làm đúng.”

HS: *Có lẽ thời tuổi trẻ ở Pháp của ông ấy cũng giúp ông ấy nhìn nhận đôi chút.*

LQD: Cũng có thể, bởi vì ông ấy đã từng ở Marseille và từng làm việc tại Pháp và Bỉ. Thế nên ông ấy đã trải nghiệm thế giới tư bản, thấy những gì doanh nghiệp tự do đạt

được, để rồi dần mở cửa đất nước mình.

HS: *Tôi nghĩ có thể lấy một câu nói của ông về loài mèo để tả chính ông: Mèo trắng hay mèo đen không quan trọng, quan trọng là bắt được chuột." Toàn bộ con người Đặng Tiểu Bình tóm gọn trong một câu nói đó.*

LQD: Ông ấy là một người vĩ đại vì đã thân chinh đi thị sát miền Nam, tới Quảng Đông. Trước đó tôi có nói với ông ấy: "Các vị có thể làm tốt hơn chúng tôi nhiều, bởi vì chúng tôi chỉ là hậu duệ của những nông dân nghèo ở miền Nam Trung Quốc. Còn các vị có giới trí thức, có các nhà khoa học, các chuyên gia." Ông ấy không đáp lại tôi. Ông chỉ im lặng và ăn tối tiếp. Sau đó, ông ấy đến Quảng Đông và nói: "Chúng ta phải học hỏi từ thế giới, và cụ thể là học hỏi Singapore rồi làm tốt hơn họ." Vậy là ông ấy không quên những gì tôi đã nói. Nhưng tôi không chắc họ có thể làm tốt hơn vì họ không có pháp quyền, không có các thiết chế phân quyền rõ ràng.

HS: *À, thì họ cũng đang dần dần xây dựng pháp quyền.*

LQD: Không phải đâu, cái họ có là luật của nhà lãnh đạo. Những gì người lãnh đạo nói ra chính là luật pháp.

HS: *Tôi không chắc cách thức thực thi luật pháp kiểu này sẽ thắng thế. Họ thừa hưởng nó từ thời phong kiến nhưng hiện tại ở một mức độ nào đó, họ cũng đã xây dựng*

được một hệ thống tư pháp tốt. Khi tôi đến Trung Quốc lần đầu, họ chẳng có người nào làm luật sư bào chữa cả. Bây giờ thì có hàng ngàn. Đất nước này đã đào tạo ra hàng ngàn người đó.

LQD: À, ông ấy có gửi bộ trưởng đến hỏi mượn bộ luật của chúng tôi. Tôi hỏi: "Ông muốn mượn bộ luật của chúng tôi làm gì?" Ông ấy nói họ muốn nghiên cứu chúng và xem có thể áp dụng chúng được không. Tôi bảo họ: "Trước khi các ông lấy chúng, các ông phải có những vị thẩm phán độc lập sẵn sàng tinh thần để đưa ra những phán quyết chống lại chính phủ trong một tranh chấp giữa người dân và chính phủ, rồi sau đó các ông mới có được pháp quyền." Ông ấy bảo: "Không thành vấn đề, ông cứ cho chúng tôi mượn các bộ luật ấy đi." Thế là tôi đã cho ông ấy mượn các bộ luật. Rồi họ dịch chúng sang tiếng Trung. Tôi không nghĩ họ có thể thực thi luật đó bởi vi các quan tòa vẫn còn làm theo ý của lãnh đạo.

HS: Các thẩm phán vẫn làm những gì các nhà lãnh đạo muốn, nhưng trước đẩy các thẩm phán cũng là những người biết quyết định vì họ xuất thân từ quân đội mà ra. Ngày nay các thẩm phán tối cao có thể xuất thân từ các trường đại học. Bây giờ họ có thể đã có nhiều tiến bộ trong ngành tư pháp. Tiện thể đang nói về Đặng, tôi muốn nói rằng theo quan điểm của tôi ông ấy là người

cộng sản số một đã đạt được thành công.

LQD: Không, ông ấy không thực sự là một người cộng sản. Ông ấy là một người thực dụng. Chỉ quan tâm đến những gì hiệu quả. Bất kể là mèo trắng hay mèo đen — đó là phương châm làm việc của ông ấy.

HS: Nhân tiện tôi cũng nói tư tưởng thực dụng của ông ấy chính là thứ kết nối được cả ông và (cựu Ngoại trưởng Mỹ) George Shultz và tôi.

NĐP: Ngày hôm nay đây cả hai ngài có thể nhìn lại cả một chặng đời dài hơn 90 năm và thấy rằng thế giới đã thay đổi. Và sự thay đổi đó diễn ra một phần là do các quyết định và hoạt động chính trị. Khi các ngài so sánh thế giới hiện nay với thế giới 90 năm trước đáy, liệu có gì thay đổi? Có phải chúng ta đang sống trong một thế giới khác hẳn? Chúng ta có đang sống trong một thế giới tốt đẹp hơn?

LQD: Không, nó còn phụ thuộc vào anh định nghĩa thế giới tốt đẹp là gì. Nếu anh là một người châu Âu, một người Pháp chẳng hạn, thì tôi cho rằng anh sẽ cảm thấy mình không sống trong một thế giới tốt đẹp hơn vì có những nước lớn như Trung Quốc đang nổi lên cồn châu Âu đang bị cho ra rìa vì nó không thể thống nhất trong khu vực của mình. Thể nên người Mỹ sẽ chỉ đàm phán với

Trung Quốc, hay như người ta gọi là nhóm G2. Nhưng nếu anh nói rằng thế giới tốt đẹp hơn nghĩa là người dân có cuộc sống tốt đẹp hơn - chẳng hạn như bớt nghèo đói, có thêm nhiều nhà ở, nhiều công ăn việc làm, đủ ăn - thì tôi cho rằng đúng thế, chúng ta đang có một thế giới tốt đẹp hơn. Số người đói ăn giảm đi, ngay cả ở Ấn Độ. Và điều đó không chỉ nhờ vào chính phủ Ấn Độ mà còn nhờ vào công nghệ. Nghiên cứu về lúa gạo ở Philippines giúp họ canh tác đủ gạo nuôi dân. Thế nên quan trọng là định nghĩa thể nào là "thế giới tốt đẹp hơn". Tốt hơn cho ai? Nếu anh hỏi tôi: "Tốt hơn cho người dân ư?" thì tôi đồng ý vì ít người đói ăn hơn, ít người thất nghiệp lớn.

NĐP: Và một thế giới hòa bình hơn nếu ta nhìn rộng ra.

LQD: Đúng thế, và nhờ cả vào việc dùng vũ khí hạt nhân để răn đe nhau nữa. Vũ khí hạt nhân khiển cho các nước lớn không dám gây chiến với nhau. Bất kể Trung Quốc hùng mạnh thế nào, họ cũng không bao giờ tấn công Mỹ hay Nga. Và Pháp cũng có chương trình vũ khí hạt nhân mang tính răn đe (Force de frappe) của mình, có thể chưa lớn mạnh bằng các nước khác nhưng cũng đủ giúp họ đánh trả lại. Còn nếu anh định nghĩa một thế giới tốt đẹp hơn là nơi chúng ta được quản lý tốt hơn thì không hẳn thế đâu, Điều đó còn tùy thuộc vào từng quốc gia.

Tôi có thể nói rằng ở rất nhiều nơi trên thế giới, ở châu Phi, cũng có thể là châu Mỹ Latinh, người ta còn khổ sở hơn trước. Nạn tham nhũng diễn ra khủng khiếp. Và ngay cả ở Ấn Độ, Thủ tướng Manmohan Singh cũng bị tấn công vì ông cứ để cho tham nhũng xảy ra. Nó là vấn nạn cố hữu rồi. Tôi có quyền lực đồng nghĩa với tôi có thể dùng quyền lực để kiếm tiền để sao cho lúc về hưu tôi đã dành dụm được nhiều tiền. Theo nghĩa đó, người Trung Quốc cũng nằm trong thể nguy hiểm vi tình hình tham nhũng đang trở nên rất nghiêm trọng. Không phải ở các cấp tối cao. Những người nắm vị trí lãnh đạo tối cao thì đã có nhà nước chăm lo đời sống. Sau khi Hồ Cẩm Đào nghỉ hưu, ông ấy không phải lo lắng về cuộc sống của mình. Đồ ăn, nơi ở của ông ấy đều được chu cấp đầy đủ. Nhưng còn ở những cấp dưới, các nhà thầu khoán và các quan chức địa phương thông đồng với nhau lấy đất của nông dân, đưa đất đó cho các nhà thầu xây dựng và kiếm tiền, và điều đó dẫn đến nhiều bất bình ở Trung Quốc và cuối cùng sẽ là thách thức cho địa vị của chính phủ Trung Quốc.

NĐP: Ngài nói chung đã dành cả đời mình phục vụ cộng đồng. Không phải 90 năm nhưng cũng đến 50, 60 năm. Khi nhìn lại, liệu nó có xứng đáng với sự hy sinh và công sức ngài bỏ ra hay không?

LQD: A, điều này còn tùy anh nghĩ thế nào về mục đích cuộc sống. Ý lôi là, nếu tôi muốn một đời sống cá nhân hạnh phúc thì tôi cứ vậy mà làm luật sư, làm doanh nhân và ắt hẳn tôi sẽ giàu có hơn bây giờ nhiều. Nhưng tôi không định sống như thế. Trước tình hình đất nước không ổn định, tôi muốn làm cho nó ổn định và tôi hài lòng khi thấy người dân có đủ ăn đủ mặc, có nhà có cửa, con cái được học hành, đầy đủ thuốc men y tế và vui chơi giải trí, đáp ứng mọi yêu cầu cuộc sống. Nhưng bây giờ, vấn đề nằm ở chỗ người dân coi những thứ này là chuyện hiển nhiên và họ tin rằng chúng ta cứ thế bật "chế độ lái tự động" lên vẫn có thể điều hành được đất nước này. Tôi không nghĩ vậy. Tôi nghĩ rằng nếu chính phủ rơi vào tay những người xấu, những lãnh đạo tồi thì nó sẽ dần dần xuống dốc. Không thể nào bật "chế độ lái tự động" lên mà lại có thể bay với vận tốc tối đa được cả.

NĐP: Ngài Schmidt, sáu mươi năm làm chính trị liệu có đáng với công sức ngài bỏ ra không?

HS: Có chứ, nó đáng để hy sinh việc làm giàu.

LQD: Làm lãnh đạo nghĩa là biết chấp nhận người khác sẽ giàu lên nhờ vào cách ta quản lý tốt. Tôi đã từng nói chuyện với bí thư đảng tỉnh Thâm Quyến rằng: "Nếu anh muốn làm lãnh đạo thành công thì đừng nghĩ về bản thân

mình. Anh hãy tạo ra một hệ thống trong đó những người khác có thể kiếm tiền và làm giàu. Còn anh chỉ làm một cán bộ thanh liêm, không thể khá giả.” Không biết ông ấy có nghe theo lời khuyên của tôi không.



TẦM NHÌN CHÂU ÂU

HS: *Tại châu Âu, nêu xét chung hành vi của các chính trị gia ở đây thì cũng có nhiều người nghĩ rằng nền bàn tới chuyện tầm nhìn này nọ nhưng họ không biết rằng có khi phải mất đến ba bốn thế hệ thì họ mới hiểu ra được ý nghĩa của tầm nhìn đó. Tất cả những chiến dịch tranh cử lớn ở châu Âu - năm ngoái là Pháp, năm nay là Đức - đều vẽ ra những viễn cảnh tương lai mà không bao giờ trở thành sự thật.*

LQD: Họ đang cho người dân ăn bánh vẽ.

HS: *Đúng thế. Còn những gì ông đã làm ở quốc gia này không phải là bánh vẽ.*

LQD: Đúng thể, nhưng tôi có được lợi thể của một xã hội gồm nhiều người nhập cư. Một xã hội như vậy rất mềm dẻo, không có lịch sử xa xưa gì nên sẽ không có hận thù gì

giữa các sắc tộc. Tôi cho họ một nền tảng chung là tiếng Anh, là sự cạnh tranh bình đẳng, mọi người được bổ nhiệm theo năng lực bất kể sắc tộc, ngôn ngữ, văn hóa. Điều đó mang lại sự đoàn kết dân tộc.

HS: Liệu điều đó có thể xảy ra mà không có Lý Quang Diệu?

LQD: Người khác cũng có thể làm được, nhưng người lãnh đạo chính là điều kiện tiên quyết đấy.

HS: Không một ai khác, kể cả George Shultz, hay Henry Kissinger hay bản thân tôi, từng gặp phải tình huống như ông.

LQD: Nhưng đó là do ông thừa hưởng một dân tộc có một lịch sử lâu đời.

HS: Đúng là thế nhưng chẳng phải ông cũng thừa hưởng một dân tộc có cả một quá khứ dài sau lưng ư?

LQD: Nhưng ông thấy đấy lịch sử của những người đó nằm ở Trung Quốc, Indonesia, và Ấn Độ. Nên tôi đã bảo họ: "Này, hãy quên quá khứ đó đi." Chúng ta hãy xây dựng nơi này bằng cách nhìn về phía trước, hướng đến tương lai. Nếu cứ ngước nhìn lại quá khứ, chúng ta sẽ thất bại. Vì đã quyết định cắt đứt gốc rễ của mình để tới sống ở Singapore, họ đã quyết phải có cuộc sống thành đạt và đó là sức mạnh giúp những chính sách của tôi phát huy

hiệu quả.

NĐP: Động cơ làm chính trị của ngài bắt đầu từ đâu? Liệu đó có phải từ kinh nghiệm về sự thống trị của thực dân ? Đó có phải là động cơ khiến ngài đi theo chính trị?

LQD: À, những người thực dân Anh về nhiều mặt cũng hiền lành. Họ giáo dục chúng tôi. Tôi hưởng nền giáo dục đó và tôi còn sang Cambridge học. Và họ biết rằng, về lâu dài họ sẽ phải chuyển giao lại quyền lực. Họ muốn tạo ra một tầng lớp có học, một tầng lớp ưu tú, có thiện cảm chứ không thù ghét họ sau khi họ mất đi vùng đất này. Sau 1947, sau khi Anh mất Ấn Độ, tất cả các thuộc địa khác cũng dần biến mất. Ceylon, Miến Điện, Malaya cuối cùng là Singapore. Chúng tôi có lợi thế là đế quốc thực dân Anh đã nhận ra họ đang thất thế, họ nhường bước và rút lui trong hòa bình. Nên chúng tôi không phải chiến đấu chống lại họ gian khổ gì cho lắm. Chúng tôi chỉ đẩy nhẹ cánh cửa là nó đã mở toang.

HS: Cùng lúc đó ông đã nghĩ đến và bàn về các giá trị châu Á chưa hay nóc chỉ nảy ra trong quá trình phát triển nhiều thập kỷ?

LQD: *À,* tôi nghĩ đó là điều gắn liền với chúng tôi từ khi sinh ra, nó có từ bên trong rồi.

HS: Có thể những giá trị đó là bẩm sinh nhưng không phải

ai cũng nhận thức được chúng.

LQD: Đúng vậy, thế nên khi phải vận động người dân, tôi tận dụng tinh thần cộng đồng, đặt cộng đồng lên trước cá nhân để dân chúng nghe theo tôi. Tôi nói với họ: "Mọi người xem này, điều này tốt cho cộng đồng." Các cá nhân có thể phải từ bỏ một số quyền lợi nhưng bù lại cả xã hội sẽ được lợi. Giả dụ mà trước kia tôi được thừa hưởng một xã hội cố định với một lịch sử lâu dài đầy những thù hằn giữa các sắc tộc thi tôi đã không thực hiện được điều này.

HS: Thế ông thấy mình theo Khổng giáo từ khi nào?

LQD: Tôi cũng từng hỏi bản thân câu này và tôi cho là do mình được nuôi dạy trong một gia đình trọng các giá trị Khổng giáo.

HS: Và các giá trị đó vẫn giữ nguyên trong ông kể cả khi ông học ở Cambridge?

LQD: Đúng vậy, tôi cho là những giá trị đó đã theo tôi từ lúc mới sinh. Ở Trung Quốc người ta có câu là: tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Nên điều đầu tiên anh cần làm là phải tu tâm dưỡng tính cho bản thân trước đã, trở thành một con người lịch thiệp. Đó là yêu cầu cơ bản. Mỗi cá nhân nên cố gắng trở thành một con người lịch thiệp.

HS: Còn tôi được nuôi dạy theo Công giáo nhưng rồi lớn lên tôi chẳng còn tin vào điều gì nữa cả.

LQD: À, thì người châu Âu khác với người Mỹ. Người Mỹ vẫn tin rằng...

HS: Hết mực tin. Và tin rất ngây thơ rằng...

LQD: Thế giới này do Chúa trời tạo ra và thuyết tiến hóa là điều nhảm nhí. Tôi nghĩ rằng người châu Âu đã trở nên một chủng tộc với tư duy phức tạp hơn do kết quả của hai cuộc chiến tranh thế giới. Họ đã trải qua những mối hận thù, những hy vọng về một ý tưởng lớn, một kế hoạch táo bạo nhưng tất cả đã chẳng mang lại gì khác ngoài bi kịch. Napoleon đã cố gắng - Hitler đã cố gắng — để thống nhất châu Âu.

HS: *Phần lớn người châu Âu, từ Kent tới Naples, từ Istanbul tới Lisbon, đều được nuôi dạy là người Ki-tô giáo từ gần 2000 năm trước. Mặt khác, trong các chính sách thực tế của họ, họ cũng đã chiến đấu hết cuộc chiến này đến cuộc chiến khác cho dù mọi người đều theo tư tưởng Ki-tô giáo. Họ đã làm ngược lại những gì họ đã được dạy và nằm lòng. Họ là những con người kỳ lạ.*

LQD: Đúng thế, đó là giai đoạn các nước mạnh muốn thống nhất châu Âu.

HS: Không, họ muốn chinh phục châu Âu. Ông đang nói

giảm nhẹ quá đấy.

LQD: Đâu có, giả dụ như Napoleon giành chiến thắng thì giờ hẳn tiếng Pháp đã là ngôn ngữ chung của châu Âu rồi. Còn nếu Hitler giành chiến thắng thì đó sẽ là tiếng Đức. Có thể coi đó là tham vọng của họ. Và nói toạc ra, tham vọng đó là chiếm lấy châu Âu và xây dựng một đế chế. Còn nói một cách hào nhoáng hơn, đó là tư tưởng muốn thống nhất châu Âu.

HS: *Nhưng cơ hội cuối cùng để có thể làm điều đó đã từ 1.200 năm trước đây rồi, dưới thời Charlemagne.*

LQD: Đúng, hoàn toàn đúng.

HS: Còn giờ đây, chỉ so với 20 năm trước thôi, châu Âu cũng đã chia rẽ nhiều hơn thế.

LQD: Tôi tin rằng sự hội nhập của toàn châu Âu đã bị đình trệ bởi những nỗ lực nửa vời của các nước, và điều đó đã tạo ra sự vỡ mộng cho khu vực mà bắt đầu là tù Hy Lạp. Hoặc là anh phải hội nhập hoàn toàn với một ngân hàng chung châu Âu kiếm cục dự trữ và bộ trưởng quốc khố chung, và mọi chi tiêu cho các nước đều phải thông qua ngân hàng này, hoặc là anh sẽ có 27 quốc gia, 27 bộ trưởng tài chính, mỗi người làm một kiểu nhưng lại với một đồng euro duy nhất, thật là chuyện bất khả thi. Làm

sao để thoát khỏi đồng euro đó tôi cũng không biết nữa bởi vì tôi nghĩ rằng nó sẽ gây ra nhiều bất cập.

HS: *Tôi cũng đồng ý đó là chuyện bất khả. Mặt khác, để có luôn một châu Âu thống nhất ngay từ đầu cũng là chuyện bất khả mà điều đó phải được tiến hành từng bước. Chính nhà tư tưởng vĩ đại Jean Monnet đã đưa ra ý tưởng thống nhất tửng bước này, qua từng thế hệ một, và có thể nói điều đó cũng góp phần tạo nên cốt lõi tư tưởng của triết gia Karl Popper. Và cũng không có cách nào khác hơn là thực thi điều đó dần dần. Nhưng làm thế nào mà dần có được một bộ trưởng ngân khố cơ chứ?*

LQD: Đó là chuyên không thể tiến hành từ từ được. Sự chia rẽ giữa các quốc gia rất sâu sắc, mỗi quốc gia lại có một lịch sử riêng, niềm kiêu hãnh riêng về văn học, ngôn ngữ, văn hóa. Giả sử như châu Âu chẳng màng đến tư tưởng về xã hội tự do và quyết định rằng mình sẽ trở thành một dẫn tộc Âu châu duy nhất. Điều đầu tiên họ cần sẽ là một ngôn ngữ chung và lựa chọn hợp lý nhất sẽ dùng tiếng Anh làm ngôn ngữ thứ hai cho tất cả mọi người. Như thể, một người Pháp, một người Đức và một người Séc có thể gặp nhau và nói chuyện bằng tiếng Anh chứ không phải tiếng Đức hay tiếng Séc và tiếng Pháp. Nhưng một thứ ngôn ngữ duy nhất sẽ dần ràng

buộc họ lại với nhau. Có điều, người Pháp sẽ không bao giờ đồng ý với điều đó. Ông thấy đấy, mỗi nước đều cho rằng nền văn học của mình là bất khả xâm phạm, không thể từ bỏ được, trong khi người Mỹ đã đến lục địa mới, tạo ra nền văn học mới với các nhà văn, các học giả vĩ đại viết bằng tiếng Anh. Như thế, châu Âu mắc kẹt trong chính quá khứ và lịch sử của minh.

HS: *Đúng là châu Âu mắc kẹt trong chính lịch sử của nó nhưng tôi không bi quan lắm về người châu Âu giống ông đang lo lắng đâu. Tôi trở về từ chiến tranh và tin rằng người châu Âu phải chung lưng lại với nhau và trở nên một thực thể thống nhất, mà không biết rằng đó chỉ là ảo tưởng. Nhưng lúc đó tôi còn trẻ, mới 26 tuổi. Sau đó, tôi gặp Jean Monnet lần đầu tiên, ông đã giải thích cặn kẽ cho tôi hiểu rằng đây là một quá trình từ từ, từng bước một. Anh không thể một lúc đòi tạo dựng tất cả được, và tôi đã tin vào cách tiếp cận từng bước này cho tới lúc những thay đổi lớn xảy ra những năm 1989-1990 khi chúng tôi đột nhiên gặp phải một chướng ngại lớn. Thật ngỡ ngàng khi thấy các quốc gia được tự do gia nhập Liên minh châu Âu.*

LQD: Đó là một sai lầm.

HS: Đúng thế.

LQD: Thực ra, trước đó đã có một khu vực châu Âu cốt lõi.

HS: Đó đúng là một sai lầm nhưng chúng tôi đâu thể nói với họ: "Đúng là các anh được tự do gia nhập, nhưng chúng tôi không muốn có anh. ”

LQD: Đáng lẽ các ông nên nói: “Khoan đã. Hãy cứ là một thành viên dự thính trước đã rồi chúng ta sẽ quyết định sau. Khu vực cốt lõi phải được củng cố trước.”

HS: *Đúng thế. Khi Jean Monnet khởi xướng việc sáp nhập châu Âu, chúng tôi có sáu nước tham gia. Pháp, Ý, Đức, Bỉ, Hà Lan và Luxembourg — sáu quốc gia.*

LQD: Một nhóm khả thi.

HS: *Một nhóm như vậy dễ hoạt động. Nó cũng có gặp một số khó khăn lớn. Chẳng hạn như vào giữa thập niên 1960, De Gaulle từng cấm các bộ trưởng cửa mình đi dự các cuộc họp Hội đồng, hay còn gọi là chính sách ghế trống của Pháp. Nhưng chúng tôi đã vượt qua được những khó khăn đó và sát cánh bên nhau hơn 20 năm, từ năm 1952 tới đầu năm 1970, chỉ có 6 nước dù Anh quốc cũng có nỗ lực muốn tham gia. De Gaulle nói “không” với người Anh và đểu vậy cũng chẳng ảnh hưởng gì. Nhưng sau đó, trong thập niên 1970, chúng tôi kết nạp thêm ba quốc gia - Anh, Ireland và Đan Mạch*

- mà không hiểu rằng động cơ của người Anh chỉ là chiếm phần bánh chứ không phải hợp sức nướng bánh. Và sau đó trong thập kỷ tiếp theo lại kết nạp tiếp Bồ' Đào Nha, Tây Ban Nha và Hy Lạp. Thế là, chúng tôi có đến 12 quốc gia và 3 quốc gia sau này - Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha và Hy Lạp - được chào đón chỉ bởi vì họ đã tự mình vượt qua được chế độ độc tài phát xít. Và người ta nghĩ rằng ba nước này nên được khen thưởng bằng cách cho làm thành viên của Cộng đồng. Như thế tại thời điểm Hội nghị Maastricht đầu những năm 1990, chúng tôi đã có 12 thành viên. Như vậy cũng vẫn còn kiểm soát được. Chúng tôi đã phạm nhiều sai lầm nhưng mọi việc vẫn trong tầm kiểm soát. Những sai lầm Maastricht là mời thêm nhiều quốc gia khác gia nhập, dẫn đến trong vòng mười năm sau đó, chúng tôi đã mở rộng từ 12 đến 27 quốc gia - hơn cả gấp đôi, không thể nào mà quản lý được. Vài nước rất mừng khi gia nhập được vì họ nghĩ rằng Cộng đồng chung có tiền và họ cũng được lợi kha khá từ đó, còn các nước khác lại nghĩ: "À, bây giờ thì châu Âu chúng ta cũng có vai trò to lớn rồi đây. ” Một số người Pháp vẫn đang suy nghĩ theo cách đó. Vài người Đức cũng vậy. Hiện vẫn còn hy vọng là vào thế kỷ 21, sau 60 mươi năm xây dựng liên minh, chúng tôi sẽ không thất bại. Nhưng tôi không chắc lắm.

LQD: Liên minh quá lớn. Quá lớn và quá khác biệt.

HS: *Đúng thế.*

LQD: Các giai đoạn phát triển kinh tế khác nhau, tầm nhìn về tương lai cũng khác nhau. Nhiều quốc gia gia nhập vì họ muốn hưởng lợi từ liên minh.

NĐP: Chúng ta có thể tranh luận thêm là liệu có công bằng khi nói rằng liên minh mà chúng ta có ngày hôm nay, với tất cả những thiếu sót và sai lầm của nó, thực sự vẫn là một phép màu, một thành tựu lớn trong lịch sử và cũng là nguồn cảm hứng cho các khu vực khác trên thế giới?

LQD: Không, tôi không thấy Liên minh châu Âu cho thể trở thành nguồn cảm hứng cho thế giới. Tôi coi nó như một doanh nghiệp nôn nóng muốn mở rộng và đã thất bại.

NĐP*: Như thế, châu Á không thể học hỏi được điều gì từ sự hội nhập của châu Âu à?*

LQD: Chắc chắn là không. Chúng tôi không thể bê nguyên kiểu hội nhập như vậy vào châu Á được. Chúng tôi người thi theo Ki-tô giáo, người thi không, ngôn ngữ khác nhau, lịch sử cũng khác nhau. Những gì chúng tôi có là một cảm nhận về những lợi ích chung, các khu vực thương mại tự do rồi từ đó mới từ từ hội nhập thêm. Vấn đề ở châu Á là sự thống trị của Trung Quốc. Khi anh nói về tình đoàn kết châu Á, bao gồm Trung Quốc là anh đang

nói về sự đoàn kết của Trung Quốc với phần còn lại của châu Á. Điều đó không thể thay đổi.

NĐP: *Thế nên, các ngài sẽ bắt đầu bằng thương mại tự do?*

LQD: Thương mại tự do và ý thức liên kết với nhau. Chúng tôi không đối đầu nhau. Chúng tôi xoa dịu sự khác biệt, điều này chúng tôi đang làm rồi. Chúng tôi thường xuyên gặp gỡ và thảo luận chứ không đe dọa nhau.

NĐP: Tôi cũng có câu hỏi dành cho ngài Schmidt: Lịch sử của Liên minh châu Âu, hay Cộng đồng châu Âu, là một lịch sử của thất bại và thoái trào và khủng hoảng và...

HS: Và cả thành công nữa.

NĐP: Đứng thế. Cuối cùng, họ đã vượt qua được các cuộc khủng hoảng này và từ trong khủng hoảng vươn lên thành công. Bây giờ người ta cho rằng những khủng hoảng này cũng là cơ hội để mang lại sự thống nhất chính trị - một bước tiến lớn. Liệu có khả năng đó không?

HS: *A, lý thuyết thì đúng là như thế. Còn trong thực tế, anh cần có các nhà lãnh đạo. Anh cần những người lãnh đạo như Harry Lee đây.*

NĐP: Người lãnh đạo đó có thể là (thủ tướng Đức) Angela Merkel?

HS: Không.

NĐP: Còn Đức thì sao? Thủ tướng Ba Lan (Donald Tusk) nói rằng Đức phải đảm đương nhiệm vụ dẫn dắt châu Âu. Đó có phải ý tưởng hay?

LQD: Đức chịu gánh nặng của hai cuộc chiến tranh thế giới và nó vẫn chưa thoát khỏi cảm giác tội lỗi nên cũng không muốn bị coi là áp đặt người khác. Nhưng đó là quốc gia duy nhất ở châu Âu có sự năng động cần thiết để tạo ra một khu vực châu Âu cốt lõi. Nhưng còn chuyện coi Pháp cũng giỏi như Đức thì không ai ngoài châu Âu tin điều đó cả, chỉ có người châu Âu tin thôi. (Cựu Tổng thống Pháp) Nicolas Sarkozy có thể ngang hàng với Merkel, ông Sarkozy ăn to nói lớn hơn Merkel, nhưng Sarkozy của Pháp không thể làm việc giỏi hơn Đức và đó là điều mà thế giới nhận thấy.

HS: *Ấn tượng đó mới có từ thập niên 1990 nhưng nó đã được củng cố thêm trong những năm 2000. Trong những năm 1990, khi nước Đức tái thống nhất, không nghĩ nước này lại có thể đóng vai trò quan trọng như vậy. Không ai ngoại trừ (cựu thủ tướng Anh) Maggie Thatcher, (cựu tổng thống Pháp) Francois Mitterrand và (cựu thủ tướng Ý) Giulio Andreotti. Họ là những con người được đào luyện qua những sự kiện lịch sử. Họ*

hiểu rằng một nước Đức thống nhất ẩn chứa một hiểm họa nào đó và họ phản đối nó, nhưng không thắng được người Mỹ và Gorbachev.

LQD: Đúng thế, nhưng dù có được sự ủng hộ của họ thì điều đó cũng vẫn sẽ xảy ra. Ngay khi Liên Xô mất quyền kiểm soát, Đông Đức không còn nơi nào khác để đi ngoại trừ sáp nhập với Tây Đức. Người dân Đông Đức có thể thấy sự chênh lệch trong tiêu chuẩn sống giữa hai miền. Họ vẫn xem được truyền hình Tây Đức nhưng họ không thể đi từ Đông sang Tây vi bị bức tường ngăn cản. Vậy đâu thể nào ngăn họ sáp nhập được khi đó chính là ý muốn của họ. Tây Đức nỡ lòng nào lại nói: "Không, chúng tôi không muốn có anh"?

HS: *Người Tây Đức không bao giờ có thể nói "Chúng tôi không muốn có anh". Chúng tôi đã muốn họ, nhưng ngay cả khi làm như vậy, chúng tôi không biết rằng rồi mình sẽ trở thành một quốc gia 80 triệu dân.*

LQD: Nhưng các ông đã phải trả một cái giá khá đắt khi hỗ trợ họ.

HS: *Đúng thế chúng tôi đã hỗ trợ và không thành công lắm. Khi nói về cơ sở hạ tầng phía Đông Đức, dù đã được xây dựng lại tốt hơn so với phía Tây Đức nhưng phần cơ sở hạ tầng này lại không thu hút được các hoạt động kinh*

tế xứng tầm với nó. Tất cả các hoạt động kinh tế đều tập trung ở phía Tây chứ không phải ở phía Đông. Tất cả các công ty lớn trước đẩy ở phía Đông đã không hồi phục lại được và những người cộng sản đã buông tay với họ. Tôi vẫn nhớ một xưởng sản xuất mấy ở Marzahn, vùng ngoại ô Berlin. Vào năm 1990 hay 1991 gì đó, chúng tôi xây dựng lại nhà xưởng, trang bị nhiều sảnh lớn, đủ kiểu máy móc thiết bị cần để chế tạo máy và họ đã thuê mướn được khoảng 2.000 người. Đến bây giờ, 170 cái máy họ chế tạo ra vẫn còn nguyên vì máy của họ quá đắt mà lại không đủ tốt. Thực sự là vì cả hai lý do trên. Và xưởng sản xuất này là điển hình của cả nến công nghiệp của Cộng hòa dân chủ Đức cũ. Và khi thống nhất đất nước, tỷ giá hối đoái giữa hai đống tiền cũng không được xác định đúng nữa. Rõ ràng một đồng tiền của chúng tôi phải đổi được ba đồng của họ.

LQD: Nhưng các ông lại đổi ngang giá, một ăn một.

HS: *Và đây là một sai lầm lớn, nổ khiến cho sản phẩm họ sản xuất ra khó bấn vì nó đắt mà lại không tốt, và lúc đó tôi đã chỉ trích việc này. Nhưng mặt khác, lúc đó tôi cũng tin rằng chỉ cần chờ thêm vài thế hệ nữa rồi mọi thứ sẽ ổn thỏa cả. Nhưng mọi chuyện không được như vậy. Đã 20 năm trôi qua rồi, không còn hy vọng sửa đổi gì được*

nữa. Tỷ lệ thất nghiệp ở phía Đổng Đức cao gần gấp đôi so với ở phía Tây Đức.

LQD: Điều đó cũng là vì họ đã được nhồi sọ mớ lý thuyết về kế hoạch hóa tập trung, khiến họ ghê tởm trước ý tưởng về tự do kinh doanh, về các ngành công nghiệp cạnh tranh và việc thành công của người này phải đánh đổi bằng thất bại của người khác. Tư tưởng đó không nằm trong văn hóa của họ. Trong 40, 50 năm người dân Đông Đức đã thấm nhuần tư tưởng rằng nhà nước có thể giúp họ xác định trước những thành công nhất định.



TỪ BIỆT

HS: Tiện thể, hôm qua tôi có kể cho bạn bè rằng sau một cuộc họp mà cả ông với tôi đều tham dự, ông có viết cho tôi một bức thư có câu thế này: "Ông vẫn còn sắc sảo như xưa." Và thực tế là ông vẫn còn sắc sảo lắm.

LQD: Không, tôi giảm khả năng lao động trí óc rồi. Mà phải có nó mới viết lách hàng giờ liền được.

HS: Đúng thế.

LQD: Viết lách đòi hỏi sự tập trung. Nó cần cả sức chịu đựng về thể chất.

HS: Đúng thế. Mặt khác, nó cũng giúp ta sống lâu hơn.

LQD: Cái đó còn phải bàn lại.

HS: Nhưng tôi lại tin thế. Thật đấy.

LQD: Không, nó giữ cho đầu óc tỉnh táo.

HS: *Đứng thế, nó giữ cho đầu óc tỉnh táo, cả thuốc lá cũng thế. Chúng giữ cho tinh thần tỉnh táo, nhưng lại khiến cho toàn bộ cơ thể yếu đi.*

LQD: Đó là một quy luật tự nhiên mà chúng ta không thể phá vỡ. Tất cả mọi người đều phải tuân theo quy luật này.

HS: Đúng thế.

LQD: Bộ gen của chúng ta đã được lập trình để chỉ có thể tồn tại trong một thời gian nhất định, sau khoảng thời gian đó thì các tế bào sẽ không tái sản sinh hợp lý nữa.

HS: *Đây là chuyến thăm cuối cùng của tôi tới khu vực này. Sau này tôi sẽ không đi xa như thế này nữa.*

LQD: Nhưng vẫn tiếp tục hoạt động dài lâu ông bạn nhé. Tôi chúc ông mạnh khỏe và có cuộc sống viên mãn.

HS: *Harry tôi cũng chúc ông vạn sự như ý.*

LQD: Ông cũng thế nhé. Tôi thật vui và vinh hạnh khi được quen biết ông.